



Dòng sông oan nghiệt

Vĩnh An

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương Kết](#)

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 1
Làng Rí



Ngôi làng ấy nằm cuối con đường từ Hoà Vang đi Thạnh Mỹ. Đi được hai phần ba đường, khách theo một con đường đất trải sỏi đỏ đi thêm mười lăm cây số nữa thì tới nơi. Làng này dựa lưng vào một con sông nhỏ ngay chỗ dòng sông uốn khúc thành một gò đất bằng phẳng. Đó là một nhánh nhỏ nhất ở đầu nguồn của dòng sông Vu Gia mà người dân ở làng Rí thường gọi là sông Nghiệt. Từ bên này bờ sông dân làng có thể nhìn thấy ngọn núi xa ẩn hiện sau lớp sương mù hoặc những đám mây thấp.

Làng ấy ngày xưa là nơi đất hoang và người đầu tiên đến khai phá là Lê Thát và vợ con ông, nên ông là người có nhiều đất nhất trong làng. Theo

gia phả mà sau này ông nhờ một nhà nho ghi chép lại thì ông là một hậu duệ của Lê Sát một trong những danh tướng có công khai quốc của Bình Định vương Lê Lợi, từng lên đến chức quan Tư đồ, phụ chính cho vua Thái Tông, sau bị thắt cổ chết vì tội chuyên quyền. Dĩ nhiên trong phả hệ hàng dọc ấy có rất nhiều chỗ trống, nhất là của những thế hệ gần đây được coi là tổ của dòng họ ấy. Dù không có gì bảo đảm nó chính xác, ông luôn tự hào về liệt tổ liệt tông của mình.

Thực tế là năm mười hai tuổi cậu trai Lê Thát đã là một tôi tớ trong nhà của phú hộ họ Nguyễn ở Kiêm Liêu, Ngải Yên được chủ nhân dung nạp để làm việc nhẹ và sai vặt. Ông phú hộ là một người tham công tiếc việc, ông mướn tá điền gia nhân để phụ việc cho ông, còn chính ông là người đốc thúc chỉ huy mọi việc từ việc gieo mạ, việc cày ải, bừa ruộng, xuống mạ bón phân đều do một tay ông chỉ đạo vì ông đã trở thành phú hộ từ đôi bàn tay trắng của một tá điền làm thuê không có đất cắm dùi. Ông có hai bà vợ, người thứ thiếp họ Hà, trước kia là một ả đào. Bà này vừa còn trẻ - có thể gọi ông bằng bố - vừa xinh đẹp, một vẻ đẹp dễ làm say đắm lòng người với đôi mắt mí lót sắc như dao. Ông sử dụng năng lượng thừa sau lao động vất vả cho việc chồng vợ vui vầy, ân ái dĩ nhiên ưu tiên là cho người thứ thiếp, nhưng xem ra không đáp ứng đủ cho khát vọng thể lý cũng như tính đa cảm của bà này, vì ông quê mùa, thô lỗ.

Cách đó ba năm, ông phú hộ đã thỉnh một gia sư về dạy chữ nho cho hai con trai ông và mấy đứa con của các em ông. Ông nói với họ, “Tôi không giúp các chú tiền bạc, nhưng tôi cho con các chú chữ nho còn quý hơn cả một kho tàng.” Từ đó, dù khó khăn đến mức nào họ cũng cắn răng chịu đựng không dám hỏi vay mượn hay xin xỏ ông một đồng vì họ đã chịu nhận một “kho tàng” học vấn cho các con họ từ tay anh cả của họ. Khi gia sư họ Hồ từ Huỳnh Lưu đến dạy học được hơn năm thì thứ thiếp ông mang thai. Ông phú hộ đặt tên cho đứa con mới sinh này là Minh Sách với hy vọng nó sẽ thành danh trên con đường hoạn lộ sau này.

Bên ngoài cái gia tộc ấy, thế giới như thế nào, vua nhà Nguyễn và bọn quan lại đánh Pháp ra sao ông không cần biết đến. Ông cho rằng bọn giặc Pháp cũng giống như giặc cỏ xứ này chỉ ít lâu nữa sẽ bị triều đình tiêu diệt, dĩ nhiên đồng phục của chúng, cách để râu tóc và vũ khí của chúng rất kỳ dị hơn nhiều so với đám giặc cỏ. Và lại bọn giặc ấy có ngoại hình giống như các yêu tinh minh họa trong các truyện cổ Phật giáo và trước sau gì chúng cũng bị diệt trừ. Sở dĩ ông phú hộ suy nghĩ đơn giản như thế vì ông không biết đằng sau những thùng bạch quý ấy là cả một nền văn minh phương Tây, trên bờ bắc Địa Trung Hải không thua kém văn minh Trung Hoa mà ông đang sống có khi còn ưu việt hơn nữa.

Một buổi tối nọ, cậu bé Lê Thát thay cho một tá điền đi canh ruộng sắp đến ngày gặt, mang cơm đến cho gia sư họ Hồ, ở trong một căn nhà tranh nhỏ khá thơm mát trước kia dùng làm nhà kho, cách nhà chính độ chừng năm mươi thước. Lúc đó Hồ gia sư đang chấm bài, ông nhíu đôi lông mày, cau đôi mắt lơ đãng dài tự nhủ, “Thế này thì chữ nghĩa thánh hiền rồi phải tiêu vong thôi.” Ông ngước lên nhìn Thát lúc nó vào nhà, chỉ chỗ cho nó đặt giỏ cơm rồi tiếp tục chấm bài trong lúc nó nói câu chào và ra về. Về được gần nửa quãng đường thì cơn mưa ập xuống. Thay vì chạy tiếp nó lại quay lại chỗ ở của gia sư rón rén bước sang một bên chái nhà bởi sự tò mò vốn có của trẻ con trước việc chấm bài mà nó cho là rất quan trọng.

Ở đây có sẵn một đồng gỗ ván đã cũ mục được xếp ngay ngắn, nó đứng trên đồng ván ấy qua khe hở dưới mái nhà nhìn ông thầy một lúc. Khi đã nhìn chán chê và thấy không có gì thú vị như nó nghĩ, nó định quay về nhưng cơn mưa to vẫn chưa dứt, trời đã tối đen như mực, gió thổi vù vù hất nước vào mặt nó. Ngồi một mình trong bóng đêm nó thấy vừa chán, lại vừa sợ. Một lúc sau, nó nằm dài trên đồng gỗ và như mọi trẻ nhỏ khác nó ngủ quên khi cơn mưa đã tạnh chỉ còn lất phất những giọt nhỏ như bụi phấn. Hình như nó đã ngủ một giấc dài và nằm mộng thấy hai con cáo rất to lông vàng như gấm đang phủ nhau, bỗng nhiên nó giật mình thức dậy vì tiếng rên to của cáo nhưng cũng vì những tiếng động lạ trong nhà.

Nó nhẹ nhàng đứng lên và trong ánh sáng của chiếc đèn con bằng sắt tây nó nhìn thấy trước một cảnh tượng lạ lùng. Trong ánh đèn con tù mù nó thấy gia sư và bà thứ thiếp không có mảnh vải trên người như hai đứa trẻ tắm mưa đang quần thảo. Nó căng mắt nhìn chỉ thấy lơ mờ cái vú bự, cái mông to và lằng của bà và sau cùng cái mông nhỏ của gia sư đang nhấp nhô lên xuống trên người bà thứ thiếp đang giơ hai chân trên lưng gia sư như hai cái càng cua đã luộc chín. Nó nghĩ, “Vậy là Hồ gia sư đấu vật tốt hơn”. Nhưng khi nghe tiếng rên rỉ của cả hai người, nó chợt hiểu ra đây không phải là trò đấu vật, rồi nó nhớ đến hình ảnh hai con chó mắc lẹo hay trâu bò phủ nhau hoặc và nó biết sự gì đang xảy ra. Nó nói, “Bà Đan Hỉ này và thầy Tác kia bậy bạ quá,” và ngồi thụp xuống lại; nó nghĩ mình nằm mơ và còn trong giấc ngủ, nhưng sao giấc mơ này kỳ quái như thế. Trong lúc phân vân giữa mê và tỉnh, nó nghe tiếng bà thứ thiếp kêu lên một tiếng cảm khái của lạc thú lên tận cùng trong đêm thanh vắng, nó cũng không buồn đứng dậy. Sau đó tâm hồn ngây thơ của nó chán chường giữa đêm đen dày đặc và lại ngủ tiếp. Đến khi gà gáy lần đầu, nó lại giật mình thức dậy, lại lên nhìn và thấy bà thứ thiếp rón rén đi ra rất nhanh trong tối như người đã thuộc đường. Lần này nó mới biết mình không nằm mơ lúc ngủ mê. Khi trời bắt đầu rạng sáng nó mới vội vã quay về trước lúc mà một tá điền sẽ đi đánh thức các gia nhân trong nhà ông phú hộ.

Sáng hôm sau mọi việc trở lại bình thường, nhưng nó nhớ lại những câu nói ngắn mà đôi nam nữ nói với nhau trong đêm:

“Em phải giữ đừng có con nữa vì anh muốn dạy học lâu dài ở đây.”

“Anh không muốn dòng dõi họ Hồ đông con nhiều cháu bằng cả dân một nước sao?”

“Thôi một mình thằng Sách đủ rồi, còn con cháu của nó nữa, yên chí đi rồi nó sẽ có vô số cháu ngoan của họ Hồ này ...”

“Ồi ái... sướng quá thầy nó ời...”

Lê Thát chợt nhận ra rằng thằng Sách bề ngoài là con của Nguyễn phú hộ

nhưng là giọt máu của Hồ gia sư. Nhưng nó sẽ không nói với ai chuyện này cũng như chuyện tối hôm qua bởi nó không muốn bị tố cáo ra khỏi nhà ông phú hộ. Cũng có khi nó khó giữ toàn tính mạng nếu một người nào đó trong cuộc nảy ra ác ý giết người diệt khẩu. Tuy nhiên khi thấy bà thứ thiếp ngã ngón, ông ọ đi qua trước mặt nó, nó thấy có gì lờng vờng trong đáy quần, có cái gì đó đang hoạt động. Nó biết mình đã đến tuổi dậy thì và nó nhất quyết tìm cho mình một người vợ.

Dù nó không nói gì nhưng hai năm sau, khi Sách được ba tuổi nó thường nghe vợ các tá điền và mấy bà già thì thầm với nhau chuyện Hồ gia sư dan díu với bà thứ thiếp và Sách là giọt máu của Hồ gia sư nhưng nó vờ không nghe thấy hoặc tuyên bố không tin. Thêm một năm nữa Hồ gia sư khăn gói về lại Huỳnh Lưu. Đám học trò đến thọ giáo một nho sĩ khác trong làng.

Cũng may mà lương tâm không chết: nó có thể chết trong lòng một nhà nho ngạo mạn, một thứ thiếp dâm tà hoặc một thằng bé nghèo không nơi nương tựa nhưng vẫn sống nơi những bà nhà quê chân lấm tay bùn.

Năm mười bảy tuổi Lê Thát tìm được một con gái chịu làm vợ nó, Nguyễn phú hộ cho hai vợ chồng nó ít tiền làm vốn trước khi nó vào Nam đến sông Nguyệt lập nghiệp. Nó coi đồng tiền mà phú hộ cho nó là để trả công việc nó đã biết im lặng trước điều xấu, nhưng nó cũng xấu hổ đã không có đủ dũng khí tố cáo điều tà vạy của Hồ gia sư và bà thứ thiếp. Nó hèn ... nhưng nó tự bào chữa ...như nhiều người khác cũng hèn kể cả những nhà nho, những ông sư vì ở xứ sở này hôm nay người ta chuộng sĩ diện hơn chân lý.

Đến sông Nguyệt, Lê Thát để vợ mới cưới ngồi trên lều đường, đi bộ một vòng giữa cảnh hoang vu bên này bờ sông, không mái nhà, không làn khói lam từ những chỗ nấu nướng bốc lên, khác hẳn với xóm chài xa xa bên kia bờ sông. Rõ ràng bên này thiếu sự sống nhưng Thát thấy phong cảnh có vẻ thanh quang liền chọn đất này để lập nghiệp. Ngay ngày hôm đó Thát đưa vợ quay lại Thanh Mỹ tá túc nơi nhà một bà goá, buổi tối đến nhà một thợ

rèn đặt làm một cái cày do người kéo. Hai ngày sau có cày; Thát vác cày cùng với một thằng nhỏ biết cầm cày mà Thát thuê đi về hướng sông Nguyệt. Vợ Thát ở lại làm bánh nếp ra chợ Thanh Mỹ bán.

Ngày đầu tiên Thát và thằng nhỏ dựng một túp lều. Với gạo mang theo và cá câu cầm từ sông, hai người có thể trụ lại được mười ngày. Ngày thứ hai Thát máng dây cày vào vai mình, còn thằng nhỏ cầm cày, mỗi ngày cày được năm sào đất. Sau mười ngày đã có được năm mẫu đất. Chỉ cần mưa thuận gió hoà, dù năng suất kém vì đường cày không sâu bằng bò kéo nhưng với diện tích của năm mẫu đất thì cuối mùa mưa này Lê Thát có thể đưa vợ về sông Nguyệt. Lúc đó ông đã có trong tay hai mươi mẫu đất bên này và bên kia sông. Ngoài thằng bé cầm cày cho ông sau hai tuần đã trở thành gia nhân đầu tiên, sau này ông còn có thêm ba gia nhân nữa.

Hai vụ mùa đầu tiên thành công vượt quá ý muốn, Thát đưa vợ về sống trong một ngôi nhà tranh vách đất nhưng có đủ ba gian hai chái. Thát nghĩ mình có thể trở thành phú hộ như chủ cũ ở ngoài xứ Ngải Yên. Năm đó vợ Thát có mang và đứa con trai duy nhất được đặt tên là Lê Đối, ý nói ông đã đối phó với mọi khó khăn để khai phá đất hoang thành ruộng. Con ông sẽ không vất vả như ông nữa.

Thế hệ thứ hai Lê Đối lên thay cha trở thành địa chủ ở làng Rí sinh được hai trai và một gái. Trai trưởng là Lê Ngát, trai thứ là Lê Bát và một cô gái út là cô Út Miều.

Khi các con đến tuổi thiếu niên, địa chủ Lê Đối muốn tìm thầy dạy chữ cho các con; đang không biết tìm thầy dạy ở đâu thì một nhà nho trong phong trào Văn Thân bị Tây truy nã tìm đến làng tá túc. Lê Đối yêu cầu ông ta ở lại dạy học cho con mình, ông sẽ cấp cho thầy một mẫu ruộng tốt, cất nhà cho thầy để thầy đưa vợ con thầy về ở chung và chăm sóc cho thầy vì thâm tâm Lê Đối sợ thầy bị mấy cô thợ cấy chọc ghẹo, quấy rầy khi thầy ở một mình. Mấy đứa thợ cấy lằng lơ khi thấy đàn ông lịch sự thì tơm tớp như

mèo thấy mỡ.

Nhà nho họ Trình nhỏ hơn Lê Đồi bảy tuổi rất cảm kích tấm lòng trọng thầy, trọng chữ của ông địa chủ. Thầy Trình đồng ý ở lại vì sau một thời gian chạy trốn ông quyết không theo phong trào Văn thân nữa vì thấy Văn thân với chủ trương bình Tây sát tả nhưng đánh Tây thì ít, giết đạo Tây hơi nhiều, kiểu như giận cá chém thớt. Họ lại có sự nhập nhằng không phân biệt giữa cá và thớt khác nhau. Và lại bảo vệ vương triều lúc này liệu có phải thật sự vì lợi ích của nhân dân không, trong khi nhà các nhà nho Trung Hoa như Tôn Dật Tiên theo tư tưởng của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi đương nhiên chống bạch quỷ thực dân nhưng cũng muốn lật đổ nhà Thanh, coi đó là một trở ngại cho việc canh tân và dân chủ hoá đất nước họ. Các nhà nho Việt Nam chỉ lo bảo vệ vương triều, theo kiểu chúa Trịnh bảo vệ vua Lê vì quyền lợi của dòng họ mình, mà không biết rằng canh tân là cách bảo vệ nhân dân, nhà vua và chính mình tốt nhất như người Nhật đã làm. Nhưng nói cho cùng – và điều này rất tệ hại – họ sẽ bảo vệ tư tưởng bảo thủ lạc hậu của chính họ, một thứ Tống nho hủ lậu, một thứ Lão giáo huyền hoặc và một thứ Phật giáo tiêu cực và điều đáng sợ hơn là họ sẽ hy sinh xương máu của nhân dân để bảo vệ những thứ tư tưởng đó hoặc một phả hệ tương tự. Lúc đó qua báo chí tiếng Tây, thầy Trình vừa biết được phong trào cộng sản ở nước Nga do Lénine lãnh đạo đang chuẩn bị một cuộc khởi loạn để lật đổ Nga hoàng.

Thầy Trình coi việc ở lại sông Nghiệt để dạy học là một thứ thoái ẩn sớm dù chưa tới tuổi già, đứng ra bên ngoài vòng tranh chấp thị phi. Nhưng từ khi ông ta về đây dạy học có thêm những người khác cũng đến cất nhà khai hoang. Làng Rí bắt đầu hình thành từ đó. Trong lúc Lê Đồi vẫn tiếp tục mở rộng ruộng đất của mình gần ba mươi mẫu, chủ yếu bên kia sông Nghiệt vì bên ấy đất tốt hơn.

Một buổi chiều thu trời nhiều mây và không nắng hai người đàn ông trung niên cùng thong thả đi ra gò đất cùi chỗ cách nhà họ một quãng sau một

khúc đường cong: nhân một ngày rỗi việc, phú hộ Lê Đối dẫn Thầy Trình đi tham quan một vòng để coi phong thủy. Lê Đối đã tìm hiểu lịch sử vùng đất này qua lời kể lại của một ngư dân và bây giờ ông có thể thuật lại cho vị gia sư của mình. Trước hết họ đến một ngôi mộ hoang ở phía Tây của gò đất, bia mộ chỉ ghi vồn vẹn có mấy chữ “An táng ngày x, tháng y, năm 1880: dân phụ chi mộ. Theo các ngư dân già cả kể lại đó là thứ thiếp của quan tri huyện Dương Lý tên là Châu Linh thông dân và bị bắt quả tang với người bạn làm tuần vũ một tỉnh mà thân sinh đã từng nuôi dưỡng Dương Lý ăn học thành tài. Tri huyện cho người đóng bè thả trôi sông sau khi đã cắt đứt gân máu ở một cổ tay, tri huyện ấy còn nói, “Thà mất thiếp còn hơn để lỗi nghĩa bằng hữu cùng bạn là ân nhân của ta.” Và lại người bạn này đã đính hôn với em gái tri huyện là Dương Liễu. Dù vậy tri huyện cũng cho lập một đàn cầu siêu vong hồn người đã chết; ít lâu sau tri huyện tìm một cô gái khác ở Hội An về làm thiếp thay cho Châu Linh bị buộc tội là dân phụ.

Khi bè trôi tới khúc quanh sông này, máu vẫn còn chảy đỏ cả dòng sông, vướng vào một nơi đặt vó của xóm chài bên kia sông. Các ngư dân vớt lên thấy một người phụ nữ bị xẻo hai tai và cắt đứt mạch máu đã chết liền quần chiếu chôn trên gò đồng thời có mấy chữ để ghi nhớ. Có bà cụ trong làng chài con của một thầy lang đã đi xem xác chết còn nói lúc chết Châu Linh đã mang thai ba tháng. Thầy Trình nghe kể xong bùi ngùi khôn xiết. Quả là hồng nhan bạc phận. Sau đó Lê Đối dẫn Thầy Trình đến một ngôi mộ vô chủ phía tây, bia mộ đề “An táng ngày x tháng y năm 1890: tửu nhân chi mộ.” Đây cũng là một người chết trước khi bị bỏ vào rọ cho trôi sông, người ta đã cho người chết uống rượu đến nhão người, đánh vào đầu chỗ tử huyết và đặt vào rọ bên cạnh người chết một vỏ chai rượu tây. Xác chết cũng được ngư dân vớt lên chôn cất nơi này.

Nghe xong Thầy Trình mồ hôi vã ra như tắm, ngồi bệt xuống một tảng đá thờ dốc. Sự việc này ông có biết. Người chết chính là con trai một nhà nho văn thân bạn ông. Hôm ấy sau khi đoàn người gồm một số Văn thân trong

đó có Thầy Trình và dân trong một làng người lương kéo nhau đốt phá giết chóc một làng công giáo, đúng hơn một họ lẻ với khoảng ba mươi nóc nhà. Làng này bị đốt cháy hầu hết, những kẻ chậm chân bị sát hại. Rồi đoàn người tấn công và bách hại giáo dân kéo nhau ra về “thắng lợi”. Thằng Tuấn Cải con trai bạn ông nhặt được một chai rượu Tây trong một căn nhà bị đốt.

Bởi tuổi trẻ nông nổi cạn suy, ngày hôm sau nó đem chai rượu ra mời bạn bè trong xóm cùng đánh chén để mừng đã xoá sổ một làng công giáo bằng ngọn lửa căm hờn. Việc này đến tai trưởng lão văn thân trong làng cũng là bác ruột của Tuấn Cải. Người bác liền mở phiên họp để buộc tội Cải và đám thanh niên đã uống phải “rượu quý” của bọn người làm bại hoại gia phong và phép nước. Các văn thân trong làng còn cho rằng rượu trong chai đó được cất bằng máu của trẻ sơ sinh, nên nhân danh luật vua phép nước và phép nhà kết tội Cải bị bỏ rọ trôi sông, các thanh niên khác bị gia trưởng đánh năm mươi roi bỏ đói ba ngày để làm gương và duy trì khuôn phép. Lúc đó Thầy Trình cũng có mặt trong buổi họp nhưng trước sau ông làm thinh không nói. Bây giờ ông mới thấy mình hèn không dám lên tiếng bênh vực nạn nhân của một đám cuồng nộ.

Trình ơi, mi hèn quá! Kiểu này sẽ có thêm nhiều người phải bị hy sinh oan uổng để chứng minh một nhân sinh quan hoặc một ý thức hệ là đúng trong khi chúng chưa một ngày đem lại hạnh phúc cho người dân. Cùng lắm nó chỉ vuốt ve tự ái của một tập thể đầu óc hẹp hòi. Trình ơi, mi càng hèn hơn khi mi tin vào những gì bọn cuồng nộ trao đổi với nhau (như thánh phán) những lúc nhàn rỗi. Nào là bọn Bạch Quỷ không văn minh gì cả mà chỉ là bọn mọi rợ, nào là chỉ nước Trung Hoa là văn minh và ta là học trò giỏi của Thiên triều. Này nhé chính Trung Hoa đã tìm ra la bàn, nghề làm giấy, nghề in ấn, thuốc súng và cũng đã phát minh ra y thuật, đã chế tạo được máy hơi nước, máy nổ, máy bay. Chẳng phải phép đăng vân của Tôn Ngộ Không là đi một máy bay vô hình sao (!) Còn bảy mươi một phép khác nữa ... Chỉ vì không muốn lòng người hoá thành cơ tâm, thành máy móc nên chế xong

rồi bỏ. Nay bọn bạch quỷ lấy những phát minh ấy làm những điều bại hoại, chắc chắn Trung Hoa sẽ khai thác lại những bí truyền và một ngày không xa sẽ đánh đuổi bọn bạch quỷ và bắt thế giới phải khuất phục. Khi ấy thiên hạ này sẽ chỉ biết một điều là “nhất Tàu, nhì An-nam” mà thôi.

Lúc đó Lê Đối đến gần hỏi gia sư trẻ tuổi:

“Thầy trúng gió à?”

“Không, nhưng tôi bỗng thấy trong người không khỏe... hay ta về thôi.”

“Thầy cố một tí đi, ta chỉ còn một ‘kỳ quan’ sau cùng, xem xong hãy về.”

“Vâng nếu vậy thì tôi cố được.” Thầy Trình gượng cười nói.

Trong lúc tiếp tục đi trước, Lê Đối còn nói người dân gọi tắt hai ngôi mộ đó là Mộ dâm và Mộ rọ. Rồi họ đến một tảng đá to bằng một chiếc thuyền to lật úp, hai đầu túm lại không đều nhau, giữa có một đường nứt mấy phân chia tảng đá ra làm hai phần bằng nhau và từ lâu người dân làng chài gọi là “Đá Tôn Lưu trăm thạch” ám chỉ việc Lưu Bị qua Giang Tả cầu hôn Tôn Phu nhân bị người anh là Tôn Quyền thách chém đá rêu phong trong vườn ngự uyển. Lúc đó Lê Đối mỉm cười nói:

“Có mấy ông lão làng chài còn chú thích dài dòng như sau: mấy bà già trong làng này, người nào cũng có một đá Tôn-Lưu trăm thạch thu nhỏ khô khốc ở giữa háng, đi đâu cũng mang theo...”

Trình gia sư vừa méo miệng cười vừa ngăm nghía tảng đá cô đơn đậm bóng trong nắng chiều đã nhạt, coi hướng của nó rồi thở dài chán nản nói với Lê Đối:

“Xem ra những ‘di tích’ này đều xấu cả, gái thì dâm bôn, trai thì rượu chè, người phụ nữ lớn tuổi thì không đoan chính sẽ di hại vào tâm thức tiềm ẩn của người dân. Tôi sẽ tìm cách sửa chữa những ảnh hưởng của nó, lúc đó tôi sẽ gặp ông sau. Bây giờ tôi xin phép ông về trước.”

Đi được nửa quãng đường về, Thầy Trình bỗng nhiên cảm thấy lòng nặng một nỗi buồn, ông ngồi xuống một tảng đá mồ côi to bằng một cái phản nhỏ và suy nghĩ. Ông còn nhớ vẻ mặt vừa kinh hoàng vừa ngơ ngác của

Tuấn Cải trước phán quyết tàn nhẫn xử tử nó. Nó không hiểu tại sao bỗng chốc nó trở thành nạn nhân của mối căm thù vô lý giữa hai cộng đồng lương-giáo. Hình như sự thù hận, ganh ghét là “di căn” để lại cho dân từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Thầy Trình có mặt lúc ấy cũng cảm nhận một nỗi sợ hãi trước việc hy sinh một con người cho một xác tín không chắc đã đúng vì đó chỉ là xác tín của một nhóm nhỏ các nhà nho đang theo đòi cử nghiệp. Chỉ cần họ suy nghĩ khác đi, ra khỏi cái khuôn phép cứng ngắt vụ lợi của tập thể họ hẳn sự việc phải khác.

Thầy còn nhớ những lời vị trưởng lão ấy nói để kết thúc buổi luận tội và nhường chỗ cho ban thi hành án làm việc:

“Phải làm thế thôi dù phán quyết này có dữ dội và khắc nghiệt. Tiền nhân ta cũng đã làm thế trong một nghìn năm bị phương Bắc đô hộ. Nên chi sau một nghìn năm “Ta vẫn là Ta” như trước đó một nghìn năm nghĩa là vẫn giữ bản sắc dân tộc của mình.”

Trên đường về, Thầy Trình đã khúm núm đến gần hỏi vị trưởng lão:

“Vậy đạo nho mà Sĩ Nhiếp dạy cho dân ta là của người Tàu hay của người nước Nam?”

Vị trưởng lão đáp lại một điều sai bét mà ông ta tin chắc là chân lý:

“Của người nước Nam, nên Nho giáo phải gọi là Việt Nho. Khổng tử quê ở Sơn Đông nhưng gốc tích ở miền Nam. Vì thế nên tôi mới nói “Ta vẫn là ta” thế mà chú không hiểu.”

“Dạ em còn kém cỏi lắm.” Thầy Trình nói rồi rút lui, lắc đầu ngao ngán.

Sau cùng thằng Tuấn Cải cũng cúi đầu chịu chết, nó không nói được lời nào như một người chấp nhận số phận nghiệt ngã dành sẵn cho mình mà không hiểu tại sao. Sự chấp nhận trong sợ hãi ấy chẳng phải là “tập quán” đã có từ bao đời nay của đám lê dân vô tội lọt vào giữa cuộc chiến tranh cát cứ của chúa Trịnh và chúa Nguyễn hay sao? Họ sinh ra trong khó nghèo, sống sợ hãi để chết sợ hãi cho tham vọng của hai dòng họ. Khái niệm dân tộc đã bị hai dòng họ ấy thay thế bởi khái niệm con dân. Và nếu đã là con và bị cha xử chết, họ phải chết để được là con dân hiếu thảo đối với hai dòng họ đó.

Rồi đây nếu có một dòng họ khác ví dụ như họ Cáo, họ Mao, họ Xít... làm mất họ mù loà và bắt họ phải chết họ cũng sẵn sàng chết với lời hô to, “Cáo thánh thượng vạn tuế !!!” hoặc “Mao/Xít thánh thượng vạn tuế!!!”

Thầy Trình tưởng mình về ngôi làng xa xôi hẻo lánh này để tránh một nỗi dằn vò trong tâm trí nhưng giờ đây lại phải đối mặt với ngôi mộ hoang của Tuấn Cải, nghĩa là đối mặt với nỗi dằn vò mà ông đã trốn tránh. Đã lâu rồi ông không còn mượn rượu giải sầu nhưng lúc này ông nghĩ mình phải vào quán bà Tư Phi uống cho thật say. Ông lặn lưng quần lấy ra một đồng xu trong khi đứng dậy khỏi tảng đá. Đồng xu tuột khỏi tay ông lăn dài trên mặt đường đất như một cái bánh xe nhỏ xíu, ông nhìn theo cái bóng mờ của nó đến lúc có một bàn chân của khách bộ hành nào đó giẫm lên và ngừng lại; bàn chân trần to mỹ miều của người khách lạ không dính một hạt bụi đường giữ chặt đồng xu nằm yên bên dưới. Trịnh gia sư kêu lên với khách lạ:

“Đồng xu kẽm của tôi dưới chân ông, xin ông trả lại.”

Người lạ cúi xuống lấy và đưa cho Trịnh gia sư một đồng tiền, ông này nói:

“Không phải đồng này... Đây là một đồng tiền vàng mà.”

“Không còn đồng nào cả... ông cứ cầm lấy đồng tiền này đổi ra đồng xu kẽm, lấy phần của ông rồi còn thừa bao nhiêu ông bố thí cho người nghèo và người bệnh, và lại tôi không muốn ông dùng tiền này đi uống rượu để giải buồn dù nỗi buồn của ông có vẻ chính đáng.”

Lúc đó Trịnh gia sư nhìn kỹ người lạ, một thanh niên tóc xoả dợn sóng, từng sợi tóc óng ả như sợi kim tuyến. Người lạ to đẹp mắt sáng như sao, mũi và miệng thanh tú, ăn mặc gọn gàng với cái thắt lưng bằng da dê to bản, quần quần xà cạp nhưng không mang giày, dép. Thầy Trình ngạc nhiên hỏi:

“Ông là ai lại biết tâm sự thầm kín của tôi?”

“Tôi là một thiên thần, tôi đi thăm phần mộ của một người anh em trên đường về tình cờ được gặp ông.”

Thầy Trình giật mình khi nghe hai tiếng “thiên thần”, ông nghĩ mình nghe

lộn. Dù vậy lúc ấy hai người đã ngồi xuống tảng đá như để bắt đầu một câu chuyện khi màn đêm đã buông xuống và ánh trăng mười bốn cũng đã nhô lên khỏi chân trời. Rồi thiên thần nói tiếp:

“Lần nào linh hồn của ông ấy cũng hỏi tôi một câu: ‘Dân xứ này đã có vua tốt làm gương sáng để biết yêu mến sự lành thánh và thực hành lòng thương xót chưa?’”

“Ông nói láo,” Thầy Trình hét to, “Dân này nhờ có vua quan giáo huấn và làm gương sáng nên họ luôn sống từ bi, hỉ xả và nhân ái với mọi người.”

“À, ông nói thế thì tôi phải nói thêm chính Thái tổ Cao Hoàng Đế Gia Long đã lấy oán trả ân cho người anh em của tôi và luôn giết hại những người em hèn mọn của ông ấy...” Cáp Thả Nhiên, tên của thiên thần, đáp.

“Ông ấy là ai mà có bày em ở đây?” Thầy Trình hỏi.

“Ông biết mà, người anh em của tôi là Đức Giám mục Bá Đa Lộc đã tận tình giúp Nguyễn Phúc Ánh làm nên nghiệp lớn nhưng sau đó, ông đã bị nhà vua bội ước còn ngăm cho con cháu ông ta là Minh Mạng, Tự Đức sát hại những đồng đạo của ân nhân mình nghĩa là lấy oán trả ân, và từ khi bọn thực dân Pháp sang xâm lăng nước này, quan lại và văn thân đã tiếp tục bách hại họ với khẩu hiệu bình Tây sát Tả...” rồi khách lạ thở dài nói tiếp, “Từ đó đến nay không một người nào trong hoàng tộc nhà Nguyễn thả cho ông ấy được một nén hương trước phần mộ ...”

“Vậy theo ông, vua Gia Long phải đối xử với Bá Đa Lộc như thế nào?” Thầy Trình gằn giọng hỏi.

“Đúng theo lời nhà vua đã hứa với vị ân nhân...” Cáp Thả Nhiên đáp.

“Như vậy hẳn nhà vua sẽ không đủ sức chịu nổi gánh nặng ân nghĩa mà nhà vua đã mang vì ngoài Bá Đa Lộc nhà vua còn phải mang ơn hàng ngàn chiến sĩ trận vong đã hy sinh đời sống họ thậm chí gia đình họ cho nhà Nguyễn trở thành bá chủ, nghĩa là trăm họ đã hy sinh cho một họ... Thế nên nhà vua đặt gánh nặng ấy vào chỗ khác. Ví dụ như có những Phật tử nịnh thần đã nói với vua, ‘Thánh thượng không mang ơn họ, trái lại, họ và cả Bá Đa Lộc mang nợ ngài kiếp trước nên kiếp này họ phải trả nợ. Và trả như thế vẫn là chưa đủ. Vậy nên Thánh Thượng không cần giữ lời với ông thầy tu đó mà chỉ cần đối xử tốt với ông ta để khuyến khích bề tôi ngài trung tín

lập công cho ngài...”

“À ra thế,” Cáp Thả Nhiên nói, “Nên sau cùng để cho dễ xử sự, nhà vua đã đổi xử với Bá Đa Lộc như một con dân của ông ta. Nhà vua cố tình quên đi lời hứa với một đại diện của Giáo Hội mà chỉ đãi Bá Đa Lộc như một bề tôi có công thể thôi, và lại bốn phận của con dân hoặc bề tôi là chết cho chúa Nguyễn hoặc chúa Trịnh một cách ‘nhưng-không’ và phải lấy đó làm sự hãnh diện đã phục vụ cho cái được gọi là mệnh trời nào đó rất phi lý...”

“Ông nói ‘nhưng-không’ nghĩa là làm sao?”

“Là miễn phí hoặc cho không đấy. Ví dụ tôi lột cái khăn đóng và cái áo dài của ông nhưng ông không đòi lại cũng không đòi tiền là nhưng-không. Và khi đã xử Bá Đa Lộc như thế thì nhà Nguyễn và đám bề tôi nịnh hót coi việc sát tả là chuyện khả thi, không hề làm lương tâm nhà vua áy náy.”

“Ông lại nói đến ‘Bình Tây sát tả’ rồi, nhưng tôi hỏi ông ‘Bình Tây’ có gì sai nào...?” Thầy Trình thách thức.

“Nhưng liệu ‘sát Tả’ có đúng không, hay là các ông chỉ giận cá chém thớt và lấy đó làm một cái cớ để vua quan các ông biện minh cho sự vong ân của vị vua khai quốc. Linh hồn của các giáo dân vô tội bị cố tình đồng hóa với thực dân xâm lược, bị bách hại và thảm sát chỉ để trả thù bọn thực dân, đang kêu gào mỗi ngày trên Thiên đàng trước mặt Đấng Tối Cao cho con cháu họ. Và những khi tôi đến triều bái Đấng Chí Ái ấy, tôi thấy Lữ Sĩ Phê (quỷ Lucifer) luôn có mặt và cảm râm, thách thức Người: ‘Kế hoạch yêu thương của Ngài đã thất bại rồi, chẳng phải Bá Đa Lộc mà linh hồn đang ở trước mặt Ngài đây, ngày ấy đã chết trong nỗi sầu bi và ông ấy còn sầu bi mãi bao lâu bấy em nhỏ dưới thế của ông ấy còn bị bách hại?... Ngài hãy cho phép tôi dẹp bỏ luật yêu thương của Ngài để lấy luật sắt máu của tôi mà thống lĩnh họ..’ Thế đấy, một vực thẳm kinh hoàng đang ở ngay trước mắt các người và nếu các người không thay đổi thì không biết lúc nào tai họa sẽ ập xuống các người. Phần tôi, tôi đã thấy từ xa một bầu hồ-lang là những đứa con của sự tàn bạo và dối trá từ trong rừng sâu phương Bắc đang chạy ra để vồ lấy dân này cắn xé.”

“Tôi không thấy Bình Tây Sát Tả có gì là sai cả, vấn đề là cách hành động nào sẽ theo đúng chính nghĩa...” Trịnh gia sư cường lý nói.

“Sai là khi gán hai công việc một đúng, một sai ấy lại với nhau. Khẩu hiệu ấy tỏ rõ lòng thù hận người có đạo như kẻ thù đã trở thành một lời nguyên cho các nhà nho bảo thủ, từ chối mọi sự canh tân. Và khẩu hiệu ấy dường như cũng sẽ trở thành định hướng mặc nhiên cho hầu hết các phong trào chống Pháp. Định hướng ấy sẽ khiến một nhóm trong số đó – từ xa tôi đã thấy thấp thoáng lá cờ máu của họ -- biết che giấu dã tâm dưới chiêu bài yêu nước sẽ quy phục một phả hệ xấu xa. Nếu coi phả hệ ấy như con rắn độc thì nhóm này sẽ công rắn cắn gà tây, đồng thời cũng cắn luôn gà nhà. Họ đẩy các người vào chỗ chết và làm khổ các người.

“Tôi cũng thấy trước một chí sĩ họ Ngô cố gắng xoá bỏ lời nguyên ấy, đem trở về dân tộc những người con Chúa và nói chung mọi lê dân bị các chính quyền bất lương và độc ác đó nhân danh dân tộc loại trừ họ, nhưng rồi ông ấy sẽ bị chết thảm để những kẻ theo luật sắt máu của Lữ Sĩ Phê thẳng thế và thống trị dân này cho đến khi...”

Nói đến đây, thiên thần bỏ lưng đứng dậy rồi trong tiếng thở dài:

“Tôi phải đi về thôi, sáng mai tôi phải triều yết Đấng Tối Cao và trình bày lại mọi chuyện dưới thế gian lên Người...”

“Ông có thể nói tôi biết cho đến khi nào không?”

“Không, Thiên cơ bất khả lậu (cơ Trời không thể tiết lộ được). Tôi chỉ khuyên các ông một điều là hãy ăn năn và hoán cải, trước hết là những kẻ trong nhóm bất lương và độc ác, nếu bây giờ hoán cải vẫn còn kịp, sau này e muộn mất. Đất nước này sẽ như cái cây mà ở gốc cây đã đặt sẵn cây rìu chờ đến giờ để đốn ngã”

“Xin thiên thần cho biết quý danh.” Thầy Trình hỏi, trong lòng rất hoang mang.

“À tên ta có ghi trong sách thánh, tên ta là Cáp Thả Nhiên (Thánh Gabriel). Ông hãy bảo trọng.”

Nói xong, thánh thiên thần nhẹ nhàng cất mình khỏi mặt đất như thể ngài có một đôi cánh to vô hình. Thiên thần từ từ bay lên và biến mất sau một đám mây đang trôi qua trong bầu trời phía trên đầu họ, làm trời tối lại vì tạm thời che khuất ánh trăng.

Khi Cáp Thả Nhiên bay đi rồi, Thầy Trình không buồn đứng dậy ông cúi

đầu xuống và ông hờn giận. Ông hờn giận ông Trời đủ thứ: bắt đầu từ việc để cho Trịnh Nguyễn có quá nhiều tham vọng, phân tranh cát cứ, làm đất nước suy yếu dân tình bạc nhược, rồi ông giận vua Gia Long, giận giới sĩ phu, và giận cả thiên thần Cáp Thả Nhiên đã tiên tri điều xấu. Sau cùng ông giận chính ông làm một con người ở một nước có bốn ngàn năm văn hiến mà ông ngờ rằng đã đem ra phá tán hết nên đã thua xa một nước Hoa Kỳ chỉ mới được hai trăm năm lập quốc. Ông nghĩ mình đáng ghét, một văn thân vô dụng.

Khi người nhà đốt đuốc tìm ông, họ thấy ông đang ôm tảng đá nói lắm nhảm như mất hồn, nước mắt của ông đọng thành một chỗ ướt trên tảng đá, một bàn tay ông cầm chặt một đồng tiền vàng. Họ khiêng ông về nhà chạy chữa thuốc men mười ngày sau mới khoẻ lại. Vị lương y nói ông bị trúng gió và sắp biến chứng thành thương hàn. Khi đồng tiền vàng dùng để thuốc thang còn lại đúng một đồng xu kẽm thì Thầy Trình hết bệnh.

Trong thời gian bị bệnh ông thường hay thấy ác mộng. Một hôm ông đang nằm mơ màng bỗng hét to vì ông thấy một đàn chó sói (lang) dẫn đầu là một con cáo già (hồ) đuổi theo ông và nhiều người khác. Chúng đã cắn vào mạch máu cổ của cả trăm người làm họ chết ngay sau đó. Chỗ vết cắn máu và bọt khí như bong bóng trào ra. Trước lúc chúng vồ được ông, ông đã kịp thời nhảy xuống một hồ nước sâu. Khi bầy hồ lang đi mất ông ngoi lên khỏi mặt nước thấy máu người theo vách núi rỉ xuống, làm đỏ một góc hồ.

Các học trò ông được nghỉ học mười ngày nhưng chúng không thấy thú vị vì lúc đó là mùa gặt là mùa bận rộn của nhà nông. Chúng phải dùng thời gian nghỉ để giúp việc đồng áng như theo xe bò ra ruộng đưa lúa về nhà và đổ vào bồ lúa để sau đó được phơi và giã, kể đó chuẩn bị thóc giống cho mùa sau. Mười ngày đó, chúng không thể tranh thủ đi tắm sông, đi câu cá hoặc vui thú với những trò chơi khác như đánh đu, chơi bi, nhảy lò cò ...

Nửa tháng sau, lúc ấy còn hai tháng nữa là ngày tết sau một vụ mùa bội thu. Thầy Trình đến gặp Lê Đối, đúng lúc gia đình phú hộ đang chuẩn bị cho

con trai Lê Bát tháng sau cưới vợ. Ông Trình nói:

“Hôm trước tôi có nói với ông về những điềm gở của hai ngôi mộ và tảng đá ‘Tôn Lưu trăm thạch’ và tôi đã suy nghĩ để tìm cách dùng khoa phong thủy hoá giải những cái xấu của chúng, tránh cho gái làng này không trở thành dâm bôn, trai làng này không say sưa ngốc nghếch. Dù không diệt trừ ảnh hưởng của chúng hoàn toàn thì chí ít cũng làm cho ảnh hưởng ấy trở nên tối thiểu.”

“Thế Thầy Trình đã có cách gì?”

“Tôi phải nói trước chúng ta phải tốn kém chút đỉnh nhưng phần lợi ích là của cả làng trong đó ông là người được nhiều nhất.”

“Việc tốn kém không hề gì miễn là thầy có cách sửa sai những điều bất lợi trong địa lý vùng này để nhân tâm được thuần hậu.”

“Vâng, nếu lòng người không thuần lương thì hậu quả khó lường. Vả lại tôi đã được thần nhân báo mộng khi trúng gió ở dọc đường (thầy Trình không nói ‘hiện ra’ mà nói ‘báo mộng’ vì thầy không chắc hiện ra là có thật) rằng nếu dân này không hoá giải, một bầu hồ lang trong rừng già sẽ chạy ra cắn xé và giết hại họ không chút xót thương.”

“Thế ư, vậy thầy thử nói cách thầy dùng khoa phong thủy để sửa sai địa lý xấu như thế nào rồi ngày mai ta tiến hành làm luôn trước ngày tôi tổ chức đám cưới cho con trai thứ của tôi là thằng Lê Bát.”

Thầy Trình ngừng lại một lúc rồi với một giọng đều đều ông đưa ra kế hoạch của ông từng điểm một. Lê Đối gật gù tán thành rồi cả hai nhất trí mọi việc phải hoàn tất trong vòng mười ngày.

Hai ngày sau Lê Đối mời thầy cúng đến làm lễ giải oan cho hai vong hồn Châu Linh và Tuấn Cải, sau đó lập lại mộ chí với tên gọi mới: Nho sinh Trần Tuấn Cải và Châu Phu nhân, bên dưới bia mộ có ghi rõ Lê Đối cải táng và từ đó người dân ở đó không còn gọi là ‘mộ dâm’ và ‘mộ rọ’ nữa. Sau một thế hệ, dân làng gọi đó là ‘mộ nho sinh’ và ‘mộ phu nhân’. Phần tảng đá ‘Tôn Lưu trăm thạch’, Thầy Trình và Lê Đối cho xây một trụ tròn thẳng theo đường nứt cách tảng đá hai mét. Trụ này là một thứ linga, trên đầu túm lại thành một bán cầu ở giữa chạy một đường chỉ thẳng, một đầu chỉ loe ra thành hình chữ V. Dưới chân trụ để hai tảng đá tròn to (là hai viên

ngọc hành). Thầy Trình giải thích:

“Cô âm hay cô dương đều không tốt nên phải bổ sung cho ‘đá Tôn-Lưu’ bằng trụ này tượng trưng cho dương vật. Ngày xưa Mã Viện cho dựng trụ đồng cũng không ngoài ý đó muốn chứng tỏ thiên triều là dương cương trấn áp âm loạn ở phương Nam. Nhưng khi dân mình lấy đá lấp trụ đồng có dụng ý triệt phá dương cương ấy tỏ rõ tinh thần tự chủ...” rồi gia sư nói tiếp, “Sau khi trụ xây xong ta mời thầy pháp đến làm phép cho âm dương hoà hợp; mỗi năm chọn theo lịch một ngày tối sáng dài bằng nhau lập lại nghi thức ‘âm dương hoà hợp’ ấy, làng mình mới ổn định thuần phát.”

“Hôm nay tôi mới biết người Tàu ngạo mạn đã coi nước ta như ‘cái đồ’ của phụ nữ.” Lê Đối nhăn mặt nói.

“Ông dùng chữ đúng đấy... Ngày xưa có một nữ sĩ giả làm cô lái đò để đón sứ giả của Tàu... Thấy cô lái đò xinh đẹp và có học thức, sứ giả ra câu đố thách thức: Nam bang nhất thốn thổ bất tri kỷ nhân canh? nghĩa là ‘Một tấc đất nước Nam, không biết có mấy người cày?’ cô lái đò liền đối lại Bắc quốc đại trượng phu giai do thử đồ xuất nghĩa là ‘Đại trượng phu nước Trung Hoa là do cái đồ đó mà ra.’ Cái đồ mà ông vừa mới nói.”

“Hay quá! Nữ sĩ ấy đúng là một nhà ái quốc đã tôn cao sĩ diện quốc gia...” Lê Đối xuýt xoa nói.

“Nhưng câu chuyện chưa hết về phía người Tàu. Khi về lại kinh đô Trung quốc, vị sứ giả ấy bị các quan trong triều hạch hỏi, chê bai ăn nói tục tĩu không giữ tư cách một sứ giả. Ông ta cười nói mình bị hiểu lầm, vả lại đó là một thắng lợi của ông ta. Ông ta liền giải thích bằng cách thêm vào chữ như mà ông ta hiểu ngầm khi ra câu đối. Câu ứng tác mà ông đưa ra được giải thích thành Nam bang như nhất thốn thổ...(Nam bang nhỏ như nhất thốn thổ) ... chứng tỏ câu này rất nghiêm chỉnh, trong sáng, khoáng đạt không hề có ý tục vì đối tượng mà ông suy nghĩ là nước Nam nhỏ bé được ví như một tấc đất thế thôi, tuy nhỏ nhưng cần có Hán dân đến đó canh tác. Nhưng người đối lại hiểu ra nhỏ hẹp, chủ quan và khinh suất theo cách sở hữu (Nam bang chỉ nhất thốn thổ) lại còn theo nghĩa thô tục coi mình là đối tượng được nhắm đến, như thế là tỏ thái độ gây hấn và vô tình hạ giá trị của Nam bang vì làm thế ả đã đặt cái “động vô nhai” của ả cùng chỗ với

Nam bang để cùng lúc khoe khoang hai thứ. Nhưng dù vậy trong câu đáp lại ấy, ả lái đò vẫn nói lên sự trân trọng của mình đối với người mà ả tưởng có ý chọc ghẹo ả: ả chỉ muốn hạ sinh cho Bắc quốc những đại trượng phu để kế thừa đại nghiệp thiên triều. Và ước-mơ-đèo-bông này của ả là một khát vọng chính đáng v.v. Mặt khác nói như thế thì về đại thể Nam Bang không còn đại trượng phu nữa. Nếu có họ sẽ lo phục vụ thiên triều Bắc quốc không kể gì đến dân An Nam của họ. Cả triều đình Trung Hoa đều thích thú với lời giải thích ấy vì thắng lợi mà nước Nam tưởng là của mình qua sự giải thích của ông quan đi sứ lại là thắng lợi của thiên triều. Vì thế vua Trung Hoa đã cho ông quan đi sứ ấy được thăng lên hai bậc trong quan giai.”

“Thầy Trình quả là uyên thâm, Lê Đối này ít học vô cùng bái phục.”

Nhân thấy Thầy Trình có vẻ cao hứng, Lê Đối hỏi qua một việc khác trong ca dao:

“Thầy có thấy Thăng Bờm là thằng ngu không: hắn không chịu đổi quạt mo lấy những của cải có giá trị như ‘ba bò chín trâu’ hoặc ‘một bè gỗ lim’ mà lấy gói xôi, lại còn thích thú khi có được gói xôi nhỏ xíu đó.”

“Theo tôi, khó đánh giá Thăng Bờm lắm. Tôi cho rằng nó đói ăn, muốn kết thúc thương lượng để có cái làm cho no bụng ngay. Có thể nói hắn thiên cận nhưng đánh giá gói xôi bằng cái quạt mo là hợp với lẽ công bằng nếu không nói là khôn ngoan, mặc dù phú ông đưa ra những cái giá trên trời để nó đánh mất sự khôn ngoan ấy, thực chất phú ông chỉ muốn tranh thủ cơ hội ấy để khoe của; thằng Bờm cũng biết tâm ý khoe của ấy của ông ta lúc đó.”

“Thế thì khoe của là bệnh mấy anh nhà giàu, còn thiên cận là bệnh của mấy anh nhà nghèo phải không thưa thầy?” Lê Đối rụt rè hỏi.

“Không hẳn thế, có khi người ta vì nghĩ đến tư lợi nhiều quá mà hóa ra thiên cận như chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Ai dám bảo hai dòng họ ấy nghèo? Giá mà họ đừng đánh nhau họ có thể xây dựng cho mình những công trình lớn bằng Đế Thiên, Đế Thích (tức đền Ăng-co)”

“Đúng đấy, sau này tôi xin được nghe thầy chỉ giáo thêm”

Lê Đối khúm núm nói rồi xin phép rút lui để tiến hành việc trấn yểm.

Từ sau vụ trấn yểm đất đai như thế, và nhất sau đám cưới ồn ào của con thứ Lê Đối là cậu Lê Bát lấy một cô gái ở Thanh Mỹ, thầy Trình bỗng trở nên ít nói ít giao du. Dù sao thầy cũng hy vọng việc trai gái trong làng hên hò “trong bọc trên dâu”, việc lén lút ngoại tình sẽ giảm bớt. Và nhất là việc “tiền dâm hậu thú” nghĩa là cô dâu mang cái bụng ễnh ương trong ngày cưới để tránh chuyện “thú phạt” sẽ không còn. Dường như thầy vẫn bị ám ảnh bởi những lời thiên thần Cáp-Thả-Nhiên cảnh báo và một niềm thương cảm mệnh mang dâng lên trong lòng thầy đối với dân làng Rí như khi người ta nhìn thấy những đứa con nhà lán giềng khốn khổ vì cha mẹ chúng thuộc loại người bất lương độc ác, không nuôi nấng chúng cũng không giáo dục chúng .

Trong lúc Ngát và Bát theo học chữ nho nhà thầy Trình, cô út Miều theo học chữ quốc ngữ và chút ít tiếng Tây nơi nhà thầy Thiết Trọng. Ông này đã đỗ bằng tiểu học Pháp đã bỏ vợ lớn và hai con nhỏ đem theo một cô vợ bé nhỏ hơn ông mười hai tuổi về làng Rí để xây tổ uyên ương và dạy học kiếm sống. Sở dĩ Lê Đối không cho hai con trai đi học chữ quốc ngữ vì một thành kiến ăn sâu trong lòng ông:

“Tụi Tây xâm lược và bọn giáo sĩ mắt xanh mũi lõ có gì đáng học, chẳng qua chúng nó dùng phù phép mới có sự mạnh bạo nhất thời ấy.”

“Vậy tại sao ông còn cho con Miều đi học cái học phù phép ấy?” Vợ ông vặn lại.

“Học qua cho biết thôi, vả lại phải biết kẻ thù mình mới thắng được chúng như nhà nho thường nói: Tri kỷ tri nhân bách chiến bách thắng.” ông đáp rồi nói tiếp, “Bà hãy theo gương một nhà nho ở Gia Định mà hôm trước thầy Trình có nói, nhà nho ấy không dùng xà bông của Tây, chỉ dùng nước tro để giặt quần áo...”

“Vậy trước hết ông tự giặt quần áo ông bằng nước tro đi để tôi làm theo. Chuyện dễ không theo chỉ rước cái khó, cái khổ vào mình chẳng qua là do sĩ diện...” nói xong bà vợ Lê Đối bỏ đi. Đi được dăm bước bà quay lại nói: “Nói gì thì nói, ông không được chê bai văn minh Pháp trước mặt con Miều

để nó còn thích thú trong sự học tập và không ganh tị với hai anh nó được học chữ nho.”

“Tôi biết rồi, sao bà nhiều lời thế...”

Hai năm sau vợ Lê Đối ngã bệnh đau tim và đau bao tử. Có lẽ bà bị kiệt sức dần sau khi sanh con gái út Miều, một con bé khá xinh và khá thông minh.

Cô Miều ham học cái học mới nên được nửa năm, cô đã đọc được sách quốc ngữ trong lúc các anh cô cứ mãi vật lộn với mấy chữ tàu. Cô phấn khởi trong lòng vì sang năm, thầy Trọng hứa sẽ bắt đầu dạy cho cô tiếng Pháp.

Điều rất nghịch lý là một người dạy cái học mới mà luôn sống theo tập quán rất cũ còn hơn cả thầy Trình là người dạy cái học cũ. Dường như cái tiềm thức của truyền thống luôn luôn điều khiển chỉ huy thầy Thiết Trọng. Ông coi vợ nhỏ tên Hồng Nhu như một nô tỳ, ông còn rất hay ghen và rất độc đoán. Khi nào ông thấy mình không thể trực tiếp kiểm soát vợ ông, nói cách khác vợ ông ở ngoài tầm quan sát của ông, ông nhốt bà vợ vào buồng khoá trái cửa lại bằng một cái khoá đồng, hoặc tẽ hơn nữa vào một cái tủ đứng bằng gỗ bên trong có đặt một cái ghế đầu, một cái bô; sau lưng tủ khoét hai cái lỗ cho bà vợ không bị chết ngộp. Ông còn biện minh một cách rất xác xược:

“Dân này thích bị lấy roi đánh vào người từ thời Trịnh Nguyễn. Cho họ viên ngọc tự do ư? Chắc gì họ biết sử dụng, có khi còn dùng để làm bậy. Và lại tự do đi liền với sự suy xét mà dân này thường sống theo cảm tính và nghĩ cạn. Có khi họ còn tôn thờ người nào làm khổ họ và để mặc cho người này lừa dối họ.”

Lẽ ra thầy Thiết Trọng không nên nói thế mà ông nên dẹp bỏ lợi thế đàn ông của ông để dạy vợ biết suy xét theo cái mới và tiếp nhận sự tự do để sống với ông trong sự tương kính và bình đẳng. Ông chỉ theo văn minh Pháp trên sách vở mà không trong hành động. Ông không vượt qua nổi từ trường văn hóa quá mạnh trong vô thức của ông.

Sau giờ dạy học, thầy Thiết Trọng vội vàng mở khoá vào buồng, ông bóp chân tay cho vợ ông, rồi cùng vợ hành lạc để bù đắp việc giam giữ vợ như một tù nhân. Nhiều lần Miều ngồi lại trong lớp một mình sau khi các bạn

học khác đã đi bộ về nhà, vì cô phải chờ chú tá điền già thường được gọi là lão Thổ đến công về. Hôm nào lão đến muộn, Miều nhẹ nhàng lén vào nhà trong, nghe trong buồng khép kín tiếng hai người quần thảo, họ thở dồn dập và họ rên rỉ trong lạc thú. Lúc đầu cô không hiểu nhưng khi hiểu ra cô đỏ mặt vội chạy ra ngoài. Lúc đó chú Thổ đang dáo dác nhìn vào lớp học tìm cô.

Trên đường về nhong nhong cỡi ngựa trên lưng lão Thổ cô bỗng nhớ ba năm qua, ông nội cô bị bệnh già đã quên nhắc cha cô làm nghi thức âm dương giao hoà cho đá ‘Tôn –Lưu trăm thạch’. Còn Thầy Trình ít khi ra khỏi cửa. Thật ra ông nội cô có nhắc cha cô việc đó nhưng cha cô lơ là dần trừ mấy năm đầu vì ông ấy có lý do của riêng ông. Lê Đối đã từng thông dâm với một vài nữ tá điền dung nhan phơi phới từ khi mẹ cô bị bệnh tim và bao tử kinh niên, tối nào cũng trằm chằm ngủ sớm nên lâu ngày Lê Đối cho rằng, cái đạo ‘nhất âm, nhất dương’ của Thầy Trình là vớ vẩn, ‘nhất dương, đa âm’ mới đúng. Còn khi âm dương gặp nhau không phải để giao hoà mà để giao chiến. Tuy vậy Lê Đối không quên giao nhiệm vụ ấy cho trưởng nam Lê Ngát và nhắc con mỗi năm phải làm đủ nghi thức cho Mộ Thư sinh, Mộ Phu nhân và đá Tôn-Lưu trăm thạch, Lê Ngát vâng dạ nhưng không làm vì biết cha mình không ra khỏi đầu ngõ từ ngày có một tá điền hăm sẽ đâm Lê Đối chết khi người tá điền đó biết Lê Đối đã hại đời con gái của ông ta.

Vừa về đến nhà, lão Thổ đặt cô Miều đứng trên bộ ván gỗ lên nước bóng lộn, khúm núm đi rót nước mời cô chủ nhỏ uống, nhưng cô đã nhảy tót xuống bộ ván chạy ra nhà sau tìm mẹ. Lão Thổ vội lấy cái khăn lau sạch đất cát mà đôi hài cô Miều còn để lại trên mặt ván trả lại sự bóng loáng cho nó. Sau đó lão uống luôn ly nước mà lão rót cho cô chủ vì lão thấm mệt: trong lúc công cô chủ nhỏ từ nhà thầy về, có một đoạn đường gồ ghề nên lão bước đi chậm chạp. Cô chủ đã giựt một nhánh cây nhỏ bên đường quất vào đầu lão nói “ngựa chạy nhanh lên,” dù chỉ như phỉ bụi không đau đớn gì nhưng lão cũng phải chạy nhanh hơn và để ăn gian việc còn chạy chậm, lão còn nói, “ồ nhanh quá, ồ ngựa chạy nhanh quá”. Uống xong lão rót cho cô chủ một ly nước khác để lại trên bàn rồi đi ra.

Miêu thấy sau vườn anh Bát của cô và thằng Cám, bạn anh ấy cũng là một người rất hâm mộ cái lương, đang ngồi uống rượu thuốc với một tô canh lươn to, bên cạnh một đĩa bao tử heo xào thơm và rau cần. Rượu và mỗi đều do Cám chuẩn bị và đem đến. Miêu định lui gót nhưng anh cô đã gọi lại:

“Em về thật đúng lúc, có phải thầy Thiết Trọng nhốt vợ thầy trong buồng trong lúc dạy học không?”

“Ai mà biết,” Miêu nói tránh.

“Mày mà không biết ... hay mày định bao che cho kẻ mạnh hiếp yếu?”

“Nhưng sao anh biết việc thầy Trọng ghen tương quá đáng?”

“Mấy thằng chăn trâu dắt trâu qua nhà thầy Trọng nói lại với anh Cám.”

“Mấy anh biết thì làm được gì?”

“Bọn anh sẽ làm như nhà nho dạy, ‘kiến nghĩa bất vi vô đồng dã’. Bọn anh sẽ giải phóng cô giáo khỏi sự áp bức vô lý đó.”

“Nói hay quá nhỉ, giỏi làm thử coi”

Miêu thách thức vì biết mấy người ăn nhậu chỉ phết lác khi có chút rượu vào. Vả lại đó là việc riêng tư của gia đình người khác, ai có quyền can thiệp được. Nói xong Miêu bỏ lên nhà trên thấy ly nước lão Thổ rót cho mình còn để trên bàn. Lúc đó cô bé mới biết mình đang khát nước.

Miêu không để ý đến chữ “giải phóng” mà anh cô bé nói vì còn thắc mắc ý nghĩa câu chữ nho. Cô bé không biết rằng từ năm ngoái, những đảng viên CS giả làm thương khách đã về làng Rí và làng chàì tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lê trong đám dân cùng đinh từ những đứa chăn trâu, những đứa đi mót cá xấu bị loại ở làng chàì cho đến những bần cố nông và những tá điền. Họ nói với nhau, “Cha ông mình phò tá vua nhà Nguyễn, dựa vào nho giáo phong kiến để bình Tây sát tả nhưng đều thất bại vì chỉ dựa vào bọn Văn thân, nay đảng ta có chủ nghĩa Mác Lênin dựa vào giai cấp công nông sẽ đi đến thắng lợi sau cùng và người nghèo, người bị áp bức sẽ được giải phóng v.v...” Mấy thằng chăn trâu há hốc miệng ra nghe như đang hớp vào người ... thuốc mê, như ăn vào người ... cháo lú.

Sang đầu tuần, trước giờ Miêu được lão Thổ công đi học, Lê Bát nói với em:

“Thằng Cám nó thách anh vào phòng cô Hồng Nhu cắt được một lọn tóc của cô ấy nên anh nhờ em một việc.”

“Việc gì?”

“Đơn giản thôi, em giúp anh làm được cái chìa khoá của thầy Thiết Trọng... Anh gói cục đất sét mềm này trong lá môn, em chỉ cần canh lúc ông thầy đi tiểu để quên trên bàn, em ấn mạnh hai mặt của chìa khoá vào cục đất sét và mang về cho anh, anh sẽ cho em tiền”

“Rồi anh làm chìa khoá giả lên vào cắt một lọn tóc của cô Nhu chứ gì...”

Miêu nhìn thẳng vào mặt anh nói tiếp, “Cắt tóc xong rồi thôi, anh còn xin lỗi cô ấy, và anh về. Thế là vẫn tuồng. Đâu có đơn giản thế ... sau đó anh còn làm chuyện khác nữa, phải không? Em không giúp anh vì em không muốn phản thầy: em không thể trở thành đồng lõa của anh.”

Nói xong Miêu chạy lên nhà trước, leo lên lưng lão Thổ và đi học. Lê Bát vừa ngượng vừa then ném mạnh cục đất sét ra sân sau làm con chó vện đang nằm ở gốc cây gần đó phải giật mình ngơ ngác.

Lê Bát sau đó ra ruộng coi tá điền gặt, vừa đi vừa biện hộ cho mình. “Tao đâu cần cô ấy, cuối năm nay tao đã có vợ đẹp. Vả lại nếu thấy thèm, tao chỉ cần hẹn một con gái nào đó của tá điền ra coi ruộng với tao, lúc đó tao tha hồ...”

Trước ngày Lê Bát cưới vợ một tháng, nó nghe nói thầy Thiết Trọng đánh đòn cô Hồng Nhu lúc đó đã mang bầu sáu tháng vì cô vô lễ với thầy: Hai người cãi nhau trong bữa ăn, cô giận dỗi lấy bát canh tạt vào người thầy. Thầy phải phạt vợ mình để tỏ sự giáo huấn nghiêm minh. Thầy đào một cái hố nhỏ giữa sân bắt cô úp cái bụng bầu vào cái hố đó. Sau đó thầy cầm roi mây vẫn thường đánh học trò đi tới đi lui, giảng cho cô nghe bài học lễ phép tôn trọng người khác đặc biệt là tôn trọng chồng mình theo đúng truyền thống dân tộc và truyền thống văn minh Pháp quốc.

Bài học đạo đức khá dài dòng đó chấm dứt, thầy đánh vào mông cô mười roi, cái mông mà thường ngày thấy rất thích vuốt ve, âu yếm. Dĩ nhiên cô Hồng Nhu đã xin tha, kêu khóc oăn người sau mỗi đường roi quất xuống. Và như một thói quen truyền kiếp cô phải chấp nhận thú đau thương từ tay chồng mình không phải chỉ trong lúc này mà thỉnh thoảng trong khi vợ

chồng cô ân ái. Vâng thú đau thương là cách mà cô dùng đến để sống với một người chồng khó tính và nó đã neo chặt cô vào chồng mình. Câu chuyện thầy Thiết Trọng dạy vợ trở thành một giai thoại trong làng.

Lê Bát lần này lại tức giận, nghĩa khí nổi dậy bùng bùng; hắn nói với Miều: “Em giúp anh giải phóng cô Hồng Nhu khỏi bàn tay phong kiến của thầy Trọng đi. Ngày mai anh sẽ đưa em cục đất sét khác ...”

“Thôi đi anh ơi, anh giải phóng cô ấy để đem lại sự khổ sở to lớn hơn cho cô ấy chứ gì. Rồi cô ấy sẽ than thở rằng lúc đó can chi mà Lê Bát lại giải phóng cho tôi để từ bị thương tôi thành ra sắp chết thảm trong tủ nhục hơn gấp ngàn lần so với trước kia.”

Nói xong Miều bỏ đi, còn Lê Bát đứng thừ ra trong lòng khen em gái mình tuy còn nhỏ mà nói năng có lý.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 2
Cưới hỏi

Phú hộ Lê Đối năm đó làm hai đám cưới cho con. Đầu năm ông cưới vợ cho Lê Ngát, cuối năm ông cưới vợ cho Lê Bát. Ông thấy như thế là tròn bốn phận làm cha khi lo cho hai con trai được yên bề gia thất, sau khi đã góp số tiền lớn nhất xây chùa Từ Duyên để chiều chiều trong làng tiếng chuông công phu vang vọng cùng tiếng kinh ê a sớm tối như tiếng Đối vọng cổ cho lối xóm quanh chùa. Sau đó ông cũng đã góp số tiền lớn nhất để xây đình, thờ chung một thành hoàng của làng chài. Hôm rước bài vị (phiên bản) từ làng chài qua làng Rí, cả một khúc sông cờ xí đuôi nheo ngũ sắc rợp trời, trống chiêng inh ỏi. Dòng sông hôm đó như một cô gái điểm trang mừng ngày hội lớn...

Còn con Miều nữ sinh ngoại tộc, được người nào đàn ông đến hỏi ông sẽ gả ngay, không đòi phải giàu sang phú quý. Tháng rồi có người từ Thanh Mỹ, con của một nhà nho khoa bảng đến ngầm coi mắt nó hẹn hai năm nữa sẽ đến xin hỏi cưới.

Cả hai đám cưới Thầy Trình đều được mời tham dự. Lần này đám cưới của Lê Bát, thầy Trình mặc áo dài đội khăn đóng, tay cầm quạt xếp chậm chạp bước đi, theo sau có người con trai thứ, Tuấn Nhon một thanh niên mới lớn được cha cho đi theo để học biết lễ nghĩa vì trước khi ăn tiệc cưới có một vài nghi thức trước bàn thờ tổ tiên mà Thầy Trình là người chủ sự. Ông là người làm cầu nối cho hai bên thông gia nói chuyện. Sau phần nghi thức thắp nến, đốt hương, dâng bánh trái rượu trầu cau, cáo việc hôn sự cho ông bà tổ tiên đã khuất, mời rượu lễ cha mẹ hai bên, cô dâu và chú rể từ bàn thờ quay ra chào hai họ và bữa tiệc bắt đầu.

Trong suốt thời gian đó, Thầy Trình đứng bên cạnh bàn thờ nhắc cho đôi

trẻ và cả hai ông xui gia những động tác phải làm. Lúc đó khách mời mới thấy được khuôn mặt xinh xắn của cô dâu Kim Thản, con gái một cự hương chức trong làng chài. Cô mặc cặp áo dài hồng hai lớp, áo ngoài đính hạt cườm làm thân thể cô thêm mấy mượt, sung mãn. Khuôn mặt xinh tươi của cô được điểm trang màu đậm tạo ấn tượng cho đôi môi đầy và mắt hai mí có hàng lông mi đen đậm. Chú rể đeo cà vạt rất tự hào về tân nương xinh đẹp của mình.

Trong bữa tiệc mọi người ngồi đúng vị trí của mình theo tuổi tác, cương vị trong dòng tộc, và tôn ti trong xã hội. Tuấn Nhon ngồi cùng bàn với các bạn trang lứa như các cô Ngọc Thu, Mỹ Xuân, các anh Huy Phụng, Bảy Long, và mấy thanh niên khác đều là những người ở lứa tuổi của cô dâu và chú rể, nhưng họ chưa lập gia đình. Bảy Long thân hình cao to như Tây thường đeo theo Mỹ Xuân tán tỉnh. Mỹ Xuân mắt dài, mí lót trên khuôn mặt trái soan đến dự đám với em gái là Mỹ Đông ngồi ở bàn khác gần bậu cửa. Phần Ngọc Thu dung nhan sắc sảo với đôi mắt là rằm, đôi môi trái tim và mũi dọc dừa thỉnh thoảng hướng ánh mắt nóng bỏng vào Huy Phụng, một thanh niên cao ráo xuất thân từ một gia đình hai đời làm tá điền cho địa chủ họ Lê. Trong lúc Tuấn Nhon thỉnh thoảng cũng liếc nhìn khuôn mặt xinh đẹp đầy sức gợi cảm của Ngọc Thu.

Vâng, nhìn nhan sắc bên ngoài người ta có thể cảm thấy Ngọc Thu tràn đầy sức sống. Nhưng lúc đó sức sống thể hiện ngầm bằng một nỗi rạo rực và bối rối trong lòng khi đối diện với người mà cô thầm yêu là Huy Phụng. Anh này vừa giỏi việc đồng áng vừa tháo vác lại có chí tiến thủ. Trước đây mặc dù đã quá tuổi đi học anh cũng cố gắng đến trường làng những ngày việc nông rảnh rỗi. Có khi anh còn đem sách ra đồng ngồi học dưới những cây trứng cá, có đưa học trò nào đi học ngang qua, anh chặn chúng lại hỏi bài và để trả công anh chuẩn bị sẵn một ít trái cây như chuối, vú sữa, na, quýt mà anh lấy từ cái đĩa to trên bàn thờ họ Lê lúc nào cũng có đầy hoa quả. Một con người có chí như thế làm cho Ngọc Thu cảm phục. Cho nên cô không lạ khi mỗi lần gặp nhau ngoài ruộng hay trên đường làng, mặt cô

đỏ bừng lên và lòng cô rung lên như một sợi dây đàn được bàn tay nhạc sĩ tài ba nắn nót một vài âm thanh gợi nhớ.

Dĩ nhiên Tuấn Nhon có cái học căn bản hơn và trình độ cao hơn. Ngoài chữ quốc ngữ và chữ nho mà đích thân cha anh tức thầy Trình giảng dạy, anh còn biết một ít chữ Pháp học của thầy Thiết Trọng. Nhưng anh không cường tráng khoẻ mạnh bằng Huy Phụng. Nước da anh trắng xanh và một cái nhìn mênh mông xa vắng như một người cùng lúc nhìn hai nơi, một nơi trước mặt và một nơi khuất mặt. Có vẻ anh muốn nói một câu nào đó với Ngọc Thu nhưng thôi vì sợ đánh mất vẻ nghiêm túc thường ngày: trong nhà anh là người nghiêm cẩn nhất trái ngược với tính nết rất tự nhiên và thoải mái của đứa em trai út là Tuấn Nghĩa không có mặt trong bữa tiệc này. Dĩ nhiên các bạn cùng bàn cũng nói chuyện rôm rả như khen cô dâu chú rể, khen dì Tám Hời và dì Út Như chỉ huy mấy bà láng giềng nấu tiệc rất ngon và vừa miệng. Nhưng có lẽ những điều canh cánh trong lòng họ chưa tiện nói ra.

Một bài vọng cổ góp vui của nhóm đàn ca tài tử trong đó có thằng Cám vừa dứt và món tráng miệng sắp được đem lên thì Bảy Long, con trai trưởng của thầy dạy võ bình định nói nhỏ vào tai của Huy Phụng rồi cả hai đứng dậy và nói, “Chúng tôi xin phép về trước chuẩn bị cuộc thi đấu chiều nay cho các môn sinh.” Lúc đó Huy Phụng cũng đứng lên vì anh vừa là môn sinh lớn tuổi vừa là giám thị coi ngó mấy môn sinh học võ nhỏ tuổi trong võ đường. Khi Huy Phụng và Bảy Long đi khuất, Ngọc Thu muốn kiêu về luôn đúng lúc Tuấn Nhon lên tiếng:

“Tí nữa tôi xin phép được đưa Thu về. Vả lại tiệc cưới cũng sắp tàn.”

“Vâng nhưng liệu có phiền cậu không?” Ngọc Thu phải chần chờ mấy giây mới đáp lại vì cô hơi bất ngờ trước đề nghị ấy.

Trên đường về, khi cổng chào của tiệc cưới khuất sau một lùm cây hàng rào, Tuấn Nhon tiến lên đi ngang hàng với Ngọc Thu và nói:

“Cô có thấy vui không, riêng tôi hôm nay vui lắm..”

“Đám cưới nào mà chẳng vui hả cậu.”

“Phải, nhưng tiệc vui nào rồi cũng có lúc tàn, niềm vui còn đọng lại trong tôi là hôm nay được đối diện với cô.”

“Tôi có làm gì để anh vui đâu?”

“Thế đấy, nên tôi biết rằng mình mến cô và có lẽ từ lâu rồi.”

“Từ lâu rồi hay chỉ mới hôm nay?”

“Từ lâu rồi khi tôi và chị tôi gặp cô chở lúa về thị trấn để xay. Sau đó mấy lần tôi đến nhà thăm cô nhưng lúc nào cũng thấy cô bận công kia việc nọ.”

“Tôi là con gái tá điền quanh năm cày thuê cuốc mướn đâu rảnh rỗi như cậu.”

“Tôi biết chứ nhưng vì lòng tôi đã mang nặng một nỗi niềm muốn ngộ cùng cô nên hôm nay tôi mới mạn phép được đưa cô về...”

Ngọc Thu biết mình sắp nghe những lời mà cô không chờ đợi vì cô đã từng nghe một vài thanh niên trong làng tán tỉnh cô nhưng cô không thích. Đúng hơn cô chờ đợi những lời ấy từ Huy Phụng trong nhiều lần gặp nhau nhưng Huy Phụng vẫn không chịu hé môi. Cô bối rối và ngập ngừng một lúc khi họ sắp đi ngang chùa Từ Duyên và Tuấn Nhon nói tiếp:

“Mình vào chùa này nghỉ chân một lúc đi. Tôi sẽ nói hết câu chuyện của tôi.”

Nói rồi Tuấn Nhon cầm cổ tay Ngọc Thu kéo vào chùa. Cô miễn cưỡng đi theo và họ cùng ngồi trên một tảng đá dưới gốc cây bồ đề nhìn ra hồ bán nguyệt trước bức tượng Quan Thế Âm bằng xi măng sơn trắng, trong hồ hai đoá sen trắng một nở to và một hàm tiếu vươn lên giữa vài cái lá sen xanh mượt và to bản nằm phôi nảng trên mặt nước. Trong hồ họ có thể thấy mấy con cá phi hồng đang bơi lội. Tuấn Nhon nói tiếp:

“Từ ngày gặp em lần đầu, hình ảnh em đã chiếm hết tâm trí tôi và bây giờ tôi biết mình đã yêu em nhiều. Nhiều lắm. Vì thế nếu em không từ chối, song thân tôi sẽ nhờ người đến hỏi cưới em. Tôi nghĩ em sẽ cho tôi có được duyên lành đó.”

Tuấn Nhon dùng chữ ‘em’ để tỏ tình và chữ ‘duyên lành’ vì chàng liên tưởng đến hai chữ ‘Từ Duyên’. Lúc đó nào ai nghĩ rằng ‘từ’ còn có nghĩa là ‘từ bỏ’. Ngọc Thu mân mê vạt áo bà ba màu hồng nhạt có bông tím nhỏ và nhạt một lúc rồi nói:

“Thật tình em chưa nghĩ đến hôn nhân vì còn muốn đỡ đần cha mẹ và lo cho mấy em. Nếu không vì lẽ đó hẳn em cũng đã nhận lời cậu. Và lại mọi quyết định sau cùng là do ba mẹ quyết định, nên dù không từ chối em cũng chưa thể hứa với cậu điều gì.”

Rõ ràng nàng thoái thác với cách nói trì hoãn, nhưng lúc đó Tuấn Nhon cho như thế là quá đủ. Chàng nói luôn:

“Rồi anh sẽ định liệu. Anh chỉ xin em chờ anh đến sau Tết.”

Ngọc Thu không nói gì chỉ cúi đầu giấu những cảm xúc lẫn lộn nhưng Tuấn Nhon coi cử chỉ ấy là sự bằng lòng trong e thẹn.

Sau đó họ trao đổi một vài việc khác, đến đứng bên hồ sen ngắm cá thán nhiên bơi lội, nghe tiếng ve sầu râm ran và tiếng chim ríu rít trên cành cây rậm rạp một buổi trưa có nhiều mây bay lảng đãng. Sau cùng họ chia tay, Tuấn Nhon về nhà, Ngọc Thu nán lại để vào chùa viếng Phật.

Nàng ngạc nhiên thấy trong chánh điện Mỹ Xuân đang dâng hương khấn vái. Nàng cũng thắp hương cũng khấn vái và lúc quay ra thấy Mỹ Xuân còn đứng đợi nàng. Sự thật là cô này từ đám cưới đã đi thẳng ra chùa để đón đầu Tuấn Nhon là người cô yêu thầm, nhớ trộm. Nhưng khi thấy anh chàng đi cùng Ngọc Thu, cô lĩnh đi vào chùa. Mỹ Xuân nói:

“Chiều nay tôi với bạn đến võ đường xem Bảy Long và Huy Phụng điều khiển mấy môn sinh thi đấu nhé.”

“Không mình bận lắm...” Ngọc Thu nói

“Bạn mà vừa rồi còn hẹn nói chuyện với Tuấn Nhon được. Cậu ấy nói gì với bạn vậy?” Mỹ Xuân tò mò tìm hiểu.

“Cậu ấy nói sẽ xin cưới mình nhưng mình không thích.” Ngọc Thu nói vì biết không thể giấu giếm điều gì với một người tò mò như Mỹ Xuân.

“Thế thì tốt quá rồi sao còn không thích?” Mỹ Xuân ra vẻ vô tư hỏi tiếp.

“Vì mình đã cảm động với một người khác.”

“Thôi đi, nói ‘phải lòng’ không hay hơn chữ ‘cảm động’ sao, nhưng người khác là ai?”

“Anh Huy Phụng, bạn cũng biết rồi.” Ngọc Thu đáp

“Phải, anh ta giỏi việc và tháo vát hơn Tuấn Nhon nhiều.”

“Điều đó phải do người trong cuộc nói mới đúng và nói bằng ngôn ngữ của

trái tim.”

“VẬY NHƯỜNG TUẤN NHƠN CHO MÌNH ĐI,” MỸ XUÂN GIẢ LẢ CƯỜI NÓI.

“XUÂN CŨNG CÓ NGƯỜI THEO ĐUỔI RỒI CÒN GÌ.” NGỌC THU MUỐN ÁM CHỈ BẢY LONG NHƯNG TRONG LÒNG TỰ HỎI TUẤN NHƠN CÓ GÌ HẤP DẪN MÀ BẠN NÀNG MUỐN CÓ.

Sau đó cả hai cùng cười đắc ý rồi họ nắm tay nhau ra về và hẹn nhau chiều hôm đó đi xem đấu võ. Họ là đôi bạn nhan sắc một mười một tám thường đi bên nhau để làm nổi cho nhau.

Buổi tối đấu võ thành công ngoài dự định. Xen kẽ giữa những màn giao đấu của các võ sinh là những bài biểu diễn của Bảy Long, của Huy Phụng và một vài võ sĩ đàn anh khác trong phái võ Bình Định mà cha của Bảy Long đã mời từ Quảng Nam và Hội An đến. Trong những tiếng vỗ tay của một số khán giả ngồi trên những băng dài có tiếng vỗ tay của Ngọc Thu và Mỹ Xuân. Khi Huy Phụng múa đường quyền ‘đả hổ’ người vỗ tay to nhất là Ngọc Thu; khi Bảy Long múa bài ‘xà quyền’ Mỹ Xuân vỗ tay to nhất. Mỹ Xuân tranh thủ lúc giải lao kéo Huy Phụng ra chỗ vắng kể cho anh nghe câu chuyện Tuấn Nhơn tỏ tình cùng Ngọc Thu và khích Huy Phụng nên tiến tới thay vì cứ đứng chờ “trâu đi tìm cọc”.

Bảy Long thấy Mỹ Xuân nói chuyện với Huy Phụng tưởng hai người có tình ý với nhau nên ghen tức, sau đó kéo Mỹ Xuân ra hỏi chuyện. Cô này thành thật kể lại câu chuyện. Dù vậy anh ta cũng đe dọa nàng:

“THẰNG NÀO NGĂN CẢN CÔ YÊU TÔI TÔI THỀ SẼ DÙNG XÀ QUYỀN ĐỂ DIỆT NÓ, TÔI NÓI TRƯỚC ĐỂ SAU NÀY CÔ ĐỪNG CÓ TRÁCH.”

Mỹ Xuân sợ hãi đến nỗi phải rùng mình và mặt mày tái xanh.

Như đã định trước với Huy Phụng, khi cuộc thi võ chấm dứt, Mỹ Xuân bảo Ngọc Thu cùng đợi Huy Phụng ra về. Trên đường về Mỹ Xuân nhập bọn với mấy bé gái cùng xóm để hai người bạn cô được tự do đi bên nhau trên đường làng trăng sáng.

Giờ đây, Huy Phụng kéo cửa liếp để vào nhà, sau đó anh cởi áo và quần dài quăng vào một góc và ngã mình xuống chiếc chõng tre. Anh suy nghĩ lại câu chuyện giữa anh và Ngọc Thu dưới ánh trăng tròn vằng vặc tạo nên khung cảnh trữ tình giữa hai người bạn trẻ. Thỉnh thoảng họ đi dưới những

cây cau nửa sáng nửa tối đứng trầm ngâm dưới ánh trăng mờ; cô đã đi sát vào người anh khi trong tàng cây có tiếng vỗ cánh của một con chim ngủ gật, mất thăng bằng, và cô đã để cho anh nắm lấy tay cô đoạn đường còn lại khi bất chợt tiếng tắc kè từ một cây cao vang lên lạnh lạnh làm cô giật mình sợ hãi.

Thật tình từ lâu Huy Phụng đã thầm yêu Ngọc Thu nhưng anh chần chừ mãi vì tham vọng của anh cao hơn và xa hơn nhưng thân phận anh có hạn. Sự phấn đấu của anh mà nhiều người và cả anh lầm tưởng là vượt qua chính mình thật ra là tìm mọi cách vượt qua người khác dù bằng những cách thô bỉ nhất. Anh ghét nhà giàu, khinh nhà nghèo trong đó có anh, và coi thường những người thông minh tài giỏi. Thăng Tuấn Nhơn học giỏi chẳng qua nó có điều kiện hơn mình v.v... Với tâm lý ấy và không cần suy xét nhiều về chủ nghĩa (chủ nghĩa Mác Lê nhiều chỗ khó hiểu quá!) nên anh và Bảy Long đã gia nhập tổ chức Việt Minh như một môi trường để trở thành những người có chức, có quyền trên đám dân thụ động bảo sao nghe vậy.

Họ thường nói “Đánh đuổi thực dân Pháp đủ rồi, còn sau đó đương nhiên với sự độc lập, nước sẽ giàu dân sẽ mạnh.” Hoặc, “Ngày xưa chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau chỉ mong mình tiêu diệt được kẻ thù, sau đó sẽ làm gì cho đất nước có lẽ họ không cần tính trước, chỉ biết rằng đương nhiên ta sẽ giàu mạnh hơn xưa giống như người ăn nguyên cái bánh không phải chia đôi.” Điều được coi là đương nhiên ấy, một người cẩn trọng có thể sẽ không đồng ý và nhiều mối hoài nghi sẽ xuất hiện như Trịnh hay Nguyễn có thật sự yêu thương dân và hết lòng vì tiền đồ dân tộc không v.v. Dù gì, trước hay sau Bảy Long cũng sẽ đưa đám võ sinh gia nhập vào tổ chức.

Đặc biệt Huy Phụng thấy tổ chức và chủ nghĩa của nó sẽ đáp ứng mọi tham vọng của anh vì nó cho phép “sự ác cần thiết”: khi cần vượt qua người khác thì bất cứ thủ đoạn nào cũng được phép. Trong sách tuyên huấn nói sao nhỉ? ...phải rồi, “Cứu cánh biện minh cho phương tiện”. Đã hẳn kẻ hung hiểm và liều lĩnh có thể sẽ vin vào châm ngôn này mà không sợ làm ác.

Tối nay khi đến một quãng vắng bên cạnh một con mương loang loáng chảy róc rách dưới ánh trăng, anh đã nắm tay Ngọc Thu dừng lại để nói lời

tỏ tình. Cô ấy đã chấp nhận ngay và nói đã yêu anh với mối tình mà cô ấy đã ấp ủ lâu ngày. Rồi cô ấy còn gợi ý anh nên cho người mai mối đến hỏi cưới trước mùa xuân năm sau, nghĩa là phải đến trước người mai mối của Tuấn Nhon, như thế cô sẽ dễ thuyết phục cha mẹ cô nhận lời của anh. Cô nói:

“Anh phải cho người đến trước như ngày xưa như ngày xưa Sơn tinh đến trước Thủy tinh và cưới được Mị nương rồi đưa nàng lên núi Tản viên, chỗ ở của sơn thần.”

“Ừ, anh sẽ trình cha mẹ anh để nhờ người mai mối xin cưới em.”

Họ đi thêm một đoạn đường ngắn nữa rồi chia tay.

Trên đường về, Huy Phụng suy nghĩ những lời Ngọc Thu đã nói. Nàng nhanh nhẩu gợi ý như thế phải chăng cô đã biết rằng một cách sòng phẳng giữa Huy Phụng này và Tuấn Nhon, chắc chắn cha mẹ cô ấy sẽ chọn Tuấn Nhon làm rể quý. Điều này dễ hiểu vì gia cảnh của Tuấn Nhon khá giả hơn. Vả lại cha mình và cha Ngọc Thu không ưa nhau. Có lần họ đã cãi nhau dữ dội vì một việc không đâu: Hoàng Tử Cảnh có phải là con ruột của vua Gia Long không? Hôm đó cha Ngọc Thu nói phải, còn cha Huy Phụng nói không và cho rằng các quan của nhà vua đã đánh tráo hoàng tử Cảnh bằng một đứa trẻ ăn mày họ nhặt được trên bãi chiến trường.

Nhưng có một nguy cơ khác đang đe dọa tình yêu mà cô ấy không biết chính là địa chủ Lê Đối. Hôm cô ấy theo chú Thực chở lúa đi xay, tình cờ Lê Đối thấy được Ngọc Thu. Khi ghe lúa đi rồi Lê Đối còn nhìn theo, sau đó ông ta hỏi Huy Phụng:

“Này Phụng, con nhỏ đẹp gái đó tên gì?”

“Dạ, con nhỏ đó tên Ngọc Thu.” Huy Phụng khúm núm đáp.

“Hôm nào mà cho con nhỏ đó về đây tao nhờ nó một số việc vặt như phơi lại lúa cũ và rê lúa cho sạch, đánh bóng bộ tũ ghe khám xa cừ.”

“Vâng thưa ông chủ, con sẽ sắp xếp chắc phải qua mùa gặt vì lúc này việc ngoài đồng cấp bách lắm.”

Huy Phụng sẽ giả vờ quên để cho qua việc này. Anh không thể để cô rơi vào vòng tay dâm dăng của địa chủ Lê Đối.

“Ừ nhớ đấy.” Lê Đối nuốt nước bọt thèm thuồng rồi vào nhà.

Lần trước ông ta cũng phá trình Thắm, con gái tá điền Ngọ theo cách đó, sau một thời gian làm con nhỏ tầy huầy rồi ông ta chán chê, ông bèn trả nó về nhóm thợ cấy và lại quay về tìm vui trong rượu. Đâu phải chỉ mỗi con Thắm: giữa hai lần trở lại tìm vui trong rượu, Lê Đồi lại tìm một con gái tá điền khác để vầy vạc. Rượu và đàn bà là hai thứ ông không thể thiếu. Khổ nỗi vợ ông bị bệnh tim không thể đáp ứng cho ông.

Về đến nhà Huy Phụng rửa chân tay và vào giường ngay vì cả nhà đã ngủ. Trước khi đi vào giấc ngủ, anh còn nói lớn với chính mình:

“Lần này mình phải bắt chước Sơn tinh ra tay trước hai thằng Thủy tinh là Tuấn Nhon và Lê Đồi. Sau này nếu mình không cưới được nàng thì mình cũng đã tận hưởng được nàng và chiếm được trinh tiết của nàng và trở thành một kỷ niệm không quên trong suốt cuộc đời nàng...”

Trong bóng tối đêm khuya, Huy Phụng nghĩ rằng không có ai nghe anh ta nói. Nhưng có một người mà ban ngày anh cũng không thể thấy là quỷ Lữ Sĩ Phê (Lucifer). Hắn đang treo ngược trên mái nhà theo cách ngủ của loài dơi và mặc dù hắn có trái tim bằng sắt, không bao giờ kinh sợ tội ác hắn cũng giật mình khi nghe câu thòong của Huy Phụng “Hãy đợi đấy”. Hắn mỉm cười nhe những chiếc răng nhọn hoắc, và ngoe nguẩy cái đuôi rồi bỏ đi miệng lẩm bẩm: “Kịch bản này hay đấy và đã có sẵn, đâu cần mình phải thì thầm mớm ý hoặc ra tay.” Bên ngoài mặt trăng đã biến mất trong mây, chỉ còn tiếng vạc kêu sương và tiếng cú kêu đầu đó.

Tuy thường cãi nhau và có mối bất hòa với cha Ngọc Thu, cha Huy Phụng vẫn nhờ người mai mối đến hỏi cưới Ngọc Thu cho con. Cha nàng cũng tiếp đón niềm nở người mai mối nhưng trong lòng ông tự nhủ, “Làm sao mình có thể gả con gái mình cho con một thằng chuyên ăn ngược nói ngạo, bẻ cong sự thật. Mới hôm kia hắn còn nói với mình rằng sở dĩ Trần Thủ Độ lập mưu giết sập trai đàn giết chết tập thể tôn thất nhà Lý là để tránh cho tôn thất nhà Lý cảnh nổi da xáo thịt trong việc tranh giành ngôi báu, vi phạm đức từ bi hỉ xả ... Mình đã phản đối khẳng định thiếu cơ sở và vô nghĩa cùng với cái lập luận ngu xuẩn ấy của hắn... Nhưng chưa hết hắn còn nói vua Trần khi đi lên núi Yên tử tu hành sở dĩ đã chọn thiên tông không

phải vì tông phái này ưu việt hơn các tông phái khác mà vì tông phái này với cái phi thiện phi ác của không tính v.v., có quan điểm khoan dung hơn với việc loạn luân của nhà Trần khi chủ trương chỉ cho người trong họ Trần lấy nhau để ngại vàng không lọt vào tay của một dòng họ khác.”

Những câu chuyện vợ vẫn như thế vẫn xảy ra giữa hai tá điền chỉ để chứng tỏ họ làu thông kinh sử. Tuy nhiên việc tranh cãi như đùa giỡn ấy lại dẫn đến chỗ họ thù ghét nhau thật sự, thù ghét nhau thậm tệ . Khi tiền người mai mối về cha nàng nói:

“Chúng tôi sẽ hỏi ý kiến của cháu Thu, sau hai tuần sẽ có câu trả lời để qua ông phúc đáp cho song thân cháu Huy Phụng”

Câu nói này hoàn toàn vì sự xã giao vì dù Ngọc Thu có ưng thuận, ông quyết không gả con gái ông cho Huy Phụng và cũng không cần hỏi thêm ý kiến của ai cả. Ông quyết không làm thông gia với cha Huy Phụng mà ông gọi là thẳng ăn ngược nói ngạo, ăn đàng sống nói đàng gió.

Nửa tháng đã trôi qua từ ngày gia đình Huy Phụng cho người xin cưới Ngọc Thu và sau hai lần hò hẹn trong đêm với Huy Phụng với những lời yêu đương hứa hẹn, những cử chỉ vuốt ve thân mật, hôm nay Ngọc Thu lại theo lão Thực chèo thuyền chở lúa đi xay. Thuyền vừa khuất mái nhà ngói của địa chủ Lê Bát. Ngọc Thu đã thấy có bóng người trên bờ ra dấu cho thuyền ghé lại. Khi nàng nhận ra người trên bờ là Huy Phụng thì chàng đã nhanh nhẹn nhảy xuống thuyền giúp lão Thực ra khỏi thuyền và lên bờ đi bộ về nhà. Chàng đã mua chỗ của lão Thực với tiền của hai gia gạo, lấy lý do cần gặt con trai ông chủ nhà máy xay lúa để bàn công việc, thế nhưng chàng nói với nàng:

“Hôm nay, lão Thổ bị bệnh nên bảo giữ lão Thực lại cõng cô Miêu đi học, anh phải đi thay.”

Vẻ mừng rỡ hiện lên trên khuôn mặt xinh tươi của Ngọc Thu đỏ lên vì thẹn. Sau đó Huy Phụng ngồi cầm lái còn Ngọc Thu ngồi kế bên trò chuyện một lúc lâu. Trong lúc trò chuyện Huy Phụng hỏi nàng có nghe cha mẹ nàng nói gì về việc cưới hỏi. Nàng đáp lại:

“Cha em đã hỏi ý kiến của em nhưng sau đó ông trầm ngâm nói để từ từ rồi tính nên em không dám hỏi thêm.”

“Đành phải chờ thôi.” Huy Phụng nói lửng lơ.

Khi ghe đến khúc sông có nhiều chỗ uốn cong, nàng chạy ra trước mũi giúp hướng dẫn mũi ghe. Đến chỗ rừng thưa trên bờ và như đã định trước, Huy Phụng tắt máy ghe cho thuyền tấp vào bờ, Ngọc Thu hỏi:

“Cho ghe đậu lại hờ anh?”

“Ừ nghỉ ngơi một chút, mình ăn trưa trước vì đàng nào đến nhà máy mình cũng phải chờ đến đầu giờ chiều mới được xay.”

Cột ghe vào một gốc cây bàng xong, Huy Phụng giúp Ngọc Thu leo lên bờ. Chàng đem theo một tấm đệm lát to, trong lúc nàng đem cơm nắm, cá khô và bầu nước. Rừng cây thanh vắng, ngoài một vài tiếng chim thỉnh thoảng hót vang sau đó cảnh vật trở lại im lặng. Chốc chốc một cơn gió nhẹ thổi qua làm rung rinh cành lá. Họ không thấy một bóng người, dù lúc đó quý Lữ Sĩ Phê đang ngồi trên một cành me cách họ chừng năm bước. Lâu lâu hắt chợp một con bọ xít bay qua hoặc một con sâu bò đến gần hắt bỏ vào miệng, nuốt trộng.

Miếng đệm được trải xuống một dải cát hình như là lòng của một con suối khô cạn sau một bờ đất mọc những dây leo um tùm như tơ hồng, nhẵn lông dai. Ngọc Thu ngồi cách xa Huy Phụng ở một góc đệm, họ bắt đầu dùng bữa. Huy Phụng nói chàng hy vọng cha nàng sớm báo cho gia đình chàng biết khi nào phù hợp để hôn lễ có thể tiến hành. Rồi họ cùng nhau vẽ ra trước cuộc sống chung của hai người trong tương lai.

Ăn xong và uống nước trà từ trái bầu khô, chàng ngã lưng trên tấm đệm nằm nghỉ dưới bóng cây, trong lúc nàng dọn chén đĩa, cho vào giỏ tre, rồi nàng duỗi đôi chân thon dài mà cái quần bằng vải ú không làm mất vẻ thon thả, ngồi tựa lưng vào bờ đất mà cỏ xanh và hoa dại bám kín. Lúc đó quý Lữ Sĩ Phê vẽ một vòng tròn vô hình xung quanh họ vì hắt chợt thấy một con bò cạp núi màu vàng như cua luộc đang bò về hướng hai người. Địa danh nơi này đúng là rừng Bò cạp lửa. Tới vòng tròn con vật lùi lại quay về đường cũ. Mọi vật vẫn im lìm và chàng nói:

“Anh chỉ sợ em không yêu anh thật lòng và chờ đám của Tuấn Nhon...”

Lúc đó nàng rời bờ đất bò lại bên chàng nói rất thành khẩn:

“Em yêu anh thật tình sao anh còn nghi ngại?”

“Nghĩa là chúng ta sẽ thành vợ chồng đúng không?”

“Vâng, sớm muộn gì em cũng là của anh...”

“Ngay hôm nay anh muốn em là của anh mãi mãi.”

“Không được đâu?” nàng nói nhưng cảm thấy trong người căng thẳng và máu chảy mạnh như nước triều lên.

Lúc đó Lữ sĩ Phê giật mình bối rối vì hắn chưa biết phải can thiệp cách nào nếu cô ấy cứ nói không, cứ khước từ thậm chí chống trả để giữ sự trinh tiết của gái chưa chồng. Hắn không phải giống người cũng không phải giống thú nên chưa bao giờ trải qua kinh nghiệm này của loài người: hắn là loài thiên thần nổi loạn không cần có một con cái bên ngoài.

Nàng lùi lại ngồi xếp hai chân sang một bên, trong lúc Huy Phụng đã ngồi dậy chồm theo. Tiếng của Huy Phụng vang lên:

“Tại sao không nếu như em đã thật lòng với anh và anh đã thề suốt đời chỉ yêu một mình em. Và lại chỉ đôi ba tháng nữa em đã là vợ của anh rồi.”

Rồi Huy Phụng kéo hai vai nàng sát vào người chàng, hôn vào má và cổ nàng, nói thì thầm vào tai nàng:

“Hôm nay anh muốn hai ta cùng nhau hưởng hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu.”

Lần này nàng cúi đầu không nói, đôi mắt long lanh như đại đi, để chàng kéo từ từ nằm xuống tấm đệm khi bàn tay của chàng đã cởi xong hàng nút bóp của cái áo đen bạc màu để lộ bộ ngực không mặc áo ngực với cặp vú trắng nõn căng tròn và đôi núm đỏ. Rồi họ đã thoát y trần trụi, hôn hít, lăn lộn và sau một lúc chàng đã đi sâu vào người nàng và đều đặn ấn mạnh vào giữa háng. Họ bắt đầu rên rỉ to tiếng giữa cảnh rừng thanh vắng ban trưa.

Lữ sĩ Phê quay mặt nơi khác bởi buồn nôn trước bản năng thô kệch ấy của việc âm dương giao chiến nơi giống người chỉ để phục vụ cho ý chí muốn sống của giống loài. Hắn còn khó chịu bởi một mùi tanh và hăng hắc bốc thẳng vào cái mũi khoằm của hắn, khiến cái đuôi hình mũi tên của hắn cụp lại. Trong lúc bịt mũi hắn mừng mình không thiếu niềm vui đen tối và thô bạo nhưng không phải tuân theo kiểu làm rất ghê ấy của loài người. Cứ nghe tiếng rên không rõ là đau hay sướng ấy làm hắn phải nổi da gà.

Hắn chỉ quay lại khi có tiếng kêu to hơn của hai người qua đôi môi run run

hé mở lúc sắp tàn cuộc, đồng thời hăn nhìn thấy trên mông của Huy Phụng đậu một con bọ cánh cam nhưng anh chàng không hay biết bởi mãi miết với việc ngựa phi. Lúc đó Lữ Sĩ Phê biết thời gian của cái vòng phép đã hết hiệu lực vì hăn lầm tưởng việc đó chỉ bằng thời gian gà trống đập mái, là cảnh duy nhất hăn thường thấy khi hành tẩu. Hăn không ngờ nó lâu hơn thế nhiều lần.

Lữ sĩ Phê vẽ lại vòng phép mới nhưng huơ tay hai lần để thời gian kéo dài gấp đôi rồi bỏ đi khi hai người còn nằm ôm nhau thiu thiu trong gió nhẹ, khuôn mặt đờ đẫn nhưng mãn nguyện. Hăn tự nhủ, “Hôm nay mình lại vô công rồi nghề chẳng góp sức cho ai làm điều xấu. Loài người lúc này sa đọa nhiều hơn mình nghĩ.”

Buổi chiều khi mặt trời gần tắt nắng, trên đường chở gạo về, họ cũng cho ghe dừng lại dọc đường và làm tình ngay trên ghe vì khoang thuyền hiện ra một khoảng trống ngoài những bao bố gạo xếp gọn vào hai bên lườn ghe. Đến nhà địa chủ, Huy Phụng nhảy xuống ghe chạy vào nhà gọi lão Thực ra ghe vác gạo vào, rồi chàng đi thẳng về nhà mình với tâm trạng vui mừng đắc thắng như chàng đã dự tính, theo đúng binh pháp “tiên hạ thủ vi cường” (ra tay trước để có thế mạnh) mà chàng đã rút ra từ cuốn truyện lịch sử Tam Quốc Chí.

Điều ấy không có gì lạ. Từ khi nho giáo suy vi, cái học trực tiếp từ kinh điển nghĩa là Tứ Thư và Ngũ Kinh ít người biết đến, nhưng các sách truyện với khía cạnh thực tiễn của chúng vẫn còn ảnh hưởng lâu dài nhất là với những kẻ thích sống bởi quyền mưu như chàng. Bởi lẽ theo thứ tự Kinh, sử, tử, truyện thì truyện được xếp ở vị trí sau cùng. Ngoài Tam Quốc Chí, chàng còn đọc Thủy Hử, Đông Chu liệt Quốc và những truyện lịch sử khác của các triều đại Trung Hoa mà chàng quyết tâm tìm trong các truyện ấy những thủ đoạn chính trị để áp dụng bất chấp khía cạnh vô đạo đức của chúng. Dĩ nhiên những đoạn kể lại những tấm gương tốt lành thì chàng đọc qua rồi quên ngay.

Trên đường về chàng dừng lại hai nơi nói với hai gốc cây to. Với gốc cây thứ nhất mà chàng coi đó là địa chủ Lê Đối:

“Này con điều hâu khát mồi, mi đừng hòng còn phá trinh nàng nữa...”

Với gốc cây thứ hai mà chàng coi đó là Tuấn Nhon:

“Này con nhận la đà, mi có thể lấy được nàng nhưng nàng đã thất tiết với ta rồi.”

@@@

Mấy tháng cuối năm việc đồng áng bận rộn nên cả hai gia đình coi như quên đi câu chuyện cưới hỏi. Và lại lúc đó Huy Phụng cùng Bảy Long đang bận rộn công tác. Họ âm thầm gây dựng cơ sở Việt Minh tại địa phương gồm cả hai làng, làng Rí và làng chà theo sự hướng dẫn của một vài cán bộ từ Đà Nẵng và từ Hội An vào. Trong quá trình hoạt động, họ đã lôi kéo vào tổ chức Tuấn Nhon, Ngọc Thu và Mỹ Xuân mà Bảy Long rêu rao cô này là bạn gái của mình. Lúc đầu Mỹ Xuân rất bức tức về sự rêu rao đó nhưng khi thấy tình yêu đơn phương của cô đối với Tuấn Nhon ngày càng mong manh vô vọng, cô đã miễn cưỡng nhận Bảy Long làm người tình... Gần đây tổ chức cũng đã chuẩn bị một ban tiếp quản để thay thế cho ban hương chức và hội tề trong nhà làng cho cuộc lật đổ sẽ xảy đến, đồng thời lên danh sách những Việt gian sẽ bị trừng trị.

Thình thoảng qua công tác Huy Phụng và Ngọc Thu có lén lút gặp riêng và cũng như cặp Bảy Long - Mỹ Xuân họ tranh thủ cùng nhau ân ái khi có khung cảnh và thời gian thích hợp.

Một buổi tối sau khi họp tổ chức xong, về được nửa đường thì cơn mưa chợt đổ xuống lúc đầu nặng hạt như trút, sau đó thành cơn mưa dầm dai dẳng. Bốn người về cùng đường (hoặc muốn về chung đường) chạy nối đuôi nhau tìm chỗ tránh mưa. Và họ thấy trước mắt mình cái bóng đen của võ đường lóe lên khi có tia chớp. Cả bốn người đều tấp vào: hai nam và hai nữ thành hai cặp. Bảy Long xô mạnh cửa sổ bên hông nhảy vào chui vào một cái ghế dựa qua cửa sổ cho mọi người cùng leo vào. Sau đó Bảy Long đánh diêm quẹt đốt cây đèn trên bàn thờ tổ. Hết thấy bốn người đều ướt sũng, nhưng vào được nơi này có thể yên tâm. Một lát sau cả bốn đều thay đồ các võ sinh; họ gây một đồng lửa để phơi quần áo ướt.

Ánh sáng của đồng lửa làm phòng tập sáng rõ lên, cả dãy phòng cuối sân tập nơi để quần áo, vũ khí bằng gỗ và bằng nhôm như côn, trượng, đao, thương, và một phòng có cửa sổ mở ra hướng Nam nơi các võ sư ngồi uống

nước. Nhưng ánh sáng ấy không cho họ thấy một người thứ năm là quý Lữ Sĩ Phê cũng chạy vào tránh mưa, khi họ ngồi quanh đồng lửa để sưởi ấm cách hăn chừng năm thước.

Hôm nay quý Lữ Sĩ Phê có một ngày ngao du rất thú vị. Hăn đi thị sát khắp nơi, ở châu Âu, hăn thích thú với cảnh chết chóc, tàn phá của cuộc thế chiến, sau đó hăn vòng qua Trung Quốc và Nhật Bản cũng vẫn cảnh máu lửa, chém giết, chết chóc và điều tàn làm hăn thỏa thích và nhìn mãn nhãn, say sưa. Chỉ có một điểm khác nhau là màu da trên xác chết. Hăn không ngừng cười to:

“Ha ha, cả trái đất này đang tắm máu...”

Và giờ đây hăn ghé lại nơi này để tránh mưa. Không khí trong phòng lúc đó đã ấm lên vì ngọn lửa của mấy khúc gỗ khô, Bảy Long cũng thấy nóng lên và máu chảy rần rần trong người, anh ta cầm tay Mỹ Xuân kéo nàng đứng dậy nói với Huy Phụng:

“Tôi có chuyện riêng muốn trao đổi với Mỹ Xuân, hai bạn cứ ngồi đây chờ tạnh mưa rồi hãy về nhưng xem ra cơn mưa này dai lắm.”

Bảy Long nắm lấy cổ tay Mỹ Xuân với một bàn tay cứng như sắt tiến về phía phòng áo võ, họ vào phòng cài chốt. Trong ánh sáng từ mái nhà hắt xuống và không cần nói nhiều lời, Bảy Long vỗ lấy Mỹ Xuân, sau đó cô này cũng bầu chặt vào anh ta rồi họ làm tình trên nền nhà giữa những móc áo lộn xộn. Lữ sĩ Phê nghe rất rõ tiếng quần thảo rồi rên rỉ và quần quai trong mưa, nhất là tiếng rên khá to của Mỹ Xuân vừa khoái lạc vừa đau đớn vì cái gì của Bảy Long cũng đều to quá khổ: đầu to như đầu bò, thân to như thân heo nọc, chân như chân voi... Hăn lại biết võ nghệ.

Tiếng hai người bạn quần thảo dù rất nhỏ nhưng cộng hưởng với tiếng mưa rơi trở thành một âm thanh kích thích lạ lùng nên một lát sau, Huy Phụng cũng nắm tay Ngọc Thu kéo đứng lên và họ nhẹ nhàng tiến về phòng chứa vũ khí tập võ. Cài chốt cửa xong, Huy Phụng lại ngồi kế bên Ngọc Thu trên cái sạp nhỏ để những vũ khí ngắn (vũ khí dài dựng đứng trên một cái giá gỗ) và nói:

“Sao không thấy ba má em trả lời cho người mai mối của nhà anh vậy em?”

“Em không biết nữa chỉ thấy ba em làm thỉnh và trừng mắt nhìn em mỗi

khi em nói bằng lòng làm vợ anh, lúc đó em thường cố thuyết phục ba rằng hoàn cảnh hai gia đình mình tương xứng vì đều là những tá điền nghèo.”

“Biết đâu ba nghĩ em đẹp nên còn chờ chờ chỗ cao giá hơn anh.”

Nàng vẫn biết mình xinh đẹp trong đám các cô gái con tá điền, nhưng có chút nhan sắc mà nghèo cũng vô ích thôi đôi khi còn có hại. Thế nên nàng khẳng định:

“Nhưng nếu em sẽ không chịu lấy ai khác rồi ba em sẽ đổi ý, anh ráng chờ em nghe...”

“Ừ anh sẽ chờ...Mà em cũng đẹp thật ...”

“Em chỉ đẹp cho anh thôi...”

Huy Phụng đang đợi câu nói này, chàng giật mạnh đai vải màu đen cột tạm trên áo võ của nàng, lôi nàng vào trận đấu: phần trên người nàng đã bày biện thịt da khi cái áo rơi ra... Sau đó cả hai cùng tận hưởng lạc thú giữa gươm giáo như tướng quân và mỹ nữ giữa nơi trận mạc sau giờ giao chiến với kẻ thù. Khung cảnh tuy chật hẹp nhưng đã thêm sự thú vị ấy vào khoái lạc của hai người.

Bên ngoài, quý Lữ sĩ Phê thích thú tiến lại gần đồng lửa, cầm lên một que củi cháy dở, một chân trần đạp vào than hồng, cái chót đuôi hình mũi tên ngoe nguẩy và bắt đầu đánh nhịp cho một bản nhạc mà chỉ có mình hân thưởng thức: nhạc nền là tiếng mưa rơi rả rích cho phận người, thỉnh thoảng là tiếng sấm như đại bác nổ vang mang theo lời cảnh báo; trên cái nền nhạc ấy là tiếng của đôi tình nhân rên rỉ và quặn quại với cuộc chiến yêu đương, với cuộc âm dương giao đấu của họ. Và khi que củi trên tay quý Lữ sĩ Phê vụt nhanh xuống thì cùng lúc hân cũng nghe rõ tiếng kêu rên thảng thốt của Mỹ Xuân. Quả là một ngày với nhiều điềm tốt lành cho hân. Hân cao hứng cất tiếng hát một bài mà hân cảm tác tại chỗ vì lúc này có nhiều con quý đỏi, ma xó và ma trời ngoài đêm mưa cũng đã chạy vào thưởng thức tài nghệ Lữ sĩ Phê và bắt đầu nhảy múa theo lời ca:

Làm sao các người còn ngăn cản bước chân ta

Vì chính tội lỗi các người đã vờ ta đến

Khiến cửa hỏa ngục đã mở toang,

Bởi lòng dạ các người đầy sự tham dâm vô độ,

Đầy sự kiêu ngạo và ác tâm.
Sự bội bạc của các người làm xót xa
Người thiện tâm quảng đại chỉ đường ngay;
Các người sẵn sàng mọp quỳ trước vua điên,
Và ném lên trời cao những lời nguyên rủa
Khiến giờ đây bụng ta đói cồn cào
Như gái đi tới giờ ngựa ngáy.
Bởi bụng ta đã thành hỏa sơn sôi sục,
Thèm nuốt chửng những gì ta gặt hái
Từ mùa gặt kinh hoàng của ta đầy máu lửa,
Ta đã ăn xong những vòng xích sắt
Giữ chặt ta trong vực tối ngàn năm.
Lương thực ta nay là vũ khí
Và chiến cụ cháy đen, còn xông mùi tử khí,
Những xác người mới chết bãi chiến trường,
Những núi xương sông máu ngút ngàn,
Những khổ đau triền miên của những dân nô lệ.
Vì trước tự do nghèo hèn và nô lệ giàu sang
Các người đã chọn thân tôi đòi và rậm rạp.
Cái bóng của ta sẽ như đen như nguyệt thực
Che khuất hoàn toàn hết mọi lương tâm
Và lương tâm các người đã mù lòa, tàn tật.
Bọn tiểu quỷ nắm tay nhau thành một vòng tròn nhảy xung quanh đồng lửa.
Rồi chúng tách ra thành hai tầng, tầng dưới nhảy chạm đất, tầng trên chống
ngược hai chân móng guốc và cái đuôi hình mũi tên lên trời lắc lư và ngoe
nguẩy, có lúc duỗi thẳng và bung ra như nan quạt chuyển động đều đặn.
Đầu bọn tiểu quỷ tầng trên chúc xuống với đôi tai dơi, hai tay nắm lấy hai
tay của lớp quỷ tầng dưới. Thịnh thoảng có những thẳng quỷ tầng trên quay
vụ trên hai tay của đồng bọn. Lúc đó bốn cánh tay vịn lại như những sợi
dây chèo gõ lên thành những cục thịt to.
Đổi xong quỷ Lữ sĩ Phê, nhạc trưởng của bóng đêm hung ác, tội lỗi và ngu
muội, nói với bày quỷ đói rằng hẳn sẽ không trở lại làng này nữa, mọi việc

giao cho chúng lo liệu. Hẳn thấy cần phải đi tìm “con chồn tinh ngàn năm” để cùng cộng tác làm khổ sở dân này. Chúng tiến đưa Lữ Sĩ Phê đi một đoạn dài là đà trên những ngọn cây, giữa trời khuya đen như mực. Khi bay được một đoạn dọc bờ sông, Lữ Sĩ phê hỏi một tiểu quỷ bay bên trái:

“Lát nữa mày về đâu?”

“Dạ em về chùa.”

“Không sợ bọn đầu trọc tụng kinh Kim Cang sao?”

“Hồi trước nghe tụng kinh ấy, đầu em như bị búa bổ, bây giờ em nghe như bài hát ru cho em ngủ ngon vậy.”

“Sao vậy?”

“Vì từ ngày sư sãi rước thêm tượng Cáo-râu-dài về thờ như Bồ tát, tụi em không còn sợ nữa. Vả lại đó là không môn, ra vào cũng dễ như không. Mấy vị Hộ pháp từ đó cũng hóa đá, mỗi lần thấy em định bay ra nhưng chỉ rút được đầu ra khỏi tượng còn thân thể bị dính cứng trong xi măng. Phật thì ngài cũng biết đấy, lúc nào cũng ngồi nhắm mắt...”

“Cũng phải, còn mày lát nữa về đâu?” Lữ Sĩ Phê quay sang hỏi một tiểu quỷ bên phải:

“Dạ em về tu viện.”

“Không sợ bọn mặc áo chùng thâm đọc kinh Te Deum hoặc kinh Ave Maria sao?”

“Em ở chung phòng với một tu sĩ kiêu ngạo. Ông ta kiêu ngạo vì cái áo đó còn tâm hồn bằng giá như Bắc cực. Ông ta chỉ nói ‘Lạy Chúa, lạy Chúa’ ngoài đầu môi chót lưỡi thôi. Vả lại trong tu viện ấy số tu sĩ như ông ta không ít.”

“Cũng phải,” Lữ sĩ Phê đáp lại rồi lớn tiếng đọc một câu trong sách thánh:

“Và Đức Chúa sẽ làm cho tâm hồn Pharaô ra chai đá và vua sẽ không cho dân Ítraen ra khỏi nước”(Xh 4,21). Sau đó hắc cười to sảng khoái làm mấy con chim ngủ trong một lùm cây bay lên hoảng loạn, rồi hắc cao hứng nói tiếp: “Còn ngày nay Lữ Sĩ Phê này sẽ làm cho các bậc trưởng thượng và vị vọng xứ này hoá ra mông muội, hy sinh xương máu dân lành cho các quan thầy của họ”. Qua bên kia bờ sông, Lữ Sĩ Phê đi thẳng, còn đám tiểu quỷ bay về nhưng vẫn nghe được giọng ngâm khô khốc của Lữ Sĩ Phê,

Cứ đui mà giữ đạo nhà/ Đạo nhà cũng bởi tay ta tầy huây.

Khi hai cặp tình nhân no thỏa khoái cảm trở lại đồng lửa, họ thấy lửa đã tàn, trên đồng than hồng có một chỗ đen đậm bằng bàn chân guốc như bị ai tưới nước. Họ leo qua cửa sổ đem theo hai cây đuốc soi đường để về nhà. Mọi vật trong đêm sau cơn mưa im ắng thật đáng sợ. Thỉnh thoảng một vài tiếng cú rợn người kêu lên.

Thời gian sau này cả Mỹ Xuân và Ngọc Thu thấy thân thể mình mập mạp hơn và hấp dẫn hơn, đôi gò nhũ to hơn, hông nở nang hơn, những đường cong gợi cảm hơn. Và dĩ nhiên trong bộ áo thợ cấy to rộng bạc màu hàng ngày khó ai nhận ra sự thay đổi ấy

Vâng, nếu hai cô hiểu rằng cơ thể người nữ “đã biết” người nam phải nở nang hơn để chuẩn bị việc sinh đẻ; nếu hai cô cũng hiểu rằng hai chàng trai họ yêu sẽ cho họ một tác phẩm sống, một bào thai mà họ mang trong người trước ngày họ xuất giá.

@@@

Sau khi Thầy Trình dặn dò lần cuối người mai mối và chờ người này đi khuất sau hàng đậu hướng về nhà Ngọc Thu để cầu hôn Ngọc Thu cho Tuấn Nhon, ông mới quay vào la mắng con trai út Tuấn Nghĩa và thằng bạn Huỳnh Hiến của nó cũng là em út của Kim Thản vợ Lê Bát, con dâu của Lê Đối; chúng khoảng chừng mười tuổi:

“Sao hôm nay hai đứa vô lễ thế. Trong lúc nhà đang có khách mà tụi bây cứ đá cầu cười nói ồn ào, thầy không muốn thấy các con sống thiếu ý thức như thế.”

“Chúng con biết lỗi, xin thầy tha cho” Tuấn Nghĩa vội vàng xin lỗi cha nó. Trong nhà Thầy Trình các con ông đều gọi ông bằng thầy và ông cũng xưng thầy với chúng và cả với bạn chúng.

“Thôi lần sau đừng như thế... bây giờ Tuấn Nghĩa ra nhà sau pha cho thầy ấm trà rồi hai đứa vào vườn chơi cho thầy đỡ bị ồn.”

Khi hai đứa trẻ bưng ấm trà và bộ chén tổng lên, Thầy Trình nói với con:

“Qua tết, con sẽ ra Đà Nẵng trọ ở nhà chị hai con và anh rể để đi học nhớ không?”

“Vâng, nhưng tại sao lại đi học xa quá vậy thầy?”

“Vì con không biết đất này là đất hiểm không phải là đất phát. Có chăng chỉ phường lưu manh, vô lại sẽ phát trên đất này mà thôi. Hồi trước thầy thử lấy chút kiến thức về địa lý để chế ngự nhưng vừa qua thầy nghe mấy thanh niên hay hện hò đi chơi kháo với nhau rằng không thể ra chỗ đá Tôn-Lưu trăm thạch ngồi ngấm trăng hóng gió được vì khi đêm xuống nó bốc ra mùi thum thum và tanh lợm, có đứa còn lấy đèn pin soi thấy ở giữa khe nứt có nước rịn ra nhờ nhờ như nước cơm loãng. Thầy biết những phương thế thầy đã bày ra cho Lê phú hộ nay đã trở thành vô hiệu. Căn bệnh này trầm kha, còn thầy không giỏi trấn yểm nên thầy nghĩ phải tìm chỗ đất khác cho các con. Tuy chưa được là ‘đất lành chim đậu’ nhưng không hiểm ác như đất này. Vả lại chị Hai con muốn thầy ra ngoài đó sống với vợ chồng chúng nó.”

Mặc dù không hiểu hết lời cha mình nói nhưng Tuấn Nghĩa vẫn cứ vâng dạ, vì chữ vâng dạ với người trên dù họ nói sai cũng là một phần của lễ nghĩa. Rồi nó nói tiếp:

“Chị Hai thì không sao nhưng còn anh rể, con thấy cũng bất tiện...”

“Thầy cũng có nghĩ việc này nên thầy đã nhờ chị Hai con mua một miếng đất gần nhà nó ở hữu ngạn sông Hàn, nhìn qua bên kia sông là thành phố Đà Nẵng. Khi nào cần ta sẽ cất nhà cho các con ra đó sống.”

“Vâng, thầy lo xa quá.”

“Thôi bây giờ hai đứa ra sau vườn chơi đi...trưa nay cháu Hiền ở lại ăn cơm với thằng Nghĩa rồi hãy về.”

“Cám ơn thầy, cháu sẽ về sớm vì hôm nay có chị cháu về thăm nhà ”
Huỳnh Hiền lễ phép nói.

“Ờ cũng phải,” thầy Trình gật gù nói.

Bóng hai thằng bé khuất sau vườn; độ nửa giờ sau chúng chia tay. Thằng Huỳnh Hiền bước vào chào thầy Trình để về nhà gặp chị còn Tuấn Nghĩa cho con chim gáy ăn rồi vào vũng nằm đọc sách. Sau đó gần một canh giờ, người mai mối đã quay trở lại báo tin vui. Cha của Ngọc Thu đồng ý gả con gái cho Tuấn Nhơn. Và ngày một người mai mối của nhà trai sẽ báo cho nhà gái biết ngày giờ cử hành lễ hỏi và lễ cưới. Có lẽ sau tết độ ba tuần.

Hôm đó Kim Thản về thăm cha mẹ; trong bữa ăn Huỳnh Hiền kể lại câu

chuyện nó nghe Thầy Trình nói sáng nay. Chị nó nói:

“Vớ vẩn, đất nào là đất phát, còn đất nào là đất hiểm. Gia đình chồng chị chẳng phát vì đất này sao?”

Tuy nói vậy nhưng khi thắng em út bỏ đi tắm sông và bắt cá lia thia, Kim Thản cảm thấy lo âu vì những lời thầy Trình đã tiết lộ.

Thầy Trình không thắc mắc sao nhà gái dễ dàng đến thế, không đòi hỏi cầu kỳ mấy mâm mấy quả, bao nhiêu tiền mặt bao nhiêu nữ trang, bởi Thầy Trình biết Tuấn Nhon, con ông là một mẫu người chồng hoàn hảo về nhiều phương diện đối với những thiếu nữ con các tá điền làng này. Đã hẳn cha Ngọc Thu không cần hỏi ý kiến của con mình. Vả lại nếu được hỏi ý kiến, trước sau Ngọc Thu cũng ưng thuận vì không thể cãi ý cha. Cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đó; đấy là mệnh lệnh.

Hai hôm sau tổ chức có cuộc họp, Tuấn Nhon muốn gặp riêng Ngọc Thu khi họp xong nhưng nàng đã bỏ về trước mười lăm phút và đón đợi ở một lùm cây trên đường Huy Phụng về nhà. Họ cùng ngồi lại bên bờ một con mương dưới ánh trăng mười bảy. Lúc đó nàng vừa khóc vừa nói cùng Huy Phụng:

“Hôm kia cha em đã nhận lời gả em cho Tuấn Nhon với người mai mối của thầy Trình rồi. Đêm nào em cũng khóc thầm. Em nghĩ nếu mình thương nhau chân thật như vợ chồng chỉ còn một cách là anh và em cùng bỏ nhà trốn đi.”

Huy Phụng cầm tay nàng cố ý thở dài im lặng một lúc rồi nói:

“Anh cũng nghĩ như em nhưng không lẽ chúng ta bỏ ngang nhiệm vụ của Việt Minh trong giai đoạn quyết liệt này. Hay là em cứ bỏ đi trước sau này anh sẽ tìm em...”

“Em biết anh làm sao bỏ được chức phó chủ tịch tổ chức ... Em cũng biết anh yêu đảng hơn em.”

Tuy trong thâm tâm, chàng biết nàng nói đúng vì trong đảng ngoài danh vọng còn nhiều gái đẹp. Huy Phụng đã sửa một câu thơ cổ cho hợp tham vọng của chàng, Đảng trung hữu nữ nhan như ngọc (thơ cổ: Thư trung ..., trong sách thánh hiền có con gái mặt đẹp như ngọc). Vả lại hiện nay chàng là con ong đã tỏ đường đi lối về của nàng rồi nếu có mất nàng cũng không

tiếc xót... thế nhưng chàng vẫn chối:

“Sao em lại so sánh như thế, chẳng phải chúng ta đã thề trước cờ đảng sẽ hy sinh hạnh phúc cá nhân cho sự nghiệp vĩ đại của đảng hay sao? Bây giờ chúng ta khó có giải pháp vẹn toàn giữa tình và đảng...”

“Nghĩa là em phải hy sinh lấy Tuấn Nhon và ở lại phục vụ đảng.”

Huy Phụng không đáp dù đó chính là ý chàng vì nếu Ngọc Thu bỏ trốn, chẵn chẵn Tuấn Nhon vì sĩ diện cũng bỏ ra Đà Nẵng với chị hẳn trong khi lúc này tổ chức rất cần có Tuấn Nhon trong vị trí của một ủy viên tuyên giáo. Hình ảnh của Tuấn Nhon tạo nên uy tín của Việt Minh trước quần chúng làng này. Người nông dân làng này ít học đâu thể hiểu học thuyết đúng/ sai chỗ nào, nhưng biết có Tuấn Nhon trong tổ chức họ yên tâm và họ tự nhủ, “Có Tuấn Nhon thì điều mình theo phải đúng”. Chính CS cũng khai thác yếu tố uy tín này khi sử dụng các cán bộ địa phương cho việc tuyên truyền chủ nghĩa.

Uy tín của Tuấn Nhon là nguồn gốc lòng ganh tị đầy ác ý của Huy Phụng, Huy Phụng đang tìm cách liên kết với Bảy Long để gạt Tuấn Nhon ra khỏi ban lãnh đạo. Sau cùng chàng nói:

“Anh không muốn điều đó nhưng nếu em bỏ nhà trốn đi thì sau đó tổ chức cũng sẽ mất người thứ hai là Tuấn Nhon. Em biết đấy tổ chức còn yếu, nếu một người bỏ đi, sức mạnh của tổ chức sẽ suy yếu. Vì thế em cho anh thêm thời gian để tính lại việc này.”

“Vâng, anh phải cho em biết sớm để em còn nói lại với ba em...”

Sau đó Huy Phụng kéo nàng đến một gốc dừa to thân nằm nghiêng trên hai bờ mương. Từ sau lần đầu tiên trong rừng hoang, những yêu sách về tình dục của Huy Phụng đối với nàng đã trở thành một mệnh lệnh đầy uy quyền như mệnh lệnh của tổ chức. Và lại nàng cũng thích được hưởng lạc thú mãnh liệt và tuyệt vời ấy với sự đam mê xác thịt mà chàng đã khêu dậy.

Huy Phụng đè nàng nằm trên thân dừa hai chân nàng quặp vào lưng chàng, hai tay nàng bấu vào vai chàng, trong lúc chàng đứng sát vào gốc cây ‘đóng đinh’ nàng vào giữa háng và nhún nhảy. Tư thế làm tình này giống như một tư thế khiêu vũ và họ nhập cuộc với hai tâm trạng khác nhau. Với Ngọc Thu là niềm vui hiến thân khi còn có thể, lúc tình yêu đang bị đe dọa

bởi cuộc hôn nhân; với Huy Phụng là sự bùng nổ qua tình dục nổi uất hận và ganh tị với Tuấn Nhon. Dù sao cả hai đều được thỏa mãn, và đêm hôm đó một tình trùng đã thâm nhập được một trứng để Ngọc Thu thụ thai trước ngày xuất giá một tháng rưỡi sau đó.

Đêm hôm đó nằm trên giường ngủ, Ngọc Thu nghĩ lại những lời Huy Phụng đã nói, nàng thấy rõ kế hoạch của nàng thất bại vì Huy Phụng coi trọng việc đảng hơn hạnh phúc của nàng. Dường như chàng có thái độ buông xuôi, hơn nữa còn gián tiếp khuyên nàng ở lại để giữ chân Tuấn Nhon trong tổ chức. Sau cùng nàng tự an ủi mình và cho rằng mọi cuộc hôn nhân đều là một việc sắp đặt trước nào đó của số phận, nếu không kể đến việc gia đình ép buộc.

Chờ mãi nhưng Huy Phụng không có một giải pháp hoặc thái độ dứt khoát nào cho vấn đề đặt ra giữa tình và đảng nên sau cùng nàng đã quyết định lấy Tuấn Nhon. Trong đêm tân hôn để chứng tỏ mình là trinh nữ, nàng đã dùng thuốc đỏ để qua mắt tân lang nhưng vì quá tay nàng đổ xuống chiếu hơi nhiều. Nàng lo sợ khi lấy chiếu đi giặt và chỉ cho chồng. Nhưng lo sợ uổng công vì Tuấn Nhon có nhìn qua nhưng không hề thắc mắc sao máu trinh nhiều đến thế. Cũng như sau này Tuấn Nhon không hề thắc mắc tại sao nàng lại sinh non trước chín tháng mười ngày.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 3
Những ngọn cờ đỏ

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương. Sau khi hất cẳng Pháp, chính phủ Nhật hoàng tuyên bố sẽ giúp đỡ nền độc lập của các dân tộc Đông Dương. Nước Nhật và phe trục lúc bấy giờ bị phản công trên các mặt trận nên những người thức thời đều cho rằng Nhật khó trụ nổi và lời hứa với Đông Dương chỉ là một lời nói suông.

Cuộc chính biến ấy tạo ra một dư chấn đến làng Rí và làng chài. Tổ chức Việt Minh đóng vai nhân dân nhảy vô nhà làng đuổi cổ mấy hương chức theo Pháp và đưa người của mình vào giả làm người thân Nhật để trước mắt kiểm soát công việc trong nhà làng và chuẩn bị bước tiếp theo. Họ cướp chục cây súng của lính lệ giao cho người của Việt Minh.

Từ tháng ba trở đi Việt Minh trong làng gia tăng hoạt động. Các thành viên tổ chức cũng tranh thủ thời gian này để ổn định việc gia đình và hôn lễ. Bảy Long làm đám cưới với Mỹ Xuân, cô này cũng đã mang thai trước ngày cưới. Huy Phụng cưới em Mỹ Xuân là Mỹ Đông. Kế hoạch chính của CS trong cả nước ngày càng rõ nét là phải cướp chính quyền từ tay Nhật trước ngày Pháp thoát khỏi cuộc đại chiến và sẽ trở lại Việt Nam. Sau Hội nghị quân sự tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) ngày 15 tháng 4 năm 1945, Việt Minh trong làng tổ chức các khóa quân sự cho du kích tập bắn mấy loại súng trường của Tây và của Nhật. Huy Phụng làm chỉ huy trưởng quân sự, Tuấn Nhơn làm chính ủy. Ba cô Ngọc Thu, Mỹ Xuân, Mỹ Đông chỉ học những giờ lý thuyết vì cả ba đều đã mang bầu. Tuấn Nhơn nói đùa:

“Mấy bé còn trong bụng mẹ mà đã học bắn súng chắc sau này sẽ thành thiện xạ hơn cả các chú các bác.”

“Chắc chắn sẽ bắn giỏi hơn mấy anh rồi.” Mỹ Đông vô tư đáp lại ngay, còn Ngọc Thu thì đỏ mặt.

Cuối tháng tư Thầy Trình sau khi đưa các con về Đà Nẵng thì bạo bệnh qua đời. Trước lúc chết, ông thường kêu tên Cáp Thả Nhiên (thánh Gabriel), nhưng trong nhà không ai biết người này là ai. Căn nhà của họ Trình giờ giao lại cho hai vợ chồng Tuấn Nhon và Ngọc Thu.

Sau khi cha chết, Lê Đồi chia gia tài cho hai con trai và một con gái. Hết thửa ruộng bên kia sông Nghiệt gần làng chài là của vợ chồng Lê Bát – Kim Thản. Ruộng bên này sông Nghiệt nơi ông tổ Lê Thát thay trâu kéo luống cày đầu tiên chia làm mười phần, hai phần làm đất hương hỏa, cô Miêu được một phần, bảy phần còn lại là của Lê Ngát. Ngoài ra Lê Ngát với tư cách trưởng tộc còn được giao coi phần đất hương hỏa để sau này nối tiếp việc tế tự tổ tiên.

Như vậy vợ chồng Lê Bát phải ra riêng. Họ định năm sau qua bên kia sông Nghiệt cất nhà trên chục mẫu đất họ được chia và trực tiếp coi việc ruộng nương, tự mình hạch toán việc canh tác. Kim Thản còn định sẽ mua ghe vận chuyển và làm ngư nghiệp. Họ không biết rằng trong kế hoạch mà Tuấn Nhon và Huy Phụng đã thống nhất, Lê Ngát được tha tội chết dù là địa chủ vì trước đó đã thường xuyên tiếp tế cho tổ chức theo lời khuyên của anh vợ là một cán bộ Việt Minh, còn ruộng đất của Lê Bát sẽ được Việt Minh sung công theo kế hoạch của họ để dùng cho việc nuôi quân trong một cuộc chiến mà họ dự tính sẽ còn dài.

Buổi tối đó sau bữa ăn với cha và anh cả, Lê Bát quay về buồng với Kim Thản, kẹp trong nách một chai nửa lít rượu thuốc, nút chai là lá chuối khô quấn tròn. Kim Thản hỏi:

“Uống với cha và anh hai chưa đủ sao còn xách rượu về đây?”

“Chà chà, đây là rượu quý anh lén lấy từ bình to của ông. Em biết đấy, trong bữa ăn mỗi người chỉ được uống được ba chung như câu nhà nho hay nói Bán dạ tam bôi tửu sau đó chỉ uống nước canh thôi.”

“VẬY chưa đủ sao, nếu biết mình thích uống rượu như vậy, tôi đã không thèm lấy mình đâu... Hồi đó có thấy mình uống bao giờ đâu?” Kim Thản giả vờ hờn dỗi nói.

“À ừ, hồi đó chở lúa bên kia sông về kho lúa bên này ai mà uống rượu, lúc nào anh cũng muốn cho xong việc sợ trời mưa bất ngờ ướt lúa trên ghe.”

Rồi Lê Bát nói tiếp:

“Sao lúc đó anh thấy em gánh lúa không dẻo như bây giờ?”

“Lúc đó em là người gánh thuê, gánh lúa từ ruộng ra ghe cho anh, còn bị anh đăm đăm nhìn miết. Vậy hỏi anh lúc đó anh nhìn em gì mà nhìn miết hử, sao không nhìn những cô khác?”

“Nhìn đủ thứ, với lại đủ thứ của em đẹp và duyên dáng hơn người.”

“Chớ không phải muốn nuốt trọn người ta...”

“Đâu chỉ có vậy, anh còn nghe em hát trong lúc ngồi nghỉ với các bạn ở dưới gốc dừa. Này nhé “Chim đa đa đậu nhánh đa đa/ Chồng gần sao em không lấy mà lại lấy chồng xa/ Một mai cha yếu mẹ già / Chén cơm đôi đũa bộ kỷ trà ai bưng”

“Vậy anh là chồng gần hay chồng xa của em?”

“Dĩ nhiên là chồng gần và chỉ có một của em...”

Lúc này, Lê Bát đã yên vị trước cái đèn dầu trên cái bàn gỗ cắm xe với lớp vécni mỏng. Bát nói tiếp:

“Thôi bây giờ em kiếm cho anh ít mời để tôi uống thêm vài chung rượu nữa.”

“Có hai cái nem chua sau cùng... để tôi lấy cho.”

Trong lúc Kim Thản xuống bếp chỗ cô thường giấu mời nhắm rượu cho chồng, ngắt bớt từ mời đưa cay của cha chồng và anh chồng, Lê Bát nhìn qua ánh đèn dầu chất rượu màu nâu trong suốt và óng ả đầy vẻ thán phục. Có gì trong cái màu nâu đó làm mình hưng phấn, gan lì khi ‘lâm trận’. Không phải là trận mạc gì nhưng là cuộc chiến âm dương với Kim Thản. Nó biến mình thành người hùng thật sự đối với nàng... Kim Thản đã quay trở lại thấy ba cái nem chua lên bàn, chua ngoa nói:

“Đấy, nhưng anh không được uống quá nửa xị đấy.”

“Phải, cũng chỉ chừng đó thôi ... À mà có tới ba cái nem chua.”

“Ba, bốn gì cũng chỉ nửa xị thôi.”

“Sao em chứ cảm rằm hoài. Phần này là anh uống cho em.”

“Cho em? Lạ quá nhỉ”

“Nghe này, đây là thứ rượu ‘ông uống bà khen’ rồi lát nữa em sẽ khen anh, sẽ hát tặng anh đừng có mà rên rỉ quăn quại nghe không.”

“Đồ mắc dịch...” Kim Thản bỏ đi để Lê Bát độc ẩm một mình, hết thán phục rượu lại thán phục mình.

Nửa đêm trong lúc hai người quần thảo làm tình, Kim Thản rên rỉ thật thỏa mãn.

Khi ấy Lê Đồi ngồi canh cho vợ ngủ yên sau một cơn mệt tim, rồi ông ra nhà sau đi đái ngang qua buồng của con trai và con dâu, nghe tiếng rên rỉ khá to từ bên trong, tiếng động mạnh và đều xuống vạc giường. Ông dừng lại, chống tay vào vách, nghe ngóng một hồi rồi thở dài đi về phòng nằm xuống cái giường gỗ nhỏ cách cái giường của vợ ông hai thước. Bà này bị bệnh đau tim và bao tử kinh niên, sau khi sinh được con Miều, lúc đó Lê Bát đã lên mười tuổi.

Lê Đồi thao thức mãi khi nghĩ về thời cuộc. Dưới mắt Việt Minh một địa chủ như ông quả là đáng căm thù trong sự phân loại của họ. Họ không cần biết cha ông đã thay trâu kéo cày khai hoang, mở đất mở ruộng. Trước đó cụ đã ở đợ, chăn trâu cho một phú hộ ở Nam Đàn. Việc chia gia tài ở tuổi năm mươi này có hơi sớm nhưng phải để cho các con ông tự bảo vệ tài sản của chúng trước cơn đại hồng thủy hung tàn mà Thầy Trình nói là chưa từng có trong lịch sử nước Nam. Ít ra ông cũng vừa biết lo xa vừa giữ được sự công bằng mà người làm cha phải có với con cái của mình. Khi ông nói việc ấy với vợ ông, bà vừa cười vì hài lòng cách làm của ông, vừa nhăn mặt vì giữa cơn đau bao tử.

Ông cũng biết Việt Minh đang rục rịch một công việc lật đổ kinh hoàng, thay một trật tự cũ bằng một trật tự mới hiểm ác khó lường. Ông nghe kể lại Việt Minh trong làng đã cướp được một số súng của Pháp ngoài ra còn tầm vông vạt nhọn, cờ đỏ sao vàng rồi cờ đảng và hình lãnh tụ của họ mà cha ông trước khi qua đời nói là cháu của Nguyễn phú hộ ở quê cụ nhưng mang dòng máu họ Hồ ở Huỳnh Lưu. Sau cùng ông cầu mong dù có biến động gì xảy ra con cháu ông đừng trở thành người đi ở đợ như bố ông từng đi ở đợ lúc còn ở quê nhà.

Bên ngoài một cơn mưa đầu mùa bắt đầu rơi trong đêm. Mưa rả rích làm nẫu lòng người. Trước đây khi vợ chưa bệnh, những đêm mưa như thế này ông và vợ ông còn sung sức sẽ tìm vui trong hoan lạc để quên buồn. Bây

giờ cơn mưa đang xoáy vào nỗi cô đơn trống trải của ông. Một nỗi buồn không tên, không lối thoát, không nơi trốn chạy.

Mưa buồn trong đêm và một mùa thu lại về. Rất nhiều lá cây vô tội sẽ rụng rơi và cả những hoa trái tốt lành. Ông chưa kịp thở dài, cơn mưa đã đưa ông vào giấc ngủ muộn lúc đã qua giờ tý. Mùa thu của bao điều tàn tạ.

Sáng hôm sau thức dậy lúc mặt trời đã mọc, khi bước ra sân thấy con dâu vội vàng trong bộ áo cũ phai màu mốc thối ra đồng đi gặt, ông nhìn theo nỗi mắt đáng đi đong đưa với đôi mộng no đầy lắt lư của Kim Thản. Lâu rồi ông thiếu hơi đàn bà, lúc này mấy con gái tá điền theo Việt Minh không nghe lời ông sai khiến. Những trai trẻ khỏe mạnh Việt Minh sẽ thay ông sai khiến họ.

Một buổi tối trong bữa cơm chiều Kim Thản báo tin cho chồng nàng đã mang thai gần hai tháng. Lê Bát trở mắt nhìn nàng mừng rỡ và thán phục, nốc thêm hai chung rượu nữa cuối bữa ăn. Nửa đêm về sáng khi trần truồng ôm nhau ngủ sau lúc tận hưởng lạc thú, Lê Bát và Kim Thản giật mình thức dậy khi tiếng trống âm ỉ, tiếng chiêng inh ỏi, tiếng la hét đả đảo đế quốc và việt gian, tiếng hoan hô Việt Minh vang dội khắp làng.

Mặc lại quần áo, chạy vội ra sân phơi lúa để nghe ngóng, Lê Bát thấy cha mình đã có mặt ở đó. Ông nói với con trai:

“Việt Minh cướp chính quyền từ tay người Nhật. Không biết họ có liệt mình vào danh sách Việt gian không?”

“Mình có làm điều gì gian ác đâu, mang tiếng chủ điền nhưng mình cũng làm quần quật như tá điền, còn giúp họ có việc làm để sống...”

“Bây giờ liệu họ có nghe mình phân bua không? Thôi con vào đi rồi coi việc gì làm chưa xong cố làm nốt trong ngày hôm nay, để một mình cha đi coi tình hình thế nào?”

“Cha yên tâm vì hôm trước thằng Cám có nói với con đợt này họ chỉ trừng trị mấy người mà họ cho là chó săn làm việc cho Tây trước đây hoặc đã chỉ điểm cho Tây bắt người của họ, triệt phá các cơ sở đảng.”

“Biết đâu mà tránh được hử con. Cha nghĩ chắc cũng sắp đến lượt những địa chủ như nhà mình...”

Ông vừa ra khỏi cổng đã gặp ngay lão Thổ từ nhà mình chạy ngay qua nhà chủ. Sau đó, một chủ một tớ (lớn hơn chủ mười tuổi) cùng tiến ra nhà làng trên con đường còn mờ tối trước một ngày. Lão Thổ nói:

“Sao tôi không thấy cậu hai Lê Ngát đâu cả?”

“Nó và vợ nó đã về Hội An ăn giỗ bố vợ nó.” Lê Đối đáp.

“Thế à, còn cô Miều đâu?” lão Thổ lại hỏi về cô chủ mà lão quý hơn vợ con mình.

“Tôi cho nó theo anh nó để biết phong cảnh ở đó và những di tích thương khách Nhật còn để lại.”

“Cậu hai định chừng nào về?”

“Năm ngoài chỉ ba bốn ngày... nhưng nếu nó biết tình hình hôm nay ở đây chắc nó sẽ không về sớm làm gì.”

“Hồi nãy, khi từ nhà đến đây, tôi nghe mấy dân làng nói ‘họ’ đã đến nhà những hương chức theo Tây, theo Nhật bắt giữ khoảng bảy người, sáng nay sẽ đem ra chỗ bãi đất chỗ đá Lưu-Tôn để xét xử.”

“Thế sao, chắc họ sẽ còn bắt thêm những người khác và biết đâu lại có tôi.” Lê Đối lo lắng nói.

Không lâu sau họ đã đến trước sân nhà làng. Dân chúng trong làng đã bị lừa đến để dự mít-tinh ngày cướp được chính quyền từ tay Nhật. Kẻ đứng người ngồi láo nháo. Cờ xí ủ ê trong bóng tối nhập nhoạng trước ngày. Lão Thổ và Lê Đối nhập vào đám người mít-tinh nghe ngóng họ bàn tán đủ chuyện. Hóa ra họ rành chính trị và thời cuộc (dĩ nhiên chỉ là bề ngoài) hơn mình. Lê Đối tự nhủ.

Khi mặt trời đã xuất hiện, các du kích kêu gọi dân làng ổn định. Tuấn Nhơn từ bên trong nhà làng trong bộ áo rất nông dân tiến ra đứng trên chỗ cao nhất của tam cấp nhà làng, xướng giọng cho dân làng hoan hô/ đả đảo gần chục khẩu hiệu để tạo khí thế:

“Hoan hô Việt Minh cứu quốc cướp chính quyền từ tay thực dân đế quốc.”

– “Hoan hô.” v.v.

“Đả đảo thực dân Pháp và quân phiệt Nhật xâm lược giết hại dân lành.” –

“Đả đảo.” v.v...

Trong lúc những tiếng hô vang lên long trời lở đất như thế, cờ xí ủ rũ đồng

loạt được giơ cao, Lê Đối rùng mình vì chữ cướp (chính quyền) cứ đọng lại trong đầu óc ông vì ông nhớ khi còn nhỏ mỗi lần ông đi chơi bời, đàn đúm với bạn bè về trễ cha ông vừa quất roi tới tấp vào người ông vừa mắng mỏ, “Tụi bay đi lập bè, lập đảng để làm ăn cướp phải không?” Cha ông còn phạt ông quỳ trên miếng xơ mít.

Trong lúc Lê Đối quỳ gối trên mặt gai miếng xơ mít, mẹ ông đi ngang qua, bà vào phòng nói to với chồng đủ để Lê Đối góc phòng ngoài nghe thấy. Bà nói, “Chúa Trịnh, chúa Nguyễn cũng đã lập bè, lập đảng tranh cướp thiên hạ đấy thôi...” Cha ông ngập ngừng đáp lại, “Nhà này không ai có đủ ác tâm để cướp thiên hạ bằng bạo quyền.” Bà mẹ bỏ đi còn Lê Đối rùng mình bởi chữ cướp vì ông liên tưởng đến sự cướp bóc, sự cưỡng đoạt. Giờ đây khi nhớ lại lời cha ông, Lê đối vừa kinh hoàng, sợ hãi vừa xấu hổ vì chính ông đã từng cưỡng đoạt mấy trinh nữ con của các tá điền.

Sau khi hoan hô đả đảo xong, Tuấn Nhon đọc bài diễn văn nói lên ý nghĩa của việc cướp chính quyền, đồng thời nói lên vai trò và sự chỉ đạo sáng suốt của đảng CS. Kể từ nay cách mạng Việt Nam phải do một mình đảng lãnh đạo. Mọi tổ chức, đảng phái và mọi hoạt động nào không do đảng đều là cạm bẫy phản động của kẻ thù v.v...

Khi điền chủ Lê Đối mệt mỏi ngồi bệt xuống đất, lão Thổ cũng ngồi theo bên cạnh nhưng lão cố chăm chú lắng nghe. Khi tiếng vỗ tay vang lên cuối bài diễn văn, một ý tưởng duy nhất còn đọng lại trong đầu lão Thổ: chỉ có đảng mà không có nhân dân, đúng hơn có nhân dân làm theo ý đảng và không được có ý kiến, ý cò gì về số phận của mình. Lão nghĩ lẽ ra thằng Tuấn Nhon phải nói là “đảng chúng tao” mới đúng thể mà nó lại cứ một điều “đảng ta” hai điều “đảng ta”.

Sau bài diễn văn dài dòng và dai như đĩa ấy, Tuấn Nhon lại xướng giọng thêm vài ba khẩu hiệu nữa, rồi mọi người được lừa đến bãi đất chỗ có đá Tôn Lưu trăm thạch để xử tội những tên phản động. Đúng hơn họ bị lôi đi giống những cánh bèo bị dòng nước cuốn trôi, như khi ta làm theo một Ý Chí mạnh mẽ và vô hình của lịch sử mà ta còn chưa được hiểu rõ và phản ứng duy nhất lúc ấy là đi theo như những cái xác biết đi.

Lão Thổ thấy ở đó đã có sẵn nhiều cờ xí ngoài cái bàn mộc và cái băng dài

cho những người xử án. Khi đến gần, lão tưởng mình sắp ngất xỉu vì thấy chỗ khe hở của đường nứt chia đều tảng đá Tôn Lưu cắm một hàng năm lá cờ đỏ sao vàng, các cán cờ đều là những cành tre; ở đầu trụ Linga có treo hình lãnh tụ mặt trông như mặt cáo. Lão kêu than lí nhí trong miệng:

“Trời ơi, bà Tôn-Lưu làm sao chịu nổi sự ức hiếp này của năm thằng-đỏ một lúc; ông Thạch trụ làm sao chịu nổi sự chiếm dụng này của vua-cáo.”

Tiếng than của lão Thổ quá nhỏ đến nỗi Lê Đối đi bên cạnh cũng không nghe thấy gì ngoài tiếng thở dài sau cùng của lão.

Lúc đó nắng đã lên gần hai con sào, chói chang. Mặt trời đã phóng những tia nắng như những mũi tên lửa lên đỉnh đầu của đám nông dân làm họ khô khát, mệt mỏi. Họ mất dần sự tập trung trong lúc một cán bộ Việt Minh gần giọng tố cáo những tội ác của Nguyễn Văn X., Trần Văn Y., ... (mà cần gì cái tên cụ thể nữa khi mọi người đều có thể được định nghĩa bằng một công cụ hoặc sức lao động nào đó trong một lực lượng sản xuất). Bảy phạm nhân này hai tay bị trói quắc ra sau lưng, đầu cúi xuống để tránh nắng đang quỳ gối trước mặt ba cán bộ xét xử.

Mặt trời vẫn tiếp tục ném lửa xuống trần, trên ruộng đồng làm cho lúa chín, còn ở đây để thiêu đốt những người tham dự; các nông dân chỉ mong sao buổi xử án kết thúc sớm vì họ đi từ lúc trời chưa sáng nên không đem theo mũ nón. Bây giờ lửa mặt trời đang nhảy múa trên đầu họ. ‘Họ’ muốn xử thế nào cũng được miễn là đừng bắt chúng tôi phơi nắng. Dường như đám nông dân ít học ấy đã biết trước phán quyết sau cùng của ba cán bộ ngồi xử án trước bảy kẻ phạm nhân. Chết là cái chắc. Đã vậy bắt chúng tôi chịu nắng làm gì? Phải rồi, để chúng tôi bị nắng hành trở thành mệt mỏi, đờ đẫn, buông xuôi không phản đối hoặc có ý kiến này nọ chứ gì, nói cách khác làm tê liệt mọi ý chí phản kháng của chúng tôi.

Sau cùng một cán bộ hét to: “Thay mặt nhân dân làng X. và làng chài, thay mặt đảng, nay tuyên án Việt gian phản động Nguyễn Văn X., tử hình ... Trần Văn Y., tử hình. Bảy bản án tử hình. Rồi du kích bịt mắt các tội nhân, dẫn họ ra bờ sông chỗ gò đất cách đó chừng ba mươi mét, đứng quay lưng ra sông thành một hàng ngang. Một loạt đạn nổ vang. Bảy cái xác người nảy lên như bị điện giật, bật ngửa từ trên gò cao rơi xuống dòng sông

Nghiệt chỗ nước sâu và chảy mạnh nhất, rồi từ từ chìm lìm và bị dòng nước cuốn trôi. Máu người chết làm đỏ một khúc sông. Chỗ họ bị xử bắn cách mộ Thư sinh năm mét. Lúc dân chúng được cho về nhà, có người thấy máu bắn đến tận mộ thư sinh thành một vũng to.

Lần này lão Thổ phải dìu Lê Đối về nhà mình gần đó cho ông chủ nghỉ ngơi, sau khi rán nuốt nửa chén cơm và bị mắc nghẹn mấy lần nhưng rượu thì uống hơn nửa lít. Lão Thổ dìu Lê Đối vào chiếc giường tre để chủ điền Lê Đối ngủ yên. Dường như ông ấy bị say nắng và hoảng sợ. Sau đó lão ngồi cúi đầu ăn nốt bữa cơm với thằng gù con lão. Sáng nay nó ở nhà nấu cơm vì không ai bắt thằng gù lại có tên là Sọt Rác dự mít tinh. Trong lúc nó ngồi trên hiên nhà chờ bố về, nghe những dân làng đi qua nhà bàn tán, nó biết hết diễn tiến và tình tiết của buổi mít-tinh sáng nay. Nó nghĩ mình phải dừng lại câu chuyện trong ngày kinh hoàng này thành một vở kịch cho mấy đứa nhỏ trong xóm diễn xuất để vui chơi.

Sau bữa ăn không thấy chút ngon miệng với món canh chua mà Sọt Rác nấu rất ngon, lão Thổ lại đầu hè ngã lưng xuống cái võng treo ở đó mắt lìm dim, trong lúc con ông vẫn còn gặm mút cái đầu cá lóc một cách ngon lành. Lão nhớ lại câu chuyện sáng nay và tự dừng hai dòng nước mắt chảy dài trên đôi má nhăn nheo của lão: xem ra con người còn ác hơn rắn độc.

Lão luôn cho rằng rắn độc không có ác ý khi giết người mà chỉ làm theo bản năng của nó mặc dù chính vợ lão đã chết vì rắn độc trả thù để lão ở lại cõi trần khổ não này với thằng gù là đứa con duy nhất.

Năm năm trước lão đi coi ruộng cho Lê Đối để định trước ngày nào gặt thì đúng thời điểm. Thành linh lão thấy trên bờ ruộng có hai con rắn cạp nong đang bò, sẵn trong tay cầm cây rựa cán dài, lão huơ một cái và hai cái đầu tam giác đứt lìa khỏi thân. Lão thu được một cái đầu mà lão đem chôn ngay sau đó và hai cái thân rắn mà buổi chiều lão làm món xào để cùng lão Thực đánh chén với hơn lít rượu. Nhưng trong lòng lão có một mối lo sợ mơ hồ nào đó vì dù vạch kỹ các đám cỏ gần đó để tìm, lão cũng không thấy cái đầu thứ hai.

Sáng hôm sau, lão dậy sớm trong lúc vợ lão hâm lại nồi cơm cho lão bôi vào lon gô mang ra đồng. Khi rửa mặt lão cẩn thận soi đèn xung quanh lu

nước và trên nắp lu. Lão sợ một con rắn đồng loại “mai phục” để trả thù. Trước khi ra khỏi nhà như thường lệ, lão nói với vợ:

“Lấy giùm tôi cái nón lá trên mái nhà.”

Hồi đó căn nhà lá của lão thấp lè tè, mỗi lần từ ngoài đồng về, lão tiện tay úp cái nón trên mái nhà, chỉ mùa mưa lão mới đem nón vào nhà. Bỗng lão nghe tiếng kêu thất thanh của vợ:

“Ông ơi, con rắn cắn tôi..cứu tôi... đầu con rắn.”

Lão chạy ra trước nhà thấy vợ ngồi bệt trên nền nhà, mặt mày tái mét, bàn tay bị một đầu rắn đứt lìa móc vào. Thì ra đầu rắn đã được đồng loại đặt sẵn dưới vành nón lá. Lão dùng tay giật mạnh đầu rắn đã chết ra. Kề miệng vào để mút nọc độc sau đó chạy vào nhà lấy thuốc trị rắn thoa lên, đặt vợ vào giường kêu thẳng gù lúc đó mới sáu tuổi ngồi canh mẹ nó trong lúc lão chạy tìm thầy trị rắn cắn.

Khi thầy trị rắn cắn đến, nhìn vào khuôn mặt tím ngắt và cái miệng đã sùi bọt thành chùm bong bóng nhỏ của người đàn bà trung niên nằm trên giường tre, ông lắc đầu nói:

“Muộn mất rồi vì vết cắn trúng vào động mạch lớn ở tay... Tôi không thể làm gì được nữa.”

Mười phút sau vợ lão giật mạnh lên mấy cái và tắt thở. Từ đó lão không còn ăn thịt rắn là món lão rất thích, còn rượu chỉ uống chút đỉnh cho dễ ngủ. Hai năm sau Lê Đối cho lão ít tiền để nâng mái nhà cao lên như hiện nay. Năm nhớ lại chuyện cũ, thêm hai dòng nước mắt chảy ra trên đôi má nhăn nheo làm cả khuôn mặt đầm lệ. Một lúc sau lão chìm vào giấc ngủ trưa trong tiếng nhạc của ve sầu.

Lão Thổ giật mình thức giấc khi nghe dưới gốc cây sung có tiếng trẻ nhỏ cười đùa to tiếng. Ở giữa đám trẻ đó là Sọt-rác mà một thầy giáo ở tỉnh về thăm người làng đã gọi đùa là Socrate. Từ ngày Sọt-rác lên mười hai tuổi, lão Thổ không còn biết con mình bao nhiêu tuổi nữa vì nó không cao lên thêm phân nào, nhưng cái lưng gù của nó to ra. Và nó cũng chỉ thích chơi với những đứa nhỏ mười một, mười hai tuổi. Dòng máu họ Đào trong người nó khiến nó thích làm tuồng và đặt tuồng (như Đào Tấn). Mấy đứa đang diễn một tuồng mới:

Trẻ 1: “Đình thủ bố Anh BA nó... xin đình thủ chớ giết người vô tội.”

Trẻ 2: “Sao người biết nó vô tội mà xin ta đừng tay tha cho nó. Người không biết nó dám chống lại ta.”

Trẻ 3: “Xin tha tội chết cho tôi vì tôi đâu biết mình đang chống lại ngài.”

Trẻ 2: “Chỉ cần làm khác ta là đương nhiên chống lại ta và phải chết.”

Trẻ 3: “Nhưng tôi cũng vì thiện ý muốn lợi ích lâu dài cho dân làng.”

Trẻ 1 (với trẻ 2): “Như ngài cũng vì lợi ích của những người theo đảng của ngài.”

Trẻ 2: “Chuyện của dân làng do ta độc quyền định liệu. Không một ai khác được xen vô.”

Trẻ 1: “Ngài độc quyền yêu nước sao?”

Trẻ 2 (với trẻ 1): “Câm mồm, tao sẽ tạm thời đình thủ với thằng đó, nhưng tao sẽ không đình thủ với mày. Lôi nó đi cho khuất mắt ta.

Trẻ 4 (từ hậu trường chạy ra): “Xin tuân lệnh.”

Trẻ 1: “Ngài định làm gì tôi?”

Trẻ 2: “Người còn đủ thời gian để biết dù chỉ trong một phút phù du.”

(Trẻ 4 nắm đầu trẻ 1 lôi vào hậu trường)

Trẻ 1 (trong hậu trường kêu to) Trời ơi, có ai cứu tôi, chúng nó sắp giết tôi.

(Một tiếng súng nổ trong hậu trường rồi im lặng)

Trẻ 4: “Thưa ngài tôi đã làm xong việc ngài giao cho.”

Trẻ 2: “Thấy thế nào?”

Trẻ 4: “Dễ hơn việc ngài dùng miệng cãi lý với mấy thằng ‘phản động’...”

Trẻ 2: “VẬY MÀY LÀM LUÔN THẲNG KIA ĐI. TAO CÒN BỮA TIỆC VỚI MẤY ĐỒNG CHÍ TRÊN XUỐNG. NHÂN DỊP NÀY TAO BÁO CÁO THÀNH TÍCH CỦA TA.”

Trẻ 4: “Thưa vâng.”

(Trẻ 4 nắm đầu trẻ 3 lôi đi. Thêm một tiếng súng nổ trong hậu trường.

Rồi một tiếng khóc than kêu lên thảm thiết, lúc thì kêu chồong lúc lại kêu cha: Đó là tiếng của Sọt Rác đã bỏ vai thầy tuồng để đóng vai thân nhân của những người chết.)

Lúc đó, lão Thổ đứng lên khỏi vũng cỏi định đuổi mấy đứa nhỏ đang quấy rầy giấc ngủ của chủ ông Lê Đối đã thấy Kim Thản từ đường đất chạy vào nhà:

“Có cha cháu trong này không bác Thổ?”

“Ông ấy đang ngủ như chết. Có việc gì không?”

“Việt Minh bắt chồng cháu đi lúc 11 giờ. Họ nói ra nhà làng làm việc rồi về ngay. Cháu nóng lòng chờ mãi. Lúc 1 giờ trưa cháu chạy ra nhà làng, thấy bọn họ đang ngồi ăn uống say sưa: họ giết heo to ăn mừng việc cướp chính quyền. Cháu rón rén lại gần nghe thằng Huy Phụng nói: ‘hồi nãy mình dùng dao lụi chúng nó thì đỡ tốn mấy chục viên đạn’. Nhưng Bảy Long và Tuấn Nhơn nói: ‘Có tiếng súng nổ mới có khí thế uy vũ và mới đánh động tinh thần chiến đấu của dân làng’. Sau đó họ cùng ly khen câu nói phải.”

“Rồi cháu có gặp chồng cháu không?”

“Không, cháu hỏi một du kích hồi trước làm tá điền cho mình. Nó nói muốn gặp chồng cháu phải làm đơn xin phép ủy ban Việt Minh. Nó còn tiết lộ cho cháu biết chỉ cần chồng cháu ký giấy hiến đất, họ sẽ thả về ngay.”

“Vậy cháu cứ về nhà làm đơn để ngay mai xin gặp chồng cháu. Chuyện hiến đất bác nghĩ phải có ý kiến của cha cháu. Lát nữa ông thức dậy, bác sẽ nói lại cho.”

Kim Thản vội vàng cảm ơn lão Thổ rồi ra về vì từ khi nghe chuyện biến động trong làng, rồi Lê Bát bị bắt dẫn đi, bà vợ điền chủ Lê Đối hết khóc lại kêu rất mệt trong người vì cơn đau tim và đau bao tử hành hạ bà liên tục. Bà thều thào, “Xin Trời Phật che chở cho thằng Lê Bát, con của con”

Chiều tối hôm đó từ nhà lão Thổ trở về, Lê Đối khuôn mặt buồn bã đắm chiêu ăn vội bữa cơm tối mà Kim Thản dọn ra, trước khi vào phòng canh coi người vợ già và bệnh, ông chỉ kịp nói với con dâu một câu:

“Ngày mai con đi gặp thằng Bát, bảo nó ký giấy hiến đất cho “họ” đi. Đừng chống cự, chỉ vô ích thôi. Hãy bỏ của chạy lấy người.”

“Dạ vâng.”

Trong lúc ngồi ăn cơm một mình, Kim Thản cũng cho đó là giải pháp sau cùng, nhưng cô cũng sợ rằng chồng cô không chịu. Cô nghĩ mình phải kiên nhẫn thuyết phục chồng hiến đất. Hẳn anh ấy phải tiếc xót, là con thứ được chia cho phần ruộng ở xa, sắp sửa cất nhà ra riêng, lên kế hoạch này nọ, chỉ trong một buổi sáng đã tan thành mây khói. Không lẽ mình sẽ ra riêng với hai bàn tay trắng trong lúc mình đã mang thai hai tháng hay sao? Anh hai

Lê Ngát đời nào chịu chia lại cho mình ít ruộng hoặc nhường việc giữ ruộng hương hỏa cho chồng mình, còn đất ruộng của Út Miều, đừng nói đến thì hơn. Tự ái của thằng anh không cho phép. Dù số phận thế nào đưa con trong bụng mình phải luôn có cha nó bên cạnh.

Đến đây bất chợt cô thấy ông già cũng tội nghiệp. Lúc ông ngồi ăn một mình sao trông cô đơn quá cũng giống mình bây giờ. Tự nhiên tài sản của tổ tiên để lại cho mình và con mình bị mất gần một nửa. Thế nên ông đã thở dài mấy lần và có lúc ông đã nhìn mình mãi miết như nhớ thời xuân sắc của ông. Thật vậy trong lúc ăn cơm có lúc Lê Đồi ngừng đưa nhìn Kim Thản đắm đuối vì ông nhớ lại thời son trẻ của vợ ông lúc ông mới cưới bà ấy. Hồi đó bà ấy cũng đẹp nào nùng không như bây giờ chỉ là một bộ xương với ít thịt da bệnh tật.

Tối hôm đó, Lê Đồi thức trắng để canh coi vợ, đổ thuốc cho bà, trấn an bà và nói như đinh đóng cột rằng thằng Bát sẽ được thả về. Ông còn nói sẽ có cách giúp cho vợ chồng nó có ít vốn để làm ăn, không để nó ra riêng tay trắng v.v... Gần sáng bà bớt đau ngủ thiếp. Ông cũng ngã lưng ngủ thiếp vì mệt mỏi trên cái giường của ông. Lúc ông thức dậy, mặt trời đã lên cao. Ông ra nhà sau thấy có sẵn mâm cơm, úp trong cái lồng bàn bằng tre trên bàn. Đó là bữa ăn sáng cho ông: Kim Thản đã ra khỏi nhà đi gặp chồng mình.

Hai vợ chồng gặp nhau qua song sắt vừa mừng, vừa tủi. Khuôn mặt Lê Bát biểu lộ vẻ sợ hãi hoảng hốt. Kim Thản phải trấn an chồng một lúc lâu. Sau đó cô khuyên chồng nên hiến đất để sớm được tha về. Nghe đến chuyện hiến đất, Lê Bát dùng dùng nổi giận, chửi bới, la hét như điên. Không còn nỗi sợ hãi nào trên khuôn mặt của anh mà chỉ còn sự giận dữ. Anh hét vào mặt vợ:

“Không đời nào tôi hiến đất cho chúng nó. Chúng nó yêu nước nổi gì, yêu đảng và bản thân chúng nó thì có...” Nói xong Lê Bát nằm vật ra đất sau song sắt.

Kim Thản vội bịt miệng chồng cô lại. Cô vừa khóc, vừa an ủi, vừa khuyên bảo:

“Cha đã dặn em phải khuyên bảo anh hiến đất. Không lẽ anh muốn bỏ cha

mẹ lại trong tuổi già, không lẽ anh muốn bỏ vợ anh góa bụa và đứa con trong bụng mồ côi sao?”

Lúc này Lê Bát cũng khóc và thều thào nói với vợ:

“Thôi em về đi để anh một mình suy nghĩ, mai lại đến.”

Lúc ra khỏi phòng giam, Kim Thản gặp một du kích đệ tử của Tuấn Nhon, cô nói với anh ta:

“Để tôi từ từ khuyên anh ấy hiến đất cho đảng. Sau cùng anh ấy cũng phải nghe theo lời nói phải thôi...”

Anh du kích nói:

“Vậy mới là người thức thời chứ. À, buổi chiều chị muốn gọi cơm và thức ăn cho anh ấy, sai người mang đến đưa cho tôi.”

“Cám ơn anh trước.”

Nói xong cô quày quả về nhà.

Ba hôm sau, Lê Bát chịu ký giấy.

Sau đó hai hôm anh được tha về cùng cha mẹ và cùng vợ.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 4
Ngã rẽ cuộc đời

Cuộc đời bên ngoài song sắt có lẽ phức tạp hơn. Tối hôm đó trong bữa ăn Lê Đối nói với Kim Thản:

“Tối nay để mẹ con ngủ yên, ta có một việc sẽ trao đổi với con.”

“Vâng” Kim Thản vô tư đáp rồi vào phòng chờ đợi

Hơn mười giờ đêm, Lê Đối ôm cái mền vải màu đỏ như màu cờ đảng bước vào phòng ngồi xuống cái ghế và nói:

“Tao muốn hỏi con thằng Bát thế nào rồi, nó có chịu hiến đất không?”

“Anh ấy chưa chịu, nhưng con sẽ an ủi và khuyên bảo anh ấy chịu bỏ ruộng.”

“Phải vậy thôi, còn người còn của, nhưng tao nghĩ cũng thương hai đứa mày. Chưa gãy dựng được gì mà đã trắng tay,” rồi Lê Đối đổi giọng ngọt ngào nói, “mày có biết tao thương mày lắm không Thản, tao nghĩ chắc sẽ phải bù đắp cho mày có vốn làm ăn.”

“Cha định bù đắp cho con cái gì?”

“Khoan nói chuyện đó, tối nay tao muốn ở lại đây an ủi mày cho tới sáng ...”

“Không được đâu, cha về đi không con sẽ la lên và mẹ thức dậy đứng tim chết là lỗi tại cha đó.”

Lê Đối như biết mình không phải khi muốn làm một phú hộ trong ca dao đối ba bò chín trâu để lấy cái quạt mo ... đúng hơn là cái quạt xếp của con dâu Kim Thản, nên đứng dậy ngay và ra khỏi phòng nhưng để lại cái mền đỏ trên ghế:

“Tao nói không phải, vậy tao về đây.” Lê Đối tỉnh queo nói.

Khi cha chồng đi rồi, Kim Thản thở dài nhẹ nhõm nhưng ngay sau đó cô thấy mình hấp tấp vì không đợi đến lúc hỏi rõ sự bù đắp mà ổng nói như

thế nào. Nhưng thôi mặc kệ ông, mình đâu phải là bọn con gái của các tá điền, những thiếu nữ ngây thơ và dễ bị kẻ quyền thế mồi chài. Cô nằm xuống giường sắp ngủ, thềm được vòng tay khỏe mạnh của chồng siết chặt đưa vào giấc ngủ đầy những giấc mơ đẹp. Bỗng có tiếng động của Lê Đồi đẩy cửa bước vào, tay cầm một cây roi mây giấu sau lưng, Lê Đồi nói:

“Tao vào lấy cái mền... mày chưa ngủ hả Thản?”

“Dạ chưa.” Kim Thản vừa đáp vừa ngồi nhòm dậy trên giường.

Bất ngờ Lê Đồi giơ cao roi mây đối giọng giận dữ nói:

“Mà mày tệt thật, tao định an ủi mày nhưng mày không cho, mày còn đuổi tao. Bây giờ thì tao đuổi mày ra khỏi nhà tao, tiền bạc để lại, quần áo để lại. Không đâu con gì cả.”

“Sao khi không cha lại đuổi con?”

Lê Đồi vứt cây roi xuống mặt bàn một cái rồ to để thị uy rồi nói tiếp:

“Tao thương mày vì mày giống bà hồi còn con gái thế nhưng mày còn phách lối đuổi tao.”

“Cha thương Thản thì cha bù đắp những gì?” Kim Thản xuống nước.

“Đủ cho hai vợ chồng mày ra Đà Nẵng sống, nếu thiếu tao cho thêm nghe chưa.”

“Dạ nghe...”

“Dạ nghe rồi sao nữa?”

“Tối nay cha ở lại đây với Thản và đừng đuổi Thản đi nữa.”

“Vậy mới ngoan chứ.”

“Nhưng cha cũng hứa với Thản từ nay không được xâm phạm đến các con gái tá điền nữa.” Cô cố gắng đưa một việc nghĩa vào hành động xấu.

“Mấy con đó tao không yêu, còn mày tao yêu và mày là mối tình thứ hai cũng là cuối cùng của tao,” rồi ông dịu dàng nói tiếp, “Thản biết không, tao sống kỷ niệm này cho tới chết đó Thản.”

“Kỳ quái thật, hai cha con nhà này cùng yêu mình Thản sao?”

“Chứ sao, tao đâu cấm tao không được yêu thương mày.”

“Trời ơi, sao ngang trái vậy?” Kim Thản kêu lên.

“Thôi để tao trải cái mền đỏ để Thản nằm cho ấm lưng.”

Một lát sau trong ánh đèn đã vụt nhỏ xuống, Lê Đồi tiến lại giường của con

dâu để cưỡng dâm, có tiếng kháng cự yếu ớt của Kim Thản sau cùng cô nhắm mắt buông xuôi, nhớ đến người chồng còn bị giam ở nhà làng. Rồi từ hai cái bóng chờ vờn, quần thảo, vang lên dồn dập tiếng thở dốc và tiếng rên rỉ trong lạc thú.

Sau này khi nhớ đến mấy đêm ăn nằm với Lê Đối, Kim Thản rất ân hận, dù vậy cô không muốn nghĩ mình bị cưỡng dâm nhưng coi đó là sự hy sinh của cô cho gia đình; cô phải thừa nhận cha chồng thương cô thật, còn cô chỉ có một mối thương cảm nào đó đối với ông. Cô cho rằng trong việc này có sự đồng thuận của cả hai như một thứ giao kèo. Dĩ nhiên Lê Đối hứa sẽ bù đắp tiền bạc cho cô sau sự cố Việt Minh trong làng cướp đoạt ruộng đất của vợ chồng cô.

Cô không ngờ rằng mình áp dụng quan điểm cứu cánh biện minh cho phương tiện như mấy cán bộ CS trong làng vì lòng cô không có sự tàn nhẫn của họ. Có thể cô đã lạm dụng lòng thương cảm của cô. Và lại cô muốn cùng chồng rời khỏi mảnh đất mà Thầy Trình nói là đất dữ, nhưng không thể ra đi với hai bàn tay trắng. Mấy ngày nay cô nghĩ đến lời Thầy Trình nói với con trai út Tuấn Nghĩa mà em cô, Huỳnh Hiến, đã kể lại. Cô cần (và ngụy tín cô sẽ mượn tạm) món tiền của cha chồng để cùng chồng ra đi. Cô không ngờ lòng thương cảm trong tình thế miễn cưỡng ấy đã để lại một khoảng tối đáng hổ thẹn trong tâm hồn cô cùng một kỷ niệm buồn về cha chồng Lê Đối.

Giữa năm 1945 nghĩa là khoảng hai tháng sau ngày Lê Bát được tha về, vợ chồng Lê Bát- Kim Thản dọn nhà ra Đà Nẵng sống, thực chất là để chạy trốn Việt Minh. Ngày ra đi Lê Đối nhìn Kim Thản nhỏ lệ. Ông nghĩ được yêu Kim Thản dù chỉ trong mấy đêm ngắn ngủi là sự toại nguyện sau cùng và lớn nhất của đời ông. Trong lúc thăng con cả Lê Ngát mừng rỡ vì sẽ trở thành người con trai duy nhất sống bên cạnh cha và thừa hưởng mọi của cải, không phải chia lại cho thằng em Lê Bát bị lấy mất ruộng đất. Thấy cha chồng Lê Đối nhỏ lệ, Kim Thản nhớ lại dòng nước mắt mà đêm nào cha chồng cô đã để rơi trên đôi vú no tròn căng thẳng của cô hôm chồng cô còn bị giam giữ, cô nắm tay bố chồng nói:

“Cha ở lại đừng uống rượu nhiều nhé, thỉnh thoảng chúng con về thăm

cha.”

“Con biết lý do cha uống nhiều ... chỉ tại cha buồn.”

“Vâng, nhưng cha cũng biết con sẽ không giúp được gì cho cha nữa...” rồi một nỗi thương cảm trào lên, lòng cô nôn nao khó tả.

Phần Lê Bát, anh không hiểu tại sao vợ mình có tiền mua được căn nhà nhỏ ở một con đường nhỏ tại Đà Nẵng, rồi lại có tiền làm vốn bán hàng khô. Nếu có hỏi thì Kim Thản ông ẹo trả lời:

“Ba má em thấy anh mất hết ruộng đất đã đi vay mượn một người giàu có trong làng chài có họ hàng xa với mình. Sau này mình làm ăn khá giả sẽ trả lại cho người ta.”

“Ba má em tốt quá.”

“Còn phải nói...” cô mỉm cười đáp lại và thấy từ sau khi chồng được tha về cô yêu chồng cô nhiều hơn vì đôi khi cô thấy có hai người đàn ông trong chỉ một người.

Hơn sáu tháng sau cô sinh cho Lê Bát một đứa con gái đầu lòng đặt tên là Thanh Hiên.

Sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước và sau cái tết năm đó, Ngọc Thu rồi Mỹ Xuân, Mỹ Đông, ba người phụ nữ trong tổ chức, lần lượt sinh con: con gái Ngọc Thu được Tuấn Nhơn đặt tên là Khánh Dung, con trai Mỹ Xuân được Bảy Long đặt tên là Mạnh Cường, con trai Mỹ Đông được Huy Phụng đặt tên là Huy Khang. Suốt thời gian qua, ba người phụ nữ trẻ này mang bầu khệnh khạng không thể tham gia các phong trào chỉ làm công tác tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho tổ chức.

Khi con được sáu tháng, Ngọc Thu và Mỹ Xuân khi cần làm công tác thì giao con cho Mỹ Đông trông hộ. Lúc đó Mỹ Đông và mẹ cùng thằng em trai út trông nom một lúc ba đứa trẻ. Đứa em trai kế Mỹ Đông tên Đức Lai thì xách súng đi theo bảo vệ chị và bạn chị. Ở tuổi dậy thì, Đức Lai đã bị vẻ đẹp của Ngọc Thu làm bối rối, bồi hồi, vẻ đẹp mà nó thường lén nhìn: nó chỉ đi xa xa phía sau không dám đi gần Ngọc Thu. Đôi khi nó nhắm mắt lại để xua đuổi những điều mộng tưởng vẩn vơ trong lòng nó, có lần vì nhắm mắt mà nó xuyết rơi xuống mương, còn bị cành cây va vào đầu là chuyện

thường. Sau này Ngọc Thu có biết hành vi khờ khạo của nó nhưng lúc đó nó không còn đi chung với nàng nữa. Ít lâu sau đó thì nó vào căn cứ trong rừng.

Đặc biệt là Ngọc Thu, cô có biệt tài tuyên truyền những phụ nữ khác bằng cách đánh vào cảm xúc và những thèm muốn ích kỷ thấp kém như thèm muốn của cải vật chất, địa vị trộn lẫn với những tâm tình cao thượng như lòng yêu nước nhưng đã trở thành quá khích, bị bóp méo hay hướng về những tư tưởng phá hoại. Trong trường hợp sau nó có vẻ như một trò chơi nguy hiểm của ngôn từ trừu tượng. Còn những giá trị luân lý như hiền hòa, nhẫn nại, từ tâm, khoan dung, quảng đại, bảo vệ chân lý... nói cách khác những giá trị của lương tâm trong sạch và tinh thức, hãy cho vào quên lãng hoặc giấu biến chúng đi.

Ngọc Thu nghe nói khi cướp chính quyền ở Hà Nội từ tay quân phiệt Nhật, các cán bộ đã tập trung các mẹ tây, gái điếm, gái đứng đường, thành phần giết giặc, trộm cướp ở Hà Nội lại thuyết giảng về sứ mệnh và lý tưởng của Việt Minh, cả hội trường vang lên tiếng khóc, các cô gái hư thân mất nết ấy khóc rưng rức. Họ ăn năn tội và nguyện hy sinh tấm thân như uế ấy để phục vụ cho Đảng và cho Bác. Họ thật thà khóc như mưa cho tủi nhục quá khứ của bản thân và nhất là cho ‘hạnh phúc’ tương lai của đất nước.

Ngọc Thu ước ao có được kỹ năng tuyên truyền trơn như mỡ, ngọt như mía lùi ấy của các cán bộ đàn anh dùng những điều hoang tưởng nếu không nói là sai sự thật để lôi kéo, quyến rũ người thật thà vô tâm. Lúc đó cô chưa biết phần sau của câu chuyện mà cô chỉ mới vẽ ra phần đầu.

Sau những buổi tuyên truyền ấy, những cô gái bất hạnh ở Hà Nội được luyện tập quân sự, được giao cho những cây súng trường nặng trĩu và cổ lỗ để ngăn chặn quân Pháp tái chiếm Hà Nội cho quân đội chính quy kịp thời rút lên Việt Bắc. Khi đối đầu với quân Pháp, một đội quân chuyên nghiệp, hầu hết họ đã bị tiêu diệt, trở thành những viên gạch lót đường cho đảng và mau chóng rơi vào quên lãng.

Ngọc Thu cũng đã có một vài thành công nào đó nhờ cô học tập kỹ nội dung tuyên truyền. Chỗ nào chưa hiểu, Tuấn Nhon sẵn sàng hướng dẫn cho cô. Cô còn vận dụng cái bi thảm của tiểu thuyết diễm tình và của cải lương

mà cô rất mê vào trong câu nói. Nhưng cô càng thành công trong sự tuyên truyền thì đạo đức của bản thân cô và của mặt bằng xã hội chịu ảnh hưởng sự tuyên truyền ấy cũng bị xuống cấp, vì đạo đức không thể tách rời chân lý. Lương tâm của cô ngày càng thui chột. Hơn một lần cô đã làm cho các bà mẹ trung niên khóc rưng rức não nùng khi nghe cô lên án giặc Tây và bọn Việt gian:

“Giặc Tây tàn ác vậy sao Thu, chúng lột da người ta như lột da thỏ ... chúng ác mà sao chúng chịu khó vậy?” dì Tám hỏi.

“Tại sao mà Tám nói chúng chịu khó?” Ngọc Thu hất mặt, trừng mắt hỏi lại.

“Hồi đó dì làm trong nhà hàng Tây, dì sợ đầu bếp sai dì làm món ‘thỏ lột da xối rượu vang’ vừa dơ lại vừa mệt và đầu bếp nói dì khéo tay lại chịu khó nên giao cho dì việc đó.”

“À ra thế” Ngọc Thu nói nhưng có vẻ ngượng ngùng.

“Ờ, ai mà làm như vậy cho mất công.” Dì Bảy nói.

Nhưng lúc đó một thím tên Mùi nước nở khóc, “Tội nghiệp người bị sát hại đó quá.”

Có mấy dì khác nói “Ờ tội nghiệp quá...” và khóc theo, làm thím Mùi khóc to hơn. Thím Mùi đâu biết rằng tiếng khóc ấy sẽ còn theo thím suốt đời vì năm đứa con trai của thím sau này theo VC lần lượt bị bắn gục trên chiến trường du kích. Và khi về già lúc bệnh bao tử không cho thím ăn gì ngoài món cháo đậu, người ta mặc cho thím một cái áo nhung tím than, đeo cho thím một sợi dây chuyền có gắn ngọc trai giả, cài trước ngực thím một huy chương “Bà mẹ anh hùng”. Lúc đó thím cũng khóc không phải vì vinh hạnh mà tội nghiệp cho chính mình.

Sau một lúc im lặng nặng nề đầy bi thảm, câu chuyện đổi sang đề tài xã hội mới. Dì Chín hỏi Ngọc Thu:

“Trong xã hội mới như cháu Thu nói, các dì sẽ không còn làm thuê cho địa chủ mà trở thành chủ đất, như vậy lúc đó cháu phải vị trí ở trên chủ đất, đúng không?”

“Vâng, các dì là chủ tập thể còn cháu chỉ làm việc quản lý thôi.”

“Ừa người làm chủ không được quản lý sao cháu, vậy làm chủ để làm gì?”

“Để tự mình lao động sản xuất.”

“Còn thành quả thì sao?”

“Được chia đều cho mỗi người đủ dùng”

“Vậy thì để cháu làm chủ luôn cho rồi, các dì đi tìm ruộng khác để xin làm tá điền tiếp...”

“Không được đâu, đất của các dì mà.” Ngọc Thu ấp úng nói.

“Không dám đâu...” dì Tám và dì Chín cùng nói.

Ngọc Thu càng lúng túng không biết mình nói có đúng đường lối không nhưng xem ra lý lẽ này bế tắc. Lúc đó cô chợt nhớ một câu trong bài học, cô liền nói:

“Để cháu giải thích cho các dì các thím rõ, trong xã hội CS, mọi người làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu, sự quản lý sau một thời gian sẽ bị bãi bỏ.”

Dì Bảy hay kể chuyện tiểu lâm nói:

“Theo dì không ổn, Thu ơi!”

“Sao lại không ổn? Đó là sự tuyệt vời của chế độ CS, là đỉnh cao của trí tuệ loài người, dì còn chê chỗ nào nữa?”

“Để dì nói con nghe, vả lại việc này cháu cũng biết. Con Mỹ Xuân có lần nó than với dì bộ phận nào trên thân thể của thằng Bảy Long cũng lớn quá khổ nên ban đêm khi ăn nằm với chồng nó, nó nói, một lần thì sướng, hai lần thì sợ, ba lần thì đau. Thế mà đêm nào chồng nó cũng ‘tối thiểu là ba, tà tà là sáu’. Dì thấy nếu để cho thằng Bảy Long hưởng theo nhu cầu thì con Mỹ Xuân chết sớm. Tội nghiệp con bé.”

Ngọc Thu bị bẻ lại bất ngờ phải làm thinh, cái lưỡi thường ngày dẻo quẹo của cô cứng lại như lưỡi gỗ. May mà lúc đó dì Tám góp ý:

“Dì nghĩ tổ chức nên thiến bỏ cái đó của thằng Long, phong nó làm hoạn quan hay công-công gì đó kiêm việc mổ lợn là ổn thôi.”

Cả phòng họp cười vang, thím Mùi và mấy dì ngồi gần thím vừa lau nước mắt vừa cười ục ục.

“Đâu được, như vậy lấy ai đáp ứng nhu cầu của Mỹ Xuân vì nó cũng phải được hưởng theo nhu cầu chứ.” Dì Chín nói.

Lúc này cuộc bàn thảo chính sách của chế độ tương lai trở nên sôi nổi, Dì

Tám nói to:

“Việc đáp ứng nhu cầu của Mỹ Xuân giao cho chủ tịch ủy ban Việt Minh là xong, đúng không?”

Ngọc Thu giật mình vì trong lần bầu bán vừa qua, Tuấn Nhon được bầu làm chủ tịch. Cô còn nhớ lại sau khi ăn cưới nhà Lê Bát, Mỹ Xuân còn bồn chột xin cô nhường Tuấn Nhon cho ả; biết đâu ả nói thật. Bây giờ cô phải cho ý kiến để kết thúc buổi họp vì cô thấy nhức đầu như Tôn Ngộ Không bị cái vòng Kim-cô siết chặt:

“Cháu nghĩ đó là trường hợp đặc biệt nên có lẽ mình phải cấp thêm cho Bảy Long hai hộ lý nữa để tăng tuổi thọ cho Mỹ Xuân, đồng thời bắt Bảy Long lao động gấp ba cho mất sức và bớt hăng chứ gán chồng cháu cho Mỹ Xuân sao được. Còn bây giờ cháu tuyên bố kết thúc buổi họp, lần sau mình sẽ học tập tiếp. Lúc đó dì Chín nói:

“Ờ cũng phải, tao đang khát nước gần chết, bao tử tao bắt đầu sôi lên đòi ăn.”

Mọi người ra về không còn bận tâm mình đã tiếp thu được gì, giống như câu chuyện bịa đặt để giỡn chơi. Nhưng họ vẫn còn bàn tán không biết ‘cái ngọc quản’ của Bảy Long nó lớn cỡ nào.

Cũng sáng hôm đó, thầy giáo Thiết Trọng đến nhà địa chủ Lê Đối theo lời mời của ông này vì hai người có việc cần bàn cụ thể là thống nhất một giao kèo sang nhượng. Chờ khách ngồi yên vị, và bữa tiệc nhỏ dọn lên sẵn sàng, Lê Đối mời thầy giáo cầm đũa và nói:

“Tôi đồng ý nhận giữ căn nhà của thầy giáo và đưa thầy mấy lượng vàng mà ta đã thống nhất để thầy về quê như thầy nói. Hôm nay hai bên có thể ký giao kèo và để tuần sau thầy có thể dọn đi.”

“Cám ơn ông đã đồng ý vì thời buổi loạn lạc này bán nhà không dễ.”

“Đúng vậy nhưng khi nào thầy muốn quay về sống ở làng này, thầy cứ trả lại số vàng bằng số tôi đưa hôm nay, tôi sẽ trả nhà lại cho thầy. Nhưng tôi tò mò muốn biết lý do nào thầy về lại Hội An.”

“Không giấu gì ông, bà cả nhà tôi có nhả lời cho tôi biết bà ấy đã đồng ý nhận cô Hồng Nhu mà tôi đang sống làm bé chính thức và cũng yêu cầu

chúng tôi về lại Hội An để toàn gia xum họp trong ngôi nhà lớn của tổ tiên để lại. Tôi thấy hai bà làm hòa như thế tôi rất mừng nên chấp nhận đề nghị đó. Và lại tôi thấy mình có lỗi vì tôi đã bỏ mặc hai đứa con trai bà cả; chúng cũng cần có tôi bên cạnh để bảo ban ở tuổi thiếu niên sắp bước vào tuổi trưởng thành.”

“Đúng, làm chồng và cha phải luôn giữ được đức công bằng và vô tư mới phải. Hoàn cảnh của tôi có chỗ giống thầy mà cũng có chỗ khác thầy. Trước đây tôi có tăng tịu với một con nhỏ tá điền, sau đó thì thôi đường ai nấy đi. Tôi tưởng sau đó nó đã có chồng con. Vừa qua nó nhờ người nhắn tôi nó ở vậy tới già vì nó chỉ thương có một mình tôi. Tôi vừa áy náy vừa ân hận đã phá hỏng một thửa xuân thì của nó. Tôi nghĩ lại và tôi quyết lo cho nó, mua cho nó cái nhà, chu cấp cho nó khi nào tiện tôi sẽ đến thăm nó.”

“Ông quả có lòng nhân hậu...” Thầy Thiết Trọng khen Lê Đối.

Thế nhưng sau đó họ lại nói đến cái sự không tốt và phiền toái của việc đa thê. Rồi hình như khi nói nhiều đến dự vọng của đàn ông đã làm Lê Đối nhớ đến Kim Thản vốn đã để lại trong lòng ông nỗi nhớ thương da diết khôn nguôi, bởi cô đã khuyên ông biết đối xử tốt với phụ nữ nên Lê Đối chủ động nói sang chuyện khác, ông hỏi:

“Xin thầy cho tôi ý kiến vì mấy lúc gần đây tôi không hiểu sao sự truyền của CS làm dân làng ra mê muội tin rằng chỉ cần đánh Pháp và cướp được chính quyền là trở thành ông / bà chủ đất trong khi ông cha tôi là Lê Thát khi đến đất này phải thay trâu kéo cày làm việc quần quật như thằng nô lệ mới có được cơ ngơi này. Chỉ những đầu óc bệnh hoạn muốn cướp bóc người khác mới nói năng như thế phải không thầy?”

Thầy Thiết Trọng không trả lời ngay; thầy gắp một miếng thịt gà luộc và uống thêm một ngụm rượu, rồi thầy nói:

“Như ông đã nói, không có sự truyền truyền nào không có ít nhiều điều đối trá và nó chủ yếu đánh vào tình cảm và dự vọng của con người và không bao giờ nó mời gọi người ta suy nghĩ. Dĩ nhiên đôi khi nó cũng đưa ra một vài thứ lý thuyết này nọ với ít nhiều lập luận có tính giáo điều, nhưng chỉ để bóp méo và hướng vào con đường một chiều đã định trước.”

“Vậy trong dân chúng nhiều người sẽ bị sục bầy phải không thầy?”

“Phải vì khi chịu nghe tuyên truyền cũng giống như khi uống lầm thuốc độc hoặc bùa mê. Thế nên đừng nên nghe lời chúng nói mà hãy nhìn việc chúng làm để xét đoán. Vả lại dân mình dễ sục bầy vì hầu hết có thể trạng dễ bị nhiễm độc...”

“Có chuyện đó sao thầy?” Lê Bát ngạc nhiên hỏi.

“Có chứ, thể trạng đó chính là mảnh đất tốt để cỏ dại tuyên truyền mọc lan và trùm lấp rất nhanh. Đó có thể là tâm lý thụ động, thờ ơ “thế nào cũng được” có từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, rồi thêm thói quen sống bằng trực giác cụ thể ít biết suy luận, dễ bị trò ảo thuật của ngôn ngữ làm mờ mắt. Ngoài ra cuộc sống quá nghèo khổ dễ lấy bánh vẽ làm bánh thật. Nhưng nói chung có ba yếu tố làm người ta dễ mắc bầy tuyên truyền là: phả hệ của tư tưởng, thiếu trình độ trí thức và thiếu trình độ tu dưỡng bản thân.

“Thầy có thể nói cụ thể hơn được không?”

“Tôi chỉ nói mấy điều tôi thường nhận thấy như người theo nho giáo /Phật giáo dễ tin lời CS hơn người đạo Chúa vì phả hệ của Nho-Phật về đại thể là vô thần...”

“Có phải thầy đang nói về phả hệ ... đúng không? Nhưng xin thầy giải thích thêm về điều này.”

“Phả hệ của tư tưởng là sự lưu truyền nó qua thời gian và được truyền thống củng cố. Những người cùng một phả hệ có những quan điểm về nhân sinh và vũ trụ giống nhau hoặc dễ dàng hòa hợp nhau và họ tìm đến nhau. Nhà nho gọi đó là Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu và nôм na dễ hiểu là Ngưu tầm ngưu mã tầm mã.”

“À vì thế mà khi gặp người khác phả hệ họ phải dùng cách khác.”

“Đúng thế, khi tuyên truyền cho người đạo Chúa và để người này sục bầy, cán bộ tránh nói hữu thần/vô thần mà nói đến chuyện khác như tình-tự-dân-tộc này nọ hoặc đánh vào dục vọng của người nghe như địa vị, tiền tài, gái đẹp. Vì thế tuyên truyền cũng lôi kéo được những ông linh mục đen-vỏ-đỏ-lòng vì những ông này hoặc dốt triết học nên không tin sự phê phán khách quan của Giáo hội đối với học thuyết Mác-Lênin, hoặc có tham vọng lấy thần quyền để có thêm được thế quyền. Rõ ràng những linh mục ấy có sự

khiếm khuyết về trí thức mà tham vọng lại nhiều.”

“Khó quá làm sao họ hiểu nổi từ cả hai phía, kẻ chủ trương học thuyết và người phi bác học thuyết.” Lê Đối nhận xét, thật ra cho chính mình.

“Cái dễ là cái giả tạo, ông biết đấy, nào là tình-tự-dân-tộc, rồi lòng yêu nước được hiểu theo một cách độc đoán nào đó, và độc địa nhất là đánh vào sự khổ chế tình dục của các linh mục bằng sự cám dỗ của các nữ cán bộ mơn mớn xinh tươi... Nhưng tôi đang nói quá nhiều lại có vẻ bất kính các linh mục.”

“Không, thầy cứ nói đi rồi từ từ tôi cũng hiểu hết. Có khi tôi chột hiểu lúc uống rượu một mình.” Lê Bát thành khẩn yêu cầu.

“Khi CS tuyên truyền cho dân quê ít học, họ nói những điều mà chính họ cũng không hiểu rõ, ví dụ như họ truyền truyền Liên Xô giàu mạnh hơn Mỹ, đã từng giải phóng Ba Lan, Hung gia Lợi nhưng thực chất là xâm lăng lại các nước này từ tay Đức Quốc xã và cũng áp đặt một chính quyền thần phục Liên Xô trừ khử mọi kẻ chống đối.”

“Thầy nói chuyện này, tôi càng thấy rõ sự tuyên truyền giống như người mù còn công người mù, người nói và người nghe đều không hiểu rõ thực chất vấn đề.”

“Đại khái là như thế ... Nhưng tôi nói quá nhiều những điều vô ích.” Thầy Thiết Trọng tìm cách đổi đề tài.

“Sao vô ích được?” Lê Đối phản đối.

“Vì luôn có những người mê muội tin vào sự tuyên truyền giống như những người có nhiều âm khí thường hay gặp ma. Tôi chỉ nói bấy nhiêu thôi, tôi cũng sợ lắm, vì tuyên truyền có ma lực đưa người ta vào đêm tối đầy đặc giữa ban ngày.”

“À thì ra người nghe thiếu sự tu dưỡng để yêu mến sự thật và trấn áp lòng ham muốn của cái địa vị và nhục dục thân xác nên dễ bị kẻ không tưởng đánh lừa, cho ăn bánh vẽ trong khi nếu mình có đức hạnh, không nuôi tham dục, mình có Đức trọng thì quỷ thần mới sợ mình. Nhưng thầy biết đấy người có đức hạnh thời nào cũng có dù không nhiều.”

“Thời này càng ít vì người đức hạnh hay nói thẳng dễ bị sát hại bởi sự cuồng tín chính trị. Tôi cho đó là thái độ thần bí của đám đông với những

lãnh tụ của bóng đêm.” Thầy Thiết Trọng thở dài đáp lại.

Thấy thầy giáo thở dài buồn bã đôi mắt có vẻ hoảng sợ, Lê Bát nói:

“Thầy không muốn nói nhiều tôi không ép. Vả lại tôi biết như thế cũng đủ. Uống thêm ít lượt nữa, tôi sẽ tiễn thầy về để vợ thầy không phải nóng lòng chờ.”

Thật vậy, thầy Thiết Trọng không muốn nói nhiều về chính trị là lãnh vực có nhiều cạm bẫy cũng như họ không muốn uống say, nhất là Lê Đối sợ mình thất thố với thầy cũ của út Miều. Ông chỉ uống say khi độc ẩm.

Khổ nỗi gần đây khi một mình uống say giữa cảnh hoang hôn quanh quẽ, hình ảnh của Kim Thản cứ chờn vờn lẫn quẩn bên ông qua một lớp sương mù. Hình ảnh nàng trong cặp áo cưới cô dâu màu hồng tươi, hình ảnh nàng trong bộ đồ đen thô và dày khi đi làm ruộng và hình ảnh nàng phơi bày trong đêm dăng hiến, chúng bầu chặc vào tâm trí ông như những móng vuốt con diều hâu bầu chặc con mồi. Vâng, ông đã nghĩ đến việc săn sóc con nữ tá điền cũ lỡ thời chỉ vì muốn sống tốt theo lời con dâu Kim Thản khuyên ông: nàng là mối tình “lãng mạn” nhất của ông mà không tiểu thuyết trữ tình nào mô tả hết.

Nhưng xét cho cùng, ông không làm việc này vô ích. Ông tìm cho mình một chỗ dựa chính trị, vì con nhỏ lỡ thời đó là Việt cộng. Mặc dù ông đã hứa với Tuấn Nhơn sẽ đóng thuế đầy đủ ruộng bên này sông cho tổ chức ngoài ra còn tiếp tế vào chiến khu phân nửa số còn lại nhưng ông vẫn chưa yên tâm. Ông phải dùng thêm kế sách cưới con tá điền VC mà cha của nó hiện là bí thư của Việt Minh trên huyện, thỉnh thoảng có xuống giám sát và chỉ đạo công việc của tổ chức tại xã này. Nghĩ đến việc ấy Lê Bát thở dài, “Lần này mình sống chung không phải với gái quê chất phác mà với một con cọp cái. Không biết chừng nào nó sẽ nhai nát cái thân già mà ham chơi trống bỏi này. Nhưng trước hết mình cần phải giải thích cho Kim Thản thông cảm với mình trong lần gặp lại khi có dịp để Kim Thản biết lòng dạ của mình lúc nào cũng nghĩ về nàng?”

Về gần đến nhà thầy Thiết Trọng đã nghe thấy tiếng đứa con trai gần đây năm của thầy khóc vang, ngoài ra còn tiếng Hồng Nhu, vợ thầy kêu ú ớ.

Thầy giáo vội vã chạy vào nhà. Trước mặt thầy là một cảnh tượng kinh hoàng: đứa con thầy nằm lăn lóc trên mặt đất kêu khóc còn vợ thầy bị trói gô vào cột nhà, miệng bị nhét giẻ, hai nút áo trên cùng bị bung ra.

Thầy vội vàng lấy dao cắt đứt dây cột bằng sợi của bẹ chuối to bản, lấy giẻ ra khỏi miệng cô Hồng Nhu, rồi chạy lại bế thẳng bé lên. Vợ thầy vừa khóc lóc vừa nói:

“Lúc anh vừa ra khỏi nhà một lúc thì thằng Cám và một thằng, một con, ba đứa xông vào nhà mình. Chúng nói tìm anh để dạy cho anh một bài học về nữ quyền. Thằng Cám cầm một cây roi tre vừa dài vừa to quơ quơ trong không khí. Không có anh, chúng định ra về chờ lần sau, nhưng lúc đó con nữ nói:

“Để tôi dạy cho con vợ một bài học trước rồi lần sau mình sẽ trừng trị thằng chồng.

“Rồi chúng bắt em ngồi vào bàn học, con nữ đeo khăn rằn đứng trên bục giảng em về “Nam nữ bình quyền”, chồng không được đánh vợ, trấn áp vợ, đè nén vợ bất cứ lúc nào... trong những trường hợp đó vợ phải phản kháng v.v... Nó nói nhiều lắm em không nhớ hết.”

“Đồ điên loạn, vậy sao em không hỏi trong những lúc ăn nằm với nhau thì ai đè ai?”

“Em quên.”

Thầy Thiết Trọng tức giận vì con nữ đã dám dùng lớp học thầy dạy chữ nghĩa cao thượng vào việc tuyên truyền, thầy gào lên “Quân bất lương, khốn nạn,” nhưng thầy bỗng lạc giọng khi thấy trên bảng đen hai dòng chữ bằng phấn trắng: Trí, phú, địa, hào đào tận gốc, trốc tận rễ và Nam nữ bình đẳng giết Tây, diệt tề. Như thế là chúng xếp mình vào loại trí thức phải đào, phải trốc. Mình có bao giờ tự xếp mình vào loại trí thức đâu. Phải, mình có bằng tiểu học Pháp, nhưng bên Pháp, đứa con nít mười một, mười hai tuổi đứa nào chẳng có. Lúc đó thầy quay lại hỏi vợ:

“Rồi sao chúng nó trói em vào cột nhà? ”

“Trước khi ra về thằng Cám nói phải trói em vào cột nhà để cảnh cáo anh. Thế là hai thằng lôi em trói lại nhét giẻ vào miệng em rồi bỏ đi nói tuần sau sẽ đến.”

Dĩ nhiên cô Hồng Nhu đã bỏ qua một chi tiết: nhân lúc trời cô lại, thằng Cám đã quấy rối tình dục cô trong khi thằng kia đứng quay lưng che mắt con nữ khấn rần. Thằng Cám bóp nắn ngực và hông cô còn nói nhỏ vào tai cô:

“Đã thật! hèn chi thằng thầy đó giam giữ em kỹ quá.”

Rồi nó cắt một lọn tóc của cô để làm kỷ niệm. Thành tích oai hùng của nó. Nhưng bây giờ có nói thêm gì thầy Thiết Trọng cũng không nghe, thầy đang ôm đầu suy nghĩ. Mình phải giao nhà sớm cho Lê Bát để ngày mốt chạy về Hội An thôi, còn mấy đứa học trò chưa đóng tiền học mình cho chúng luôn. Phải biết khôn bỏ của chạy lấy người. Bỗng thầy chợt nhớ đến một bài sấm nói là của Trạng Trình mà một ông bạn vong niên có lần đọc cho thầy nghe khi bàn về thời cuộc:

Tháng- năm đủ chín, cáo về

Đuôi mang ngọn lửa kéo lê xóm làng.

Sao chìm sông máu mênh mang,

Lửa hồng thiêu đốt tan hoang ruộng đồng,

Chiến trường phơi trắng núi xương,

Khổ thay nòi giống Tiên Rồng nghìn xưa.

“Đúng rồi,” thầy tự nhủ, “Tháng và năm đều đủ 9: tháng 9 còn năm $4+5=9$ hai con chín, còn ngọn lửa mà đuôi cáo kéo theo phải là lửa từ bên Tàu đem qua...”

Lúc đó thầy đứng bật dậy, cố làm ra vẻ của một nam tử hán, phán với cô Hồng Nhu:

“Mãnh hổ nan địch quần hồ, con cọp mạnh khó lòng thắng được bầy chồn cáo, tôi với em phải rời xa nơi này càng sớm càng tốt, vậy ngay trong hôm nay và ngày mai phải thu dọn mọi cái cần thiết, cái nào cồng kềnh quá thì để lại cho Lê Bát. Chiều nay tôi sẽ ghé qua nhà ông ấy lần nữa báo cho ông ấy biết sau đó thuê một xe ngựa. Sáng ngày mốt lúc còn tối trời mình sẽ chạy về Hội An thoát khỏi vùng đất lửa này.”

“Vâng, nhưng bây giờ em phải nấu nồi cơm và hâm lại nồi cá kho đã; con mình đang đói lắm. Trong lúc đó anh bỏ hết sách vở vào thùng đi. Sau bữa ăn em sẽ dồn hết quần áo vào bao cói.”

“Ừ cũng phải.”

Thiết Trọng đáp trong lúc nhìn theo dáng Hồng Nhu ảo lả bước đi. Thầy nghĩ, “Trời Phật đã độ mình vì sáng nay mình không có nhà nên tránh được sự sỉ nhục, và hai thằng đó chưa làm bậy vợ mình.” Ý nghĩ ấy làm thầy thấy mình phần chần khi tiến lại kệ sách lấy từng chồng sách bám bụi đặt xuống nền nhà.

Bốn ngày sau, thằng Cám đi ngang qua nhà thầy Thiết Trọng, thấy cửa đóng then gài. Hắn bước vào thấy nhà trống trơn, không một bóng người. Họ đã trốn mất,... nàng đã trốn mất sau khi để lại ta món tóc thề, hắn nói. Ta tiếc đã không được tận hưởng với nàng, hắn than thở.

Tổ chức cho rằng không bỏ công đuổi theo một thằng đã bỏ chạy, đã đầu hàng, một thằng trí thức ngu muội và vô dụng. Hắn không bao giờ có thật trên đời. Không hiện hữu, không tồn tại. Về phần thằng Cám, từ ngày Hồng Nhu bỏ đi khỏi làng, hắn trở nên buồn bã. Một hôm hắn vui mừng khám phá một điều mới lạ: hắn thấy Mỹ Xuân vợ của xếp hắn, Bảy Long, với con nhỏ ba tháng trên tay đang lấy lại những đường nét sau thời kỳ sanh nở mà thằng Cám thấy rất mỹ miều, phổng phao như thân thể của Hồng Nhu. Từ đó hắn mới hết buồn nhưng lại thêm lòng hăng hái để chiến đấu cho lý tưởng Việt Minh.

Từ giữa năm 1946, quân viễn chinh Pháp và lính bảo an tái chiếm lại những vùng do Việt Minh làm chủ sau ngày đảo chính Nhật.

Tháng chín năm đó một đại đội lính lê dương và bảo an càn quét làng Rí và làng chà, có mấy xe bọc thép và một máy bay. Mặc dù đã biết trước và cho sơ tán các bà mẹ có con nhỏ, các ông bà già qua khu rừng bên kia sông Nghiệt, từ khu rừng này có con đường mòn dẫn lên núi Mường cao 1227 mét. Thằng Cám, người hộ tống của Bảy Long, được giao cho việc đưa ba bà cán bộ Ngọc Thu, Mỹ Xuân, Mỹ Đông qua sông và ổn định chỗ ẩn náu cho họ và các con nhỏ. Hắn xum xoe bên cạnh Mỹ Xuân, chăm chút cho cô này được sự thoải nhất nào là gạo thơm, sữa bò cho các bé, lương khô, xà bông cục, dầu đèn và cả dầu dừa xức tóc. Trước khi đi hắn còn nói một câu tôn vinh Mỹ Xuân cải lương hết chỗ nói:

“Chị Xuân ơi, mỗi lần nhìn chị Cám này lại nhớ đến mối tình đầu tan vỡ. Bây giờ người ấy đã bỏ đi xa vời vợi khiến em phải vò vò một mình.”

“Sao mà thơ mộng và éo le vậy chú Cám.”

“Thế đấy, để hôm nào yên ổn trở lại, Cám này sẽ kể hết câu chuyện tình ấy cho chị nghe.” Hăn luôn tưởng tượng giữa hăn và Hồng Nhu đã có một chuyện tình buồn.

Thằng Cám tức Văn Cám nhỏ hơn Mỹ Xuân bốn tuổi gọi cô bằng chị là đúng, hăn chỉ biết đọc, biết viết chữ cua bò, nhưng hăn hấp thu được nhiều từ một thứ văn hóa có thể gọi là văn hóa cải lương với những câu nói ướn át, mùi mẫn thêm vào những tình cảnh éo le, và một nỗi buồn ở nhiều cung bậc từ buồn đau xé ruột đến buồn thảm, buồn da diết, buồn lằng đằng, buồn mơ hồ và buồn không tên. Hăn thường ví nỗi buồn như cơn mưa, từ mưa giông đến mưa rào, mưa dầm, mưa phùn và mưa đêm rả rích. Có thể nói nỗi buồn trong cải lương minh họa rất tốt cho khổ đế của Phật giáo.

Không một đoàn cải lương nào về hát ở đình làng mà hăn không đi xem và trong lúc xem hát hăn đạt đến sự xuất thần đến nỗi nhiều lúc tưởng mình là nhân vật nam chính trên sân khấu và biến một nữ khán giả ngồi bên cạnh thành nhân vật nữ khi hai nhân vật chính đang âu yếm nhau trong từng hát. Hăn giật mình khi bàn tay của hăn bị khán giả nữ bên cạnh đánh mạnh, hất ra kèm theo một lời cảnh báo:

“Anh này dê quá vậy, bộ anh không có chỗ gác tay sao mà cứ vuốt ve đùi tôi hoài vậy.”

“Dà, xin lỗi tôi quên, tôi tưởng mình đang đóng tuồng.”

Còn bây giờ hăn liếc mắt đưa tình cho Mỹ Xuân rồi hăn tiếp tục ra ngoài làm việc, bố trí cho những ông già bà cả và trẻ nhỏ chỗ ẩn náu. Sau đó hăn quay lại ngắm Mỹ Xuân ngồi khoanh chân trên đôi bông nở nang tròn trịa, vạch vú căng tròn cho con bú. Lúc đó nàng không mặc áo ngực và cả người nàng toát ra nữ tính kỳ diệu. Một nữ tình bảo toàn và nuôi sống như một trái cây chín đỏ và căng mọng trên cành chờ người ta hái để qua cơn đói khát. Trong giây phút này đây nữ tính của nàng hòa nhập với tình mẫu tử ngọt ngào và dịu dàng biết mấy.

Hăn hạnh phúc như nhìn vợ hiền và con mọn của mình. Rồi hăn vội vã

quay về làng Rí điều động ghe cộ núp sát bờ sông dưới những cây to bên bờ làng Rí để chờ chuyển người qua sông khi rút lui. Trong lúc chèo ghe qua sông hẳn ngân nga mấy câu vọng cổ Chuyện tình Lan và Điệp mà lòng lâng lâng khó tả.

Hôm sau trời chưa sáng hẳn địch đã tấn công. Người của Việt Minh núp sau những ụ đất đắp sẵn ở ngoại vi làng chống trả mãnh liệt với những cây súng trường và lựu đạn. Dĩ nhiên đây là một trận chiến không cân sức. Hai cây trung liên trên xe bọc thép của địch bắn xối xả để mở đường. Một giờ sau phòng tuyến đầu tiên bị vỡ. Khi phòng tuyến thứ hai bị vỡ trước hỏa lực hùng hậu của địch, Tuấn Nhon và Huy Phụng rút về địa điểm đoàn ghe hơn mười chiếc của Văn Cám. Hai người qua sông chạy vào rừng trong chuyển ghe thứ ba và thứ tư, Tuấn Nhon bị thương ở tay phải được băng chặt để cầm máu, trong lúc Bảy Long cũng phải bỏ phòng tuyến cuối cùng. Anh này cùng các đồng đội rút về nhà làng hoặc đình làng sau đó chạy ra bờ sông. Thành linh một chiếc máy bay đêm già xuất hiện quần thảo trên bầu trời. Tiểu đội của Bảy Long bất ngờ bị một tiểu đội của địch thọc ngang sườn chặn con đường từ nhà làng ra chỗ ghe đậu sẵn.

Hai bên chạm trán và bắn nhau trực diện. Bảy Long núp sau một cây to cành lá um tùm vừa bắn, vừa leo lên cây để ẩn mình trong đám lá. Bảy Long bắn gục ba thằng nhưng cũng chứng kiến các đồng đội mình lần lượt bị bắn ngã. Một lúc sau, anh ngưng bắn vì địch đến quá gần cây cổ thụ, có thể phát hiện chỗ núp của anh. Sau đó tiểu đội của địch còn lại khoảng bảy người đổi hướng về nhà làng. Lúc đó một máy bay cánh quạt của Pháp bay trờ tới, đồng thời trung liên của máy bay địch bắn loạt đạn đầu tiên hướng về khu rừng bên này sông.

Trong tàng cây, Bảy Long sửa thế ngồi cho vững trên hai cành to và nghĩ mình thoát chết đợi đêm đến sẽ trốn qua sông. Đó là thế đại bàng bế dực tọa sơn, một thế ngồi trong võ học. Lúc đó phi công nhìn thấy một đồng đội bị thương của Bảy Long đang lồm cồm đứng dậy. Sẵn trong tầm ngắm lia ra một loạt đạn làm đồng đội Bảy Long ngã vật xuống đồng thời có mấy viên bay vào tàng cây; hai viên đạn ghim vào ngực Bảy Long, làm anh chết ngay tại chỗ nhưng không rơi xuống đất, vì khi thân anh đổ xuống từ chỗ

ngồi, bụng và ngực anh vắt vào hai cành cây to khác. Máu tuôn xối xả theo một cành cây chảy thành dòng cao năm thước dọc theo thân cây. Đúng lúc đó núp ở bờ sông chỗ ghe đậu, Văn Cám hoang mang không thấy Bảy Long nhưng buộc phải cho chuyển ghe cuối cùng tách bờ làng Rí qua khu rừng bên kia sông.

Tối hôm đó trong lúc Ngọc Thu chăm sóc vết thương trên tay cho Tuấn Nhơn, Mỹ Đông làm mát-xa cho Huy Phụng thì Văn Cám an ủi Mỹ Xuân:

“Anh ấy mau lẹ như con beo, bơi giỏi như con rái cá lại khỏe như cọp, Cám đoán anh ấy đã bơi qua sông trốn tạm đâu đó vài ngày sẽ gặp lại anh em đồng chí.”

“Tôi cũng mong Cám đoán đúng, nhưng tôi vẫn lo lắng không yên.”

“Ngày mai anh Tuấn Nhơn sai em điều động mấy ông già bà cả và trẻ em về làng xin xác động đội để chôn cất, Cám này sẽ dặn họ dò hỏi tình hình anh Bảy Long để chị yên tâm.”

“Ừ Cám giúp tôi chuyện đó đi.”

Văn Cám ở lại tới khuya với mẹ con Mỹ Xuân, hân dành bế thẳng bé Mạnh Cường hát bài vọng cổ Mạnh Lệ Quân nhớ bạn để ru thẳng bé ngủ, nhưng lạ thật Mỹ Xuân cũng thấy mình bình tĩnh và thư thái lại bởi giọng ngân nga, luyến láy của hân rất mùi mẫn và ngọt ngào. Nỗi buồn xa làng, xa chồng của nàng được ru ngủ. Mùi mẫn thiết, giống như một thứ trái cây chín rục nhẹ rơi vào mảnh đất lòng nàng để mọc lên cây mới dù trên mảnh đất ấy đã có sẵn một cây đại thụ sẽ tàn lụi với cái chết của Bảy Long. Cảm giác vô thức này khiến lần đầu tiên Mỹ Xuân thấy thẳng Cám trông cũng điển trai và có tấm lòng tận tụy, chí ít là đối với mẹ con nàng .

Sáng hôm sau bọn Pháp đồng ý cho người nhà nhận xác, sau một ngày những ai không được nhận sẽ cho chôn tập thể ở một mảnh đất gần nơi có đá Tôn-Lưu-trảm-thạch. Văn Cám cũng cải trang nhập vào đoàn bộ lão nghe ngóng nhưng tuyệt nhiên không thấy xác Bảy Long. Hân tự nhủ, “Nếu điều xấu nhất xảy ra, mình tìm thấy xác anh ấy, mình sẽ vuốt mặt anh ấy và sẽ nhìn anh ấy lần cuối rồi mình sẽ xin được thay thế anh ấy để chăm lo cho Mỹ Xuân vì mình đã lỡ yêu cô ấy rồi.”

Lúc đó trong bầu trời một bầy diều hâu và kên kên bay qua với lớp lông

dây. Một ông cụ nói:

“Ngộ thiệt, ở đâu có xác chết là kên kên bay đến.”

Sau đó đoàn người tiếp tục đi về phía các phòng tuyến để tìm xác người thân. Hẳn lại tiếp tục dòng suy nghĩ đã bị một đàn điều hâu và kên kên làm gián đoạn. “À mình còn phải chiêm ngưỡng ‘ngọc quản’ của anh một lần cho mãn nhãn rồi thôi... nghìn thu vĩnh biệt.”

Buổi chiều bọn Pháp và mấy viên chức nhà làng mới được chỉ định nói với các bô lão đưa gia đình về làng, ai theo Việt Minh ra đầu thú và nộp vũ khí sẽ được tha bổng. Các bô lão vâng dạ, rồi về nhà mình trong đó có vợ chồng Lê Bát vì có một ít bô lão về lại bên kia sông đem theo lời nhắn của họ báo tình hình đã tạm ổn có thể về làng canh tác.

Tối hôm đó, Tuấn Nhơn họp ủy ban Việt Minh lại để tìm phương án cho tình thế đại bại của tổ chức. Sau cùng họ nhất trí mấy điểm chính sau đây:

- Tập thể sẽ tiến sâu vào rừng để lập chiến khu cũng là hậu phương lớn sau này.
- Các nữ cán bộ và những người của Việt Minh nhưng quần chúng không ai biết vì giấu mặt tạm trở lại làng Xí nằm chờ lệnh trong lúc vẫn làm công tác dân vận.
- Đồng chí Văn Cám về lại làng Xí làm công tác địch vận và tổ chức mạng lưới giao liên từ làng cho đến cửa ngõ chiến khu. Mạng lưới này còn điều hành việc chuyển lương thực, vật dụng thu mua bên ngoài để tiếp tế vào khu.

Văn Cám rất ngạc nhiên khi trong buổi họp được Ngọc Thu đề cử vào công tác này. Cô nói:

“Đồng chí Văn Cám ít người biết mặt lại quen biết gia đình Lê Bát nên sẽ không bị phát hiện. Và lại đồng chí còn phải tìm kiếm phó chủ tịch Bảy Long mất liên lạc với chúng ta.”

Qua lời đề nghị ấy, các cán bộ đã đồng ý. Nhưng có một lý do thầm kín mà họ kể cả Văn Cám cũng không biết: Ngọc Thu thấy trước Văn Cám sẽ thay thế Bảy Long bảo vệ Mỹ Xuân, không cho ai đến gần cô này kể cả chủ tịch Tuấn Nhơn vì Ngọc Thu bị ám ảnh lời nói đùa của Dì Tám “giao ông chủ tịch việc đáp ứng nhu cầu cho Mỹ Xuân sau khi đã đề nghị thiên Bảy

Long”. Thực tế Bảy Long không bị thiến mà một con kên kên trong bầy đã lấy cái mỏ cứng rút gọn bộ phận đó của anh ấy trong bữa tiệc tử thi của chúng.

Vô hình trung, bầy kên kên bay qua làng đã thực hiện nghi thức điều táng cho Bảy Long như một bộ tộc bên Tây Tạng. Người chết được cột hai cổ chân vào một dây thừng dài, trong lúc một nhà sư gõ keng tụng niệm. Khi nhà sư ra dấu, người chết được ném lơ lửng xuống vực sâu là hang ổ của kên kên. Lúc đó từ đáy vực sâu dâng lên một làn sóng đen, những đôi cánh của bầy kên kên vừa bay vừa rĩa thịt tử thi. Một khắc sau nhà sư Tây Tạng ra lệnh cho kéo tử thi lúc này chỉ còn lại bộ xương trắng hếu. Phần xương đó được hỏa táng, tro cho vào hủ và thỉnh vào chùa. Thiết tưởng không có chủ nghĩa hư vô nào bằng nghi thức điều táng ấy của Phật giáo Tây Tạng.

Đúng là sắc sắc không không, vả lại Phật pháp coi thân xác con người là cái bình chứa đồ nhơ uế. Có lẽ quan niệm ấy cũng coi việc đưa hài nhi đỏ hỏn một cục được cha mẹ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa là một sự vô minh tệ hại. Dĩ nhiên trừ những nhà sư phá giới vì họ đã từng vượt ve, bú, mút, đã dập dềnh trên thân thể một người nữ như trên sóng cả trong lúc tưởng đó là con thuyền tam bản đưa họ về tây-phương-cực-lạc mà họ hằng ngưỡng vọng (!?).

Từ hôm ấy tổ chức tuần tự thực hiện nghị quyết chung. Sau ba ngày Mỹ Đông chia tay Huy Phụng ôm thằng bé Huy Khang cùng Mỹ Xuân ôm thằng bé Mạnh Cường có Văn Cám tháp tùng về lại làng Rí. Ngọc Thu lấy lý do chăm sóc vết thương cho Tuấn Nhon ở lại thêm một tuần, nhưng đêm nào chàng và nàng bên nhau ngây ngất, quẩn quại trong lạc thú yêu đương. Chàng thường quấn chặt vết thương trong cái áo dầy trước khi hành lạc. Dù vậy sau mỗi lần hành lạc vết thương lại rỉ ra chút máu, Tuấn Nhon coi đó là chuyện nhỏ vì vết thương của chàng không nguy hiểm, còn Ngọc Thu coi đó là dấu chỉ sự đặc trưng của mình.

Chàng đã biết rõ nàng là một thiếu nữ nhiều dục lực và dễ hứng tình. Chàng biết điều này từ khi ngỏ ý cưới nàng với song thân, lúc đó mẹ chàng có nói, “Con bé đó nhan sắc khả ái, nhưng có điểm xấu là mắt sắc và ướn long lanh, môi đầy và đỏ, nhiều ‘hành thủy’ quá.” Mặt khác bà cũng biết rõ

con bà. Vẻ dịu dàng của Tuấn Nhon chỉ là cái vỏ bọc lễ giáo mà người cha vốn là nhà nho truyền dạy. Bên trong vỏ bọc ấy là một sự khắc nghiệt và nhẫn tâm trong chiều sâu vô thức. Trái lại thằng út Tuấn Nghĩa của bà khác hẳn. Bên dưới vẻ khô khan ít nói là một tâm hồn nhân hậu.

Hôm chia tay Ngọc Thu, Tuấn Nhon nói:

“Mình chỉ tạm thời xa nhau thôi do yêu cầu của cuộc kháng chiến. Anh sẽ tìm cách lên về thăm em và con; khi đường dây giao liên được thiết lập, em sẽ qua làng chài và vào cứ thăm anh.”

“Vâng em cũng nghĩ như anh,” Ngọc Thu âu yếm nói, giờ đây cô đã yêu Tuấn Nhon say đắm không như ngày mới cưới nhau.

“Em có biết anh thèm được ôm em và tận hưởng hạnh phúc với em không?”

“Em biết và em cũng cần anh vô hạn nhiều lúc như hóa ra điên dại.”

“Thôi em và con về bình an.”

“Và anh cũng bảo trọng,” Ngọc Thu nói mà nước mắt lưng tròng.

Thật vậy, nàng rất cần chàng vì tình yêu mà có lẽ vì nàng có một dự tính mạnh mẽ hoang dại được nuôi dưỡng bởi nắng gió, bởi màu xanh miên man thôn dã và dòng sông chảy siết như sự gào thét âm thầm trong thân xác nàng những lúc đòi yêu. Sự eo sèo ấy của thân xác chỉ chịu im tiếng khi nàng được Tuấn Nhon xâm nhập chiếm lĩnh và làm cho thỏa mãn trọn vẹn. Và lại nàng cũng muốn sinh cho Tuấn Nhon một đứa con của chàng, vì Khánh Dung là con của Huy Phụng mà chỉ một mình nàng biết.

Đồng thời nàng thấy chưa bao giờ nàng yêu đẳng như hiện nay. Sau đó nàng cũng yêu quê hương nữa. Nhưng nàng yêu quê hương trong những cái cụ thể nghèo nàn của nó như chùm khế ngọt (nhiều khi hái trúng trái chua lè), như vầng trăng tỏ (gặp thời mây phủ sơn khô) như con đò nhỏ (trong khoang giấu súng AK). Đặc biệt trong những cái rất cụ thể nơi Tuấn Nhon, nàng đâu biết rằng nó giống như sự quyến rũ của xác thịt và tính dục được thăng hoa nhưng không thanh thoát được, nên đã trở thành một nỗi ám ảnh thường xuyên như cơn khát tình giãy vò nàng trong nỗi chết.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 5
Điều táng

Nửa tháng sau, làng Rí trở lại cuộc sống bình thường nhưng không hết hoang mang. Hết thấy dân làng đã quay về nhà trừ những thành phần Việt Minh nòng cốt và dĩ nhiên những người đã chết trong trận càn quét vừa qua. Học sinh đã đi học lại.

Một buổi trưa đầu giờ Ngọ, một học sinh đi học về nhưng có vẻ không vội về nhà. Cậu đi đường vòng để có dịp tha thẩn tò mò ngắm nghía cây cối xanh tươi và nhất là để bắn chim. Cậu đã làm một cái ná bằng một đoạn ruột xe đạp và giấu trong cái cặp bằng lát đan khi đi học. Cậu lắng nghe chim chóc để tìm vị trí của chúng. Khi qua một nơi có nhiều cây cao, cậu gặp một thanh niên to lớn đang ngồi dưới một gốc cây to, khuôn mặt buồn thảm, đầu chít khăn đỏ, hai mắt cũng đỏ mà cậu tưởng lầm là do cái khăn phản chiếu. Chàng thanh niên gọi cậu học sinh lại và nói:

“Em giúp tôi việc này tôi sẽ thưởng tiền cho em mua bánh, kẹo hoặc đồ chơi.”

“Việc gì chú cứ nói cháu sẽ giúp cho.”

“Em chạy đến nhà chú Cám ở xóm Nhãn nói tôi là bạn chú ấy đang chờ chú ấy ở tàng cây da xà gần gò Bà Bậu. Đây tôi cho cậu mấy xu ăn bánh.”

Cậu học sinh bỏ mấy hào trong cặp rồi chạy đi ngay. Trên đường cậu bé gặp một chị bán bánh tráng kẹo và me ngào đường, cậu dừng lại tự nhủ: “Mình mua bánh ăn lấy sức rồi chạy tiếp.” Nhưng khi cậu thò tay vào cặp, không có đồng xu nào cả mà chỉ có mấy viên đá cuội lẫn đá xanh. Cậu hoảng sợ mặt mày xám ngoét, “Chết con má ơi, thằng cha đầu chít khăn đỏ là Quỷ đầu đỏ mượn hình người mà mình không biết, may mà mình coi lại tiền trước khi mua.” Rồi vừa ngượng ngùng với chị bán bánh vừa sợ hãi nó đi thẳng về nhà gặp ngay má nó. Má nó hỏi:

“Sao con có vẻ hốt hoảng vậy?”

Nó kể lại câu chuyện vừa qua. Bà mẹ này thỉnh thoảng đi chùa Từ Duyên và quen biết Mỹ Xuân. Có lần bà gặp Văn Cám kè kè theo sau Mỹ Xuân lên chùa cầu Phật. “Vây thằng Cám này cũng là quý và đang quyến rũ gái vắng chồng,” bà mẹ kết luận không cần nghĩ ngợi. Bà không nói gì nhưng dễ dàng con, nói nó bị ảo giác vì say nắng.

Chiều hôm đó, bà mẹ đưa học sinh qua nhà Mỹ Xuân lại gặp Văn Cám ở đó, bà kéo Mỹ Xuân ra gốc mận kể lại câu chuyện. Nghe xong Mỹ Xuân mặt mày tái mét vì cũng tưởng Văn Cám là quý mới có bạn quý, trong khi cô đã bắt đầu thấy thương hằn vì hằn mùi như sáu câu vọng cổ và làm ra vẻ từ bi như bồ tát.

Thật ra cho đến lúc này cô vẫn tin Bảy Long còn sống và quyết chí chờ chồng nhưng nếu mọi sự xấu nhất cô sẽ thủ tiết thờ chồng, nuôi con. Tuy nhiên cô không ngờ mình đang nguy tín vì quyết tâm thủ tiết của cô đã bị lòng ganh tị với hạnh phúc của Ngọc Thu làm hỏng. Cô thường nghĩ thầm, “Con Ngọc Thu đó dùng nhan sắc vắt kiệt sinh khí của Tuấn Nhon và làm cho chàng trở nên ngu muội, bạc nhược. Nó như cái động vô nhai hút hết tất cả những gì đến gần để tiêu hủy...Tội nghiệp cho chàng!” Có lần cô nằm mơ thấy Ngọc Thu và Tuấn Nhon đang âu yếm. Đôi mắt chàng mờ mờ không còn thấy mười ngón tay của vợ mình thành mười móng vuốt và răng cấm của nó thành bốn cái răng nanh. Một lát sau con ma cà rồng Ngọc Thu đã hút hết máu của chồng. Bấy giờ Tuấn Nhon ngã vật xuống thành một cọng bún to màu trắng bệch và chỉ trong nháy mắt những năm mốc màu xanh mọc kín người chàng. Trong những năm mốc xanh lè ấy là các ổ vi trùng lúc nhúc...

Khi bà mẹ cậu học sinh đi rồi, Văn Cám thấy Mỹ Xuân hoảng hốt bèn hỏi:

“Em sao vậy?” Dạo này nó đã hiên ngang gọi cô ấy bằng ‘em’.

“Không sao cả, anh rút ra khỏi nhà thôi ngay, đồ quý sứ, đừng để tôi gọi

người nhà của tôi đuổi anh về.”

“Anh có làm gì đâu mà em nỡ lòng nhẫn tâm đành đoạn gọi anh là quỷ sứ như thế?” Hấn than thở có vẻ rất vọng cổ.

“Anh ra tìm thằng quỷ đầu đỏ ở gốc cây da xà, gò Bà Bậu mà hỏi nó?”

“Thằng quỷ nào? Anh có biết gì đâu.”

“Cút đi, nó đang đợi anh đó.”

Nói xong cô ngoe nguẩy ra nhà sau, phụ làm bếp với Mỹ Đông và giặt giũ thau quần áo của hai em trai cô hôm nay qua làng chài để phụ đóng ghe.

Còn lại một mình, Văn Cám lòng dạ rối bời, cõi lòng tan nát không hiểu chuyện gì làm cho tim nàng hôm nay trở thành băng giá (lúc nào hấn cũng nhập vai thành nhân vật trong cải lương được hết). Hấn định quay về nhà ở xóm Nhãn, sau đó đổi ý, hấn đi thẳng đến nhà bà mẹ đưa tin. Hấn không gặp bà mẹ nhưng lại gặp chính thằng bé học trò. Nó kể lại cho hấn biết câu chuyện sau khi hấn dúm cho nó ít xu. Nghe xong hấn quyết định đi tìm con quỷ muốn phá hoại tình yêu của hấn với Mỹ Xuân. Phần thằng bé không dám đem tiền đi mua quà ngay, nó nhét mấy xu dưới tờ giấy hồng đơn trên bàn thờ, ngày hôm sau nó mới lấy ra mua bánh tráng tráng kẹo và me ngào đường mà nó vẫn thèm được ăn.

Văn Cám đến chỗ cây da xà trong chưa đầy nửa giờ. Không một bóng người ngoài tiếng gió xào xạt và ve sầu rên rỉ. Hấn tự nhủ:

“Ma với quỷ, chuyện vợ vẫn như thế mà tin. Lại còn đầu đỏ với đầu đen.”

Hấn định đi thêm một vòng quanh cây rồi về. Bỗng nhiên hấn thấy nổi trên vỏ cây xù xì một đường dài tím đen và khô quánh lại như vệt máu. Đứng sát vào thân cây hấn thấy có hai “ống tre” màu trắng giữa đám lá rậm, nhưng không biết là cái gì. Lúc đó có một bác nông dân đi qua đó, Văn Cám gọi lại nói:

“Bác kia lại coi cái gì trên cây này...”

Bác ta từ từ tiến lại gốc cây. Sẵn có cây tầm vông dài mà bác vác về nhà để chằm vào vách lá, bác ta gạt đám lá qua một bên để lộ ra bên trên bộ xương

người trắng hếu của Bảy Long, và hai ống tre màu trắng chính là hai ống quyển của bộ xương. Bác ta kêu lên thảng thốt:

“Trời ạ, một bộ xương người đang ngồi trên cây.”

Bác ta rút cây tầm vong lại chạy ra xa gốc cây năm sáu bước. Văn Cám cũng thấy bộ xương và nhận ra ngay là bộ xương của Bảy Long vì cái khăn rằn có khâu một mảnh vải đỏ còn đeo quanh cổ. Hắn nói với bác nông dân: “Này đừng báo cho ai biết chuyện này nhé, đó là bạn của tôi bị Tây bắn tưởng mất xác nay mới tìm thấy.”

“Ai nói làm gì, thôi tôi về đây tự chú em lo liệu.”

“Để cây tầm vong lại cho tôi mượn.”

“Như vậy tôi sẽ không dùng được nữa vì nó đụng vào xác chết.”

“Vậy bán lại cho tôi nhé, tiền đây lấy đi .”

“Thôi cũng được, tôi chỉ mất công mua lại cây khác.”

Còn lại một mình, Văn Cám leo lên một cây bên cạnh có cành hướng vào chỗ bộ xương. Anh ta dùng cây tre xeo cho bộ xương ngã xuống, sau đó giấu vào một chỗ khác gần gốc cây, bẻ lá phủ lại rồi quay về báo cho Mỹ Xuân, Mỹ Đông, Ngọc Thu, người nhà và một đệ tử học võ của Bảy Long biết. Họ đợi khi trời thật tối đem xương ấy vào chùa để chôn trong đất chùa. Ngày hôm sau làm tuần thất nhật cầu siêu cho người chết.

Từ lúc biết tin chồng chết, Mỹ Xuân khóc lóc thảm thiết, đầu tóc xõ tung phủ phục dưới đất kêu trời. Văn Cám phải an ủi và xin đừng khóc lớn, để làm kinh động làng xóm và mấy thằng lính làng theo Tây. Bây giờ, Mỹ Xuân chỉ còn biết sùi sụt nước mắt.

Trong bảy ngày cầu siêu, Văn Cám luôn có mặt bên cạnh Mỹ Xuân và người thân của nàng. Nhân dịp này để cởi mở tâm sự và làm khuây khỏa Mỹ Xuân, Văn Cám kể lại cho Mỹ Xuân nghe mối tình đầu éo le của mình (hoàn toàn do tưởng tượng dựa vào một kịch bản cải lương mà hắn rất thích) với Kim Thản vì nhan sắc của cô này đã để lại dấu ấn mạnh mẽ trong tâm hồn hắn. Mỹ Xuân tò mò hỏi:

“Vậy ra có một mối tình tay ba giữa anh, Kim Thản và Lê Bát, giống chuyện Táo quân?”

“Gần như thế, nhưng không một người nào chết trong lửa rơm cả vì sau

cùng anh đã rút lui nhường chỗ cho hai người ấy.”

“VẬY anh cũng cao thượng quá hả.” Mỹ Xuân nói có pha chút mỉa mai.

“Không cao thượng đâu mà chỉ vì anh thương cả hai người.”

“Thương cả hai người sao?”

“Chứ sao, như hiện nay anh thương cả anh Bảy Long lẫn Mỹ Xuân và lần này anh quyết sẽ không lui bước.”

Mỹ Xuân giả vờ không nghe câu cuối bước nhanh vào cổng chùa. Trong khi nghe bảy nhà sư tụng kinh cho người chết, Văn Cám nhận thấy giọng một nhà sư xướng kinh kinh có nhiều chỗ giống giọng ca bài vọng cổ. Vào ngày cuối trong lúc Mỹ Xuân ra sau chùa cắm nhang vào mộ của Bảy Long làm bằng đá tổ ong, Văn Cám nói ra nhận xét của mình cho vị sư trụ trì. Ông này nói:

“Chú em nhận xét đúng đấy vì khi Cao Văn Lầu viết bài Dạ Cổ Hoài Lang, ông ấy đã trải qua một mối tình ngang trái đến nỗi phải vào chùa tu hành một thời gian. Có lẽ vì thế ông Lầu đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật tụng kinh Phật giáo khi soạn bài đó.”

“Thế nhưng phải có những điểm khác nhau chứ.” Văn Cám hỏi.

“Dĩ nhiên cả hai giống nhau ở cái bi thương nhưng khác nhau ở chỗ: cái bi của bài vọng cổ là bi hoài còn cái bi của Phật giáo là bi niệm, sư tạm gọi thế. Vì khi nhà Phật nói đời là bể khổ, họ đang suy niệm về cái khổ cùng với những quan điểm khác như vô thường và vô ngã, còn cái bi của bài vọng cổ thể hiện nỗi buồn trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể và đó là thời mà nho giáo suy kiệt và Phật giáo gặp khó khăn vì không còn địa vị độc tôn nhưng bị các tôn giáo lớn khác cạnh tranh ví dụ như đạo Tây mới du nhập, rồi đạo Cao Đài được sáng lập sau đó?”

“VẬY chữ ‘hoài’ mà thầy vừa nói cũng là chữ ‘hoài’ trong ‘hoài lang’ phải không?”

“Đúng vậy, vì mỗi khi sư nghe hát bài vọng cổ đó, không hiểu sao sư luôn liên tưởng đến một tín nữ nhớ thương chồng là một nhà nho đang dẫn thân hành đạo để phục hồi kỷ cương nho giáo.”

“CÓ lẽ phải thế mới thấm hết cái não nùng trong bài vọng cổ ...”

Tuy nói vậy nhưng trên đường về, Văn Cám tự nhủ, “Thằng cha thầy chùa

nói bậy, làm gì có nho giáo, Phật giáo trong bài ca đó, mình chỉ thấy sự mùi mẫn ướn ắt của tình tự trai gái mà mình đang sử dụng để làm Mỹ Xuân cảm động, nhận biết cái tâm ý say đắm của mình.” Rồi hấn bươn bả chạy theo Mỹ Xuân đang xách cái giỏ trong để nhang đèn và bài vị của Bảy Long trù một mảnh lụa đỏ. Trên đoạn đường về nhà, hấn hát cho nàng nghe bài Dạ Cổ Hoài Lang đồng thời hấn cải biên chút ít ví Bảy Long là phu tướng trong lời ca: Từ là từ phu tướng bảo kiếm sắc phong lên đường/ vào ra luống trông tin chàng/ Năm canh mơ màng/ Ôi gan vàng quận đau ...Lần này Mỹ Xuân không khóc sụt sùi mà chỉ ngậm ngùi khiến hấn càng thêm hy vọng vào mối tình mà hấn đã dành trọn cho Mỹ Xuân.

Một tháng sau, ngày bé Mạnh Cường tròn một tuổi, ngẫu nhiên rơi vào ngày rằm tháng chạp. Nhà Mỹ Xuân làm một bữa tiệc nhỏ mừng thôi nôi cho thằng bé. Buổi tối cả nhà có mặt trừ Mỹ Đông hai hôm trước cùng Ngọc Thu đã lên vào cứ thăm chồng họ. Em trai kế của Mỹ Đông là Đức Lai đã chèo ghe đưa họ qua sông lúc trời mờ sáng. Lúc xuống ghe bên bờ kia làng chài, Ngọc Thu suýt rơi xuống nước, may nhờ Đức Lai ôm lại được ngang eo, lưng nàng tựa vào ngực của anh ta trong lúc cô then thùng nói lời cảm ơn người em trai của bạn. Cái giây phút ngắn ngủi ấy nơi hai ánh mắt của họ giao nhau tưởng dài ra vô tận vì vẻ long lanh nhưng mờ dần trong mắt Ngọc Thu đã bộc lộ cái nữ-tính-vĩnh-cửu trong lòng nàng: sẵn sàng quyến rũ mê hoặc người tình để sau đó chính nàng lại thụ động hiến dâng.

Giây phút phù du ấy đưa đẩy hai người vào một cảm giác tuy ngắn ngủi nhưng miên man trường cửu, rồi sau đó để lại trong lòng Đức Lai một cảm xúc lạ lùng khó tả. Thỉnh thoảng đêm đêm anh ta lấy từ trí nhớ ra nghiền ngẫm như bò nhai lại nắm cỏ ăn được trong ngày. Nhai lại, nhưng lạ một điều là không bao giờ nhai hết.

Đức Lai mặc dù mới học hết lớp đệ ngũ nhưng chịu khó đọc sách nhất là truyện Tàu mà anh mượn ở nhà một ông giáo làng có cho thuê truyện, chỗ nào không hiểu anh ta hỏi mấy lão già trong làng, hoặc khi có gánh hát bội đến diễn tuồng anh ta cố mua vé đi xem rồi đối chiếu giữa tuồng tích với sách truyện. Anh ta là một người hiếu học.

Cách học hỏi ấy không có gì lạ. Từ khi nho giáo suy vi, cái học trực tiếp từ kinh điển nghĩa là Tứ Thư và Ngũ Kinh ít người biết đến, nhưng ảnh hưởng của sách truyện với khía cạnh thực tiễn của chúng vẫn còn lâu dài trên những kẻ thích lấy tấm gương ngày xưa để soi sáng chuyện ngày nay. Bởi lẽ theo thứ tự Kinh, sử, tử, truyện thì truyện được xếp ở vị trí sau cùng, nhưng truyện phải chuyển tải được Kinh sử mới là truyện đúng nghĩa. Ngoài Tam Quốc Chí, anh ta còn đọc Thủy Hử, Đông Chu liệt Quốc và những truyện lịch sử khác của các triều đại Trung Hoa mà chàng quyết tâm áp dụng bài học đạo đức nào mà anh ta thấm thía. Tóm lại cách đọc của anh ta khác với của Huy Phụng và Tuấn Nhon chỉ để tìm hiểu những mưu kế chiến thuật và chiến lược, phần lớn là vô đạo đức của những kẻ quyền mưu trong lịch sử.

Nhiều phụ nữ trong làng còn nói Đức Lai là thằng khờ vì đôi lúc nó hay nói những câu ngớ ngẩn với những chữ nếu đại loại như, “Nếu tao là bà mẹ, tao nặn người nào cũng có đủ dương vật và âm vật để khỏi tìm kiếm yêu đương rồi ghen tương đủ thứ phiền toái.” Người nghe hỏi lại, “Vậy mấy ông sư và bà vải thì sao? Chẳng lẽ có đủ cả hai mà không cho họ xài như cái lưng ngựa mà không cho cái tay gãi cho đỡ ngứa?” anh ta đáp, “Lúc đó bà mẹ phải chọn trước người có căn tu, nặn họ trơn tru như búp bê. Bảo đảm sẽ thành chánh quả.” Người nghe ôm bụng cười rồi bỏ đi. Còn mấy thanh niên hay chơi với Đức Lai nói nó mắc chứng thủ dâm. Họ nói cái tay của thằng Đức Lai vừa để gãi ngứa vừa để hành lạc, đáng tiếc là nó trông cũng đẹp trai giỏi việc mà co cụm lại với mình và chỉ biết thủ dâm thì quả là lệch lạc. Những lời nói tiêu lâm ấy không có gì xác đáng và có lẽ là do suy diễn. Phần anh ta từ ngày ôm được cái eo nhỏ nhắn, thanh tú của Ngọc Thu, anh ta nghĩ lại, “Nếu (cũng nếu nữa) mấy bà mẹ làm như mình đã nói, làm sao mình có được sự nhớ nhung thú vị này.” Từ đó cho đến ngày vào cứ sau 1959, anh ta chỉ gặp lại Ngọc Thu có vài lần nữa thôi và cũng từ một khoảng cách không thể vượt qua.

Bạn bè đến dự tiệc thôi nôi chỉ có vài người thân thiết: vài người bạn làm ghe của hai cậu em, dĩ nhiên cũng có mặt Văn Cám và một tay đồn đi theo hẳn. Hôm ấy Văn Cám hát mấy bài vọng cổ và trích đoạn tuồng Võ Đông

Sơ Bạch Thu Hà. Hấn cũng xin miễn uống nhiều rượu để còn tỉnh táo phục vụ. Đến khi tiệc tàn hai người em của Mỹ Xuân say khướt vào buồng ngủ vùi. Hấn định ra về theo sau tay chơi đàn, nhưng đúng lúc ấy một cơn mưa đầu mùa đổ xuống như trút. Hấn giả bộ đi lảo đảo đến nói với Mỹ Xuân đang rửa chén và dọn dẹp sau nhà:

“Anh xin phép ngủ lại vì say quá quên mất đường về mà trời thì tối thui.”

“Ừ thì vào ngủ với hai thằng em tôi đi. Đồ hư chỉ biết say xỉn.” Mỹ Xuân xẵng giọng đáp như một người vợ mắng chồng.

Hấn vào nằm giường nằm nghe ngóng. Khi thấy Mỹ Xuân đã giải quyết xong đồng chén bát và tắm rửa xong rồi cầm chiếc đèn dầu vào phòng với con được một lúc, hấn lần mò đến phòng cô.

Mỹ Xuân thấy con đã ngủ yên trong nôi, cũng vào giường ngủ. Nhưng gần đây cô thường khó ngủ vì thường trần trọc hết nghĩ đến Bảy Long lại nghĩ đến Văn Cám bởi cô đã phải lòng Văn Cám. Cô tin mỗi tình tay ba Văn Cám, Kim Thản và Lê Bát là có thật như lời hấn khoát lác để chứng tỏ giá trị bản thân. Dĩ nhiên nếu Kim Thản chưa bỏ làng đi hấn cô sẽ đến hỏi bạn cô đã thích Văn Cám ở những ưu điểm nào, có giống với những suy nghĩ của cô không và sau đó vì sao lại chịu lấy Lê Bát làm chồng. Và lại vắng hơi đàn ông lâu ngày cô thấy lòng cô rạo rực và phơi phơi ý xuân. Đang suy nghĩ lan man cô đã thấy Văn Cám rón rén đẩy cửa đi vào và bước đến giường cô. Cô nói nhỏ với anh ta sợ làm thằng Mạnh Cường thức giấc:

“Say rượu sao không ngủ ngoài đó mà còn vào đây, ra ngay không em la lên đó?”

“Đừng em, anh không say rượu mà chỉ say tình: Phải, anh say em... Và lại suốt bữa tiệc anh chỉ hát cho khách mà chưa hát cho em bài nào nên mới vào đây.”

“Anh định hát bài nào?”

“Dĩ nhiên là bài chiều nay anh chưa hát vì dành riêng cho em. Đó là bài Mạnh Lệ Quân nhớ bạn.”

“Ừ hát đi.”

“Cho anh nằm kế bên em để hát ru em ngủ.”

“Ừ, nhưng không được đụng vào người ta đó.”

Mỗi người ở một cạnh giường, nằm nghiêng nhìn nhau. Văn Cám nhìn những đường cong hấp dẫn trên thân thể cô một lượt rồi bắt đầu hát với giọng êm nhẹ và mùi mẫn. Hết câu vọng cổ đầu tiên thì hai người đã sát lại bên nhau. Hết câu thứ hai thì bàn tay của hân đã nằm ở gò hương nhu của Mỹ Xuân và vẫy vọc. Câu thứ năm hát được vài từ thì lời ca im bật vì họ đã lỏa thể và Văn Cám đã xâm nhập và đi sâu vào cô ở giữa háng, mạnh mẽ và hùng hậu không kém Bảy Long vì hân đã đưa vào cô cả lời ca và giọng ca của một bộ môn nghệ thuật, biến việc trao thân của cô thành một nghi thức. Cô ngây ngất bởi một dòng điện cảm khoái tràn ngập xác thân làm cô rung động mạnh. Cô muốn hét thật to như cộp cái trong khoái cảm, nếu như không sợ thằng bé Mạnh Cường và hai em trai cô thức giấc: chàng đã hát, còn mình thì hét. Lúc đó hai người cùng rên rỉ như một điệp khúc của bài ca còn dang dở và sẽ hoàn thành khi họ tan tác trong nhau.

Sau đó họ hả hê ôm nhau ngủ. Khi trời sắp sáng, Văn Cám giật mình thức dậy định ca tiếp hai câu vọng cổ còn lại cho Mỹ Xuân nghe thì thằng bé Mạnh Cường thức dậy kêu mẹ. Vì thế Văn Cám phải vội mặc đồ vào và ra đi thật sớm. Từ hôm đó hai người thỉnh thoảng lén lút gặp nhau trong cuộc âm-dương-giao-hội. Nhưng Mỹ Xuân chưa muốn công khai tình trạng già nhân ngái, non vợ chồng ấy vì dù cô đã yêu Văn Cám nhưng cô vẫn nói cô sẽ thủ tiết thờ chồng.

Cũng hôm đó, Ngọc Thu và Mỹ Đông đi vào cứ từ sáng sớm lúc sương mù còn giăng mắc là đà trong những cành cây mãi đến khi gần đến giờ Ngọ nhờ vị trí của mặt trời nhìn xuyên qua đám lá cây rừng họ vẫn chưa đến nơi. Họ đã đi qua hai chốt canh gác: ở chốt đầu tiên, họ trình diện một anh dân quân, đọc mật khẩu mà Văn Cám đã cho họ biết, lấy sổ cho mình và cùng nhận một mật khẩu khác rồi đi tiếp. Tay cầm một nhánh tre dài để đập mạnh vào những lùm cây nghi ngờ có thú độc hay côn trùng độc, mặc dù họ đã cột túm hai ống quần lại, chân mang giày vải và một sợi dây chuối dài cột quanh người thay cho thắt lưng.

Có những đoạn đường, họ đi theo một con đường mòn hai bên lau lách, cần thận quan sát rần rết nằm phục trên đường để phơi nắng, thỉnh thoảng có tiếng chim kêu lên vài âm thanh khô khốc một hoặc tiếng bầy khi đuổi

nhau kêu chen chết trên các cành cây. Ánh sáng giữa rừng màu xanh vàng vào buổi sáng, xanh đen vào buổi chiều vì được lọc kỹ qua cây lá.

Đến gần một con suối cạn hai người ngồi nghỉ rửa mặt mũi chân tay cho mát, giở cơm nằm ra ăn và bầu nước ra uống. Họ ngồi trên một tảng đá bàn tương đối phẳng phiu. Ngọc Thu ngã lưng nằm dài trên tảng đá để thư giãn mắt nhắm lại trong lúc Mỹ Đông lấy thức ăn từ trong giỏ lác ra. Ngọc Thu vẫn còn thấy ở đáy mí mắt một khoảng trời xanh biếc nhỏ bằng cái mâm đồng chiếu qua cành lá. Màu xanh biếc này nhắc lại lần đầu tiên Huy Phụng và nàng cho ghe chở lúa ghé vào rừng ở đó chàng đã lần đầu tiên khơi lên ngọn lửa đục tình trong lòng nàng và qua vai trần của chàng, nàng đã nhìn thấy cũng khoảng trời xanh nhỏ bé ấy. Từ đó ngọn lửa được khơi lên luôn âm ỉ cháy dù sau đó chính Tuấn Nhon làm cho nó bùng phát mạnh. Bất chợt nàng thấy đôi vú nàng săn lại, trong lúc Mỹ Đông nói:

“Dậy đi bồ, bồ mệt rồi hả chắc cũng sắp đến nơi rồi.”

“Ừ mình không ngờ căn cứ xa quá gần tới chân núi Mường rồi còn gì.”

“Rán đi, rồi có người sẽ thưởng công cho.” Mỹ Đông cười nói.

“Bồ cũng có người thưởng công vậy.” Ngọc Thu đáp lại.

Rồi hai người cùng ăn cơm với muối vừng cá khô trong tiếng suối róc rách và tiếng một bầy chim riu rít trên cây. Trong không khí tĩnh lặng này ai dám nghĩ rằng một ngày nào đó nơi này sẽ là bãi chiến trường của hai nhóm người thù nghịch. Ăn xong, hai người bạn gái nằm nghỉ bên nhau trên tảng đá. Mỹ Đông nằm nghiêng nhìn bạn nói:

“Từ ngày bồ sinh Khánh Loan trông bồ đẹp ra và hấp dẫn hơn, mấy mợ hơn.”

“Bồ và Mỹ Xuân cũng thế, gái một con mà!” Ngọc Thu lấy vẻ khiêm tốn đáp lại.

“Bồ nói không đúng, chị Mỹ Xuân thì mập ra, phồng phao hơn, nếu không biết giữ sẽ mất eo và sồ sề. Còn mình bị rong huyết nên ngực và hông teo tóp lại chán lắm.”

“Bồ lo gì, đàn ông họ yêu mình nhiều khi chỉ vì một ưu điểm nào đó mà thôi.”

“Bồ nói cũng phải,” rồi Mỹ Đông nói tiếp, “Mình nghĩ thương mấy anh ấy

sống trong rừng sâu thiếu thốn và vất vả, trong lúc bọn Pháp tìm cách tái xâm lược Việt Nam. Không biết bao giờ mấy anh ấy vinh quang trở về làng xóm.”

“Bồ yên chí đi sau lưng mình là cái nôi cách mạng Liên Xô. Thắng Phát-xít Đức xong họ sẽ giúp mình đánh thắng Tây dễ dàng.”

“Ừ mình cũng mong như thế. Không lẽ những hy sinh của các anh ấy và của chúng mình hóa ra vô ích sao.”

Có tiếng chim hót lẻ loi trên cành như muốn nói, “Có thể lắm nếu cô nhớ lịch sử, trong Trịnh Nguyễn phân tranh lê dân hy sinh vô ích cho hai dòng họ, còn giờ đây cô và các bạn cũng hy sinh vô ích cho một tập đoàn tay sai của Đế quốc đỏ, dù có ý thức hay không. Tuy có những điều vô ích nhưng lịch sử không thể vô lý. Cô hãy thử bình tâm suy nghĩ xem ”

Lúc đó có một bầy bướm rừng đủ màu sắc bay qua, trông đẹp và vui mắt. Một con bay lại đậu trên đầu gối của Ngọc Thu, Mỹ Đông cười nói:

“Bướm ơi, bay đậu chỗ khác đi, cô ấy là hoa đã có chủ rồi.”

Ngọc Thu đỏ mặt lấy tay dấm vào người Mỹ Đông và cả hai cùng cười. Có lần Mỹ Đông nghe một bà lão gần nhà lão Thổ trên đường ra bờ sông nói Ngọc Thu có tướng dâm: ngọn lửa dâm tình trong cô luôn nóng bỏng dù người cô luôn thanh mảnh không mỡ màng, phốp pháp. Nếu dâm với chồng thì có gì đáng nói.

Sau đó hai người lại lên đường độ nửa giờ sau họ đến chốt thứ hai. Ở đây họ đọc mật khẩu, một anh dân quân cho họ đổi số và báo cho biết hai cây số nữa họ sẽ đến chỗ Tuấn Nhơn và Huy Phụng đóng quân.

Từ chốt này, họ bắt đầu thấy thừa thớt những túp lều tranh có cửa là tấm liếp có cây chống lên khi mở ra. Trên mái là dây hoa mắc cỡ bò chẳng chịt vừa để ngụy trang vừa để ngăn rắn rết, chung quanh có trồng những bụi nén và bụi xả để rắn rết tránh xa. Tất cả những túp lều đó đều ẩn mình dưới những tàng cây rậm.

Sau cùng họ đã đến nơi và trước mắt họ là một cái lán dài mười lăm mét, nằm bên dưới một rừng cây thấp. Lán làm bằng tre ống hoặc tre miến lợp tranh, những vật dụng như bàn ghế băng dài đều làm bằng nửa tép. Chính giữa lán là hội trường, phòng của Tuấn Nhơn và Huy Phụng ở hai bên cánh

của hội trường. Phía trước lán từ chỗ cửa hội trường ra hai đầu hồi có một hàng rào tre trồng dây hoa ti-gôn đại làm thành một bức màn cao gần hai mét vừa để ngụy trang, vừa để chắn gió. Những cánh hoa nhỏ đỏ hồng rủ trên nền lá xanh trông rất đẹp mắt.

Khi Ngọc Thu bước vào phòng, Tuấn Nhon trong bộ bà ba đen bạc màu cổ đeo khăn rằn đang ngồi nghiên cứu tài liệu như chủ nghĩa Mác Lê, đường lối đảng trong ba dòng thác cách mạng v.v. Tâm trạng chàng rất hưng phấn như được ánh sáng Mác Lê soi sáng, đúng hơn bóng tối giữa ban ngày xâm chiếm. Nghe có tiếng chân bước vào, chàng ngước mặt lên và bắt gặp đôi mắt lá răm trào lệ của Ngọc Thu. Nàng buông cái giỏ lác căng tròn rơi đánh bịch xuống nền đất nện đứng ngậy ra trong lúc chàng tiến lại dang đôi tay ôm chặt lấy nàng. Họ hôn nhau say đắm, một bàn tay chàng bấu chặt vào hông nàng. Nàng nức nở:

“Em nhớ anh vô hạn, lúc nào cũng nghĩ về anh và lo cho sức khỏe của anh.”

“Anh cũng vậy. Em đi đường xa có mệt không?”

“Mệt, nhưng nghĩ đến lúc mình gặp nhau em lại hết mệt.”

Sau đó hai người ngồi vào giường tre vì cái bàn nửa chỉ có duy nhất một cái ghế. Cái giường tre này được Tuấn Nhon cải tiến khi dùng tre nửa bao chung quanh thành một cái hộp mỏng. Chàng lấy cỏ tranh phơi khô chất đầy vào, trên cùng trải tấm nóp. Cái gối cũng là một giỏ lác khâu miệng trong độn rơm khô.

Lúc đó nàng lấy trong giỏ ra những thứ mang theo cho chồng: xà bông cục nửa cây, nửa ký muối mè, đường cà phê, nhiều cá khô và ít thuốc cảm và sốt rét, hai quần đùi và hai áo lót. Ngoài ra còn có cơm nếp đã nấu sẵn trên mặt có những miếng thịt gà luộc. Rồi trong lúc nàng nằm nghỉ trên giường, Tuấn Nhon bóp chân nàng và nói:

“Em đem nhiều đồ làm gì cho mệt vì đường dây Văn Cắm tiếp tế rất tốt thậm chí có thể đặt hàng cho anh ta đem vào.”

“Em cũng phải mang thêm một chút gì cho anh chứ.”

“Bé Khánh Dung biết làm gì rồi em?”

“À nó đã chạy chơi và nói bập bẹ cả ngày có lúc còn hỏi cha ở đâu nữa. Em

gởi cháu qua nhà ngoại trước khi vào đây.”

“Anh nhớ nó quá. Có lẽ bữa nào đi công tác anh sẽ lên về thăm nó.”

“Được không anh?”

“Được chứ nhưng vào ban tối .”

Ngoài cái bí mật của Khánh Dung chỉ mình nàng biết, họ thật sự là một gia đình. Giờ đây nàng nhận ra rằng hôn nhân với chàng chính là bến đỗ tình yêu của nàng. Nàng thấy Tuấn Nhon với bề ngoài có vẻ thư sinh rất đáng yêu, đáng yêu hơn nàng vẫn nghĩ. Trước đó tình yêu ban đầu của nàng dành cho Huy Phụng trôi nổi dạt dờ như một con thuyền không bến. Và lại có một khuyết điểm của Phụng mà bây giờ nàng mới thấy rõ là khi nói chuyện hai hàm răng của Huy Phụng cứ sát vào nhau, không chịu mở rộng ra. Đàn ông như thế thì rất ích kỷ, và độc địa.

Họ mãi nói chuyện mà trời tối lúc nào không rõ. Và lại trong rừng trời rất mau tối. Bây giờ Ngọc Thu nói:

“Em phải đi tắm rồi mình sẽ ăn bữa chiều với xôi gà.”

Trong lúc nàng ra sau nhà đến gần lu nước thì chàng nói theo:

“Có lẽ em phải ra ngoài suối tắm vì hình như trong lu đã hết nước.”

Thật vậy trong lu nước đã gần cạn kiệt. Chàng nói tiếp:

“Để anh dẫn anh ra suối, cũng gần đây thôi.”

Một lát sau họ đi ra suối theo một con đường có đầy đá, Ánh sáng ban ngày chỉ còn lờ mờ trên ngọn cây. Họ cẩn thận nắm tay đi bên nhau không nói. Khi Ngọc Thu bước vào lòng suối thì trời tối hẳn, phải đứng sát vào nhau mới thấy. Tuấn Nhon nhìn vài ngôi sao trời nhấp nháy và nói:

“Em xuống tắm đi, anh sẽ ngồi chờ.” Mấy giây sau chàng nói tiếp: “Ngày mai có cuộc họp với huyện ủy, em và Mỹ Đông sẽ qua họp luôn.”

Không có tiếng trả lời nhưng năm phút sau từ dưới suối một bùm nước té hắt vào người chàng và tiếng nàng cười khúc khích. Tuấn Nhon lấy từ trong túi áo ra cái đèn pin lia ánh sáng xuống suối và quầng sáng dừng lại thân hình loã thể bóng loáng như bạc sau làn nước, một thân hình cân đối mấy mượt với những đường cong hấp dẫn của vú và eo. Nàng hiện ra như hình bóng của một yêu nữ liêu trai cảm động. Nàng kêu lên:

“Tắt đèn đi, em không chịu đâu.”

Tuấn Nhon không tắt đèn ngay nhưng còn nói:

“Cho anh ngấm tí”

“Em không chịu đâu.” Nói xong nàng quay người đi tránh ánh đèn làm chói mắt. Và như thế chàng được dịp ngấm tóc, vai lưng và đôi mông tròn trịa nở nang của nàng trên đôi chân thon dài. Sau mấy giây, chàng tắt đèn ngồi chờ tiếp.

Trên đường về chàng phải dùng đèn soi đường. Ở một khúc đường bằng phẳng nàng nắm lấy tay chàng hỏi :

“Sao lúc này anh không xuống suối tắm với em?”

“Ngồi trên bờ ngấm sao và ngấm em không sướng sao? Và lại lúc đó anh thấy em như ngọn lửa sợ đến gần bị phỏng ...”

“Anh kỳ ghê, em nóng bỏng cho anh chứ bộ.”

Nàng ỏn ẻn nói vậy để tránh bối rối vì chàng đã nói đúng tâm trạng của nàng. Thật vậy lúc đó nàng thấy trong lòng căng thẳng háo hức muốn chàng cùng tắm, cùng bơi với nàng và nếu thích tìm một bãi cát phẳng để làm tình nhưng Tuấn Nhon không thích ăn nằm mà không nhìn thấy cảm xúc thay đổi trên khuôn mặt Ngọc Thu khi lạc thú chiếm hữu nàng. Và lại, chàng muốn thử nghiệm thứ rượu thuốc tăng lực chàng mới pha chế vì chàng biết chút ít nghề thuốc do chính cha chàng là thầy Trình truyền lại.

Hai người im lặng đi một đoạn nữa thì tới lán. Tuấn Nhon giở tấm phen tre lên và hai người cùng vào. Chàng đốt một ngọn đèn dầu nhỏ và hai người ngồi bên nhau ăn tối. Chàng lấy một bầu rượu rót vào một cái ly làm bằng gỗ cây dừa vừa ăn vừa nhâm nhi. Nàng nhìn màu nâu của rượu hỏi:

“Rượu gì vậy anh?”

“À trong này nhiều lam sơn chướng khí, anh uống rượu này để chống lạnh,” chàng nói thế nhưng đó là rượu tăng lực được ngâm với những vị thuốc có sẵn trong rừng như mật ong, sâm rừng, đỗ trọng, quế chi, đương quy, tắc kè, rắn hổ v.v. .

“Cho em uống để chống lạnh với.”

“Khỏi cần, lát nữa anh sẽ ủ nóng em, em không phải sợ lạnh nữa.”

Một giờ sau trong ánh đèn mờ ảo, hai người lên giường ôm nhau nghỉ. Trong chốc lát họ đã phơi bày thân thể trần truồng và bắt đầu cuộc quần

thảo trên tấm nóp. Rồi tiếng nàng rên rỉ mãi nguyện trong quần quai đến ngây dại, ngất ngư đến mê mẩn, trong lúc Tuấn Nhơn hôn hít, bú mớm khắp mọi chỗ trên da thịt nàng, sau cùng là tác phong phi ngựa dừng mãi. Cuộc âm dương giao chiến ấy kéo dài đến gần sáng với những giờ nghỉ giữa các hiệp đấu. Sau cùng nàng biết mình thua cuộc. Nàng muốn thét gào, nàng muốn chết. Không, nàng chỉ rên rỉ và tan biến thành những rung cảm khoái lạc cho chàng.

Khoảng tám giờ sáng, một tỉnh ủy viên đã đến với một dân quân, vai đeo túi vải ka ki. Không ai biết họ từ đâu đến và bằng cách nào. Nửa giờ sau, năm người đã có mặt trong phòng họp kế bên hội trường. Hội trường này thường dùng làm chỗ ngủ tạm cho các toán giao liên, các toán tiếp tế từ hậu cần, và các toán mở đường nối liền các căn cứ. Ngọc Thu thấy có mấy người còn ngủ trong nóp trong hội trường. Bốn người còn lại là Tuấn Nhơn, Huy Phụng, Ngọc Thu và Mỹ Đông. Anh dân quân ngồi gác bên ngoài lán.

Ngọc Thu nhận thấy khuôn mặt của Mỹ Đông đỏ ửng, bước đi cứng ngắt biết nàng đã phục dịch chồng suốt đêm. Ngược lại Mỹ Đông thấy mắt bạn mờ xỉn như mắt ni cô không còn ướt long lanh, biết cô ta đã quy hàng uy thế của chồng. Vâng, Tuấn Nhơn đã đăng quang làm vua, đăng quân vương của Ngọc Thu với ngọc tỷ hình đuôi trống màu ngọc tía mà nghi thức tấn phong đã thực hiện đêm qua trên tấm nóp.

Tỉnh ủy viên trình bày chính sách đường lối của đảng sau ngày Pháp thay thế quân Anh và quân Tưởng tái chiếm Việt Nam. Về quân sự ông nói phải cầm chân quân Pháp tại chỗ để cho chúng không thể tiếp ứng lẫn nhau và ta sẽ tia dần như tia cành cây trước khi chặt gốc v.v. Như vậy khu V sẽ nổi dậy đánh phá quân Pháp và tay sai từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đến Bình Thuận, Đắk Lắk, Lâm Đồng chủ yếu bằng du kích chiến. Riêng tại làng Rí và làng chà vì không phải là vị trí chiến lược nên phải tập trung gây dựng lại cơ sở sau đó gọi người hợp đồng tác chiến cho các chiến dịch lớn v.v.

Sau phần trình bày là phần thảo luận. Lúc này Ngọc Thu và Mỹ Đông xin rút lui để làm cơm đãi tỉnh ủy viên. Tối qua một con gà rừng mắc bẫy của

Huy Phụng nên hai cô sẽ làm món cơm gà mời ông ta. Ngọc Thu qua phòng của Mỹ Đông để chuẩn bị bữa. Thỉnh thoảng trong bếp vang lên cười rúc rích vì họ kể cho nhau nghe cuộc ăn nằm của họ với chồng. Theo lời họ nói là “cực kỳ” ngang tàng và uy vũ. Tuy nhiên, Mỹ Đông có vẻ hơi sợ vì thể trạng yếu, sức chịu đựng và dâm lực của cô không bằng Ngọc Thu.

Ăn cơm xong, tỉnh ủy viên và dân quân bảo vệ ông ra về ngay. Có lẽ họ dừng lại nghỉ ngơi qua đêm ở đâu đó trong rừng. Hai cặp cán bộ cũng về phòng nghỉ ngơi một giờ để lấy lại sức sau đêm quần thảo tối qua trước khi họp lại. Buổi họp kéo dài hai tiếng với những quyết định sau đây:

- Đưa Văn Cám vào ban hương chức trong làng, sau đó đẩy mấy viên chức nhà làng ra và đưa người của tổ chức vào. Vì thế Văn Cám phải lập gia đình và được tuyên truyền đánh bóng như mẫu gia đình tốt trong làng.

- Chuẩn bị một số giấy tờ giả để đưa các cán bộ nòng cốt trở về làng, tiếp tục gây dựng cơ sở bị phá tan từ giữa năm 1946.

- Xây dựng, mở rộng và đào tạo lực lượng dân quân chuẩn bị cho những trận đánh lớn với địch để giành lại độc lập sau cùng.

Tối hôm đó mưa rừng rơi dai dẳng, trong lúc Ngọc Thu chuẩn bị nôi cơm và nướng cá khô, Tuấn Nhơn ngồi viết một lá thư cho Văn Cám lên mặt đáy bao giấy đựng gạo mà nàng đem vào củ. Viết xong bức thư trời đã tối mờ. Trong lúc chờ cơm chín hai người tranh thủ tắm mưa như trẻ nhỏ nhưng với cảm xúc bùng cháy của người lớn trong trò chơi dục lạc. Sau đó họ vào nhà ăn cơm bên bếp lửa bập bùng ấm áp. Khi ngọn lửa tàn chỉ còn ánh đèn dầu le lói. Họ dìu nhau lên giường. Lại một đêm hoan lạc ngút ngàn man dại giữa nền nhạc là tiếng mưa đêm làm thối đất.

Một tuần sau Ngọc Thu và Mỹ Xuân về lại làng Rí. Họ mệt nhừ tử vì việc phục vụ lạc thú cho chồng, họ bước đi chậm chạp và ngồi nghỉ liên tục đến khi trời chạng vạng tối mới tới làng. Dù vậy cả hai cảm thấy mình hạnh phúc. Nhất là Ngọc Thu, nàng hạnh phúc với người chồng tuyệt vời không do nàng chọn lựa nhưng nàng nghĩ số phận may mắn đã đem đến cho nàng. Sau hơn một tuần cảm giác tê dại mới biến mất và khi ngọn lửa dục tình bộc phát nàng phải vào nhà tắm dùng nước lạnh để nhận chìm ngọn lửa ái

dục trong nhớ mong và chờ đợi.

Sau khi đọc xong bức thư mà Tuấn Nhon gửi, Văn Cám hội ý với Ngọc Thu rồi hai người cùng đến nhà Mỹ Xuân để kéo cô này ra khỏi ước mơ thủ tiết và làm đám cưới với Văn Cám. Trong đám cưới họ sẽ mới các hương chức có uy tín, đánh bóng Văn Cám lên để sau đó kiếm cho hắn một chức vị trong làng. Bước tiếp theo là dùng mấy dân quân đóng vai lính lệ mang súng ống ban đêm đến đe dọa từng hương chức yêu cầu họ rút lui và lần lượt thay thế họ bằng người của đảng.

Đến cuối năm 1947, ban hương chức làng đã bị nhuộm đỏ quá nửa. Đầu năm 1948, với lý lịch giả mạo là những nông dân thuần túy, Tuấn Nhon, Huy Phụng và những cán bộ khác ủng hộ về làng đẩy mạnh việc gây dựng lại cơ sở, chuẩn bị cuộc chiến đấu nhân danh một chủ nghĩa tai hại là chủ nghĩa Mác-Lênin vô thần và duy vật.

Thời kỳ này đối với Ngọc Thu và các bạn gái của nàng tràn ngập hạnh phúc. Họ luôn có chồng bên mình và mỗi đêm, họ luôn có lạc thú. Chồng họ thật tuyệt vời. Trái với Ngọc Thu càng hạnh phúc càng đẹp thêm, cuộc chơi ấy làm Mỹ Đông vừa sung sướng vừa kiệt sức.

Thời gian này, Tuấn Nhon lên liếp ruộng biến thành một vườn trồng nhãn vì bán trái cây về cho dân thành phố có thu hoạch khá hơn. Những ngày cải tạo ruộng thành vườn, Tuấn Nhon có kêu hai em của Mỹ Xuân sang phụ. Đức Lai và em út thọt chân qua làm mà cứ ngỡ mình đang trong mộng. Ngày nào anh chàng cũng được thấy và nhìn ngắm Ngọc Thu. Có lần trong lúc dừng cuộc nghỉ tay để uống nước trà do Ngọc Thu mang ra, lúc đó Tuấn Nhon đi đặt mua cây giống, Đức Lai thu hết can đảm nói:

“Chị Thu có đôi mắt đẹp quá...”

“Bộ đến hôm nay Lai mới biết điều đó sao?”

“Không, ý Lai muốn nói anh Tuấn Nhon thật có phước nên cưới được chị làm vợ.”

Ngọc Thu mỉm cười làm ra vẻ tự đắc nói:

“Dĩ nhiên rồi ,” và nói tiếp, “Sao Lai không kiếm một cô nào đó để nó phụ với Lai.”

Anh chàng mang tiếng “Thằng Khờ” chụp ngay câu nói ấy và đáp lại:

“Tìm một người vừa đẹp vừa giỏi như chị không dễ cho nên...”

“Cho nên còn ‘một mình đối bóng’ chứ gì... Chị thấy Lai đánh giá mình hơi cao đấy.”

Nói xong Ngọc Thu ngoe nguẩy bỏ đi; Đức Lai hơi sượng sùng nhưng bù lại chàng ta được dịp nhìn nàng ngấm dáng nàng yếu điệu đi trên bờ ruộng như múa sạp.

Như thế, không kèn không trống làng Rí đã lại trở thành làng do CS kiểm soát và tình hình này kéo dài đến giữa năm 1959. Thời kỳ này, chính quyền Ngô Đình Diệm với đạo luật 10-59 đặt CS ra ngoài vòng pháp luật, tiến hành việc lấy lại những vùng nông thôn còn bị Việt cộng kiểm soát. Một vài đồng chí của Tuấn Nhơn ở huyện bị bắt và bị kết án tử hình. Lần này Tuấn Nhơn, Huy Phụng và cả Văn Cầm cùng một số đồng chí phải nhanh chân chạy vào cứ tránh tội đầy hay tội chết. Họ để vợ ở lại làng Rí với hai con nhỏ.

Đứa con thứ hai của họ sinh ra ít năm sau khi họ về làng hoạt động lại từ 1948 đến 1959. Con thứ hai của Ngọc Thu là Khánh Loan, của Mỹ Xuân với Văn Cầm là Mạnh Lương, của Mỹ Đông với Huy Phụng là Lệ Yến. Đầu năm 1958, Mỹ Đông sảy thai đứa thứ ba và chết theo con vì bị băng huyết nặng. Mỹ Xuân phải cưu mang những đứa con của em gái mình. May có cậu em út thọt chân không lập gia đình cũng không theo Việt cộng phụ giúp vào việc nuôi con cho hai chị giữa cảnh chiến tranh khói lửa bao trùm một vùng quê nghèo khổ. Em trai kế Mỹ Đông tên Đức Lai chưa có vợ cũng chạy vào cứ với anh rể Văn Cầm.

Mùa thu năm 1959, Ty giáo dục Quảng Nam cho xây lại ngôi trường tiểu học đã bị hư hỏng và xuống cấp quá nửa. Đồng thời mở một trường trung học đệ nhất cấp mà năm đầu tiên chỉ có lớp đệ thất. Sau bốn năm trường sẽ có đủ bốn cấp lớp từ đệ thất đến đệ tứ. Đời sống của làng Rí được cải thiện nhiều với dòng điện lần đầu tiên đưa từ huyện về làng. Nhưng trong bóng tối, trong chỗ thầm kín của mỗi người, những hạt giống của cỏ lùng tai hại mà bàn tay của CS gieo vãi trong những năm qua đang chờ dịp để nhú mầm

khỏi mặt đất như những giọt bóng tối giữa ban ngày đang tích góp dần thành những ngày nhật thực đen tối.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 6
Góc tối và góc sáng

Lớp đệ thất đầu tiên của trường trung học năm đó có bốn học sinh mà bố mẹ chúng đã là bạn bè của nhau: Khánh Dung, Khánh Loan, Mạnh Cường và Huy Khang. Trừ Khánh Loan ba đứa kia đều học trễ hai năm vì khi học xong tiểu học chúng không có trường để học tiếp. Những đứa con em của họ như Mạnh Lương, Lê Yến học lớp ba trường tiểu học. Lê Yến em gái của Huy Khang có người bạn gái cùng lớp là Khả Thúy. Cô này rất mến mộ anh trai của bạn mình.

Tuổi trẻ vô tư và nghĩ cạn, không đủ trí khôn để hiểu di sản tinh thần nào mà tổ tiên và cha mẹ để lại trong vô thức họ, trong đó có di căn sự thù hận dân tộc từ thời Trịnh Nguyễn, rồi sự thù hận lương giáo thời bắt đạo và sự thù hận của cái gọi là cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay. Chúng như bao trẻ khác trong trường mà phần bóng tối đó luôn ngoài tầm nhìn của chúng và của người khác. Và trong bối cảnh làng Rí đã từng bị CS chi phối, chúng không ngờ khi chơi chung với nhau, chúng trở thành thế hệ thứ hai bị nhuộm đỏ như cha mẹ chúng.

Mạnh Cường ít nói thường hay săn sóc Khánh Loan. Nó nói với ba đứa kia: “Giá mình được giỏi võ nghệ như ba mình (Bảy Long) để bảo vệ các bạn.”

Huy Khang thì hay chọc phá bạn gái trong lớp kể cả Dung và Loan. Nó lấy giấy làm đuôi, lấy dây thung cột vào vạt áo sau của các bạn gái. Một lần nó làm đuôi cho Khánh Loan, cô bé nhờ bạn chỉ mới biết. Trên giấy nó còn ghi nguệch ngoạc một câu, “Lớn lên Loan sẽ làm vợ Cường.” Cô bé khóc nói lại với Mạnh Cường, cậu này hặc hỏi Huy Khang:

“Tại sao mày cứ chọc ghẹo Khánh Loan còn cáp đôi tao với nó?”

“Không phải mày cũng thích như thế sao. Tao thấy lúc nào mày cũng chiều

chuộng con nhỏ."

"Đó là chuyện của tao không mắc mớ đến mày. Lần sau mày còn làm nó khóc thì đừng có trách tao. Tao sẽ mét dì Đông và hai cậu đánh đòn mày."

Lần khác nó làm đuôi cho Khánh Dung, trong tờ giấy nó ghi:

"Mặt mày cứ vác lên, bộ mày tưởng mày đẹp lắm hả."

Cô bé chạy bổ vào thằng Huy Khang hất cái cằm thanh tú, lúc đó đôi mắt nâu vàng long lên hỏi:

"Tao đẹp giống mẹ tao thì mắc mớ gì mày. Mẹ mày gầy như con khô mẫm."

"À, mày định hỗn với mẹ tao hả con quỷ cái. Mẹ mày lẳng lơ như quỷ thì có."

Hai đứa định nhào vô đánh nhau may có Mạnh Cường chạy đến can ra bắt thằng em con dì phải xin lỗi Khánh Dung. Huy Khang phải miễn cưỡng xin lỗi cô bé.

Tình cảm học trò cũng theo thời gian mà chuyển biến như mặt trời trên bầu trời thay đổi từ sáng sớm đến lúc hoàng hôn. Ngọc Thu mấy năm đầu thường nghe con Loan về mách mẹ:

"Mẹ ơi, thằng Khang nó vẩy mực vào lưng con nhỏ ngồi kế con nhưng văng hết vào áo con nè." Hoặc, "Mẹ ơi, thằng Khang nó lấy súng nước bắn vào áo con ướt nhem nè."

"Vậy con đừng chơi với những bạn xấu như nó nữa."

"Tụi con ghét nó như cùi hủi"

Người mẹ làm thỉnh không nói. Nàng nghĩ bụng, "Hai con gái mình nên ghét bỏ Huy Khang và lánh xa thằng đó ..." bởi trong thâm tâm nàng hồi hận đã đánh mất trinh tiết với Huy Phụng và giờ đây thù ghét anh ta, như một quá khứ chẳng lành. Hai năm học cuối cấp dù không thấy con mình thưa gửi gì, cũng không gọi Huy Khang là thằng hủi nhưng nàng vẫn yên tâm. Nàng biết cái bông bột nhất thời của tuổi trẻ, nhất là tuổi học trò. Hồi đó nàng cũng có một bạn trai học lớp nhất (không hiểu sao hồi đó nàng biết

thương con trai sớm thế!) hai đứa thường tách ra khỏi đám bạn để chơi riêng với nhau, cậu ta thường cho mình đồ chơi làm bằng lá dừa đan, bánh kẹo và chỉ mình làm toán trong lúc mình chỉ cho cậu ta bài tập làm văn. Cuối năm học đó gia đình cậu ta dọn đi nơi khác và những mơ mộng của nàng cũng dần dần tan biến như mây khói phù du.

Ngọc Thu quên rằng gần đây nàng nhận thấy khuôn mặt Đức Lai, em trai Mỹ Xuân rất giống cậu bạn học lớp nhất của nàng: cũng má lún đồng tiền, cũng mắt lá rằm, cũng cằm chẻ mà con trai trời ạ. Mặt khác nàng cũng quên hay đúng hơn không ngờ rằng phả hệ chính trị của mấy đứa trẻ thường làm chúng không thể hòa nhập với các bạn học khác mà lập thành một nhóm riêng.

Năm đệ tứ cuối cấp đã tạo ra nhiều chuyển biến lớn trong bốn đứa trẻ. Một phần tích cực vì chúng đã trở nên đằm tính hơn như con thuyền lớn có trọng lượng dẫn tàu, phần khác tiêu cực do bị ảnh hưởng của sự xuyên tạc hai môn giảng văn và lịch sử.

Một hôm Võ Tẩm, một người bạn chiến đấu của Văn Cám và gia đình Mỹ Xuân thường đến nhà ve vãn Mỹ Xuân vì biết Văn Cám đã vào rừng sẽ lâu lắm mới trở lại nếu không nói chẳng có ngày về. Hắn tình cờ cầm cuốn sách văn và sử của hai đứa nhỏ trong nhà lên coi thử, hắn tái mặt. Sau khi hội ý với Mỹ Xuân, Tối hôm đó Võ Tẩm lại đến kêu thằng Mạnh Cường và Huy Khang lại nói:

“Dì Mỹ Xuân nhờ tao giáo huấn hai đứa mày. Tụi bay không được tin vào những gì trong sách văn và sách sử viết nghe không.”

“Sao vậy chú, không lẽ thầy dạy sai,” thằng Khang hỏi.

“Thầy dạy sai và sách viết tầm bậy. Này nhé Ngô Đình Diệm không phải là chí sĩ mà là thằng Diệm, muốn thay Tây vừa truyền đạo vừa duy trì chủ nghĩa thực dân tại xứ này, Nguyễn Thái Học không phải là liệt sĩ mà chỉ là một trí thức tiểu tư sản ngây thơ nhưng liều lĩnh v.v... còn Nhất Linh, Khái Hưng đều là những nhà văn phản động và ru ngủ v.v...”

Võ Tẩm nói lâu lắm đến tận khuya, hai đứa tuy buồn ngủ cũng phải rán ngồi nghe. Sau cùng chúng phải hứa với Võ Tẩm chỉ học đủ để làm bài chứ dứt khoát không tin. Hắn không hề bắn khoăn đã đem bóng tối vào tâm hồn trong trắng của chúng. Vì từ ngày đó tâm hồn của chúng sẽ sống trong tâm trạng hoài nghi và bị giằng xé liên tục. Tin ai đây? Tin thầy giáo hay tin Võ Tẩm. Và sau cùng để thoát khỏi sự giằng xé kéo dài ấy, các đứa trẻ kể cả con Dung và con Loan nghĩ mình phải một bề tin theo Võ Tẩm và Mỹ Xuân và dồn nén niềm tin thầy giáo vào vô thức. Nhưng khi càng dồn nén lời thầy dạy, chúng càng cuồng tín với những lời của Võ Tẩm để tìm lại sự bù trừ. Sự không trung thực với chính mình và với người khác đã nảy mầm trong chúng như cỏ lùng mà Võ Tẩm đã gieo vãi vào mảnh ruộng của ông-chủ-lương-tâm lúc trời tẩm tối. Thiết tưởng sự giáo dục đúng nghĩa và đem lại lợi ích lâu dài cho bản thân và cho xã hội không thể thiếu sự chính xác và trung thực. Đó là nền giáo dục dân tộc, dân chủ, nhân bản và khai phóng. Ngược lại là một giáo dục ngu dân vô cùng tai hại.

Tối hôm đó để tự khen thưởng mình đã lên lớp cho bọn trẻ đúng với đường lối của đảng, Võ Tẩm định ở lại quyến rũ Mỹ Xuân vui vầy lạc thú. Nhưng cô này không đồng ý nhận hắn làm tình nhân hoặc hơn thế nữa làm chồng mặc dù cô mới tròn ba mươi tư tuổi và lửa tình còn nóng hổi. Vả lại gánh nặng con cô và hai con của Mỹ Đông để lại quả là không nhẹ chút nào. Cô không muốn làm hấn sa đà vào vòng tình cảm mà xao nhãng công tác năm vùng. Cô muốn để thời gian thử thách lòng mình và cô nghĩ rằng một lời hứa hẹn mơ hồ nào đó cũng đủ trở thành một động lực tốt cho hắn trong công việc chung của đảng: Anh hãy hát cho em một- bài- ca mới đi như Văn Cám đã làm. Sau cùng hắn phải lủi thủi ra về trong đêm với một tâm hồn chứa chan niềm hy vọng cùng với nhiều ảo vọng.

Cuối năm đó, bốn đứa trẻ đi thi trung học đệ nhất cấp, Khánh Loan có số điểm hạng bình thứ, Khánh Dung và Mạnh Cường hạng thứ còn Huy Khang bị rớt và đau nhất là Khang thiếu nửa điểm của môn sử mà các môn khác không có dư để bù lại. Ba đứa kia sẽ ra thành phố học tiếp. Khánh Loan và Mạnh Cường vào trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng. Khánh Dung

ra Huế học sử phạm tiểu học. Việc thi vào sử phạm không khó với cô, cô đã bắt đầu học thi ngay sau khi biết kết quả kỳ thi trung học, trừ những buổi chiều mà cô tìm sự thư giãn khi đi gặp bạn bè cùng lớp.

Lần đó mẹ cô đi vắng vì từ cuối năm 1960 đến nay cứ sau hai tháng hoặc sớm hơn, mẹ cô lại vào cứ báo cáo tình hình ngoài làng xã với tư cách một giao liên đồng thời thăm cha cô năm ngày hoặc một tuần. Những ngày đó mẹ cô không ra chợ bán đồ khô, mẹ cô đi từ sáng sớm không phải qua đò vì đội công binh ở Đà Nẵng đã xây dựng một cầu sắt nối hai bờ của làng Rí với làng chài. Mẹ cô nói dối với bạn hàng vào Quy Nhơn thăm ông xã có xưởng đóng ghe trong đó. Dù đi qua cầu sắt khi trời còn chưa sáng, nhưng Ngọc Thu mỗi lần qua sông lại nhớ đến cái ngã người vào lòng Đức Lai khi lần đầu tiên cô vào cứ với Mỹ Đông cách nay đã nhiều năm. Cảm giác đó thật kỳ lạ.

Chiều nay Khánh Dung đến nhà bạn, nhưng có lẽ sẽ rủ bạn đi gặp Mạnh Cường vì nàng thích cậu ta nhưng chưa dám nói tâm sự của mình. Phần em cô, Khánh Loan sẽ gặp Huy Khang như đã hẹn.

Còn cách bờ sông Nghiệt chừng hai mươi mét, Khánh Loan đã thấy Huy Khang đứng chờ dưới một cây cao cùng một cô bạn của cả hai người. Cô vui mừng gặp lại Huy Khang nhưng không vui khi thấy có Khả Thúy bên cạnh cậu ta nên nụ cười trên môi cô trở thành gượng gạo. Khuôn mặt Huy Khang trầm ngâm vì cậu ta làm sao vui được khi mình thi rớt mặc dù Khánh Loan vẫn nhấn mạnh cô thi đậu vì may mắn và trong lớp có đến mười tám đứa thi rớt để Huy Khang không mất tự tin. Nhưng Huy Khang không tự an ủi mình như thế, cậu ta luôn tự nhủ, “Mình ghét cái học lừa dối ấy, mình chẳng thèm có bằng cấp của chúng nó.” Ba người đi bên nhau một đoạn ngắn trong im lặng, Khánh Loan nhỏ nhẹ nói, như để an ủi:

“Hay là Khang học lại năm đệ tứ đi, năm sau thi lại sẽ vững vàng hơn.”

“Khang chưa quyết định gì trong lúc này tiếc rằng mình không dư điểm môn khác để bù vào môn sử vì Khang thấy thiếu điểm môn sử là điều xứng đáng.”

“Ừa, tội mình đều ghét môn sử,” Khả Thúy nói, “Mỗi lần Thúy học sử Thúy tưởng tượng một gã trai mình không ưa tán tỉnh mình; mình lắng

nghe hẳn nói nhưng lòng không suy suyển.”

“VẬY THÚY CŨNG ĐÃ CÓ NGƯỜI TÁN TÌNH SAO?” Huy Khang trở mắt hỏi.

Khả Thúy nhìn lại bạn im lặng một lúc rồi nói:

“Thúy nói vậy thôi vì Thúy còn nhỏ tuổi không được như các anh chị, người nào cũng có người để ý như Loan có cả hai ba bạn trai để ý.”

“Như ai nào?” Huy Khang tò mò hỏi.

“Tôi không nói đâu, nhưng trong đó có cả Khang phải không?”

Lúc đó Khánh Loan đỏ mặt vì những nhận xét của Khả Thúy về cô chính xác: họ học cùng trường và cùng trong nhóm-đỏ. Lúc đó Huy Khang đáp lại Khả Thúy nhưng ánh mắt nhìn tình tứ nhìn về Khánh Loan: tuần trước cậu ta nói với Khánh Loan một cách xa xôi muốn thích ở gần cô mãi mãi khi ngày cô về Đà Nẵng học tiếp đã đến gần:

“VẬY TÔI ĐỂ Ý CẢ HAI NGƯỜI, CÓ ĐƯỢC KHÔNG?”

Khả Thúy dấn mạnh vào vai Huy Khang nói:

“Chỉ nói bậy, ai thèm...”

Lúc đó Khánh Loan nói lảng sang chuyện khác khi hỏi Khả Thúy:

“Sao hôm nay không có Lệ Yến cùng đi?”

“Nó ở nhà phụ dì Mỹ Xuân chuẩn bị cúng giỗ dựng Bảy Long ngày mai.”

Khả Thúy đã không ở lại giúp đỡ bạn gái nhưng đòi đi chơi với Huy Khang là anh của bạn vì sâu trong trái tim mình, cô đã thầm yêu anh chàng và luôn hy vọng sẽ chinh phục được tình yêu của Huy Khang, lúc này trong khi chờ Khánh Loan tới cô đã ngắt một cọng lá của cây hoa mắc cở trên đường và trong lúc Huy Khang không để ý cô ngắt bỏ từng chiếc lá, miệng đọc thầm, “Khang yêu Thúy”; “Khang không yêu” và thật tuyệt vời chiếc lá cuối cùng dừng lại ở câu “Khang yêu Thúy”.

Một lát sau, họ đã đi tới bìa rừng mà con sông chảy ngang làm cho khu rừng chia đôi và cụm rừng nhỏ bên này có vẻ là một công viên cây lâu niên hơn là rừng rậm, ở đó có những tảng đá rêu phong xung quanh nhưng bề mặt lại phẳng phiu. Vài tiếng chim kêu gọi bạn trong chiều và một vài lá rơi trong cơn gió nhẹ. Bên trong rừng cây bóng tối đã bắt đầu đậm lại trong buổi hoàng hôn. Huy Khang ngồi xuống, trong lúc hai cô bạn đứng tựa vào tảng đá; cậu ta nói:

“Khang không có ý nói thế, Loan và Thúy biết đó, có thể lúc nào đó một tình bạn sẽ đi xa hơn nhưng không phải lúc này. Giá mà mình cũng thi đậu như Loan...”

“Thật không?” Khả Thúy hỏi.

“Thật chứ, lúc này sống trong tình bạn học với bao kỷ niệm đẹp mình thấy thú vị lắm rồi, phải không?”

Khánh Loan cúi đầu mân mê vạt áo không nói, còn Khả Thúy đôi mắt sáng lên vì cô thấy mình còn cơ hội ganh đua và loại trừ Khánh Loan.

Mấy giây sau, Khánh Loan nói:

“Mình sẽ viết thư cho hai người khi ra đến Đà Nẵng. Mình chỉ xin Huy Khang đừng mặc cảm mà nên học lại thi lại. Chậm mà chắc cũng là điều tốt.”

Đồng thời nàng tự nhủ, “Có thể lúc đó mình sẽ tỏ tình với anh chàng qua thư...”

Rồi ba người bạn đi tìm những viên sỏi màu, hái những hoa cánh mỏng về ép tập. Một giờ sau họ rời khỏi nơi đó đi ngược lại cầu sắt, ghé vào một quán cóc ăn chè đậu ván để trở về nhà; Khánh Loan vừa ăn vừa hỏi Huy Khang:

“Khang nói thật tụi em biết tại sao hồi lớp đệ thất Khang hay chọc ghẹo em và chị em vậy?”

“À ừ, lúc đó Khang cũng không biết tại sao chỉ nghĩ mình trẻ con bông bột. Sau hai năm anh thấy mình sai, thế là mình đổi ý từ chọc phá, mình muốn ganh đua việc học với các bạn. Lúc đó Khang lại thấy vui và hy vọng dù vẫn không theo kịp việc học của các bạn.”

“Hy vọng của anh sẽ không vô ích đâu.” Khánh Loan nhìn Huy Khang nói với vẻ bí hiểm dù rất chân thành.

Một lát sau, Huy Khang nhận xét:

“Không hiểu sao từ một hơn năm nay dì Mỹ Xuân buồn buồn thế nào đó, có lúc dì ngồi khóc một mình.”

“À mà mẹ em cũng thế, có lúc rất vui mà cũng có lúc rất buồn. Em cũng thấy có lúc mẹ ngồi khóc một mình.”

“Có lẽ dì anh và mẹ em nhớ chồng trong chiến khu, còn họ cũng cô độc

sống giữa lòng địch. Dù sao sự hy sinh của họ là quá lớn.”

“Vâng quá lớn; cũng tại bọn Mỹ Ngụy và bọn đạo Chúa”

Qua sự tuyên truyền của Võ Tẩm, cô luôn luôn đồng nhất chủ nghĩa thực dân cũ và mới với sự truyền giáo – cũ với người Pháp và mới với ông Diệm và Mỹ. Cô chưa đủ trình độ để hiểu rằng chủ nghĩa thực dân là đứa con hư của văn minh Tây Phương, được hoài thai từ thời Phục hưng và ngay từ đầu Kitô giáo đã được miễn trách nhiệm về sự xuất hiện của nó. Ngày nay Kitô giáo càng được miễn tố vì xã hội Tây phương đã hoàn toàn bị tục hóa.

Đêm hôm đó, trước giờ ngủ Khánh Dung và Khánh Loan kể lại cuộc đi chơi cho nhau nghe. Khánh Dung nói:

“Chiều nay chị và nhỏ Mỹ Hạnh cùng Mạnh Cường đi bộ qua bờ sông làng chà. Mạnh Cường nói sẽ vào chùa làm sư, Mỹ Hạnh hỏi, ‘Vậy khi gặp người nữ ưng ý có chịu bỏ chùa không?’ Mạnh Cường nói, ‘Bỏ tu nhưng không bỏ chùa. Nhưng bây giờ thì chưa gặp.’ Mỹ Hạnh phang lại, ‘Vậy tu làm gì cha nội?’ ‘À để bảo vệ chánh pháp và truyền thống chống lại văn minh nhơ nhớp, đồi trụy và sa đọa của phương Tây. Rồi đây con rồng châu Á sẽ quăn cổ con diều hâu Tây phương ném vào vách đá Thái sơn cho nó tan xương nát thịt...’ Mỹ Hạnh liền táo tợn nói, ‘Thôi đi Mạnh Cường ơi, bạn làm tiên tri từ lúc nào vậy? Bây giờ nghe tôi nói nè ... bạn thử tiên tri tôi có làm bạn ưng ý không?’ Mạnh Cường dừng lại ngẫm chị và Mỹ Hạnh một giây rồi nói, ‘Cho tôi chọn lại được không?’ Mỹ Hạnh tức giận nói, ‘Ai thèm anh chọn...’”

Đến đây Khánh Loan hỏi chị:

“Vậy chị có biết ý của Mạnh Cường là sao không?”

“Còn sao nữa, Mạnh Cường chưa biết chị thích cậu ta. Vả lại cậu ta đã có ý định đi tu rồi” Khánh Dung nói.

“Không phải, Mạnh Cường đã ngầm chọn chị rồi đó. Hôm nào chị hãy tỏ tình với cậu ta đi và biết đâu cậu ta sẽ không còn nghĩ đến chuyện vào chùa nữa .”

Hai chị em nói cười rúc rích thêm một lúc nữa rồi đi vào giấc ngủ.

Dĩ nhiên hai chị em không biết hậu cảnh của câu chuyện Mạnh Cường. Chính Võ Tẩm đã gợi ý cho Mạnh Cường vào chùa để sau này làm “dân

vận” trong giới tăng ni theo kế hoạch được tính trước từ khi ông Diệm bị lật đổ và bị giết chết trong đó có sự tiếp tay của Phật giáo ‘tả khuynh’. Đúng hơn không phải là tả khuynh mà là cực kỳ bảo thủ cơ cấu truyền thống. Không phải họ muốn phục hồi thời đại Lý Trần hay sao? Và ai cấm người làm dân vận phải không vợ. Võ Tẩm đã chuẩn bị tư tưởng cho Mạnh Cường ngay sau khi Mạnh Cường thi đậu, hẳn đã nói:

“Với cuộc đấu tranh của Phật giáo đồ hiện nay, cuộc chiến đấu của ta vô hình trung có đủ ba làn sóng cách mạng theo quan điểm của Lê-nin: một là cuộc nổi dậy đòi dân chủ trong vùng tư bản kiểm soát, hai là cuộc đấu tranh giành độc lập mà đảng tiến hành, ba là làn sóng xã hội chủ nghĩa đang lan rộng toàn cầu mà sau lưng ta là Trung quốc. Chắc chắn ta sẽ thắng Mỹ ngụy”.

“Nhưng lực lượng Phật giáo có đáng tin không chú,” Mạnh Cường hỏi lại.

“Về mặt học thuyết thì không đáng tin nhất là khi họ nói phi thiện phi ác, ta hơn hẳn họ vì nói có thiện có ác, nhưng cái thiện và cái ác mà ta nói chỉ là những chiêu bài để sau cùng mọi người đều coi mọi lời đảng nói là chính nghĩa. Về mặt truyền thống, Phật giáo là một lực lượng dân tộc và đây cũng là một chiêu bài của ta. Và lại Phật giáo, nhất là thiền tông, và Mác xít có chỗ gặp nhau quan trọng và chú thường nghĩ rằng đó hai anh em cùng cha khác mẹ.”

“Nghĩa là cùng một phả hệ...” Mạnh Cường liền hỏi.

“Đúng, nhưng chú chỉ gọi một ý thôi: đó là người mẹ duy vật của Mác-xít và người mẹ duy tâm của Phật giáo, còn về người cha chung của hai học thuyết ấy thì lần sau ta sẽ bàn luận tiếp. Và để việc thảo luận có chất lượng chú đem đến cho cháu mấy cuốn sách giáo lý Phật giáo và sách dạy ngồi thiền trong vòng hai tuần cháu phải đọc xong, bây giờ chú đi lo giấy tờ chứng minh cháu là tu sĩ đây.”

“Vâng cháu sẵn sàng xuống tóc vào chùa, nhưng cháu vẫn mong ước có được một bạn gái ngoan hiền.”

“Được, có sao đâu, nhưng cháu đừng cố tìm mà hãy để nó tự đến.” Võ Tẩm khẳng định ngay.

Rồi như được cời tấm lòng, Võ Tẩm nói tiếp:

“Mẹ cháu trước giờ là bạn gái ngoan hiền của chú, cháu thấy chú có thể tiến xa được không?”

“Cái này còn tùy mẹ cháu nhưng cháu thấy thời gian sẽ ủng hộ chú.”

“Chú cảm ơn và xem ra cháu sắp giác ngộ rồi đó.” Võ Tầm khẳng định mạnh mẽ.

Rồi cả hai cùng cười và chia tay, sau khi đã lên lịch tập huấn “dân vận” cho Mạnh Cường.

Cuối năm 1961, đội công binh ở tiểu khu Đà Nẵng đã làm một cầu sắt qua sông nối làng Rí với làng chài. Một tháng sau, khoảng tháng tư 1962, tiểu khu Đà Nẵng mở cuộc càn quét từ làng Rí vào núi Mường vì VC đã lợi dụng tình hình Phật giáo chống ông Diệm ở Sài Gòn và Huế để quấy phá ở nhiều địa bàn. Trong cuộc càn quét ấy quân chính phủ sử dụng cả xe tăng từ làng Rí qua cầu vào cứ và tàu hải quân từ một nhánh của sông Côn thọc sâu vào hướng núi. Quân Việt cộng gồm hai đại đội do Tuấn Nhon và Huy Phụng chỉ huy hợp đồng với một tiểu đoàn quân Bắc Việt trên địa bàn tỉnh. Trong ngày giao tranh đầu tiên đại đội của Huy Phụng và quân Bắc Việt bị cắt làm đôi, một nửa rơi vào vòng vây của bộ binh có thiết giáp yểm trợ. Ba ngày sau quân du kích trong vòng vây bị tiêu diệt hoàn toàn. Nửa kia bị tổn thất nặng. Huy Phụng đem quân du kích còn sống sót chạy dọc bờ sông lên thượng nguồn sau đó theo đường mòn trốn vào núi, ra khỏi vùng giao chiến. Cánh quân của Tuấn Nhon đón địch trên hữu ngạn sông nơi thiết giáp không vào được nhưng bị quân đổ bộ từ mấy chiếc tàu CPF có trang bị đại liên bắn yểm trợ cho bộ binh và bắn chặn đường rút lui của VC sau năm ngày quân của Tuấn Nhon bị tiêu diệt gần hết chỉ còn lại năm người chạy thoát vào núi sâu. Tuấn Nhon và Văn Cám bị tử thương trong trận càn quét đó. Đức Lai trong cánh quân của Huy Phụng may mắn thoát chết, mình đầy xây xước, cánh tay bị mảnh lựu đạn xuyên qua. Bảy ngày sau khi quân VNCH rút đi, những xác chết được quy tập chôn vào một khu đất gần chỗ Tuấn Nhon đã đụng đầu với lính cộng hòa.

Năm ngày sau tin tức đã về tới làng Rí. Ngọc Thu chạy qua nhà Mỹ Xuân ôm nhau khóc mấy đêm nhưng ban ngày nằm trong buồng rũ rượi vì giấu

không cho các viên chức làng xã biết được tin này sẽ làm khó dễ họ. Nửa tháng sau Ngọc Thu mua ít hương nhang, đồ vàng mã đem vào cứ cúng kiến trước mộ Tuấn Nhon. Huy Phụng hướng dẫn nàng ra phần mộ của chồng. Nàng dâng hương, khóc lóc trước mộ chồng. Huy Phụng đứng dưới một tàng cây thỉnh thoảng nói một câu an ủi.

Tối đó Huy Phụng bảo nàng ngủ lại phòng chàng, chàng lấy nóp nói qua chòi của một đồng chí ngủ tạm. Buổi tối sau khi ăn cơm, hai người nói chuyện tới khuya. Huy Phụng cố ý nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa khi họ mới lớn lên và yêu nhau. Sau cùng chàng nói:

“Anh định lần sau em vào báo cáo anh sẽ nói, nhưng vì bao lâu nay anh vẫn luôn thương nhớ em. Vả lại bây giờ anh góa vợ, còn em lại góa chồng khi mới ngoài 30 tuổi nên anh đề nghị anh và em nối lại tình xưa nghĩa cũ không có gì là sai trái nhưng việc này còn khẳng định chí hướng của chúng ta phục vụ cho đảng và lý tưởng CS, vậy em nghĩ sao.”

Ngọc Thu cúi đầu không nói, không phải vì nàng cần suy nghĩ mà vì tình yêu Huy Phụng đã hoàn toàn chết trong lòng nàng từ lâu, từ ngày nàng sinh Khánh Loan đứa con thứ hai của nàng. Nàng buộc phải dùng kế trì hoãn và nói:

“Em cũng nghĩ như anh nhưng anh hãy cho em một thời gian ngắn rồi ta sẽ tái hợp. Trước hết phải tìm cách nói chuyện với hai con em. Rồi em sẽ trân trọng giới thiệu anh với chúng. Sau đó mình nối lại tình xưa không muộn. Như thế sau này chúng sẽ không có ấn tượng xấu về mình.”

“Vâng anh chấp nhận đề nghị của em, lần sau em phải có câu trả lời dứt khoát nghe.” Huy Phụng nói.

Thật ra chàng muốn nối lại tình xưa không phải bởi nhu cầu mà vì lòng tự tôn và ganh tị đối với Tuấn Nhon.

“Em xin anh thời gian trong vòng ba tháng.”

“Vây cũng được.” Huy Phụng đặc ý nói.

Sáng hôm sau nàng về sớm. Về nhà nàng lập bàn thờ cho Tuấn Nhon trên căn gác gỗ và ba mẹ con ôm nhau khóc trong ngày cúng cơm đầu tiên cho chồng. Phần Mỹ Xuân lén nhờ sư trụ trì chùa Từ Duyên cầu siêu cho Văn Cám.

Sau đó chi bộ quyết định để Mạnh Lương, em cùng mẹ với Mạnh Cường, đăng lính VNCH và hoạt động ngầm trong lòng địch. Lệ Yến, em gái Huy Khang vào làm trong tòa hành chánh Bình Thuận qua sự giới thiệu của một cán bộ nằm vùng ở đó. Nhưng hai đứa này phải chờ học xong lớp đệ tứ và đủ tuổi. Mạnh Lương không bị phát hiện cho đến ngày 30-4 vì làm tài xế cho tướng Nguyễn Hữu Cồ, nghe nói ông này cũng là người của VC. Lệ Yến làm ở tòa hành chánh được 5 năm, bị phát hiện nhưng đã kịp thời trốn vào chiến khu Lê Hồng Phong cho đến ngày miền Nam mất.

Hai tháng sau Ngọc Thu lại vào cứ, định bụng sẽ xin Huy Phụng cho nàng suy nghĩ thêm hai tháng nữa để anh ta biết mình từ chối khéo. Đến trạm 2 nàng đọc mật khẩu và tiếp tục đi nhưng có cảm tưởng khu rừng thay đổi và nàng đang đi ngược lại. Nàng chợt biết mình đi lạc khi gặp lại một khóm hoa dại mà lúc này nàng định hái khi sắp đến trạm 2. Nàng tưởng mình mệt mỏi hoặc hoa mắt, cần phải nghỉ ngơi và ăn uống. Nàng tìm một gốc cây giở nắm cơm và bầu nước ra ăn rồi ngồi nghỉ mệt cho tỉnh táo.

Bỗng cả rừng cây lay chuyển bởi gió mạnh, trời chuyển cơn mưa to. Những thân cây ngã nghiêng, cành lá kêu xào xạt và là khô rơi rụng rất nhiều. Rừng trở nên âm u như sắp tối mặc dù lúc đó khoảng một giờ trưa.. Đang lúc lúng túng chưa biết đi đường nào thì ngay tại một ngã rẽ, nàng thấy một phụ nữ rất đẹp, mặc bộ đồ bà ba trắng bằng lụa đang đứng đó như chờ đợi một ai. Không đợi nàng hỏi, người đàn bà đẹp ấy nắm lấy tay nàng trong bàn tay lúc đầu lạnh ngắt của bà ta và nói:

“Em đi ngã này nè, chừng hai mươi thước thấy một cái chòi, hãy vào đó trú mưa rồi chờ tạnh mưa hỏi đường người ta và đi tiếp.”

“Chị cũng đến đó tránh mưa chứ?”

“Không chị có chỗ trú khác và lại chị còn đợi ông anh tên Tuấn Cải.” Nói xong người đàn bà đẹp họ Châu buông tay nàng để nàng chạy đi.

Chạy được mười bước, một tia chớp lóe lên giúp Ngọc Thu nhận ra một cái chòi nằm ẩn mình trong đám cây lá chằng chịt. Những hạt mưa bắt đầu rơi xuống ào ào. Khi đến hiên cái chòi lá, áo nàng đã ướt nước.

Ngọc Thu đứng thờ và quan sát. Trong chòi có người với ánh đèn dầu leo lét. Bỗng một tiếng cười nắc nẻ của một phụ nữ vang lên lọt ra cửa sổ mắt

cáo không cánh. Rồi người phụ nữ giọng Ngải Yên tên Kim Đợi nói:

“Anh Đức Lai khéo đặt chuyện cười. Thôi em phải đợi mưa đi đây, nhớ uống thuốc khi thấy đau nhức nhé.”

“Chờ tí trời bớt mưa hẳn đi ... hay là cô sợ anh Huy Phụng nóng lòng chờ?” rồi giọng Đức Lai nói tiếp, “Để tôi ra xem mưa thế nào?”

Lúc đó không hiểu sao Ngọc Thu muốn bỏ chạy nhưng hai chân nàng vẫn bất động. Đức Lai mở tấm liếp ra thấy nàng liền hỏi:

“Ai đây, sao không vào nhà. Có phải chị Thu không ... Trời ạ vào nhà đi.”

Nàng ngoan ngoãn chui dưới cánh tay nâng tấm liếp lên, bước vào chòi và bên lên nói: “Tôi lạc đường lại bị mắc mưa. Không ngờ đây là chòi của cậu.” trong lúc người phụ nữ nhìn chăm chăm vào mặt nàng và nhận ra nàng trong đêm nàng ở chòi Huy Phụng. Đức Lai theo vào và nói với nàng: “Chị ra sau thay đồ đi kéo lạnh,” rồi chỉ vào Kim Đợi nói tiếp, “Chị Đợi này cũng đang ngồi chờ tạnh mưa.”

Khi Ngọc Thu ra sau, Kim Đợi hỏi Đức Lai:

“Có phải chị này là vợ anh Phụng không?”

“Không, chị ấy là vợ của anh Tuấn Nhon đã hy sinh.”

“Sao tối qua em thấy chị ấy nói chuyện rất lâu trong chòi của anh Huy Phụng.”

“À ừ chắc chị ấy báo cáo tình hình bên ngoài.”

“Vậy mà em tưởng chị ấy giống như em và con Hồng Liên mỗi lần ghé lại chòi anh Huy Phụng.”

“Nghĩa là sao?”

“Anh này gốc thật, anh Phụng làm kỹ sĩ hai đầu cỡi ngựa chúng em trong đêm khuya và cùng chúng em xông vào lạc thú đấy.”

“Cô định nói xấu chị họ tôi phải không?”

“Chị họ ba mươi đời thì có,” Kim Đợi chống chế vì hổ thẹn đã ngộ nhận Ngọc Thu rồi nói tiếp, “Tôi phải đợi mưa đi đây kéo con Hồng Liên nó chiếm mất chỗ tốt.”

Ngọc Thu đã nghe hết câu chuyện và chờ khi Kim Đợi đi rồi nàng bước ra trước ngồi vào cái ghế duy nhất, trong lúc Đức Lai vẫn ngồi trên giường tre. Nàng nói:

“Trời vẫn còn mưa to phải không cậu?”

“Chị định đi đâu nữa?”

“Tôi định đến nộp báo cáo cho mấy anh, nhưng thôi sáng mai cũng được.”

Ngọc Thu kiểm soát nói.

“Để sáng mai đi, và lại tối nay anh Huy Phụng có hẹn với chị Kim Đợi; tối nay chị cứ nghỉ lại đây ...”

“Chắc phải vậy thôi.”

“Tôi dành cái giường cho chị, còn tôi trải nệm ngủ dưới đất.”

Nàng nhìn qua một lượt cái chòi khá gọn gàng. Mấy cuốn sách cũ gần như rách nát trên một cái kệ làm bằng nửa tép, hai bầu đựng nước mà một cái giống y cái bầu đựng rượu của Tuấn Nhon trước kia. Đức Lai im lặng không nói, ngồi nghe tiếng mưa rả rích bên ngoài, nhìn vào chỗ trống không, thỉnh thoảng nhìn vào Ngọc Thu để tán phục vẻ đẹp ở tuổi ba sáu, ba bảy của nàng, bằng tuổi chị Mỹ Xuân và lớn hơn mình sáu tuổi, rồi anh ta cảm thấy xúc động trào lên từ kỷ niệm ôm eo nàng hồi trước. Anh ta chờ nàng nói trước. Sau cùng nàng lên tiếng trước vì tiếng mưa đều đều đơn điệu bắt đầu làm nàng buồn tẻ. Nàng nói:

“Anh Tuấn Nhon hồi trước cũng có cái bầu nước giống của cậu,” nàng nói khi liên tưởng đến cái bầu đựng rượu của chồng.

“Phải, cái bầu đẹp trên kệ là của anh ấy để lại còn cái xấu hơn là của tôi. Hai cuốn sách cũ kia cũng của anh. Đó là truyện Tam Quốc Chí thiếu mấy cuốn đầu và cuối.”

“Sao cậu lại có đồ đạc của anh vậy?”

“À, trước trận đánh vừa rồi anh ở chung với tôi trong chòi này vì phải nhường phòng cho Tiểu đoàn trưởng và chính ủy tiểu đoàn Bắc Việt.”

Rồi Đức Lai nhân đó kể lại trận đánh cho Ngọc Thu nghe. Nàng nhận thấy có một vài chi tiết mà trước đó Huy Phụng đã bỏ qua, Đức Lai nói:

“Khi biết trước sẽ bị truy quét, trong một phiên họp Tuấn Nhon đã đề nghị dùng gỗ rừng làm một rào chắn kiên cố chặn đường thủy dẫn vào căn cứ, ngay ngã ba sông nhỏ chảy vào sông Vu Gia nhưng Tiểu đoàn trưởng Bắc Việt không đồng ý vì cho rằng quân cộng hòa sẽ không sử dụng hải quân. Lá phiếu quyết định lúc đó nằm trong tay Huy Phụng vì từ ngày Hà Nội

đưa quân chính quy vào Nam, các tổ chức vũ trang được biên chế theo tổ chức quân đội Bắc Việt và Huy Phụng có quyền hành ngang với Tuấn Nhơn. Lần đó Huy Phụng đã bỏ phiếu cho tiểu đoàn trưởng. Khi chiến trận nổ ra, chính lực lượng hải quân địch đã nhanh chóng thọc sâu vào cứ trước cả thiết giáp M113 của địch. Trong lúc tháo chạy dọc bờ sông, Đức Lai nghe tiếng tàu địch chạy rất gần nên đã đề nghị Huy Phụng phục kích trên bờ để chặn và tiêu diệt tàu địch. Huy Phụng gạt luôn ý kiến này và nói: ‘Mày muốn chặn thì mình mày ở lại, tao phải cho quân rút nhanh khỏi vùng giao tranh để bảo toàn lực lượng.’ Chính những chiếc tàu đó có trang bị đại liên đã tiếp tục vào sâu đánh thọc bên sườn cánh quân của anh Tuấn Nhơn làm anh ấy không kịp trở tay.

Nghe kể đến đây Ngọc Thu thốn thức. Đức Lai chạy lại chống khuỷu tay trên mặt bàn nắm lấy một bàn tay của nàng và an ủi nàng:

“Thu có sao không? Thu đừng buồn nữa... Cuộc chiến này là tai ương mà Trời giáng họa cho xứ này. Còn biết bao nỗi buồn khác không thể nào tả xiết...”

Nàng ngước đôi mắt ướm lệ mắt nhìn lên bởi tên nàng đã được nói lên ngọt ngào từ một anh chàng có tiếng “thẳng ngực” nhưng chắc chắn không ngực, có lẽ anh chàng chỉ khờ vì quá thật thà chân chất. Nàng thờ thần nói một câu:

“Lai cũng đã bị thương nặng phải không?”

“Không nặng lắm, nhiều mảnh tạc đạn đã cắm vào ngực và tay nhưng vì không được gắp ra hết nên thỉnh thoảng bị sốt và đau.”

Thì ra cô Kim Đợi lúc này đã đem thuốc giảm đau cho chàng. Bây giờ thì nàng hết khóc nhưng vẫn để cho Đức Lai nắm lấy tay nàng một lúc lâu như một cử chỉ dùng để an ủi lại Đức Lai. Bên ngoài không gian đã đen kịt nhưng tiếng mưa vẫn luôn rả rích. Có tiếng một con chim lạc bầy trong mưa kêu lên rất thảm khi bay qua chòi.

Một giờ sau họ cùng vào bếp nấu cơm với gạo thơm mà nàng đem vào, và nồi thịt heo ba rọi kho mặn có cả canh chua lá vang vì nàng thấy sau bếp có sẵn lá vang và một con cá lóc rộng trong cái thau nhựa. Trong thời gian làm bếp, Ngọc Thu đánh giá lại con người của Huy Phụng, một kẻ hèn hạ và bất

trắc, lang chạ với những cô gái dân quân và để biện minh, anh ta nói mình cô đơn cần có một người đàn bà an ủi. Nàng đã thấy điều này khi Tuấn Nhon còn sống nhưng nàng không ngờ Huy Phụng tệ hại đến thế. Cảm nhận này còn trầm trọng, ray rứt hơn bởi mặc cảm phạm tội với Tuấn Nhon khi nàng không còn trinh tiết trong ngày tân hôn. Rồi nàng lại thương hại cho Mỹ Đông quá cố. Sau cùng nàng mím môi tự nhủ, “mình đã quyết định đúng khi không nghe lời năn nỉ đường mật của hắn, phải đoạn tuyệt một lần này và mãi mãi...” Trong lúc nàng làm cá, thỉnh thoảng nàng liếc mắt nhìn Đức Lai ngồi canh bếp phụ nàng, nàng chợt thấy lòng se lại vì nàng như gặp lại hình ảnh nhiều nữ tính của cậu bé học chung lớp nhất với nàng ngày xưa. Nàng nhớ lại thời kỳ Đức Lai xách súng theo nàng làm công tác tuyên truyền, nhưng cậu ta không hề trò chuyện một lời vì e thẹn. Mà lạ thật lúc đó nàng là gái đã có chồng thế mà nàng cũng e thẹn như cậu ta. Còn bây giờ, Đức Lai đáng được nàng gọi bằng một tiếng “Anh “ khả kính.

Từ lúc đó hình ảnh của Đức Lai không rời khỏi tâm trí nàng cả trong giấc mơ nàng thấy giấc ngủ ngắn ngủi đêm hôm đó. Hình ảnh một con người hiền lành – quá hiền lành thành khờ khạo, và chân thật – quá chân thật thành ngốc nghếch trong mọi lúc dù phải sống ở giữa những điều dối trá hoặc muợn màng biết đó là những điều dối trá.

Trong bữa ăn sau đó và ngồi đối diện nhau, ngọc Thu tò mò hỏi:

“Hồi chiều, anh và Kim Đợi nói những chuyện gì mà cô ta cười to thế?”

“À, nói chuyện chơi ấy mà vì cô ấy nói gia đình cô ấy ngoài Bắc có nhiều cái nhất như nghèo nhất làng, đông con gái đẹp nhất làng, cấy giỏi nhất làng, ăn nói táo tợn nhất làng và nhiều cái nhất khác nên anh mới kể cho cô ấy một câu chuyện tiểu lâm để đáp lại. Nghe xong cô ấy cười giòn như pháo nổ.”

“Anh kể lại cho Thu nghe đi.”

“Anh kể chuyện một chuyên cơ chở một nhà ngoại giao Mỹ thuộc đảng CS và một nhà ngoại giao Nhật thuộc đảng xã hội cùng mấy anh cán bộ ngoại giao lão thành của ta. Khi sắp đến phi trường Gia Lâm, Hà Nội thì máy bay gặp sự cố. Phi công bảo phải bỏ bớt hành lý, máy bay mới đáp xuống được. Ông Mỹ thấy một xách tay đầy đô la và nói, ‘Bên nước tôi, thứ này có rất

hiều’. Đến ông người Nhật thả xuống một cái xách tay đầy kim cương và nói, ‘Bên nước tôi, thứ này có rất nhiều’. Bấy giờ cán bộ lão thành ta đập hai nhà ngoại giao Mỹ và Nhật rơi khỏi máy bay và nói, “Ở nước tôi, thứ ăn tục nói phét như hai ông có rất nhiều.” Phi cơ sau đó đáp xuống an toàn. Cán bộ lão thành tuyên bố tại sân bay, “Ta vừa có một thắng lợi nữa trên mặt trận ngoại giao”.

Lúc đầu Ngọc Thu cười ngất nhưng cô chợt tỉnh, nghiêm mặt nói:

“Anh đang nói xấu đảng và miền Bắc xã hội chủ nghĩa đấy.”

Đức Lai mới nói cho nàng biết từ ngày có tiểu đoàn Bắc Việt vào đóng quân ở đây, anh đã âm thầm tìm hiểu tính “ưu việt” của chế độ và xã hội miền Bắc qua mấy cô dân quân, mấy cô hộ lý và anh đi từ thất vọng này qua thất vọng khác. Bản thân Kim Đợi và Hồng Liên cũng phải đi bộ đội vào B (chiến trường Miền Nam) để gia đình không bị cắt phần gạo tiêu chuẩn và bị tịch biên tài sản trừ thuế, nhiều cán bộ đã trở thành sâu dân một nước. Anh tự hỏi phải chăng giai cấp công nông đã trở thành giai cấp nô lệ và chính nghĩa giải phóng và độc lập chỉ là cái cớ dối trá để người dân phải chịu nhận sự cưỡng bách, đàn áp bằng kinh tế và bằng bao tử của một tập đoàn đảng trị. Lúc đó Ngọc Thu ngắt lời:

“Thu không nghĩ họ hay chúng mình bị mắc lừa.”

“Thế đấy, những cô Kim Đợi và Hồng Liên dù bị đàn áp, bị buộc phải ra chiến trường nhưng luôn xác tín mình chiến đấu cho dân cho nước mà không nghĩ mình chiến đấu cho một tập đoàn đảng trị và tham vọng nhuộm đỏ toàn cầu theo đường lối tầm ăn dâu của chủ nghĩa Mác-Lê. Họ không bao giờ hiểu dân tộc mà đảng nói chỉ là một chiêu bài trong các chiêu bài khác.”

“Nghĩa là sao anh?” Ngọc Thu hỏi nhưng không khỏi thán phục anh chàng khờ này chưa học hết trung học mà đã tự học và tự suy nghĩ những điều rất là ‘đại sự’.

“Nghĩa là họ bị sự tuyên truyền lừa bịp nên bị lầm, sau đó họ và nhiều người dân khác lại tiếp tục bị lừa và bị lạm. Anh và em cũng thế, mình đã trao duyên nhằm tương cướp và rơi vào cảnh tiến thoái lưỡng nan như người bị rơi vào cạm bẫy.”

Ngọc Thu biết Đức Lai nói đúng, vì nàng đã có thời gian làm công tác tuyên truyền. Nhưng bây giờ nàng nhận ra mình đã bị mắc bẫy tuyên truyền trước khi đi tuyên truyền cho người khác: kẻ bị lừa trước sau đó đi lừa người khác. Thế nên nàng hoảng hốt hỏi:

“Có cách gì để cho các cô ấy biết mình bị tuyên truyền lừa gạt không?”

“Phải nói cho họ biết sự thật và phải nhẫn nại để đẩy lui bóng tối dối trá bầu chặt tâm hồn họ như bây dơi bám kín trong hang đá... Nhưng anh thấy rồi đây lịch sử sẽ phanh phui ra ánh sáng ngay sau khi cuộc chiến này kết thúc và sẽ không lâu đâu.”

Rồi Đức Lai nhìn vẻ mặt hoảng hốt của Ngọc Thu, hối tiếc đã làm vẩn đục niềm vui của nàng trong chính lần gặp nhau riêng rẽ và tình cờ này. Anh thở dài, và miếng cơm cuối cùng trong chén mình, cố gắng nuốt rồi nói tiếp:

“Trong lúc lo buồn vì đêm tối hiện nay của lịch sử, anh chợt nhớ lại câu chuyện Từ Thứ trong Tam Quốc Chí. Ông này là bề tôi của Lưu Bị phải bỏ Lưu Bị về với Tào Tháo vì gian hùng Tào Tháo cho bắt giữ mẹ Từ Thứ với lời đe dọa nếu Từ Thứ không về với ông ta, ông ta sẽ giết mẹ Từ Thứ.”

“Câu chuyện lịch sử ấy Thu có biết. Nhưng ý anh là sao?”

“Anh nghĩ từ nay anh phải sống bài học của Từ Thứ. Nếu sau này đảng chiếm được miền Nam và lại tiếp tục cai trị dân theo bá đạo tức là bằng bàn tay sắt đầm máu và cái miệng dối trá đánh lừa và nếu lúc đó anh buộc phải sống chung với họ thì anh sẽ như Từ Thứ dứt khoát không sống vì họ, không bận tâm về họ nữa, giữ chặt tâm hồn mình không để họ làm mình tha hóa. Anh nguyện giữ lương tâm luôn trong sáng, không tàn bạo, không dối trá nhưng luôn trung thực để sống chân thành với bạn bè, gia đình và với đảng Tối Cao mà nhà nho gọi là Thiên Đế và đôi khi anh cảm nhận sự hiện diện của ngài.”

Trong lúc Ngọc Thu cúi đầu bối rối, Đức Lai nói tiếp:

“Em nhớ về sau mẹ Từ Thứ ra sao không?”

“Bà ấy được tha nhưng bà ấy đã tự sát.” Ngọc Thu đáp.

“Đúng, bà ấy không thêm cái tự do giả dối mà Tào Tháo ban cho, nhưng chọn tự do chống lại bạo quyền bằng tự sát.”

Sau đó hai người im lặng, một sự im lặng nặng nề trong tiếng mưa còn rơi ngoài trời chiếm lĩnh cả khu rừng chìm trong tăm tối. Uống nước xong họ lặng lẽ về chỗ nằm chờ giấc ngủ ở hai nơi tách biệt trong ánh đèn dầu le lói. Sau một buổi bị lạc đường mệt nhọc, Ngọc Thu mau chóng đi vào giấc ngủ. Nàng thấy mình đang lang thang trong một nơi hoang sơ có nhiều cây cao bóng mát trong làng gần bờ sông Nghiệt mà nàng chưa từng thấy. Đức Lai theo sau một khoảng cách khá xa. Bỗng nàng gặp một phu nhân xinh đẹp ăn mặc theo lối cổ, váy lĩnh thâm, áo tứ thân màu hồng với thắt lưng xanh chuối. Nàng ngạc nhiên thấy vẻ mặt quen quen, mãi một phút sau nàng mới nhận ra đó là người đàn bà chỉ đường cho nàng đến chòi của Đức Lai tránh mưa. Vị phu nhân ấy nói:

“Em lại đây với chị, chị và em có duyên với nhau. Sau này mình sẽ còn lâu dài bên nhau nữa.”

“Nhưng chị là ai?” Ngọc Thu ngờ ngàng hỏi.

“Chị là Châu phu nhân, để có dịp thông thả chị sẽ kể em nghe. Chị em mình ra bờ sông cho mát đi. Trong người em nhiều hành thủy nhưng hành hỏa cũng vượng lắm đôi khi nó làm em bất an, đúng không?”

“Vâng chị nói rất đúng.”

Ngồi ở bờ sông chưa nóng chỗ, Châu phu nhân bước xuống nước nói:

“Xuống dưới này đi em mát lắm. Em sẽ thấy ngọn lửa bên trong và cái nóng bên ngoài dày vò em sẽ bị chế ngự. ”

Lúc ấy có tiếng Đức Lai từ sau kêu nàng quay trở lại nhưng nàng không muốn nghe. Sau đó nàng và phu nhân đi dần ra giữa lòng sông, xuyên qua nước xuống thủy cung đến lâu đài của Châu phu nhân. Ngọc Thu tưởng mình đang bay giữa nước, cũng rất thoải mái như mấy con cá chép, cá tràu, có cả một đàn cá lòng tong đang bơi lội xung quanh nàng. Đến nơi nàng bước vào lâu đài lóng lánh xà cừ của vỏ ốc, lung linh một ánh sáng xanh huyền ảo. Châu phu nhân chỉ vào một cái khối chữ nhật màu nâu nói:

“Em nằm giường này nghỉ một chút rồi chị em mình đi dạo một vòng thủy cung.”

Nàng ngã lưng xuống giường, những lá rong mềm mại đỡ lấy lưng nàng, lay động phát phơ như những ngón tay vuốt ve người khách quý. Bỗng

nàng nghe có tiếng rên khe khẽ chợt giật mình ra khỏi cơn mơ.

Khi tỉnh dậy Ngọc Thu rùng mình sợ hãi. Hoá ra chiều nay nàng đã gặp ma. Nàng ra khỏi giường đến nóp của Đức Lai. Trong ánh đèn tù mù, Đức Lai đã chui ra và ngồi trên tấm nóp rên khẽ. Một vài mảnh đạn còn sót trong người làm chàng đau nhức. Ngọc Thu ngồi bên chàng cố trấn tĩnh nỗi sợ, mấy phút sau nàng hỏi:

“Anh có sao không?”

“Không sao, những khi trời trở lạnh làm vết thương đau nhức.”

“Có phải uống thuốc gì không?”

“Không, mỗi ngày chỉ được uống thuốc một lần, và lại cũng không có nhiều thuốc để uống.”

Lúc đó nàng vuốt mái tóc ướt mồ hôi của chàng, để chàng tựa lưng vào người nàng âu yếm như một y tá tận tâm. Rồi nàng chợt nhớ rượu thuốc của Tuấn Nhon trong bầu, liền hỏi:

“Trong bầu của Tuấn Nhon vẫn còn rượu chứ.”

“Vẫn còn nguyên đấy.”

“Rượu ấy có thể giữ ấm và giảm đau, để Thu đi lấy.”

Cho đến lúc này nàng không biết đó là rượu tăng lực mà việc giữ ấm và giảm đau chỉ là tác dụng phụ theo sau. Tuấn Nhon đã không cho nàng biết điều đó mà chỉ cho nàng hưởng hiệu quả của rượu đã làm thỏa mãn ái dục của nàng. Khi cầm bầu rượu và ly đất trong tay, Đức Lai ngừng lại nói:

“Anh có việc này quan trọng muốn nói với em...”

“Việc gì?”

“Anh đã một lần ôm eo em...”

“Rồi thì sao nào?”

“Rồi từ đó, anh nhớ em và sau cùng biết rằng anh đã yêu em, nhất là những lúc...”

“Anh nhìn dòng sông chảy lững lờ in bóng con đò ngang chứ gì?”

“Không, những lúc anh đau đớn như thế này...”

“Thu hiểu rồi, nhưng anh uống đi rồi hãy nói tiếp.”

Hớp ngụm rượu thơm mùi thảo dã, Đức Lai lại nói:

“VẬY Thu có nghĩ gì về anh không, có thấy anh khờ và ngốc không?”

“Không, trái lại Thu thấy anh tinh tế và đa cảm.”

“Vậy anh là người mơ mộng hảo huyền?”

“Không phải thế, nên bây giờ em thấy mến thương anh,” nàng nói dịu dàng. Rồi nàng hôn vào gáy chàng và tì cằm vào vai chàng, tưởng tượng cảnh Huy Phụng và Kim Đợi đang quần thảo nhau trong lạc thú. Ngọn lửa tình trong lòng nàng được lòng ganh tị và thù ghét kích thích đã thức dậy và từ từ bốc cao như hơi rượu. Lúc đó chàng rót thêm ly rượu thứ hai và nói:

“Vậy mà trước giờ anh cứ tưởng đó là rượu thuốc trị sốt rét hay đường ruột nên có bao giờ đụng đến đâu...”

Trong sự trống rỗng và chán nản hiện tại, họ cần đến nhau chí ít cho nhau sức mạnh để sống cái tình trạng bi đát và vô lý mà họ chỉ mới biết mình đã lầm lạc rơi vào. Đức Lai uống thật chậm chung thứ hai, ngẫm những đường cong tuyệt vời trên thân thể Ngọc Thu trong lúc nàng nằm nghiêng trên nóp xoa tay vào đầu gối của chàng. Uống xong ba chung, chàng cũng nằm xuống đối diện với nàng, một tay đặt lên eo nàng, kể lại lộ trình mơ tưởng của trái tim chàng từ những kỷ niệm khó quên ban đầu. Lời tỏ bày ấy đơn sơ và ngây ngô như tình yêu ban đầu này của Đức Lai làm nàng vừa buồn cười vừa thú vị. Nàng thấy mình trẻ lại ở tuổi đôi mươi.

Nửa giờ sau, Đức Lai cảm thấy cơn đau biến mất, trong lúc lòng Ngọc Thu đã nóng bỏng ngọn lửa khát vọng yêu đương. Nàng không muốn cưỡng lại và ngoan ngoãn đi theo khi chàng kéo nàng trở lại giường tre. Lúc đó, chàng quay lại vách lá lấy một cái hoa giắt sẵn ở đó giống cái hoa mà nàng định hái lúc lạc đường và đưa tặng nàng và nói, “Anh thường hái hoa để ngắm và nhớ đến em”.

Nàng ngắm hoa lung linh trong ánh sáng tù mù, sau đó nàng buông hoa rơi xuống và ôm lấy lưng chàng ấm nóng vì những cảm xúc gợi hứng đã bắt đầu làm nàng thích thú. Chàng đã khai mạc cuộc chơi của tình yêu và lạc thú. Có những lúc ‘chị’ Thu thấy chàng có vẻ lúng túng trong việc cời ngựa trên người nàng nên đã thì thầm ‘nhắc tuồng’ cho ‘cậu’ Lai, thì thầm như nàng đang nói với chính mình: hôn đi, làm vậy đi, làm kia đi... Rồi hai người cũng hoàn toàn khớp vào nhau cùng với một cảm giác mê mê như luồng điện chạy khắp thân thể họ mỗi lần chàng ấn sâu vào nàng. Sau cùng

họ rên rỉ bởi khoái cảm tuyệt vời mà họ cùng trao ban và tận hưởng. Âm thanh hạnh phúc của họ lan tỏa ra ngoài, len lỏi giữa những hạt mưa đêm đang làm mọi vật tan loãng ra và hòa nhập vào nhau.

Ngọc Thu đã chọn Đức Lai và yêu chàng vì tính tình chàng luôn trung thực, và đã chân thật yêu nàng. Đồng thời nàng cũng hiểu bởi tính trung thực ấy, chàng đã mau chóng phát hiện mình sai lầm để thất vọng và đắng cay với những gì chàng nói và làm. Nhưng ngay sau đó tìm cách giữ cho mình không rơi vào tuyệt vọng. Mặt khác nàng cũng biết Huy Phụng không sống chân thành và cũng không thật sự cần đến tình yêu của nàng nữa. Sáng hôm sau, nàng thấy bông hoa trong đêm đã được tấm lưng trần của nàng ép dẹp. Nàng giữ lại để ép vào một cuốn sách lịch cũ bằng chữ nho ở nhà để nhớ đến chàng. Một kỷ niệm đầu của một tình yêu cuối.

Từ đó, mỗi khi vào cứ, Ngọc Thu đi thẳng đến chòi của Đức Lai ở lại dăm ba ngày để săn sóc chàng rồi nhờ Đức Lai đưa báo cáo lại cho Huy Phụng. Nàng không quên đem vào cho chàng những thuốc giảm đau mà có khi nàng phải nhờ mấy người giao hàng mua trong các tiệm thuốc Tây ở Đà Nẵng. Nàng cũng đem vào vài cuốn sách truyện xưa và một cuốn Kinh Tân Ước theo yêu cầu của chàng.

Huy Phụng không thắc mắc tại sao có sự trung gian này, cả khi sau đó Phụng biết được chuyện tình của họ vì so với các nữ dân quân, hẳn Ngọc Thu không nóng bỏng và chủ động như họ khi hiến dâng cho Huy Phụng: sinh ra và lớn lên trong môi trường tàn bạo, các cô đã mang trong mình những mầm mống của sự khổ đau.

Chứng khổ đau nơi Kim Đợi và Hồng Liên có lẽ còn do mặc cảm tội lỗi với vị lãnh tụ khả kính của họ. Người ta đã chẳng ví ông ta như hoa sen vô nhiễm của đất Tháp Mười hay sao (Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất có tên ‘cáo già’). Thế nên họ phải tự trừng phạt những lạc thú của họ trước một lãnh tụ ‘trong trắng’ như một Bồ Tát vì cả đời mãi miết hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, không biết đến chuyện vợ chồng! (và hiện diện khắp mọi nơi như một đấng thiêng liêng!). Có lẽ một ngày nào đó các cô sẽ hóa điên khi thần tượng của họ sụp đổ, và ai mà biết được cơn điên ấy sẽ còn hủy hoại họ đến mức nào. Trong trường hợp này thà họ

không biết rõ mặt trái của thần tượng họ vẫn hơn. Lạy Trời, xin cho họ đừng biết lịch sử tình dục của lãnh tụ mà họ được dạy gọi bằng những từ ngữ thân thương tôn kính: ‘Bác ơi’ hoặc ‘Cha già dân tộc’ v.v. Nhưng bây giờ họ phải để mình bị trừng phạt tội dâm bôn bởi bàn tay ‘xứng đáng’ của đảng viên Huy Phụng, sự nổi dãi của bàn tay lãnh tụ.

Đêm hôm đó, khi Kim Đợi thỏa mãn với đủ hai khoản hành xác và hành lạc rồi bỏ đi thì chưa đầy một giờ sau Hồng Liên đến. Trong ánh đèn tù mù, khi roi mây dài trên tay Huy Phụng vụt xuống, Hồng Liên kêu lên, “Bác ơi, xin bác tình tuyến như pha lê hãy trừng phạt cháu gái cái tội dâm ô này.” Nghe vậy Huy Phụng định vụt roi xuống, nhưng Hồng Liên trần truồng, uốn éo như múa rắn vẫn thúc giục, “Anh Ba đánh Liên thật đau đi rồi Liên mới cho anh chiếm đoạt thân thể phỗng phao mượn mà của Liên.” Anh Ba, tên gọi trong khu của Huy Phụng, nghe thế liền tiếp tục việc hành xác cô trước khi hành lạc. Sáng hôm sau những lằn roi đỏ ửng trên lưng và trên đùi Hồng Liên làm cô liên tưởng đến màu cánh sen mọc rất nhiều trên hồ sen trước ngôi chùa cổ nay được cải tạo thành hồ nuôi cá của hợp tác xã quê cô.

Còn với Huy Phụng, anh ta được dịp đổi mới việc hành xác hai cô ấy trong mỗi lần hành lạc: Khi thì anh ta dùng roi mây, khi thì dây dù, dây nịch, khi thì cầu véo. Nó giúp anh ta bộc lộ tính hung ác của mình, cùng lúc làm với nhẹ nỗi sợ hãi chết chóc trong chiến tranh và nỗi ám ảnh về vai trò bị đánh mất từ khi quân đội chính quy Bắc Việt ồ ạt vào Nam và nắm lấy mọi quyết định về chiến thuật trong cuộc chiến này, điều mà trước đây thuộc về các cán bộ miền Nam như anh ta vẫn nói, “Đây là cuộc chiến của miền Nam trong đó có tôi.”

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 7
Đạo - đời lem luốc

Mười ngày sau khi rời khỏi chòi Đức Lai về lại làng Rí, Ngọc Thu đưa hai con ra Đà Nẵng ở chơi nhà bà nội của hai con ít hôm. Nàng gặp mẹ chồng và hai cô em chồng, chị của chú út Tuấn Nghĩa, hai cô này hiện đang chung vốn buôn bán ở chợ Đà Nẵng, một cô đã lấy chồng sớm và có nhà gần đó ở hữu ngạn sông Hàn. Dĩ nhiên Khánh Loan sẽ ở với bà nội khi đi học trung học đệ nhị cấp ở trường Phan Chu Trinh còn Khánh Dung ra Huế học tại trường sư phạm sau khi được trúng tuyển. Cô này trọ học trong đại học xá dành cho các giáo sinh ở xa. Chú Tuấn Nghĩa không có ở nhà. Chú út và bạn là Huỳnh Hiến em trai của Kim Thản đã tình nguyện gia nhập quân đội cộng hòa sau mấy năm học đại học. Trong thời gian học đại học ở Huế họ nhận làm gia sư cho mấy nhà giàu có để tự túc không phải bắt gia đình trợ cấp. Hiện nay họ học năm cuối trường Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt, và giữa năm sau sẽ ra trường với quân hàm thiếu úy.

Thật là một tình huống phân ly nghiệt ngã trong một gia đình, nhưng biết làm sao được. Trước khi về Đà Nẵng, Thầy Trình đã khuyên con trai trưởng từ bỏ tổ chức Việt Minh vì ông đã thấy trước những điềm xấu nhưng Tuấn Nhơn đã không nghe vì lúc đó chàng không muốn rời xa Ngọc Thu. Ngọn lửa đam mê nàng đã thôi luyện chàng thành thép cứng cho đảng. Ngày hôm nay em chồng Tuấn Nghĩa đã chọn phục vụ cho kẻ thù của anh mình với tất cả xác tín về dân chủ và tự do, còn nàng thì đang dần dần tỉnh giấc Nam Kha từ ngày gặp gỡ và yêu Đức Lai nhỏ hơn mình sáu tuổi.

Khi hai con nàng đến chào bà nội đang ngồi ăn trà trên kỷ lục ra, Ngọc Thu ôm lấy đầu gối mẹ chồng khóc nức nở. Bà mẹ sững sờ hỏi sau khi nhổ vội miếng trà đang ăn vào một cái bô nhôm nhỏ xíu:

“Có gì không Thu mà sao con khóc sầu thảm như thế?” bà mẹ hỏi.

“Mẹ ơi, anh Tuấn Nhon của con đã tử trận rồi...”

“Trời ơi, con tôi ...” bà mẹ lặng lẽ khóc, “Sao con lại bỏ mẹ mà đi vội thế này...”

Mẹ chồng, con dâu đều khóc lóc, một lúc sau bà mẹ nghẹn ngào nói:

“Trước đây cha và mẹ, rồi sau này một mình mẹ vẫn luôn lo sợ cho nó. Hơn một năm nay mẹ nguôi ngoai chút ít. Bây giờ lại nghe tin nó chết.”

“Không ai ngờ mẹ ạ.”

“Con có cho hai cháu gái của mẹ biết chưa?”

“Dạ có, hôm qua trước khi đưa hai cháu ra đây, con có cúng cơm cho cha chúng trước bàn thờ rồi ba mẹ con vừa khóc vừa ăn giỗ, không cho một ai biết.”

“Ý trời đã định, biết làm sao bây giờ. Con buồn thì chồng con cũng không thể sống lại. Ngày mai nhà mình sẽ cúng cơm cho nó, rồi sau đó cố mà nguôi ngoai đi, để còn lo cho tương lai hai cháu.”

“Vâng mẹ nói rất phải.”

Im lặng một lúc, nhìn nhan sắc con dâu cũng còn tươi thắm, bà mẹ nói tiếp:

“Sau này nếu con có đi bước nữa thì tìm một người dân thường thôi không liên quan đến cuộc chiến này.”

“Con chưa nghĩ đến chuyện đó mẹ ạ, xin mẹ đừng nói đến nghe mẹ.” Nàng giấu việc nàng đã yêu Đức Lai, một người bạn chiến đấu của Tuấn Nhon.

“Ừ, mẹ thấy con còn trẻ quá mẹ thương ...”

Ngọc Thu ở lại với gia đình chồng thêm hai ngày rồi về lại làng Rí. Trong thời gian ấy nàng biết được mấy việc liên quan đến hoàn cảnh gia đình của chồng quá cố. Cuối năm đó khi ra trường Chiến Tranh Chính trị Đà Lạt, Tuấn Nghĩa sẽ làm lễ cưới với Thanh Hiên, con gái đầu lòng của Kim Thản. Vì trước khi nhập ngũ, Tuấn Nghĩa đã từng làm gia sư cho Thanh Hiên qua sự giới thiệu của bạn chàng là Huỳnh Hiễn, cậu của Thanh Hiên. Và chàng gia sư và cô học trò nhỏ đã yêu nhau. Khi Thanh Hiên thi xong bằng tú tài, hai người sẽ làm lễ hỏi. Lễ cưới sẽ được tổ chức sau hai năm nghĩa là khi Thanh Hiên đã trở thành cô giáo tiểu học. Vì gia đình Kim Thản đã theo đạo Chúa sau ngày ông Ngô Đình Diệm về chấp chính vài

năm nên Tuấn Nghĩa đã tòng giáo với sự động viên của bạn. Hôn lễ tôn giáo sẽ tổ chức tại nhà thờ giáo xứ do một ông cha Tây coi sóc.

Việc gia đình Kim Thản theo Thiên Chúa giáo đơn giản đến độ khó tin. Khoảng năm 1955, các ty, sở ở tỉnh Quảng Nam đang tuyển những nhân viên, cán sự và lao công để hoàn thiện bộ máy hành chính của tỉnh. Lúc ấy Lê Bát đã ngán đến tận cổ việc phụ bán với vợ và giữ con vì sau Thanh Hiên, họ có thêm một trai và một gái nữa. Vả lại cũng có tin đồn rằng người nào có đạo Chúa sẽ được mau chóng xét tuyển vì việc sưu tra lý lịch tốn ít thời gian hơn, mặt khác những giáo dân trong Giáo Hội công giáo thuộc về một phả hệ khó chấp nhận CS hơn ai hết. Lê Bát muốn xin vào ty nông nghiệp làm nhân viên theo dõi và hướng dẫn nông dân canh tác theo lối mới với những giống lúa lai tạo mới nên quyết định xin cho cả nhà được theo đạo.

Kim Thản lúc đó cũng không có ý kiến gì mà chỉ theo ý chồng; nàng nói một cách chung chung rằng đạo nào cũng tốt. Không ai ngờ sau khi đã thành tín hữu, nàng trở nên rất mộ đạo. Có người hỏi tại sao, thì nàng chỉ nói một câu trong Kinh Thánh, “Vì Chúa đã làm cho tôi biết bao điều kỳ diệu, danh Người thật chí thánh, chí tôn.” Bao điều kỳ diệu nào? Sự sung túc chẳng, đời sống gia đình êm ấm, chồng siêng năng con ngoan ngoãn chẳng? Không hẳn thế mà chính là sự bình an trong tâm hồn.

Nàng luôn cảm thấy có Chúa khoan dung, đại độ đồng hành cùng nàng trong mỗi bước đi của đời sống, giữa những lo toan, vất vả và bề bộn. Điều đó giúp nàng chịu đựng sự cộc cằn của Lê Bát khi đem những bức dọc trong cơ quan về nhà nhưng không làm nàng giảm bớt sự yêu quý chồng mình. Với nàng, đức tin là một suy nghĩ đúng nhưng còn là một cảm nghiệm sống cao thượng và một sự thực hành ý Chúa muốn qua những việc bác ái nàng làm.

Sau khi ông Diệm mất, 99% những người theo đạo để dễ tìm việc làm đã

mau chóng bỏ đạo để trở lại cái nếp của truyền thống. Họ dẹp bàn thờ Chúa cho vào sọt rác hoặc vứt xuống sông, rồi biến bàn thờ thành chỗ thờ ông bà và thờ Phật. Họ theo đạo Chúa như mặc một cái áo, bây giờ không cần nữa, họ lại cởi ra bỏ đi, mặc vào áo khác. Hai chữ “tả đạo” của Văn Thân như còn trong vô thức và ám ảnh họ, ngăn cản mọi tiếp thu và mau chóng thúc đẩy họ trở về với những giá trị truyền thống.

Trong số họ, phần lớn đều nói, “Mình sợ có tội bất hiếu với tổ tiên (vì họ tưởng lầm kitô hữu không giữ chữ hiếu), với lại mình sợ người lương xa lánh mình, điều này khó chịu lắm,” nghĩa là một mặt cảm tội lỗi với tổ tiên và với đồng bào khi làm trái lời Văn Thân đã chủ tâm bôi bác đạo. Một số rất ít người thật lòng hơn lại nói, “Đạo Chúa-trời-đất khó quá vì nó siêu nhiên, mình theo không nổi, ngay cả những người đạo dòng còn theo trầy trật và làm gương xấu. Trong Giáo hội bồ câu trắng bồ câu đen lẫn lộn và xem ra bồ câu đen cũng nhiều. Mình về lại đạo truyền thống có sai cũng không bị số đông chê trách. Có bầu quạ nào chê một con trong đàn là đen lông đâu.”

Lê Bát cũng nói với Kim Thản:

“Tôi sẽ dẹp bỏ bàn thờ Chúa và nhà mình sẽ lại theo đạo thờ cúng ông bà và đạo Phật. Từ hôm nay không đi lễ nhà thờ nữa, em hãy bảo các con như thế.”

Không cần suy nghĩ nhiều, Kim Thản phản đối chồng:

“Em không đồng ý việc này. Trái lại em thấy anh không thành tín và vô ơn với Chúa giống như vua Gia Long đã hành xử với Bá Đa Lộc. Bảy năm qua gia đình mình nhận được biết bao ơn Chúa ban cho sao anh vội quên như thế.”

“Bà im đi: một người mê tín như bà thì biết gì. Bà ra khỏi nhà này để giữ đạo. Một mình bà thôi.”

“Được rồi tôi sẽ ra khỏi nhà này sau khi bán nhà lấy đủ tiền trả nợ cho người bà con của cha mẹ tôi. Tôi sẽ đưa ba đứa con tôi đi nơi khác làm ăn. À con Thanh Hiên còn phải từ hôn với thằng Tuấn Nghĩa mặc dù thằng Nghĩa đã chịu theo đạo để kết hôn trong lúc nó bị mẹ và các chị nó phản

đối.”

“Ừ bà đi đi, nhưng chuyện phân chia của cải thì tôi phải tính lại, bà đừng ép tôi.”

“Tôi không ép ông mà ông ép tôi. Tôi không thể mang công mắc nợ vì một người bất nghĩa như ông.”

Tuy Lê Bát nói mạnh cho đỡ quê, nhưng thật sự Kim Thản đã đưa ra cho chồng một bài toán hóc búa và có lẽ ông phải nhượng bộ thôi. Đã vậy bà ta còn lải nhải tiếp:

“Tôi sẽ nói việc này cho cha ông. Lúc đó ông sẽ chửi ông muốn bỏ tôi để lấy gái tơ cho ông muối mặt. Bỏ đạo Chúa, ông lấy mấy vợ mà không được. Rồi ông coi tôi và ông ai còn nhan sắc và sự quyến rũ hơn ai.”

“Im ngay đồ quỷ cái.” Lê Bát tức giận hét lớn và bỏ đi.

Mặc dù suy nghĩ nhiều nhưng Lê Bát không tìm ra đáp án cho bài toán mà vợ ông đưa ra. Ông tự nhủ, “Vợ mình nó thành chần tinh từ lúc nào vậy. Mà nhan sắc của nó vẫn còn mượt mà dù làm ăn vất vả, ban đêm còn chiều mình hết mức, trong khi mình lại mau già quá.”

Sau đó ông lại tự nhủ, “Nhưng mình cũng chưa biết mô tê về đạo Phật. Hình như ông Phật là con một ông vua Thái Lan nhường ngôi cho em trai ở Băng-cốc và vào rừng gần biên giới nước Lào để tu hành, sau thành Phật.”

Sau cùng ông nói, “Thôi có lẽ mình phải năn nỉ nó bỏ qua việc này cho gia đình êm ấm.”

Sau đó hai ngày, thánh lễ buổi chiều vừa kết thúc, Kim Thản vội ra về thì gặp ngay cha Tây chính xứ ở khuôn viên trước nhà thờ. Ông này người Tây Ban Nha râu tóc đều bạc và dọn sóng nhưng nói tiếng Việt rất sôi: ông đã coi sóc giáo xứ này mười lăm năm nay. Ông chào Kim Thản:

“Cha chào con.”

“Dạ con chào cha.”

“Con có chuyện nói với cha mà sao con vội thế?”

“À dạ, không biết con có nên quấy rầy cha không.” Kim Thản ngạc nhiên vì không hiểu tại sao cha xứ biết mình có điều nghĩ ngợi.

“Không, cha muốn nghe con nói những gì làm con lo lắng. Ta vào phòng khách đi.”

Bà chậm chạp theo cha bước vào phòng khách treo một tượng Chúa chuộc tội trên tường và kế đó là một kệ sách nhỏ. Sau khi chủ khách ngồi xuống bộ ghế gỗ không nệm, cha xứ nói:

“Cha nghe đây; con nói đi.”

“Dạ thưa cha, gia đình con có chuyện bất hòa. Chồng con thấy ông Diệm bị sát hại nên muốn cả nhà bỏ đạo.”

“Có vậy sao,” cha xứ ngừng lại một lúc rồi nói “Dĩ nhiên cái chết của ông Diệm có điều gì đó giống như tử đạo khiến nhiều tín hữu lo lắng. Trong số những người hại ông ấy, ngoài các kẻ thù có những người đã từng thọ ơn ông ấy, trong số đó có không ít các giáo sĩ và tín hữu công giáo miền Bắc di cư vào Nam ... Nhưng thôi cha không nói nhiều về việc đó, cha chỉ hỏi con định thế nào về việc chồng con?”

“Dạ thưa cha, con không đồng ý bỏ đạo nên hai vợ chồng chúng con đã gây gổ”

“Đúng, mình theo đạo là theo Chúa để phục vụ và yêu thương mọi người chứ không theo ông Diệm hay kẻ thù của ông ấy, cũng không ngại cái chết.”

“Chồng con nói sẽ bỏ con nếu con giữ đạo.” Kim Thản ứa lệ nói tiếp.

“Điều này thì không đúng rồi,” cha xứ vuốt bộ râu cằm, cau đôi mắt có tròng màu nâu nhạt nói, “Khi các con đến với Chúa hay các con từ bỏ Chúa, các con phải hành động một cách tự do. Việc trở lại đạo giống như khi mình bước vào tình yêu, không thể ép uống được. Ví dụ nếu chồng con đã quyết bỏ đạo thì cha cũng không thể lấy quyền gì để cưỡng ép được ngoài việc khuyên bảo. Ngược lại chồng con cũng không thể ép con bỏ đạo vì cha coi việc theo Chúa là một hành động tự do và cha tôn trọng sự tự do ấy. Và lại sự cứu độ của Chúa cũng là sự giải phóng, nên Chúa cũng không phạm đến tự do của thụ tạo nào dù tự do đó không tốt và trái ngược ý Chúa.”

“Chồng con ngang ngược và hay cau có lại thường ép buộc vợ con phải theo ý của anh ấy.”

“Vậy con nghĩ sao, con có định theo ý chồng con không?” Cha xứ lo lắng hỏi.

“Không cha ạ, vì con cần đến lòng thương xót và ơn cứu độ của Chúa, mặt khác vì con luôn ý thức mình có tội.”

“Con không bị mặc cảm tội lỗi đấy chứ.”

“Không cha ạ, con nói chuyện trước kia, khi đó Việt Minh mới nổi lên ở quê con, con đã có hành động ích kỷ và dâm loạn, con đã phạm tội tà dâm lúc chồng con bị bắt.”

“Rồi sao nữa.”

“Sau đó lương tâm con luôn ray rứt dù con đã tha thứ, không muốn trách móc người đã cưỡng dâm con. Cho đến khi con vào đạo con mới thanh thản tâm hồn vì con biết có Chúa tha thứ cho con. Ngài đã cất bỏ gánh nặng tội lỗi trong con và con biết trong thánh giá Ngài vác lên núi Sọ có một phần tội lỗi của con. Từ đó con luôn cảm thấy Ngài ở bên con để tha thứ, an ủi, đỡ nâng. Bây giờ làm sao con có thể bỏ Ngài được.”

Cha xư cúi đầu lắng nghe, rồi ông thở dài nói:

“Có những tội lỗi nặng nề mà loài người không biết hoặc khi biết thì không thể tự giải thoát cho mình, nên ông thánh Phaolô đã nói về chính mình, ‘Khốn cho thân tôi, có những điều tôi biết là tốt mà tôi không làm, có những điều tôi biết là xấu mà tôi vẫn cứ làm’. Trường hợp của con làm cha nhớ đến câu Félix culpa trong sách thánh. Con đã được Chúa chúc lành khi biết mình có tội.”

“Con phải làm sao bây giờ vậy cha?”

“Như cha nói hồi nãy, con hãy nhẫn nại và khuyên bảo chồng con, đừng gây gổ căng thẳng nữa. Cùng với những lời khuyên bảo, con hãy bày tỏ tình yêu sâu đậm của con với chồng. Con đừng thách thức mà hãy yêu thương như lời ông thánh Gioan Thánh giá, Tình yêu chỉ được đáp trả bởi tình yêu. Khi nào thấy chồng con có biến chuyển tốt, con đến nói với cha, cha sẽ ghé thăm gia đình con và tìm cách củng cố đức tin cho ông ấy.”

“Và từ hôm nay cha nhớ cầu nguyện cho gia đình con.”

“Dĩ nhiên rồi, và cha sẽ đặc biệt kêu cầu Chúa Thánh Thần soi sáng tâm trí của hai con trong hoàn cảnh khó khăn này.”

“Con cảm ơn cha nhiều lắm.”

Lúc đó Kim Thản cáo lui; khi bà khách ra khỏi cổng nhà thờ, cha xư ngâm

nga mấy câu thơ mà ông vừa ứng tác. Có lẽ Thánh Thần Thiên Chúa đã cảm hứng cho ông:

Chúa cho con vấp ngã

Để con níu lấy Ngài

Và để con chột hiều

Tình Ngài vẫn bên con.

Trên đường về, Kim Thản tưởng mình bước đi trên gió. Vâng có ngọn gió Thần Khí trong lòng bà. Ba tuần sau, Lê Bát không còn nói đến chuyện bỏ đạo nữa, ông lại còn trách mình, “Thì ra đức tin của mình non yếu quá so với bề dày truyền thống tự nhiên tồn tại trong lòng mình luôn lẫn át đức tin đó vì không cùng một bình diện và phá hệ. Mình chỉ có một đức tin thờ ơ, bị định hình trong khuôn khổ của những giá trị văn hóa truyền thống và do đó không tiếp nhận được gì mới mẻ mà Đức Giêsu mang lại để đổi mới lòng mình.”

Kim Thản đã chọn lựa đúng: giữa sự xung đột gay gắt của các giá trị, giữa đêm tối của cuộc chiến tranh ý thức hệ tàn khốc này, giữa lúc con rồng đỏ bảy đầu mười sừng vươn vai thức dậy, giờ đây bà không tìm cách bảo vệ ruộng vườn của chồng, tiền bạc của mình, và hạnh phúc với chồng con một cách ích kỷ, trí trá, trái lại bà bảo vệ đức tin để chờ vị Hôn Phu của bà trở lại: Lạy Chúa Giêsu xin ngự đến! Phải, chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến.

Bốn người bạn trẻ Dung, Loan, Cường, Khang từ làng quê ra thành phố với tâm thức bị trói buộc trong một ý thức hệ, và chính Võ Tẩm đã hình thành cái tâm thức ấy như một khuôn khổ hoặc cái nếp tiếp nhận mọi kiến thức. Cái khuôn khổ ấy từ chối mọi kiến thức loại sử học và văn học do các thầy cô ở trường truyền dạy. Vì thế không lạ gì khi một người có thể quên hết kiến thức của một nền văn hóa, nhưng nhờ cái khuôn khổ tư duy và cảm nhận mà kiến thức trước đây còn để lại và tồn tại lâu dài nên người ấy vẫn tiếp tục cảm nhận và tư duy trong khuôn khổ của văn hóa ấy hay trong phá hệ ấy. Cho nên có người nói rằng: “Văn hóa là cái gì còn lại sau khi chúng ta đã quên hết tất cả.” Và bốn người bạn trẻ của chúng ta cũng suy nghĩ và hành động như thế.

Khi còn mấy tháng nữa hết năm học cuối, Khánh Loan thường về nhà muộn. Bà nội, các cô, các chú có hỏi thì cô đáp:

“Cháu đi sinh hoạt gia đình Phật tử ở chùa Phổ Đà nơi có Phật học viện Trung Phần, v.v.”

Cả nhà bà nội cô không ngăn cản mà còn khuyến khích cô sinh hoạt đoàn thể Phật tử vì họ chưa nguôi bức tức chuyện chú út Tuấn Nghĩa theo đạo vợ. Mặc dù chú Tuấn Nghĩa có đưa ra trường hợp của Huỳnh Hiến, bạn chàng, theo đạo chỉ vì thấy đó là chân lý sau một lời khuyên bảo nhẹ nhàng của người chị, bà nội cô cũng không vì thế mà bằng lòng. Sau cùng chú Tuấn Nghĩa phải lén lút học đạo.

Vì thế gia đình bà nội Khánh Loan đã lấy việc hoạt động của cô cho giáo hội Phật giáo làm một lời đáp trả cho việc làm ‘sai trái’ của chú Tuấn Nghĩa. Dĩ nhiên Khánh Loan được phép đi về trễ những ngày đi học và đi họp những ngày nghỉ học. Điều đáng mừng là cô luôn là học sinh khá và lễ phép trong lớp. Cô đi thưa về trình khi dự họp, có lúc ở chùa Phổ Đà, có lúc ở chùa Pháp Lâm là chùa tỉnh hội Quảng Nam Đà Nẵng, có lúc ở trường trung học Bồ Đề.

Trong những lần họp ấy, Khánh Loan đều có gặp Mạnh Cường đến tham gia. Anh này hiện học chung trường với cô nhưng khác lớp và từ khi về Đà Nẵng anh ấy trọ học trong ngôi chùa Phổ Quang để học thêm Phật pháp. Khi về đến chùa nhà, anh chàng cởi bỏ đồng phục học sinh, mặc bộ áo lam hoặc áo nâu, tóc chưa cạo trọc. Theo lời anh nói, có lẽ giữa năm sau anh sẽ chính thức quy y và xuống tóc.

Thật ra Khánh Loan cũng biết đó là một vở tuồng do Văn Tầm dàn dựng. Một tháng trước đó Văn Tầm đã chính thức là chồng thứ ba của Mỹ Xuân, bất chấp lời can ngăn của cha anh ta là cô ấy tuy còn xuân sắc ở tuổi đó, nhưng bị nghi ngờ có tướng sát phu.

Buổi tối đó, Mạnh Cường đưa Khánh Loan đến chùa nhà để biết chỗ khi cần sẽ liên lạc, vì tình hình sẽ còn căng thẳng giữa chính quyền và Phật giáo và cuộc đấu tranh của Phật giáo đã từng giúp lật đổ và sát hại ông Diệm sẽ có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Chính quyền mị Phật giáo của Nguyễn Khánh không thể thỏa mãn hết mọi yêu sách của nhà sư đồ Trí Quang và

đồng sự vì đằng sau ông Khánh còn có Hội Đồng Quân Lực và người Mỹ. Người Mỹ có vẻ tán thành việc Phật giáo đòi dân chủ nhưng Hà Nội đã mau chóng coi phong trào dân chủ ở miền Nam không phải là một cuộc đấu tranh biệt lập nhưng là một làn sóng trong ba làn sóng cách mạng theo quan niệm của Lênin mà Lê Duẩn đã nhấn mạnh trong một cuốn sách tuyên huấn của ông ta.

Vào chùa trước hết Khánh Loan bước vào chánh điện, thắp hương trước tượng Phật đặt trên bệ cao giữa nhiều câu đối chữ nho, và nàng chỉ đọc được một câu đối bằng chữ Việt:

Đường thế mịt mù trăm năm đầy tội,

Cửa thiền thanh tịnh muôn kiếp nên duyên.

Hai chữ “nên duyên” sau cùng đã gây ấn tượng mạnh trong nàng. Phải chăng đó là một câu tiên tri dành cho nàng, nhưng với ai? Nàng tự hỏi. Sau đó, Mạnh Cường dẫn nàng đi dọc theo một hành lang đến dãy nhà trọ và nhà khách gồm hai cánh với số phòng đều nhau và vuông góc nhau. Nàng không ngồi lại lâu trong căn phòng nhỏ gồm một giường gỗ và một bàn học, vì Mạnh Cường đề nghị ra sau hậu viên cho mát mẻ. Họ ngồi xuống hai đầu một ghế đá nhìn nhau trong khi màn đêm từ từ buông xuống.

Lúc đó tiếng chuông chùa thu không vang lên buồn bã. Lần đầu tiên nghe tiếng chuông ở gần, nàng khẽ rung mình. Âm thanh từ đại hồng chung trào ra như những đợt sóng vô hình làm nàng mềm nhũn, tan ra, trôi đi, tỏa lan trong một không gian vô hạn, nhỏ dần mỏng dần và sau cùng tan biến trong cái tự nhiên vô hạn của vũ trụ này như hư vô, như vực thăm màu xám của một ngày tàn không bờ bến và nàng thấy mình thôi tồn tại. Ngay sau đó nàng thấy mình lại ngưng tụ, như đã qua một kiếp phù sinh và lại ngồi đối diện với Mạnh Cường. Lúc đó một sự sợ hãi vô cớ xâm chiếm tâm hồn nàng, khiến nàng phải ngồi xích lại chàng hơn. Và để phá tan cái vô thanh và im lặng trống rỗng sau hồi chuông, nàng hỏi một câu về người mà nàng hằng nhung nhớ:

“Năm nay chắc Huy Khang sẽ học lại đệ tứ phải không Cường?”

“Có lẽ thế, nhưng anh nghe chú Võ Tắm nói sẽ đưa Huy Khang cùng với nhỏ Khả Thúy, người yêu mới của Khang vào cứ để huấn luyện một thời

gian. Khi gần thi sẽ cho ra ngoài này học luyện thi.”

“Sao lại người yêu mới hờ anh?” nàng bàng hoàng và thắc mắc hỏi.

“Anh chỉ nghe Huy Khang nói thế vì hình như trước đó Huy Khang định yêu một người khác nhưng vì mặc cảm thi rớt nên thôi.”

Khánh Loan thở dài và cay đắng trong lòng vì thời gian qua nàng vẫn nuôi hy vọng Huy Khang sẽ chờ gặp lại nàng khi năm tới Huy Khang thi đậu và cùng ra Đà Nẵng học tiếp như nàng hiện nay. Nàng không ngờ mỗi tình nàng ấp ủ giờ đây tan vỡ. Tình yêu đơn phương ấy nàng ấp ủ đã lâu chưa nhĩ? Mới nửa năm nay hay đã qua nhiều kiếp? Nàng tự hỏi vì tiếng chuông thu không vừa rồi đã xóa bỏ ý thức của nàng về thời gian. Và hiện tại hay kiếp này chỉ có Mạnh Cường đang hiện diện trước mặt nàng.

Nhưng để tự an ủi, nàng nhớ lại câu mẹ nàng thường nói mỗi lần Huy Khang phá phách hai chị em, “Hai con đừng thèm chơi với thằng Khang xấu nết đó. Đừng bao giờ thèm nhìn mặt nó, bây giờ cũng như sau này, nhớ đấy...” Mẹ nàng nói với vẻ mặt rất nghiêm trọng vừa đủ để truyền lại cho hai con gái mình thái độ thù ghét và xa lánh anh ta. Và không hiểu sao bất chợt nàng hỏi Mạnh Cường:

“Lâu nay chị Dung em có gửi thư cho anh không?”

“Không, nhưng tại sao lại phải gửi thư cho riêng anh?”

“À, em chỉ hỏi vậy thôi vì thấy chị ấy rất quý bạn bè.”

“Nhiều khi chị Dung còn phải tập trung vào việc học. Chị ấy có tiếng là chuyên cần.” Mạnh Cường đáp lại, cố ý gọi Khánh Dung bằng chị.

Bây giờ hai người đã đi qua cái cổng nhỏ bằng gỗ nối liền hậu viên với một vườn nhãn. Mặt trăng trước rằm đã mọc và soi bóng hai người. Qua cổng được mười bước, Khánh Loan hỏi:

“Đàn ông dễ có người yêu mới quá hả anh?”

“Việc đó còn tùy người, không phải tất cả đều như thế. Sự chung thủy là một việc quan trọng trong hôn nhân.” Mạnh Cường lặp lại một công thức có sẵn.

“Vậy anh sẽ chung thủy với người anh yêu chứ?”

“Anh quyết chung thủy với người ấy... Và anh cũng muốn nói với người ấy như thế.”

“Người ấy là ai vậy anh, cho em biết đi?”

“Không được đâu, điều tối mật...”

“Em xin anh đấy, không em giận anh luôn.”

“Thôi được, người ấy chính là em.”

“Anh nói gì?”

“Anh nói anh yêu em từ lâu nhất là khi gặp nhau ở đây và chiến đấu bên nhau cho một mục đích chung của phong trào Phật giáo. Nhưng có vẻ em không yêu anh?”

“Em cũng yêu anh từ lúc anh và em sát cánh bên nhau vì đại cuộc.” Khánh Loan nói luôn không cần suy nghĩ nhiều và nói theo cảm xúc mới phát sinh hiện tại, trong kiếp này, ở giữa lòng mình vì nàng nghĩ rằng Mạnh Cường chân thật; chuyện chị nàng yêu chàng chỉ là tình cảm một chiều. Và lại, nàng nghĩ với nhan sắc của chị Dung, hẳn chị ấy sẽ mau chóng có một bạn trai khác trong hai năm học ở Huế. Nàng nghe nói trai Huế cũng đa tình không thua gái Huế. Nàng nói tiếp:

“Em chỉ hơi ngần ngại vì biết đâu một lúc nào đó, anh lại nói sắc sắc không không như trong kinh Phật, lúc đó em có mà cũng như không có và cũng chẳng còn chỗ đứng nào trong trái tim anh.”

“Trời ạ, việc anh tu hành này chỉ để làm công tác chính trị chứ đâu phải để theo chánh pháp diệt dục, xa lìa nhân thế và quên cả việc yêu em. Anh xin hứa lại một lần nữa sẽ luôn yêu em. Đến ngày chiến thắng anh sẽ cưới chiếc áo nhà sư để chính thức cưới em làm vợ. Em tin anh chứ?”

“Vâng em tin anh và em chờ đợi vì em cũng rất yêu anh.”

Rồi họ dừng lại dưới một gốc cây rậm rạp vuốt ve và hôn nhau. Đôi mắt lá rậm của nàng khép lại để đôi cánh mi hạ thấp khi đôi môi chàng nút lấy môi hình trái tim của nàng. Nàng phải tỏ ra đã yêu chàng từ lâu; nàng nghiêng người trong vòng tay chàng ghì chặt như ngọn lửa nghiêng theo chiều gió. Lúc đó một bàn tay chàng đặt ngang eo còn bàn tay kia bấu lấy hông nàng. Cảm xúc này dường như đã đánh thức niềm khoái cảm rất mạnh trong lòng nàng. Sau đó hai người nói thêm một vài câu chuyện rồi trở lại chùa. Khi về đến nhà bà nội, Khánh Loan thấy đồng hồ chỉ mười giờ tối.

Khoảng tháng 3 năm 1966, những cuộc biểu tình của Phật giáo bắt đầu nổ ra ở Đà Nẵng. Một bầu không khí sôi sục khắp thành phố, lần này cuộc đấu tranh có sự tham gia của một số lực lượng quân đội cộng hòa trong thành phố. Mặt khác các lực lượng của Mỹ đóng tại Đà Nẵng phần lớn là thủy quân lục chiến cảm thấy mình bị đe dọa vì biểu tình có thể ngăn cản kế hoạch hành quân của họ. Vả lại lực lượng này đã bị dân chúng chống đối ngay khi đổ bộ vào Đà Nẵng.

Ngoài ra một vài sĩ quan trong MACV (Bộ chỉ huy cố vấn quân sự Mỹ tại VN) cho rằng VC có thể lợi dụng sự biểu tình để phá hỏng những chiến thuật mới nhằm đương đầu hữu hiệu hơn với các đơn vị của Mỹ. Ở Sài Gòn, tướng Kỳ cương quyết dùng quân đội để dẹp biểu tình ở Đà Nẵng và ở Huế, trong lúc tướng Westmoreland ủng hộ việc tướng Kỳ ổn định tình hình ở Đà Nẵng và ở Huế để bảo đảm kế hoạch tiêu diệt địch ở tiền tuyến và bình định nông thôn..

Những ngày sôi sục ấy, Khánh Loan luôn sát cánh bên Mạnh Cường. Phần nàng luôn mặc hai áo đem theo nước, khăn ướt, chanh vì có thể chống lại khói cay. Họ cầm biểu ngữ tiến lên, vung nắm tay hô to khẩu hiệu. Tình yêu tuổi trẻ đã liên kết họ trong cuộc đấu tranh này và tăng cường sức mạnh cho họ. Những khẩu hiệu đòi các tướng lãnh phải từ chức nhường chỗ cho một chính quyền dân sự, tự do tôn giáo cho đạo Phật, và ngừng chiến để tìm kiếm hòa bình v.v...

Hầu như các chùa, các chốt giao thông đều có Phật tử và học sinh trấn giữ, họ hô khẩu hiệu và phát ra những lời kêu gọi. Khí thế rất mãnh liệt, rất thần thánh mà một tập thể và một lý tưởng có thể nâng họ lên cao như thế. Sức mạnh đó còn được nhân lên bởi cả một phả hệ trong truyền thống, khi các phần tử tham gia đấu tranh đã đưa cả bàn thờ tổ tiên và bàn thờ Phật xuống gần chận và phong tỏa các con đường. Đế quốc Mỹ và bọn tay sai hãy coi chừng. Liệu hồn thì rút mau cho rảnh.

Trong lúc biểu tình bên nhau, thỉnh thoảng Khánh Loan nhìn Mạnh Cường âu yếm, rồi nàng liên tưởng đến dòng máu ‘anh hùng’ đang chảy trong huyết quản của họ. Hai người cha của họ đều chết trong lúc đang kiên

cường chiến đấu quả là một gương sáng ngồi trong lòng họ. Hỡi những tên Mỹ sài lang và tay sai của chúng mày, các người sẽ phải chết vì tội ác của các người đối con cháu Lạc Hồng. Việt Nam là chiến trường cuối cùng của các người, là mồ chôn của chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới. Sau Việt Nam và thêm một bước nữa, hết thảy nhân loại sẽ tiến đến thế giới đại đồng theo như lời Marx nói, một thiên đàng đã bị các tôn giáo đánh cắp và đưa từ mặt đất lên tận cõi cao xanh khiến con người phải bị vong thân. Phải, hôm nay là cơn hấp hối của các người.

Trong một phút xuất thần, Khánh Loan đã cảm thán như thế và mắt nàng nhòa lệ bởi hạnh phúc sắp đến cho toàn thể nhân loại làm hình ảnh của Mạnh Cường trong mắt nàng nhòa tan trong một thứ hào quang thần bí.

Sáng ngày 15 tháng 5 năm 1966, hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến của Quân lực VNCH cùng hai tiểu đoàn nhảy dù tức các lực lượng tinh nhuệ của quân đội nhảy xuống phi trường Đà Nẵng, tức tốc phân tán ra toàn thành phố. Họ dẹp các bàn thờ lên lề đường, chiếm Bộ Tư lệnh Quân đoàn I và nhiều địa điểm chiến lược trong thành phố. Vì không chắc tướng Đính có trung thành hay không nên ông Kỳ đã cho Trung tướng Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên lần này đứng chỉ huy dẹp yên cuộc nổi dậy của Phật giáo.

Các đơn vị dẹp loạn được đưa từ Vùng 2 đến xâm nhập thành phố và hiệp đồng cùng các đơn vị và đảng phái còn trung thành với chính phủ đã khiến cho có một số vụ chạm súng ở nhiều nơi. Lực lượng nổi dậy chống trả bằng súng hoặc bằng lựu đạn.

Hình như lực lượng của Mỹ tại Đà Nẵng cho rằng người dân biểu tình đòi dân chủ là chính đáng và họ không can thiệp chỉ muốn tình hình ổn định để thực hiện chiến lược tiêu diệt VC và bình định nông thôn của họ. Thế nhưng sau cùng họ bị kẹt làm trái độn giữa hai phe ủng hộ biểu tình và chống biểu tình.

Ngày 18 tháng 5 chốt chặn đề kháng của Mạnh Cường và Khánh Loan bị dẹp tan. Một viên đạn sượt vào vai của Mạnh Cường làm rướm máu. Hai người phải bỏ chạy băng đồng vào vườn nhãn và trở lại chùa qua lối hậu viên. Sau khi hội ý với sư trụ trì, họ ở lại chùa đến ngày 23, Mạnh Cường

sẽ đến chiến đấu trong một lực lượng quân sự thuộc tiểu khu và sẽ được võ trang, sau đó cùng một vài anh em khác ra Huế hỗ trợ cuộc chiến đấu tại Huế mà theo dự đoán chắc chắn sẽ xảy ra. Phần Khánh Loan sẽ nhập vào lực lượng các chị em Phật tử ở trường Bồ đề làm công tác tuyên truyền và hậu cần. Mạnh Cường nhường phòng cho Khánh Loan và ra ngoài ngủ tạm ở hai bên chánh điện.

Tối ngày 19 tháng 5 trong giờ tụng kinh buổi tối có thêm phần cầu an cho “Bồ Tát Cứu Tinh dân tộc”. Khánh Loan mặc áo dài màu lam, Mạnh Cường mặc áo nâu tu sĩ ngồi bán kiết trĩ tụng trong cuốn kinh đang để trước mặt họ theo tiếng mỗ, tiếng chuông, tiếng khánh của một nhà sư. Trước giờ đi ngủ sư trụ trì cho kêu Mạnh Cường vào phòng ông. Sau khi Mạnh Cường ngồi xuống ghế gỗ, sư nói:

“Chú vào đây ăn cơm uống trà với sư.” Ông gọi Mạnh Cường bằng chú nghĩa là chú tiểu – một chú tiểu tu muôn.

“Vâng, con thỉnh giáo thầy.” Mạnh Cường nhập vai tu hành nói.

“Chú có biết ‘Bồ tát cứu tinh dân tộc’ mà hôm nay chùa làm lễ cầu an là ai không?”

“Dạ con biết, người đang ở trong căn nhà sàn ở Bắc Bộ phủ Hà Nội.”

“Đúng, hôm nay là sinh nhật của người nên sư có làm bài thơ đưa chú xem thử,” nói xong nhà sư đưa cho Mạnh Cường tờ giấy viết bốn câu thơ:

Người từ Phật pháp bao la,
Hóa thân cứu khổ Ta bà chúng sinh.

Tay người dẫn dắt toàn dân
Bình Tây sát tả, đạo vàng trở hoa.

“Sư thầy làm thơ hay quá,” Mạnh Cường nói, “Chỉ trong bốn câu đã gói ghém hết mọi sự nghiệp vĩ đại của người cho đời và cho đạo.”

Hai người “tu hành” sau đó vừa tiếp tục câu chuyện, vừa ăn cơm uống trà. Thỉnh thoảng Mạnh Cường nhai trúng miếng gừng trong cơm vừa cay vừa ngọt thì thích thú lắm. Họ đề cập đến một nhân vật mà họ không chỉ đích danh giống như những kẻ mê tín sợ nói ra điều cấm kỵ, như khi người ta tránh nói cái chết và thay bằng chữ ví dụ như “ly trần”, như “mệnh một” v.v. Và như một đồ hàng mã bên trong làm bằng tre đan, bên ngoài phất

giấy, con người thật của nhân vật ấy khá lắm có lẽ chỉ là khung tre, còn những giấy màu tươi đẹp dán ở bên ngoài chính là những ước mơ đầy tính hoang tưởng của họ. Trong những hoang tưởng ấy của nhà sư trụ trì, luôn luôn có ước mơ tái lập thời đại Lý Trần với Phật quyền và thế quyền là một (Đạo vàng trở hoa) ... Liệu có được không trong một xã hội đã ngày càng bị tục hoá nhất là những xã hội Tây phương và xu hướng toàn cầu hóa bắt đầu trỗi dậy?

Rồi nhân nói về thi ca, sư trụ trì nói:

“Thầy sở dĩ làm thơ hay là nhờ đã đọc thuộc lòng gần hết Truyện Kiều của ‘thiền sư’ Nguyễn Du. Cụ quả là một kỳ tài thi ca lại có Phật hạnh viên mãn.”

“Có một điều con thắc mắc là tại sao Thăng bán tơ hại gia đình Vương viên ngoại một cách độc ác như thế mà lại không có danh tính gì cả và lời vu cáo hại người ấy lại được quan án sát coi là đúng. Mặt khác Thăng bán tơ ấy lại không có trong danh sách ngày nàng Kiều mượn tay Từ Hải để trả oán?”

“Chú thắc mắc rất hay, nhưng qua điều này mới thấy Nguyễn Du thấm nhuần Phật pháp đến chỗ thương thừa.”

Sư trụ trì ngừng lại, hớp chậm rãi một ngụm trà sen, đặt tách vào đĩa lót tách rồi nói tiếp:

“Thăng bán tơ vô danh vì hắn chỉ là thủ phạm thừa hành. Thủ phạm chính hay thủ phạm tác hành trong vụ bắt giam và tra tấn Vương ông chính là nghiệp báo gồm hai phần cộng nghiệp và tự nghiệp của Vương ông và của nàng Kiều. Vì thế nếu Kiều trả oán hắn không phải là trả oán chính mình sao. Ngay cả việc nàng Kiều trả oán Tú bà, Bạc bà Bạc Hạnh ... cũng khiến nàng mắc thêm nghiệp xấu mà mãi đến sông Tiền Đường mới gột sạch.”

Mặc dù không chấp nhận cái vô lý và vô trách nhiệm ấy của nghiệp báo, nhưng vốn cho rằng niềm tin trong Phật giáo là tin-theo trên nền tảng một định đề: “Các giá trị truyền thống luôn luôn đúng” mà không cần suy nghĩ vì suy nghĩ là còn lẫn lộn trong tục đế, chưa đạt đến chân đế nên Mạnh Cường tán thán:

“Hôm nay con mới thấy chủ ý và dụng công của cụ Nguyễn Du thật tuyệt

vời và chỉ có bậc thiên tài như cụ mới đạt đến trình độ nghệ thuật và pháp hạnh như thế.”

“Phải, pháp hạnh ấy của cụ tỏa sáng giữa một thời buổi nho giáo suy tàn từ sau thời Hậu Lê. Ba cái nhân-trí-dũng của nhà nho đều không được cả ba: nhân thì bất trí, trí thì bất nhân, và dũng thì thành liều lĩnh. Còn trong cuộc sống bình thường hàng ngày, biểu hiện của liều lĩnh là cố chấp nơi kẻ sĩ và ngoan cố nơi kẻ vũ phu...”

Có một phút, Mạnh Cường tưởng sư trụ trì đang nói câu này về chính ông ta thì đúng hơn: một nhà sư bảo thủ và ngoan cố chứ không phải về nho giáo suy tàn. Trong lúc nhà sư nói tiếp,

“Thôi chú về nghỉ và hãy luôn nhớ rằng Phật giáo hôm nay tranh đấu để vực dậy đạo đức dân tộc, xây dựng lại một thời đại thái bình an lạc, có từ bi có trí huệ. Lúc đó Phật trị chứ không phải nhân trị như hiện nay.”

“Dạ con xin phép sư thầy về nghỉ.”

Nói xong Mạnh Cường cúi người đi ra thụt lùi theo đúng phép tắc. Rồi chàng đi qua hành lang đến nhà kho lấy chiếu mền để về chính điện ngủ nghỉ. Bên ngoài trời đã tối đen mờ ảo; ánh trăng non gợi trong lòng chàng một mối u hoài xa vắng, có một phút chàng cảm thấy lòng mình nặng trĩu như một nghiệp lực vô hình đè xuống tâm can. Trong nghiệp lực ấy có cả cộng nghiệp của “Bồ tát cứu tinh dân tộc” và “Pháp hạnh thượng thừa” của Nguyễn Du. Rồi như một tia chớp lóe lên trong đêm vắn vữa, Mạnh Cường tự nhủ, “Những kiến giải tối nay của sư trụ trì là do đâu: vô minh hay trí huệ?” trong lúc chàng vẫn nặng nề bước đi trong bóng tối.

Phần Khánh Loan trước khi về phòng nàng đã đi tìm Mạnh Cường để trao đổi một vài câu chuyện, một chú tiểu để tóc ba vá cho nàng biết chàng đang hầu trà sư trụ trì nên quay về giường nằm đợi. Trong lúc đầu óc lơ mơ sắp đi vào giấc ngủ nàng thấy có bóng ai đẩy cửa bước vào. Cái bóng ấy mờ ảo như khói sương, nhưng nàng cũng nhận ra một lão già có râu, mặt như mặt cáo áo cời nút để lộ bộ ngực, và nếu nàng không lăm phía sau vạt lộ ra một cái đuôi chồn vừa dài vừa dày lông.

Mọi vật trở lại im lặng và một nỗi sợ hãi như một luồng điện lạnh chạy dọc theo sống lưng, thế nhưng nàng vẫn tự hỏi để trấn an:

“Làm gì có ma quỷ trong chốn không môn này. Trước cửa chùa đã có hai vị hộ pháp trấn giữ còn ma quỷ nào dám bén mảng vào đây.”

Nhưng nàng quên một điều là khi loài người không còn kính ngưỡng thần minh, thì ma quỷ cũng không còn sợ cửa thiền. Và lại bọn chúng rất thích đến những nơi trống rỗng và sạch sẽ như chốn không môn này. Bỗng nàng thấy có vật gì rất nặng như một khối gỗ to đè lên người nàng cùng với một âm thanh của một lão già xa xăm và ma quái:

“Ta và nàng cùng vui vẻ tí nhé.”

Lúc đó chân tay nàng tê cứng không thể vùng vẫy để xô khối nặng vô hình ra khỏi người nàng. Mồ hôi nàng toát ra như tắm, miệng nàng ú ớ không nói được câu nàng định nói: “Buông tôi ra đừng dâm loạn như thế.” Nàng tiếp tục ú ớ trong lúc khúc gỗ tiếp tục đè nàng.

“Nếu nói như cô em thì các vua chúa Á Đông đâu cần đến đền tam cung lục viện. Và lại ta là cốt-tinh của một lãnh tụ xứ này. Hôm nay đến dự lễ cầu an, thấy em mỹ miều, ta không thể bỏ đi mà không có chút kỷ niệm về em.”

“Ông im đi ...ông tha tôi đi,” sau mấy tiếng đó Khánh Loan lại ú ớ, không thốt thành lời.

Lúc đó Mạnh Cường đi ngang qua cửa phòng nghe thấy tiếng Khánh Loan ú ớ, anh tò mò bước vào vì thấy cửa mở. Khi vặn ngọn đèn dầu lên chàng biết ngay Khánh Loan đã bị mộc đè. Chàng ngồi xuống cạnh giường, gọi tên nàng và lay mạnh vai nàng đồng thời lau những giọt mồ hôi trên trán. Mấy giây sau miệng nàng hết cứng, nàng thều thào mấy tiếng: “Em bị ma đè.” Chàng gật đầu và nói, “Anh đã biết rồi.” Sau đó chàng rót nước nấu chín từ chai thủy tinh ra ly, đỡ nàng ngồi dậy uống. Nàng lại nói:

“Em sợ quá, hay là anh ở lại với em đêm nay và mai xin nhà chùa cho em đổi sang phòng khác.”

“Ừ cũng được anh sẽ ngủ tạm dưới đất, cạnh giường này.”

Nói xong Mạnh Cường quay ra lấy gối mềm mà chàng đã để trước cửa khi bước vào phòng. Rồi chàng chợt nhớ ra rằng bóng đè hay mộc đè có khi chỉ là ảo giác lúc sự lưu thông của máu bị cản trở. Sau khi trải xong chiếu dưới sàn nhà, chàng đề nghị xoa bóp hai tay và hai chân nàng từ giữa đùi xuống bàn chân. Nửa giờ sau một người nằm trên giường một người nằm

dưới đất chờ giấc ngủ đến.

Thế nhưng Khánh Loan giờ đây cảm thấy phấn chấn và sung mãn vì máu huyết đã lưu thông. Nàng cảm thấy một nỗi xúc động căng thẳng và bất an. Cùng với nỗi bất an ấy, nỗi sợ hãi lại hiện ra. Nàng tuột xuống khỏi giường nằm cạnh chàng nói nhỏ trong hơi thở gấp:

“Anh ôm em ngủ em mới hết sợ.”

Mạnh Cường cũng đã xúc động từ lúc xoa bóp đôi chân thon dài và đẹp như trụ ngọc của nàng, thì thầm đáp lại:

“Ừ để anh ôm em.”

Bộ ngực dậy thì của nàng chạm vào người chàng và bờ hông nàng áp sát vào hông chàng. Sự gợi dục này rất tự nhiên và cũng rất hiệu quả. Bàn tay chàng bắt đầu dạo chơi trên thân thể nàng từ bờ vai thanh mảnh tới đôi hông tròn mẩy rồi từ từ tiến ra phía trước háng. Một lúc sau, Mạnh Cường đóng vai ‘cái bóng’ đè lên người nàng lúc họ đã trần trụi, chàng đi sâu vào nàng ở nơi ấm áp và ẩm ướt giữa háng. Môi chàng nhả hôn hít môi nàng rồi kéo dài xuống cái cổ thon dài và hớp lấy bộ ngực như hai quả núi sinh đôi vừa săn chắc vừa mềm mại, trong lúc vẫn nhịp nhàng với động tác ngựa phi, cả hai cùng rên rỉ theo động tác ấy, giữa cảnh chùa đêm tịch mịch. Tàn cuộc họ nằm trần trụi ôm ấp nhau. Bấy giờ cái bóng ma của lão già ma mộc mới đến nằm phía dưới bốn bàn chân sau khi tách rời thân xác của Mạnh Cường như một âm bản phim, khuôn mặt hân hoan không có vẻ gì giận dữ. Lão còn tự nhủ:

“Cặp này cùng phá hệ với mình nên mình tranh thủ được. Con nhỏ đó bày đặt này nọ, nhưng rồi đâu cũng vào đó. Đã thật! con nhỏ này hôm qua còn trinh, hôm nay hết rồi.”

Gần sáng sau khi làm tình thêm một lần nữa, Mạnh Cường lặng lẽ ra khỏi phòng đến nằm bên hông chính điện. Theo sau chàng mấy giây từ phòng có một cái bóng trắng của một con thú bốn chân chạy ra băng qua sân chùa vào hậu viên và biến mất. Đó là con Hồ Ly ngàn năm ở núi Hường Lãnh tạm ẩn trong một cái hang ngoài chùa, chờ đến đêm sẽ quay lại.

Ba hôm sau, hai bạn trẻ đêm nào cũng lại gặp nhau trong phòng ấy để quần

thảo và trao cho nhau niềm hạnh phúc cuồng say mà họ nếm hưởng như hình bóng và tiền vị của hạnh phúc họ nghĩ sẽ đem đến cho mọi người qua cuộc đấu tranh của họ. Riêng Mạnh Cường tự cho mình được sự hưởng thụ tuyệt vời ấy là do một thiện nghiệp nào đó của chàng trong kiếp trước, một món nợ mà kiếp trước Khánh Loan đã vay chàng nên ngày nay phải trả. Tóm lại chỉ có nghiệp báo và khoái cảm mà không có chỗ cho ngã vị và tình yêu. Cả ba đêm đều có lão ‘ma mộc’ là ‘con Hồ Ly’ đến tham gia về phía Mạnh Cường trong cuộc chơi ấy nhưng cả Mạnh Cường và Khánh Loan đều không hay biết.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương 8
Chú út Nghĩa và bạn

Sáng ngày 23 tháng 5, sau một đêm hoan lạc man dại và rã rời với Khánh Loan, Mạnh Cường lên ra ngoài thành phố đón xe trên quốc lộ ra Huế. Xe qua mấy trạm gác nhưng không lính gác nào thắc mắc việc một học sinh chạy loạn ra khỏi thành phố. Cũng sáng đó, dù xương háng bị ê ẩm và dư vị lạc thù còn làm tê dại toàn thân, Khánh Loan đã len lỏi đến trường Bồ Đề để tham gia nhóm phụ nữ phản chiến.

Đang ngồi gà gật trên băng xe, Mạnh Cường bỗng chú ý một đôi thanh niên ngồi phía trước cách hai băng ghế và chàng đã không lầm. Đó là Huy Khang đi với Khả Thúy, nay đã là người yêu của Khang, đã hiến thân mình cho Khang từ mấy tháng nay. Họ được lệnh của Võ Tẩm từ làng Rí ra Huế để động viên và tham gia nổi loạn ở Huế sẽ nổ ra như ở Đà Nẵng. Qua khỏi đèo Hải Vân, Mạnh Cường bước giữa hai hàng ghế để hỏi han em họ con dì Đông của chàng. Hai anh em vừa vui mừng vừa bất ngờ. Mạnh Cường cũng được Huy Khang giới thiệu Khả Thúy là bạn đồng hành. Mạnh Cường nhận thấy lúc này Khả Thúy đẹp hơn trước, thân thể nẩy nở hơn nhờ có hơi hướm của đàn ông. Rồi Mạnh Cường trở lại chỗ ngồi chờ đến bến xe thành nội để tiếp tục câu chuyện không tiện nói trên xe. Khi xe qua khỏi núi Bạch Mã, Khả Thúy ngả đầu vào vai Huy Khang ngủ gật, đôi lông mi dài khép lại, mái tóc rối tung trong gió, vẻ mặt trông rất man dại.

Một giờ sau xe vào bến đò, ba người tìm một quán vắng có vườn cây để nói chuyện. Huy Khang nói:

“Chú Võ Tẩm sai tụi em đi Huế để tham gia cuộc tranh đấu trong hàng ngũ Phật giáo không ngờ gặp anh ở đây. Còn anh ra Huế có việc gì không, có phải anh đi thăm Khánh Dung không, hình như chị ấy đã yêu anh.”

“Không, mặc dù anh rất muốn: lúc này anh tạm gác việc đó qua bên,”

Mạnh Cường đáp trong lúc tự nhủ, “Chà hoa thơm đánh cả cụm, cả em lẫn chị, cũng tốt đấy chứ,” rồi nói tiếp, “Sư thầy cũng sai anh ra hỗ trợ cho Phật tử ở Huế trong cuộc đấu tranh rồi đây cũng sẽ nổ ra.”

“Sao anh vẫn ăn mặc như người thường?”

Khả Thúy này giờ ngồi kế bên Huy Khang, thỉnh thoảng nghiêng người nắm lấy cánh tay của Huy Khang nhìn anh này say đắm, cô nói chen vào:

“Nhìn anh Cường không ai biết anh là nhà sư. Người ta sẽ nói anh là kếp độc trong cái lương.”

“Không, em nói bậy rồi, anh sẽ đấu tranh với tư cách một nhà sư. Tối nay anh sẽ cạo trọc đầu và mặc áo tăng. Sư thầy nói mặc áo tăng sĩ, đi xe đồ trong lúc này để bị lính quốc gia ở Đà Nẵng giữ lại.”

“Nhưng anh phải luôn ý thức rằng mình không phải là người của Giáo hội Phật giáo. Trước khi đi chú Võ Tẩm đã phân tích tình hình rất rõ cho em nghe,” Huy Khang nói.

“Chú ấy phân tích như thế nào?” Mạnh Cường hỏi.

“Chú ấy nói tham vọng của Phật giáo trong tay nhà sư Trí Quang lúc này là muốn dành lại cho Phật giáo vai trò lãnh đạo miền Nam mà từ ngày ông Diệm về nước chấp chính đã lọt vào tay công giáo (tức ‘tả đạo’?!). Ít nhất với cuộc đấu tranh hiện nay, Phật giáo sẽ giành được một thế chân vạc giữa Sài Gòn và Hà Nội để đại diện tiếng nói của toàn dân tộc (theo cách hiểu của PG, với 98% là Phật tử) trong việc tìm kiếm và tái lập hòa bình, buộc Sài Gòn và Miền Bắc phải thương thảo với nhau. Phật giáo có sự tự tin ấy vì vô thức văn hóa đã mách bảo rằng tiếng nói của họ sẽ được đa số dân chúng miền Nam đồng tình, trong lúc họ không nhìn thấy một động lực mạnh mẽ hơn là họ có cùng phả hệ với ý thức hệ CS. Một khi hòa bình tái lập với vị thế đó, PG sẽ chủ động chọn đường lối chính trị sau này cho dân tộc – có lẽ không CS cũng không tư bản – vì PG đều coi đường lối chính trị miền Nam và miền Bắc đều là ngoại lai, nhất là Sài Gòn là tay sai của cả hai đế quốc Mỹ và Vatican, trong khi Hà Nội tuy theo ý thức hệ của Trung Cộng và Nga sô nhưng luôn bảo vệ chủ nghĩa yêu nước (?) và hai nước đàn anh đều là bạn hữu tốt của miền Bắc (?!).

“Sự tự tin này của Phật giáo hơi quá đáng và rất chủ quan vì tập đoàn lãnh đạo miền Bắc phần lớn là con cháu Văn Thân thế mà bây giờ họ đã cho đập phá đình chùa miếu mạo ngoài đó theo đúng chủ nghĩa Mác-lê thì dân tộc và Phật giáo đáng xá gì với họ. Chú Võ Tẩm cho rằng cách suy nghĩ đó của Phật giáo là rất trịch thượng, kiêu căng với cả Hà Nội nên chú ấy gọi mấy ông sư tranh đấu là bọn ‘kiêu binh đầu trọc’. Tuy nhiên chú ấy lại nói, ‘Lúc này bọn kiêu binh ấy cũng làm được nhiều việc cho đảng ta.’

“Nhưng khi tạo ra một thế chân vạc mới,” Huy Khang kể tiếp lời giảng giải của Văn Tẩm, “mà PG gọi là thành phần thứ ba hoặc một danh xưng nào khác, thực tế họ phải rút bớt nội lực của miền Nam và làm miền Nam suy yếu: Đảng ta chỉ tranh thủ điều này nhưng dứt khoát không cho PG trở thành một lực lượng chi phối đường lối của đảng. Mục tiêu của đảng vẫn là mở rộng biên địa của chủ nghĩa CS từ Mạc Tư Khoa qua Bắc Kinh đến Hà Nội vào Nam, nghĩa là vẫn phải chiếm trọn miền Nam để thống nhất và đảng sẽ lãnh đạo cả hai miền Nam-Bắc, kết thành một chuỗi với hai nước đàn anh bao vây chủ nghĩa đế quốc tư bản toàn cầu”

“Vậy phải chăng anh em mình giúp PG đấu tranh trở thành một thế lực lãnh đạo trong Nam chủ yếu là để làm suy yếu miền Nam nhưng dứt khoát ta không làm cho PG lớn mạnh đủ để chống lại hoặc chi phối đảng ta?” Mạnh Cường hỏi.

“Đúng, chú Võ Tẩm có dùng hình ảnh Sài Gòn là một cái cây to chắc, ta giúp cho một cây cỏ-thụ-tầm-gửi khác được mọc sát bên, vừa chia bớt chất nuôi cây trong đất, vừa hút bớt nhựa non của cây-Saigon để cây-Sài Gòn bị teo tóp, đó là chưa nói vô số con sâu ‘phản chiến’, ‘chủ bại’, ‘quy hàng’, ‘yếm thế’, ‘hường lạc’ từ cây tầm gửi sẽ bò qua cây-Sài Gòn kia cắn phá, lúc đó ta sẽ dễ dàng cưa nó thậm chí với cái cưa cùn nó cũng đổ. Để kéo cây về làm củi ta cũng sẽ chặt luôn cây tầm gửi. Lúc đó giấc mộng chi phối toàn Miền Nam của Phật giáo để thương thuyết với Hà Nội sẽ tan thành mây khói.”

“Chú Võ Tẩm còn nói thêm gì không?” Mạnh Cường hỏi.

“Chú ấy nói phong trào Phật giáo nổ ra đúng lúc, vì ta đang thất thế ở khắp các mặt trận. Nhờ có PG nổi lên vì tham vọng muốn lãnh đạo Miền Nam mà lực lượng của ta sẽ gượng dậy và sẽ chiến thắng. Chú ấy kết luận mệnh trời đang phù hộ cho đảng ta vì với Phật giáo nổi dậy, miền Nam đang tự đào hố chôn mình. Và anh em chúng ta phải nhớ mình đang chiến đấu cho đảng chứ không phải cho Phật giáo”

Lúc ấy có một con chim bồ câu vỗ cánh bay ngang qua quán kê lên mấy tiếng như muốn góp lời, “Không phải là mệnh trời đâu, mệnh quý đấy. Các người đang ngạo nghễ thách thức Đấng Tối Cao khi giờ Ngài chưa đến,” cùng lúc, nó ĩa trên mặt bàn một bãi phân to bằng hạt bắp nửa trắng nửa đen, trong khi Khả Thúy hỏi:

“Sau này khi đảng ta chiến thắng, hân anh sẽ trở thành một Hòa thượng phục vụ cho đảng?”

Mạnh Cường khẳng định với giọng điệu đại ngôn và hoang tưởng:

“Không hân thế đâu, các em cứ yên chí đi, anh không tin vào ông Phật huống hồ là Giáo hội rất tự mãn bởi bề dày truyền thống của nó ở Việt Nam. Tới ngày đó, các em sẽ thấy anh sẽ mặc áo bốn túi, phì phà điều thuốc xì-gà Cuba hoặc nhâm nhi ly rượu Vodka bên cạnh chị-Dung-của-hai-em.”

Mạnh Cường cười đắc ý vì đây là lần thứ hai anh chàng biết được Khánh Dung đã thầm yêu mình trước ngày ra Huế trọ học. Mạnh Cường nói tiếp trong lúc Khả Thúy và Huy Khang cùng nhìn nhau cười duyên:

“Trong chùa anh biết sư trụ trì không bao giờ tiếp người nghèo, ông chỉ tiếp người giàu sang phú quý. Có lần anh lân la đến gần hai chú tiểu quanh năm ở nhà bếp và nhà kho làm việc quần quật ít khi được nghe thầy giảng kinh để hỏi lý do sư trụ trì xa lánh người nghèo. Một chú tên Giải nói:

“Sự đời cũng thế, người ta ‘Phù thịnh chứ mấy ai chịu phù suy’, nếu gia đình tụi em giàu có, thăm viếng quà cáp cho sư thầy nhiều, tụi em đâu vất vả như vậy.”

Chú kia tên Đãi nói:

“Nhưng thầy cũng theo đúng Phật pháp chứ bộ...” hai chú tiểu Giải và Đãi

quên sự có mặt của anh quay ra cãi nhau.

“Sao gọi là đúng?”.

“Này nhé: Giàu sang thiện nghiệp có dư/ Nghèo hèn ác nghiệp khư khư theo mình, Chú Đãi nói, còn nếu lấy lẽ sắc-không mà nói thì người giàu sang là sắc sắc, không không, SẮC; còn người nghèo khó là không không, sắc sắc, KHÔNG. Chú thấy chưa, người giàu sang thì sắc tiền, sắc bạc lấp lánh, còn người nghèo là không có gì hết hoặc có không-tính-đen-thui như nhọ nồi đừng hòng diện kiến sư thầy.”

“Phật pháp đâu phải vậy chú,” chú Giải nói.

“Phật pháp không phải vậy mà thực tế là như vậy,” rồi chú Đãi ngâm mấy câu thơ khẩu khí:

Sư nghèo không kiến bích toạ thiền

Bếp núc nhà chùa nấu với chiêm;

Tất bật nhọ nồi thành râu rậm,

Mới hay không tính đã hiện tiền

Nghe Mạnh Cường kể lại chuyện trong chùa, Khả Thúy và Huy Khang đều nhăn mặt cười hỏi:

“Làm sao anh thuộc bài thơ này vậy.”

“À, anh mượn cuốn vở đầu tiên của thi phẩm Loạn thiền thi tập của chú Đãi chép lại mấy bài để đọc chơi nên thuộc. Nhiều bài cũng có ý vị mỉa mai và thâm trầm lắm.”

Cuối cùng, Huy Khang thông tin một vài chuyện gia đình cho anh họ: Võ Tầm đã chính thức lấy dì Mỹ Xuân làm chồng thứ ba của dì. Trước đó họ đã ăn nằm với nhau mà Huy Khang thường bắt gặp. Những lần như thế, cảm xúc ghen tương làm Huy Khang lồng lộn ra sau vườn tự đập đầu vào một thân cây cau để hành xác.

Trong số các khách mời đám cưới có mấy người hoa kiều, buôn bán ở chợ huyện. Thì ra Võ Tầm gốc người Hoa ở tỉnh Phúc Kiến. Chú ấy có một người anh ruột theo Mao Trạch Đông, xếp thứ 49 trong số 50 người đứng đầu đảng CS Trung quốc. Võ Tầm không sợ dì Mỹ Xuân sát phu vì chú ấy khoe rằng mình biết cách dùng dịch lý để hóa giải cái độc chiêu của dì. Từ

ngày đám cưới, dì Xuân không còn buồn rầu nữa. Lại một điều là mẹ của Khánh Dung cũng từ giả nỗi buồn. Dì Mỹ Xuân nói bạn Ngọc Thu của dì ấy cũng đã gá nghĩa với một cán binh ngoài Bắc nào đó trong cứ trên núi đẹp trai và chưa vợ, đúng là tình Bắc duyên Nam. Dĩ nhiên cái tin rở tai ấy không đúng, bởi không ai nghĩ một anh khờ như Đức Lai lại có được một tình yêu kỳ ngộ.

Rồi họ chia tay, Huy Khang và Khả Thúy đi về hướng Đông Ba, còn Mạnh Cường đi về chùa Từ Quang.

Ba ngày sau trong một cuộc họp đại trà ở một nơi bí mật của đội “Phật tử Quyết tử” do Nguyễn Đắc Xuân thành lập, Huy Khang và Khả Thúy gặp lại Mạnh Cường trong bộ áo tăng sĩ, đầu cạo láng bóng, nhưng họ làm như không quen biết trước. Hôm đó Khánh Dung từ trường sư phạm cũng đến dự họp với một bạn trai. Trong giờ giải lao, Khánh Dung đến gặp Huy Khang và Khả Thúy nhưng chỉ để hỏi thăm tin nhà. Có một lúc Khánh Dung nhìn Khả Thúy với ánh mắt khó hiểu. Hình như ánh mắt đó biểu lộ sự ghen tương và khinh bỉ. Nàng không nhận ra Mạnh Cường với cái đầu trọc. Khi được Huy Khang cho biết điều đó, nàng cũng không buồn đến chào anh ta, nhưng luôn theo sát người bạn trai đồng hành.

Buổi họp hôm ấy có đủ những gương mặt Phật giáo ‘tả khuynh’ như Lê Tuyên, Lê Văn Hảo, Hoàng Phủ Ngọc Tường, H.P. Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Khiêu, Nguyễn Thị Đoan Trinh con thầy giáo Nguyễn Đoá dạy trường Bồ Đề. Thật ra họ đã giết chết Phật (Phật tử/ tử=chết) trước, rồi mới quyết tử sau (quyết tử: định cho người khác phải chết). Hai năm sau đó chính họ sẽ là con cò, kẻ chỉ điểm hay kẻ mượn tay VC tàn sát hơn 6.000 người dân Huế vô tội trong Tết Mậu Thân, và một cách gián tiếp họ cũng đã nhúng tay vào máu dân lành. Thái độ của họ giống những kẻ giây máu ăn phần: họ là những trí thức (đúng hơn là ‘vô trí’) lưu manh mang danh Phật tử nhưng đã bán linh hồn cho kẻ dữ.

Trở lại cuộc nổi loạn ở Huế, nó nổ ra đúng ngày 1 tháng 6 năm 1966.

Trong lúc đó, cuộc nổi dậy ở Đà Nẵng vẫn tiếp tục. Kỳ nghỉ hè cuối năm học Khánh Dung và Khánh Loan không về làng Rí, Ngọc Thu biết hai con

mình tham gia phong trào Phật giáo. Lúc đầu nàng phấn khởi nhưng khi nghĩ đến câu chuyện mà Đức Lai nói với nàng những lúc họ gần nhau, nàng bỗng lo sợ cho hai con. Nếu mà chúng có mệnh hệ nào thì sao, chắc hẳn chúng cũng chỉ là những viên gạch lót đường cho một giai đoạn lịch sử. Đức Lai đã nói với nàng đảng ấy tài giỏi lắm, nhưng bá đạo như thảo khấu: thứ nhất là cướp chính quyền mà chính Đảng cũng đã công nhận, kể đó là cướp của người nhà giàu nhưng không chia cho nhà nghèo như đảng rêu rao, sau cùng là cướp của nhà nghèo để một mình Đảng giàu trên nỗi đau khổ của lê dân như đảng làm mà không nói. Một ngày nào đó Đảng này sẽ cướp cả nhân loại và cả địa cầu như câu thơ của một nhà thơ CS xứ Huế: Nhìn lại ngàn xưa, nhìn đến mai sau/ Trông trước trông sau trông cả địa cầu. Vâng, hành tinh xanh nhỏ bé này trong vũ trụ bao la sẽ nhờ đảng mà sau cùng sẽ trở thành một hành tinh đỏ. Hãy đợi đấy.

Ngọc Thu nhớ đến từng lời mà Đức Lai nói, “Khi một đảng trưởng đảng cướp lấy được hòm vàng của bọn nhà giàu, hẳn sẽ chia cho người nghèo chẳng? Không, hẳn chia cho đám lâu la trước và khi đến lượt vài thằng lâu la cuối cùng chưa nhận phần mình mà hòm vàng sạch bách, hẳn sẽ bớt phần của mình và của đồng bọn để chia cho mấy thằng cuối cùng ấy chẳng? Không, lần này đảng trưởng sẽ ra lệnh vơ vét của dân nghèo.” Nàng luôn nhớ từng lời mà Đức Lai nói. Chàng đã mở ra cho nàng thấy được mặt trái của nhiều điều và nàng đã yêu chàng bằng con người mới của nàng. Nàng thấy mình yêu chàng hơn ai hết, mà trời ạ, chàng đã từng bị gọi nhầm là Thằng Khờ hoặc Thằng Ngốc.

Nàng nhớ lại ngày xưa khi còn là thiếu nữ, có lần khi Ngọc Thu qua rú Mỹ Xuân, Mỹ Đông đi cấy lúa gặp Đức Lai giữa đường. Thấy có bóng con gái sắp đi qua nó leo tuốt lên cây xoài để tránh mặt. Ngọc Thu kể lại Mỹ Xuân sự việc đó, chị cậu ta nói: “Nó khờ và ngốc lắm Thu ạ, nhiều lúc mình thấy tội nghiệp cho em mình.” Bây giờ khi đã yêu nhau, nàng hỏi anh chàng tại sao đã làm thế. Anh chàng nói: “Lúc đầu anh úp mặt vào thân cây như con cù lần, nhưng khi em đi qua gốc cây, anh lại nhìn theo em miết như con diều hâu, cho đến khi không còn thấy bóng dáng kiêu diễm của em nữa”. Thế đấy và nàng đã yêu chàng vì ngoài tình yêu, họ còn trao nhau sự an ủi

trong tình cảnh bế tắc bị lừa phỉnh, tình cảnh mà chàng đã gọi là: trao duyên lầm tưởng cướp. Tâm cảnh nàng đầy ắp chàng và đầy nỗi nhớ mong: Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ/ Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai.

Hai mươi ba ngày sau tính từ ngày đổ bộ xuống Đà Nẵng, lực lượng chính phủ đã đập tan cuộc nổi loạn ở Đà Nẵng; những biến động ở đây đã chấm dứt nhưng cái giá phải trả khá cao: 150 người Việt Nam tử thương, cùng với 700 người bị thương và 23 người Mỹ bị thương. Có lẽ nhờ lời cầu trời của Ngọc Thu mà qua ba tuần biến loạn ấy, Khánh Loan vô sự nhưng cô bị bắt giam trong tiểu khu Đà Nẵng. Sau đó khoảng mười một ngày tức là ngày 19 tháng 6, thành phố Huế cũng được bình định. Theo những tin tức mà Ngọc Thu nhận được, Khánh Dung đã cùng một số sinh viên và giáo sư đấu tranh đã nhanh chân chạy trốn vào cứ, hình như có cả Mạnh Cường con của Mỹ Xuân.

Để giải thích sự vắng mặt của Huy Khang với những người tò mò trong làng, Mỹ Xuân theo gợi ý của Võ Tắm nói dối cháu nàng đã vào Nha Trang học luyện thi và trốn lính trong lúc Võ Tắm chạy giấy tờ hoãn dịch gia cảnh giả cho Khang để khoảng tháng tám Khang sẽ thi lại bằng trung học. Đó đúng là dự định ban đầu của Võ Tắm và trong lúc hăn đã nhận được giấy hoãn dịch gia cảnh của Khang trong tay thì hăn không ngờ Huy Khang và bạn gái Khả Thúy không trốn về làng Rí khi phong trào bị dẹp tan, như lời hăn căn dặn mà đã chạy vào cứ theo mấy giáo sư thân cộng. Võ Tắm không nhận ra rằng sau này Huy Khang không còn tha thiết với việc học lại nữa và rất muốn thoát ly theo cha và cậu Đức Lai. Hăn không biết rằng từ ngày Võ Tắm đến xum xoe, quyến rũ Mỹ Xuân, người phụ nữ duy nhất trong nhà, Huy Khang rất khó chịu vì cảm thấy ghen tức hờn dỗi chỉ muốn bỏ đi.

Sau ngày đám cưới của họ tâm trạng của Huy Khang càng tệ hại. Chính Huy Khang cũng không biết tại sao mình lại ghen tức với Võ Tắm, chỉ biết rằng từ ngày mẹ mình chết, dì Mỹ Xuân là người mẹ thứ hai của mình và Huy Khang không muốn mẹ-Xuân rơi vào tay người khác. Có lần giữa trưa hè khi quay về nhà, Huy Khang định cùng Khả Thúy lấy sách ra sau vườn

nhân học bài, anh chàng lại bắt gặp họ quần thảo trong buồng giữa cuộc âm dương giao chiến. Lần đó Huy Khang chạy ngay ra vườn kéo Khả Thúy vào phòng mình làm tình. Khả Thúy chiều theo ngay vì từ lâu đã muốn hiến thân cho người yêu. Huy Khang nhún nhảy trên người yêu lỏa thể nhưng đồng thời vẫn như đang nhìn thấy cảnh Văn Tắm cùng dì Mỹ Xuân hành lạc...

Huy Khang đã quan hệ tình dục với Khả Thúy một cách dửng mẫn và lịch lãm kể từ ngày đó. Buổi chiều khi thấy Võ Tắm nằm ngủ như chết trên võng bên hiên nhà, bèo nhèo như một cái mền rách không còn phong độ của một cán bộ tuyên huấn nằm vùng trong làng, trong lúc dì Mỹ Xuân vẫn cứ phơi phới trong bộ áo soie vừa mỏng vừa mát, Huy Khang lại thấy tội nghiệp chú Võ Tắm. Anh chàng thở dài tự nhủ, “Thế này thì dì Xuân của mình võ nghệ cao cường hơn hẳn, trước sau gì hẳn cũng đi theo dượng Văn Cắm. Nhưng cũng đáng đời cho hẳn đã cướp đoạt người dì khả ái của mình”

Tháng 9 năm đó, thiếu úy Huỳnh Hiến được điều về tiểu khu Đà Nẵng, phụ trách phòng tâm lý chiến cùng với một sĩ quan khác cựu học viên học trường Chiến tranh Chính trị Đà Lạt. Phần Tuấn Nghĩa được điều về Huế nơi Thanh Hiên, vị hôn thê của chàng học năm cuối cao đẳng sư phạm. Họ và gia tộc đôi bên đã định cuối năm ấy nhân kỳ nghỉ Tết họ sẽ về Đà Nẵng làm đám cưới và sau đó Thanh Hiên sẽ theo chồng ra lại Huế để dạy học.

Trong tuần lễ về nhà nghỉ trước khi ra Huế nhận nhiệm vụ, Tuấn Nghĩa nhận được hai tin buồn: anh Tuấn Nhon chết trong chiến khu và cháu gái Phương Loan đã bị bắt giam tại tiểu khu vì tham gia Phật giáo tranh đấu. Chàng vô cùng tức giận nói với mẹ và các chị:

“Tại sao mẹ và các chị không ngăn cháu Khánh Loan, để cháu bị những kẻ mượn danh Phật giáo làm chính trị lợi dụng.”

“Nếu chính trị đó nhằm đem lại cho dân điều tốt đẹp mẹ đâu thể ngăn nó được.”

“Bây giờ mẹ đã thấy nó tốt đẹp như thế chưa, nhưng cháu mẹ đang bị giam giữ, may mà nó cũng được lên lớp đệ nhị. Ngày trước anh Tuấn Nhon tham

gia Việt Minh, cha đã muốn ngăn anh ấy mà không được vì lúc đó anh ấy không muốn rời xa chị Ngọc Thu. Đến ngày cha chết, cha cũng không yên lòng. Nay anh ấy đã chết trong chiến khu, con mong rằng từ nay gia đình mình đừng dây dưa với phong trào sắt máu ấy.”

“Vậy ra con ghét anh hai con đến thế sao?”

“Trái lại con rất thương anh ấy. Nhưng con thử hỏi mẹ miền Nam có cần miền Bắc giải phóng không khi bản thân miền Bắc đã là một kẻ nô lệ một tay sai cho Nga Tàu. Còn nữa đáng lý ra con đã đi bộ binh hoặc không quân là những ngành mà con rất thích nhưng con sợ khi lâm trận, con và ảnh không thể không bắn nhau, nên con đã gia nhập ngành chiến tranh chính trị. Bây giờ sự lo xa của con trở nên vô ích.”

“Nhưng dù sao con và anh con cũng đã trở thành kẻ thù của nhau...”

“Sao mẹ cứ nghĩ con thù ảnh hoài vậy mẹ. Con không thù ghét ảnh nhưng con quyết không đi theo con đường lầm lạc của ảnh, bị một tập đoàn quyền lực lừa gạt và lợi dụng. Hồi cha sắp chết, cha căn dặn con điều đó. Cha nói, “Thầy vốn là nhà nho con cháu của một dòng tộc theo nho học ở đất Quảng Nam, lúc đầu thầy nghĩ mình cùng phả hệ với CS, nhưng chính những biến cố ở làng Rí làm thầy tỉnh ngộ. Dù nó sống hay chết, thầy coi mình đã hy sinh oan uổng một người con. Nhưng còn con, sau này con đừng đi theo con đường của anh hai con nữa.”

“Vậy mà cha mà không hề nói gì với tao...” Bà mẹ nói.

“Mẹ quên lúc đó mẹ đang đau lại còn buồn vì nhớ thương anh ấy sao?”

“Ừ mẹ quên, lúc đó mẹ tưởng mẹ về với tổ tiên trước ông, hóa ra ...”

“Khi con đậu xong tú tài, con đã định xin nhập ngũ ngay vì con sợ chị Ngọc Thu sẽ tuyên truyền lôi kéo con vào bưng với ảnh, nhưng con không gặp chị ấy mà chỉ gặp mấy sinh viên nằm vùng rỉ tai lôi kéo. Lúc đó con đã yêu Thanh Hiên, con nghĩ bụng nếu con chịu theo đạo thì ngay lập tức bọn sinh viên đỏ sẽ ngăn con ra. Và sau này khi con nhập ngũ dù có bị bọn chúng tố giác với trường sĩ quan con có anh là VC thì với tư cách là một kitô hữu con có cách minh oan cho mình.”

“Thì ra con theo đạo không phải vì Chúa, cũng không phải là theo đạo vợ, mà muốn bày tỏ một thái độ chính trị.”

“Không phải thế đâu mẹ. Bề ngoài có vẻ là thế nhưng con theo đạo hoàn toàn là vì Chúa bởi lẽ hoàn cảnh của mình cũng do Chúa an bài nhưng khi theo Ngài, trở nên con của Ngài thì đức tin sẽ mở ra chân trời giải phóng nó giúp chúng ta thoát khỏi sự khống chế của bóng tối và của những sự trói buộc tinh vi, những nhà tù vô hình của ma quỷ. Đó là trường hợp của con; thế nên lúc đó con đi gặp bạn con Huỳnh Hiến. Bạn ấy tán thành ngay và dẫn con đến cha Tây dạy dỗ cho con vào đạo. Sau khi trở thành ki-tô hữu, con mới mạnh dạn rủ Huỳnh Hiến thi vào trường Chiến Tranh chính trị đó mẹ.”

Đến đây bà mẹ cúi đầu như đã thấy mình có lỗi, bà nói:

“Bây giờ mẹ mới hiểu con và thấy mình sai trong việc cháu Khánh Loan. Mẹ cứ nghĩ con theo đạo Chúa là bỏ tổ tiên, dân tộc. Chí ít khi theo đạo, con đã phục vụ cho người khác bằng việc nêu cao điều thiện hảo để thức tỉnh lương tâm chưa nói việc bác ái phải làm. Còn cháu Khánh Loan, con làm sao cho cháu được thả về để đi học lại, mẹ mới yên tâm. Về phần cháu Khánh Dung, từ ngày nó ra Huế, nó không viết cho mẹ nó và cho bà nội một bức thư nào, mẹ cũng lo lắng việc này lắm.”

Lúc đó, Tuấn Nghĩa cầm tay mẹ già nhìn vào đôi mắt ướm lệ của bà nói:

“Con sẽ nhờ Huỳnh Hiến giả làm người đã hứa hôn với Khánh Loan bảo lãnh cho nó về vì Hiến được điều về làm trong tiểu khu. Phần con hết tuần này con ra Huế, con sẽ đi tìm cháu Khánh Dung để nói nó về thăm bà nội và mẹ và các cô. Nó cũng tệ thật, ra khỏi nhà chưa đầy một năm mà đã lạnh nhạt hơn cả người dưng.”

“Con đừng vội trách nó. Mẹ nó nói nói ngoan và chăm nhất nhà.”

“Con không trách nó đâu, nhưng chỉ sợ nó khờ dại mà làm chuyện không hay. Thôi bây giờ mẹ nghỉ đi, con đi gặp bạn Huỳnh Hiến để nhờ chuyện bảo lãnh Khánh Loan. Sang tuần khi con ra Huế có tin tức gì, bạn con sẽ ghé nhà mình báo cho mẹ biết.”

“Phải đó, nhưng sau đám cưới của con với Thanh Hiên, con phải gọi Hiến bằng cậu đàn ông nghe con.”

“Vâng con sẽ làm như mẹ dạy chí ít là khi trước mặt mình có một người thân bên họ nội hay họ ngoại. Còn khi chỉ có hai đứa như trong đơn vị tại

con cũng mày-tao tuốt luốt.”

“Như vậy không được đâu con.”

“Được chứ mẹ”

Nói xong Tuấn Nghĩa cười to rồi bỏ đi nhưng còn nghe thấy sau lưng tiếng mẹ càu nhàu, “Cái thằng này tức cười quá...”

Tuy nói thế nhưng bà biết rõ Út Nghĩa giống tính Thầy Trình, chồng quá cố của bà nhiều nhất. Nếu tính khí của Tuấn Nhon khô khan và khắc nghiệt quá đôi khi lại rất hiếu thắng đến độ nhẫn tâm, thì Tuấn Nghĩa luôn điềm đạm, thận trọng và quảng đại. Đó là sự khác nhau giữa trưởng nam và người con út. Trưởng nam nhìn về quá khứ để duy trì truyền thống cũ mòn. Người con út nhìn về tương lai, cái viễn cảnh rộng lớn đến vô cùng vượt khỏi biên địa chật hẹp của “những thời xa xưa ấy”.

Tuấn Nghĩa cũng đã biết điều đó, chàng rất ngạc nhiên về cách chọn lựa trái khoáy của Thiên Chúa trong Cựu Ước. Hơn một lần Ngài đã chọn con út để ý muốn của Ngài được bày tỏ. Trong Tân Ước, Phaolô chẳng phải là đứa em út của các tông đồ sao. Và hãy thử so sánh với anh cả Phêrô của nhóm Mười hai xem. Nhưng tại sao là con út? Vì viễn cảnh của nó xem ra chứa chan niềm hy vọng.

Hôm trước ngày Tuấn Nghĩa ra Huế, trong bữa cơm gia đình, chàng có mời Huỳnh Hiến đến dự. Ăn xong mẹ chàng và chị Tư rút lui. Hai người bạn ngồi uống nước trà và trò chuyện, Tuấn Nghĩa nói:

“Định mệnh lịch sử đã đặt gia đình mình lọt thỏm vào giữa hai chiến tuyến. Anh mình thì theo con cáo già chính hiệu, còn mình làm người chiến sĩ bảo vệ tự do và dân chủ. Như thế những di hại của cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh ngày xưa còn kéo dài đến bây giờ trong gia đình mình.”

“Có khác chứ, ” Huỳnh Hiến ngắt lời.

“Phải, nếu ngày xưa là tham vọng của cả hai chúa, ngày nay chỉ có tham vọng của khối CS muốn bành trướng khắp vùng Nam Á mà bản thân Hà Nội chỉ là một anh lính khinh binh mở đường và toàn dân bị bắt làm nô lệ phục vụ cho tham vọng ấy của khối CS. Buồn nhất là nhiều người trong Nam kể cả trí thức và Phật tử không thấy sứ mạng cao cả của mình mà lúc nào cũng chỉ ‘vọng phu’ phương Bắc.”

“Điều đó có thể hiểu được vì họ vừa bị lừa vừa bị lừa. Họ lầm tưởng CS Việt Nam dùng Mác-xít phục vụ cho chủ nghĩa dân tộc nhưng sự thật thì ngược lại, họ đã dùng chủ nghĩa dân tộc để phục vụ cho Mác-xít toàn cầu.”

“Và đó cũng là cái lầm của phong trào Phật giáo...” rồi Tuấn Nghĩa nói tiếp, “Vì thế mình cũng không thể ghét bỏ chị dâu và hai cháu gái mình. Mình mong bạn thành thạo ghé lại nhà mình đả thông tư tưởng cho cháu Loan và an ủi Mẹ và hai chị, chị Ba và chị Tư của mình, mình rất cảm ơn.”

“Như vậy bạn giúp cho mình thân mật với Chúa Thánh Thần hơn...”

“Sao vậy?”

“Vì Ngài là Đấng dạy bảo sự khôn ngoan cho các tiên tri và các thánh. Và lại trong tình trạng trắng đen lẫn lộn của đất nước này, không có Ngài soi sáng chúng ta dễ mắc sai lầm lắm nhất là trước những vấn đề quá lớn đối với chúng ta như sự vận hành và hướng đi của lịch sử. Con người nhỏ bé dễ mắc sai lầm mà những sai lầm chết người như trường hợp anh Tuấn Nhơn của bạn không phải là hiếm có.”

“Bạn nói thật chí lý. Mình sẽ cầu nguyện Chúa Thánh Thần cho chị dâu và hai cháu của mình.”

Gần tám giờ tối hai người bạn mới chia tay và Huỳnh Hiến về lại nhà chị ruột Kim Thản trong nội thị.

Ngày hôm sau, đơn xin bảo lãnh của Hiến gửi đến ông phó tỉnh trưởng nội an. Trong khi chờ đợi cứu xét, Huỳnh Hiến có vào thăm Khánh Loan. Trong bộ đồ tù, Khánh Loan ngồi đối diện với Huỳnh Hiến qua một cái bàn sắt trước mắt anh lính coi tù. Tóc dợn sóng và xóa dài quanh khuôn mặt ủ rũ, Chàng nhìn cô thương cảm và nói:

“Chú Tuấn Nghĩa nhờ tôi đứng ra bảo lãnh cho em về, dĩ nhiên lý do trong đơn chỉ là cái cớ. Tôi đã làm đúng theo yêu cầu của chú em, chỉ xin cô đừng phản đối cho được việc. Ra ngoài rồi em trở về với bà nội và đi học lại. Còn tôi có công việc của tôi.”

“Vâng hôm kia cô Tư có vào báo trước và dặn em phải làm những gì để được ra. Em rất cảm ơn anh và chú Tuấn Nghĩa nhưng em cũng nói trước sau này lý tưởng của ai người đó giữ cho mình.”

Khánh Loan nói giọng chua chát trong lúc Huỳnh Hiến nhận ra nơi Khánh Loan những nét đẹp của dì Ngọc Thu hồi con gái. Chàng suýt cười nhạo vì hai tiếng “lý tưởng” mà cô nói, ảo tưởng thì có, nhưng chàng vẫn điềm đạm đáp lại:

“Như thế cũng tốt thôi. Một người Phật tử như em đâu có gì đáng trách.”

Sau đó chàng về. Chàng nghĩ mình đã biết kềm chế khi chỉ nói phương diện Phật tử của Khánh Loan, mặc dù chàng biết rõ cha nàng là VC và cả mẹ nàng nữa như lời Tuấn Nghĩa đã kể lại cho bạn thân của mình.

Đầu tuần sau, Khánh Loan được tha về và học tiếp lớp đệ nhị. Qua tuần sau Tuấn Nghĩa từ Huế gọi điện vào cho Huỳnh Hiến biết, nhờ báo lại cho mẹ và các chị của Nghĩa. Qua sự dò hỏi bên phòng nhì tiểu khu và những giáo sinh, bạn học của Khánh Dung, Tuấn Nghĩa biết chắc rằng Khánh Loan đã chạy vào rừng cùng với một bạn trai cùng trường và những sinh viên Phật tử thân cộng khác. Tin này làm bà nội và các cô của Khánh Dung buồn vô hạn bởi vì giờ đây dù tâm trạng vẫn luôn thụ động trước thời cuộc, họ biết bên nào nằm trong bóng tối và bên nào ở trong ánh sáng.

Trước đó, ngay khi về được hai ngày và đi học lại, Khánh Loan đã ghé lại chùa Phổ Quang để hỏi thăm tin tức của Mạnh Cường. Sư thầy nhận ra nàng là bạn gái của nhà sư trẻ, ông nói không nhận được tin tức gì từ Huế và ông cũng đoán rằng có lẽ Mạnh Cường đã chạy vào cứ. Trước khi ra về nàng còn tha thần trong vườn nhãn sau chùa lúc trời chiều bóng xế.

Nàng hồi tưởng lại như mới hôm qua nàng và Mạnh Cường mới nói lời yêu nhau, giữa vườn cây im ắng. Phải, tình yêu đầu đời trong cảnh chiều hôm ngọt ngào cùng nụ hôn nồng cháy, ngọt ngào như bàn tay chàng dạo chơi trên tấm lưng thon và đôi mông mới lớn của nàng. Rồi cái đêm hôm nàng bị bóng đè... và dư vị của mấy đêm nàng đắm mình trong khoái cảm làm nàng tê tái. Bất chợt nàng gục đầu vào thân một cây nhãn cổ thụ mà nàng tưởng là nơi họ đã đứng và lần đầu tiên đã nói lời yêu. Nàng kêu cầu Trời Phật phù hộ cho mối duyên lành của hai người rồi nàng tự nhủ, “Ngày mai trời lại sáng và trong đêm tối này, em sẽ đợi chờ anh mặc cho những lời đường mật của kẻ thù...” nhưng liệu ngày mai ấy có thật sự đến hay không khi chính họ đang tiến bước trên con đường-đi-không-đến, vì chỗ đến chính

là chủ nghĩa hư vô. Có những đêm nàng tưởng mình bị mộc dè. Nhưng không, vì hình ảnh mờ ảo của Mạnh Cường đã hiện ra đưa nàng vào cơn mơ đẹp.

Lúc đó trời đã hoàn toàn tắt nắng, nàng định quay lại chào sư thầy một lần nữa nhưng khi thấy có một nữ thiện tín ngoài ba mươi tuổi khuôn mặt xinh đẹp, ăn mặc sang trọng bước vào phòng thầy, sau đó cánh cửa phòng nhà sư khép lại. Cái nón vải màu tím có chạy đường chân mũ màu hồng nhạt thắt thành một cái nơ của người khách nữ ấy làm Khánh Loan nhận ra nàng đã làm rơi cái nón vải của mình trong khu vườn nhãn. Nàng quay lại, khu vườn đã tối đen. Đang ngần ngừ tính bỏ không tìm, nàng gặp ngay hai nhà sư trong nhà bếp đi ngang qua một người có cầm đèn. Một nhà sư tên Đãi cầm đèn bảo hỏi:

“Thiện nữ định tìm chi?”

“Con làm rơi cái nón trong vườn nhãn.”

“Được để thầy cầm đèn cho con đi tìm.”

Rồi trong lúc sư kia lui về nhà bếp, sư Đãi đi trước Khánh Loan cầm đèn ngâm một bài thơ hoặc bài kệ mà nàng cho là vô nghĩa:

Tối dăng Trống Rỗng nở hoa
Cho sáng Huyền Có vào ra cung hồng.
Tìm đâu xa một Niết trường
Tay thầy cột giữ nỏ nường nhụy hoa.
Đốn thời võ trụ sen tòa
Sợ oan gốc phước nhập nhòa đổi vai.
Thì ra nhanh gặp phải hai,
Còn như chậm gặp dài dài hiền nhân.
Không nơi đến cũng đường âm
Đi không đến rảo múa thì rùa mai.

Khánh Loan tìm thấy ngay cái nón vải, cách gốc cây nhãn mà lúc nãy nàng gục đầu vài bước. Nàng cảm ơn sư Đãi rồi về. Khi đi ngang phòng sư trụ trì, nàng nghe có tiếng rên khe khẽ bên trong như có ai bị mộc dè ... và

nàng hiểu chuyện gì đang xảy ra bên trong đồng thời cũng chợt hiểu rằng bài thơ của sư Đãi nghêu ngao lúc xách đèn soi sáng trong vườn không hoàn toàn vô nghĩa. Kể từ đó nàng không còn đến ngôi chùa ấy nữa vì kinh sợ sự ô uế và phạm tục của nó.

Mấy ngày sau kể từ hôm cho gia đình mẹ Tuấn Nghĩa biết tin mới nhất của Khánh Dung ở Huế, Huỳnh Hiên quay lại với một bít trái lòn-bon làm quà cho bà Trình. Chàng ngồi nói chuyện và trấn an bà một lúc, sau đó rủ Khánh Loan đi dạo. Trên đường đi chàng nói:

“Anh chỉ sợ bà nội em buồn về việc Khánh Dung đã bỏ học vào khu.”

“Lẽ ra bà và mấy cô phải vui vì chị ấy đã chọn con đường đúng.” Khánh Loan xằng giọng đáp.

“Dĩ nhiên chị em cho như thế là đúng, nhưng với bà nội em và các cô thì khác.”

“Họ có bao giờ yêu thương ba em và chúng em đâu!”

“Sao em nói vậy, dù đúng hay sai gia đình đều yêu thương ba em nhất nhà trong khi chú út em bị ghét bỏ một thời gian dài sau khi theo đạo Chúa” rồi chàng nói tiếp khi thấy Khánh Loan cúi đầu cảm động, “Em biết lịch sử hôm nay không thể hiểu đúng một cách đơn giản được. Ngày xưa chúa Trịnh chúa Nguyễn đánh nhau chí chóe cũng chỉ là việc tranh giành nội bộ của một nước nhỏ, ngày nay có những phong trào toàn cầu như phong trào thực dân, phong trào Mác-xít, nên khi đánh giá lịch sử nước mình, mình phải tính đến ảnh hưởng của chúng và mức độ độc lập của mình đối với các phong trào đó. Độc lập địa dư chỉ là một khía cạnh và sẽ chẳng có ý nghĩa nhiều nếu ta nô lệ về ý thức hệ. Vì thế người chiến thắng một cuộc chiến chưa hẳn người đó đương nhiên có chính nghĩa buộc người dân phải tuân phục mình như chúa Trịnh chúa Nguyễn ngày xưa, nếu người dân không được tự do và dân chủ chọn kẻ chiến thắng làm chính quyền của mình...”

“Anh định thuyết phục em để em không đấu tranh cho phong trào Phật giáo phải không?”

“Không, anh chỉ thuyết phục để em chú tâm vào một việc học mà thôi cho bà nội, các cô và mẹ em yên lòng.”

“Vâng bây giờ em sẽ làm theo lời anh khuyên nhưng về lâu dài thì em không dám hứa.” Nàng bướng bỉnh trả lời.

Huỳnh Hiến biết phải có thời gian để nàng quên việc nàng là con gái của một VC tử trận. Thù hận là điều rất khó quên, càng khó quên hơn khi trong vô thức của nàng cũng có di căn mỗi thù Trịnh –Nguyễn. Lúc đó Huỳnh Hiến đưa nàng vào một quán phở bò và hai người nói sang việc học. Chàng rất thích thú ngắm nàng ăn một cách ngon lành, mặt và môi nàng đỏ hồng lên hình như ăn trúng một miếng ớt cay. Nàng ngây thơ quá làm sau đủ bản lĩnh để hiểu rõ mặt trái của các phong trào chống đối.

Sau đó hai người ra bờ kè sông Hàn ngồi hóng mát. Huỳnh Hiến xúc động khi ngắm nét mặt nhìn nghiêng đôi chân dài và đôi mông tròn trịa của nàng đặt trên gập đá. Chàng nói:

“Anh không ngờ bạn anh có cô cháu gái xinh đẹp như em. Hồi gia đình anh còn ở làng Rí, mẹ em có thể nói là đẹp nhất làng, kể đến là cô Mỹ Xuân...”

“Chứ không phải bà chị Kim Thản của anh sao?”

“Mẹ em nhỉnh hơn một tí. Vả lại gia đình anh thuộc về làng chài... Nhưng đối với anh bây giờ em là người đẹp nhất. Không kể ‘lý tưởng’ đúng sai, em chỉ cho anh biết phải thuyết phục em cách nào để ...”

“Để sao nào?”

“Để em yêu anh như anh đã yêu em.”

Khánh Loan xúc động với câu nói này của Huỳnh Hiến nhưng hình ảnh hay đúng hơn cái bóng-đề của Mạnh Cường chợt hiện đến trong tâm tưởng nàng và đó là tình yêu duy nhất của nàng. Vả lại đâu chỉ có cái bóng chàng nhưng chàng đã đưa vào nàng một phần thân thể của chàng. Ngoài cái đà tiến của phả hệ, chàng đã tháp nhập vào nàng cái “dương tố” và chính cái dương tố ấy còn ở lại trong nàng đã làm thân thể nàng nở nang, mẩy mướt. Vậy nên nàng lạnh lùng đáp:

“Đó là việc của anh, đâu phải việc của em. Vả lại nếu em có yêu anh, em cũng không thể lấy anh.”

“Sao vậy?”

“Vì em còn phải giữ lời khuyên của anh chỉ lo học mà thôi. Chỉ khi nào em bỏ học luôn thì...” nàng ranh mãnh đáp lại.

“Anh hiểu rồi; dù sao anh thấy mình vẫn còn cơ hội.” chàng nhẩn nại nói.

Nói xong chàng nắm lấy tay nàng và nàng để yên nhưng trong bụng thầm nghĩ, “Chẳng ích lợi gì đâu, tim mình từ ngày yêu Mạnh Cường không còn chỗ cho ai khác, xá gì anh chàng theo đạo Tây này, dù anh ta không có gì đáng ghét. Nếu không có Mạnh Cường hẳn mình đã ngã lòng vì anh ta”

Lúc đó trên sông Hàn, ba chiếc thuyền chạy máy đuôi tôm ầm ầm rẽ sóng lướt qua đẩy nước sóng đánh vào bờ kè rào rạt bắt họ phải im lặng mấy giây và cũng bắt họ đổi sang đề tài khác sau đó cho tới lúc ra về, khi đèn đường nội thị bên kia sông đã thấp sáng, cùng với ánh đèn của các cửa hàng và xe cộ. Trên đường về có lúc nàng tỉnh quá, ngã ngón đi thật sát vào người chàng, trong khi chàng tự nhủ, “Mình vẫn còn hy vọng nếu biết đợi chờ, mấy năm cũng được. Chẳng phải có lần mình đã quyết định sống độc thân dù khá đẹp trai, thậm chí còn muốn vào dòng tu muện nữa là ... Nhưng buổi tối này mình đã kéo cô ấy ra cái mớ bung xung đấu tranh này nọ.” Và cả hai đều vui vẻ, hài lòng trong phút chia tay.

Nàng vui vẻ vì đã làm cho thái độ mơ hồ của mình thành niềm hy vọng không tưởng nơi Huỳnh Hiến: nàng đang đùa bỡn với thiện ý của chàng khi cố cường điệu tình cảm mới quen thành một tình yêu giả ảo. Còn chàng vui vì ít nhất đã kéo nàng về với những bốn phận nhỏ bé đời thường nhưng thiết yếu và luôn đúng, nó không có gì to tát vĩ đại bằng cuộc đấu tranh vừa qua của Phật giáo nhưng chắc gì đã đúng.

Cho tới cuối năm đó, chừng vài ba tuần Huỳnh Hiến lại đến thăm gia đình bà Trình và trò chuyện hoặc đi dạo với Khánh Loan. Trong cuộc dạo chơi đêm Nô-en năm đó, chàng nói với Khánh Loan:

“Dù em còn bỏ lửng câu trả lời của em cho tới khi em thôi học như lời em nói, có thể tới khi em đã đậu tú tài hoặc sau khi xong đại học, nhưng anh xin em được thỉnh thoảng nói một lời yêu em để lập lại hay để xác nhận với chính mình tình cảm chân thành ấy, em đồng ý không?”

“Em đâu có lý do gì để không đồng ý,” nàng nói với tất cả sự từ tốn nhưng không chút khiêm nhường vì nàng nghĩ thầm, “Điều này có vẻ là một thách thức đối với mình nhưng mình có đủ tự tin”. Không chỉ của bản thân mà của một tập thể với những bóng người chập chờn như những bóng ma màu

đỏ sau lưng nàng. Ngày chiến thắng của cách mạng thế giới sắp đến rồi (!?) Dù vậy cái se lạnh của trời đêm, tiếng thánh thót của những bài thánh ca, sự hân hoan của lễ hội với rất nhiều đèn ngôi sao trên các hang đá chực các tượng Chúa Hải Đồng nằm giữa tượng các gia súc như trâu bò chiên lừa và những đôi nam thanh nữ tú nắm tay nhau tha thần đến các nhà thờ hoặc các nơi vui chơi làm Khánh Loan cảm thấy lòng mình chùng xuống. Một nỗi cô đơn đã len lén đi vào tâm hồn nàng, nên khi chia tay và khi Huỳnh Hiến lặp lại một lời yêu:

“Khánh Loan, anh yêu em, chúc em có nhiều giấc mơ đẹp trong đêm Chúa đến.”

Nàng đáp lại:

“Anh cũng vậy,” rồi dù chưa nói lời yêu, nàng ôm chầm lấy chàng để nhận từ chàng một cái hôn ở giữa trán và một bên má trước lúc chàng bịn rịn lui gót. Lúc đó nàng tiên cảm sự tái ngộ của nàng và Mạnh Cường sẽ còn khó khăn hơn nàng tưởng nếu không nói là mong manh. Vâng, đêm Nô-en, đêm của Tình yêu Thiên-Chúa-làm-người đã đánh thức nàng ra khỏi giấc ngủ đông của Bà Chúa Tuyết có tên là Hồ Xú Phụ. Tuy nhiên nàng cho rằng nàng phải vượt qua cảm xúc nhất thời của buổi tối này mà nàng quả quyết đó không phải là tình yêu, để luôn chung thủy với thần-mộc Mạnh Cường của nàng.

Vĩnh An

Dòng sông oan nghiệt

Chương 9

Cơn bão lửa ngày xuân

Sau tết Đinh Mùi, trung úy Thanh Phong phòng nhì tiểu khu Đà Nẵng đến phòng tâm lý chiến gặp Huỳnh Hiến rủ chàng tối đó cùng đi uống bia trong một quán sát bờ sông. Chàng đồng ý và sau giờ làm việc, họ gặp nhau ở quán. Ở một góc thoáng mát trong quán, khách có thể nghe tiếng sóng nước vỗ đều đặn vào bờ kè. Thanh Phong nhìn cây mai trước nhà chủ quán còn sót lại ít bông vàng lẫn trong đám lá non xanh nhạt mới mọc trên cành sau tết rồi nói:

“Mình uống rượu Hồng đào đi thay vì uống bia cho có phong vị Tết.”

“Ừ kêu nửa lít đi, đặc sản địa phương như câu ca dao có nói: Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm/Rượu Hồng đào chưa nhắm mà say.”

Khi rượu mang ra, Thanh Phong uống cạn chung đầu tiên gật gù khen ngon rồi nói:

“Vừa qua mình xem lại hồ sơ cũ, thấy cái đơn của cậu bảo lãnh cho vị hôn thê, thế hai người định bao giờ cưới nhau?”

“À ừ, có lẽ phải đợi cô ấy xong tú tài. Ngày trước hai gia đình bọn mình cùng quê đã đính ước cho hai trẻ như thế.” Huỳnh Hiến nói ngay vì chàng đã chuẩn bị trước những tình huống bị tra vấn khi nộp đơn xin bảo lãnh cho Khánh Loan.

“Trong hồ sơ của diễm chỉ viên có nhắc đến một anh tên Mạnh Cường và một anh tên Huy Khang. Thời gian Phật tử ‘tả khuynh’ ở Đà Nẵng nổi dậy, Mạnh Cường luôn luôn đi chung với Khánh Loan, cậu có biết hai tay đó không?”

“Chắc là bạn học ở cùng quê với Khánh Loan thuộc lớp sau nên mình không biết, nhưng có gì không?”

“Dĩ nhiên là mình có nhiệm vụ phải tìm hiểu và mình nói điều này cậu đừng buồn nhé. Khi điều tra ở ông sư chùa Phổ Quang, sư thầy nói rằng Mạnh Cường không phải là tu sĩ có dẫn Khánh Loan đến chùa giới thiệu là

bạn gái và chùa bố trí cho cô này ở lại mấy đêm.”

“Lúc đó cô ấy sợ bị bắt nếu về nhà bà nội...”

“Chắc là thế. Vừa rồi phòng nhì Huế cho biết đã nhận diện Mạnh Cường và Huy Khang đã có mặt trong lực lượng đấu tranh ở Huế và khi bị trấn áp đã chạy vào rừng.”

“Thế à.”

“Thật ra mình chỉ mong cậu và hôn thê sớm làm lễ cưới.”

“Sao vậy”

“Vì trong bốn phận làm một người vợ và một bà mẹ công giáo, cô ấy sẽ dứt khoát hơn với tư tưởng trước đây của cô ấy.”

“Mình cũng mong như vậy. Nhưng tại sao cậu lại nghĩ như thế?” Huỳnh Hiến hỏi Thanh Phong.

“Vì trong ngành phản gián mình thấy nhiều khía cạnh ở mặt trái cuộc chiến này, nhất là sau cái chết của ông Diệm. Người Mỹ không chống cộng cho bằng họ bảo vệ quyền lợi của họ ở đây.” Thanh Phong uống hết một chung rượu rồi nói tiếp, “Nhưng quyền lợi của họ không chắc bao hàm quyền lợi của dân tộc mình. Nếu CS đáp ứng được điều kiện đó kể cả hy sinh quyền lợi của dân tộc, Mỹ sẽ bắt tay với CS. Chuyện CS độc tài đảng trị đối với Mỹ không đáng kể. Một số rất ít người Phật giáo đấu tranh cũng thấy được điều đó nhưng nhìn chung một phong trào bị giật dây như thế sẽ không làm được gì trái lại còn làm suy yếu Miền Nam nhất là từ khi CS đã thò móng vuốt vào phong trào. Lẽ ra trước đây Phật giáo phải đoàn kết cùng ông Diệm và bảo vệ ông ấy ... nhưng thôi đó là sử mệnh mình không hiểu nổi.”

“Nhưng liệu Nga Sô và Trung Cộng có cho phép CSVN tự tiện “đi đêm” với Mỹ không vì sau cùng quyền lợi của hai anh đầu xỏ này sẽ ngày càng mâu thuẫn với quyền lợi của Mỹ?”

“Có thể lắm chứ, như một thằng chồng du côn có thể cho vợ mình làm đi và ăn ở qua đường với thằng tỉ phú, nghĩa là không những đi-đêm mà còn đi-ngày, nhưng đâu cho phép vợ hãnh ăn đời ở kiếp hoặc cụ thể hơn giữ đúng lời hứa nào đó với thằng tỉ phú. Tình hình giả dối đó có thể tiếp tục như thế bao lâu chưa xảy ra tình huống một mất một còn giữa thằng chồng du côn và thằng tỉ phú tham lam và cũng đa mưu không kém. Nghĩa là...”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là Cho nàng làm dĩ chín phương, / Nhưng nàng phải giữ một phương Thiên triều”, CSVN có thể đàm phán với Mỹ, nhưng vẫn mãi là tay sai của Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa.”

Thanh Phong rít một hơi thuốc Rugby quân tiếp vụ, trong lúc Huỳnh Hiến cười thoải mái, chàng muốn lái câu chuyện sang đề tài khác nhẹ nhàng hơn: “Đúng là ngôn ngữ của nhà thơ. Lúc này cậu có làm được bài thơ nào mới không?”

“À, nói về thơ thì mình mới viết được hai bài thơ ngắn, mình sẽ ngâm cho Hiến nghe theo giọng ngâm Tao đàn nhé. Bài thứ nhất Em về:

Em về cố quận xa xôi,
Nơi đây để lại chân trời hư không.
Mùa đông xuống núi lạnh lùng,
Mù sương che khuất một dòng sông trôi.

“Bài thứ hai là bài Mộng Du:
Dịu dàng cách biệt xa xăm
Em bên khung cửa lạnh tanh nỗi lòng.
Bâng khuâng nắng nhạt bâng khuâng,
Cung đàn sao để bụi chùng đường tơ.
Lòng anh dù có ước mơ,
Với em, không có bến bờ mộng du.
Tình yêu lạc lối sương mù,
Nhận đi, lá rụng mùa thu lại về.

Khi tiếng ngân dài của từ cuối cùng nhỏ dần biến mất, Huỳnh Hiến nói:

“Hay lắm, thơ cậu mình còn hiểu được chứ những loại thơ văn tắc tị và hủ nút trên báo mình chịu thua không tài nào hiểu được. Có phải do một thứ chủ nghĩa văn học nào đó giống như trường phái lập thể hoặc siêu thực trong hội họa?”

“Theo mình nghĩ ở Việt nam không có một chủ nghĩa hay trường phái văn

học nào cả. Chẳng qua chỉ là sự bắt chước về hình thức để tỏ mình thông thái, mà hình như là thông thái rởm. Về thơ hủ nút, mình nghĩ hẳn ít nhiều đã chịu ảnh hưởng tư tưởng “tánh không” của Phật giáo. Tư tưởng này tạo ra một từ trường lên văn học. Người ta đi vào cái “tâm” do đó chối bỏ thực tại, rồi tìm cái “không” của “tâm không” ấy do đó không dùng ngôn ngữ có ý nghĩa xã hội và cú pháp có trật tự. Vì thế sau cùng biện chứng viết-đọc chỉ còn một vế là viết mà thôi. Lẽ ra những ‘tác phẩm’ ấy không nên đăng báo nghĩa là công truyền mà phải bí truyền mới đúng, nếu nó có giá trị thật nào đó.”

“Vậy nó giống như một thiền sinh thấy thầy giơ một ngón tay khi thuyết pháp, cũng giơ một ngón tay lia lịa cho thiện tín nghe giảng lúc thầy vắng mặt và bị thầy bắt gặp chặt đứt ngón tay ấy đi...”

“Đúng, vì đó là ngón tay vô dụng và có hại chỉ có chân không trong khi ngón tay bí truyền của thầy là của người giác ngộ ngoài chân không còn có diệu hữu và chỉ hữu dụng cho kẻ đã được khai huệ nhân không phải cho đám đông nhất là đám đông độc giả trên các báo vốn chưa được chuẩn bị gì.”

“Nghĩa là sao?” Huỳnh Hiến hỏi.

“Nghĩa là phần lớn văn nghệ hủ nút trên các báo Saigon đều là chân-không-phi-diệu-hữu, nên khi đọc thấy, cậu có quyền chặt, chém, trảm như vị sư thầy thiền tông kia vậy. Phải chỉ những thứ văn chương ấy đạt được trình độ những bậc thầy ví dụ như Basô và Vương Duy trong thơ thiền mà mỗi khi đọc lên trong cái chân-không, người ta thấy ngay cái diệu-hữu. Và lại trong thơ các vị ấy diệu hữu như có ưu thế hơn vì xem ra chân-không chỉ là cái nền, là bối cảnh.”

“Mình không ngờ cậu rất rành mạch về văn chương như thế.”

“Cậu quên mình có hai bằng cử nhân văn học và triết học ở Văn Khoa trước khi vào quân trường Thủ Đức sao.”

“À xin lỗi, mình quên bèn điều đó. Nhưng giả sử cậu trở thành nhà văn chuyên nghiệp, cậu sẽ viết theo cách nào?”

“Mình có nghĩ đến điều đó. Trước hết chắc chắn không phải là cách viết sắc sắc không không của mấy cuồng sĩ Phật tử loạn ngộ, nhưng mình sẽ

theo lối viết truyền thống của nhà nho khi họ xếp đặt các văn bản cổ theo thứ tự là Kinh - Sử - Tử - Truyện, và mình hiểu như thế này: Kinh nói về chân lý tối hậu; chân lý ấy phô diễn trong thời gian là Lịch Sử; suy nghĩ về triết học để lập thuyết dựa vào Kinh và Sử chính là Tử, ví dụ khi mình gọi Khổng Khâu là Khổng tử mình có ý nói đến một người lập thuyết họ Khổng. Khi ông Khổng này làm triết học, ông đã tham khảo lịch sử thời kỳ Xuân Thu là nguồn sử liệu quan trọng do ông thu thập; sau cùng Truyện phải thể hiện những chân lý trong Kinh, phải tham khảo lịch sử và các học thuyết (Sử và Tử). Dĩ nhiên người viết truyện phải gạt bỏ, phi bác những sai lầm có hại trong ba yếu tố đầu như Kinh không hợp thời, Sử không trung thực, Tử tức là Triết học không tích cực, lành mạnh, không đem lại giải pháp gì cho nhân sinh. Không vì thế mà người viết truyện tránh né những nguồn tham khảo ấy với thái độ của một con đà điểu vùi đầu trong cát để tránh bão ... Theo mình cách viết Truyện truyền thống phải tham khảo ba yếu tố đi trước nó và như thế mới có giá trị”

“Như thế thì khó quá vì người viết truyện bị hạn chế nhiều, đồng thời cách viết đó đòi hỏi bản thân người viết phải thật sự uyên bác.”

“Phải uyên bác và phải làm việc nghiêm cẩn mới được. Như thế văn chương không phải là một sân chơi, cũng không phải là động cát trong sa mạc để các nhà văn đà điểu chạy trốn thực tại, rút đầu vào cát tránh né, quảng bá một thứ văn chương hủ nút, nhưng văn chương đích thực phải là một đèn thờ để dẫn thân hành đạo. Vì thế cho đến nay mình vẫn chưa dám viết gì nhiều ngoài những bài viết trong báo tỉnh và báo ngành.”

Huỳnh Hiến tán thành và nở một nụ cười nhẹ nhàng. Bất chợt chàng có thêm một thắc mắc:

“Lần trước cậu có nói với tôi hơi khác, cậu nhớ không? Cậu nói về bút pháp tam- tài gì đó.”

“À hồi uống rượu ngày trùng cửu ở quán bà Ba Phi chứ gì? Tôi nhớ rồi... Hôm đó tôi nói về nghệ-thuật-viết qua bút pháp phải thể hiện đầy đủ ba cái lớn là Thiên-Địa- Nhân hoặc theo Heidegger là tứ trụ: Thiên- Địa- Nhân- Thần. Thật ra Thiên với Thần là một như cậu đã biết qua hai câu Chí thành như Thần và Chí thành đại thánh (Đại Thánh=Thiên). Sự phân biệt của

Heidegger rất cần thiết theo nãotrang Tây phương. Thiên là Thần siêu việt, Thần là Thiên nội tại (hay nhập thể). Nhà nho có nói đến Thiên nhưng sau cùng họ cho Ngài vào ngoặc để chỉ nói đến Thần mà cụ thể là Thần-vô-phương trong Kinh Dịch. Một nhà triết học hiện sinh công giáo còn dùng Thần để vượt qua nhị nguyên thuyết của Descartes nữa, nhưng bàn chuyện này mất nhiều thời gian lắm.”

“Ừ để thông thả đã.” Huỳnh Hiến đồng ý gác lại một đề tài khó và nói, “Bây giờ cậu nói về bút pháp tam tài thôi, đặc biệt phải có dẫn chứng cụ thể.”

“Được thôi, bút pháp ấy phải thể hiện được tam-tài hay tứ-trụ qua những điều mình viết. Mình có thể tạm dẫn chứng bằng bài “Phong Kiều Dạ Bạc” của Trương Kế đã thành công được điều đó và chỉ trong bốn câu. Bốn câu đó là:

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,
Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền. ”
Mình tạm dịch là:
Trăng tà, tiếng quạ kêu sương
Lửa chài gà gặt hàng phong trên bờ.
Hàn San ngoài trấn Cô Tô,
Nửa đêm chuông vắng giấc mơ dân chài.”

Lúc đó Huỳnh Hiến ngắt lời:

“Bài này mình đã đọc qua thậm chí còn thuộc bản dịch của cụ Tản Đà, nhưng cậu nói thử chân không-diệu hữu chỗ nào và tam tài chỗ nào?”

“Này nhé, trước hết về chân-không – diệu-hữu, hai câu đầu là chân-không, rõ nhất trong cụm từ sương mãn thiên, mênh mang và tĩnh tại, kể đó là những từ lạc và miên làm nhoè tan mọi vật, mặc cho chúng hình thức của không tính,. Hai câu sau là diệu hữu, rõ nhất trong cụm từ chung thanh đáo, cũng mênh mang nhưng vận động xuyên suốt mọi vật trên không, dưới đất

trong nước như những vòng sóng âm thanh và sóng nước gồm thu mọi vật, như tiếng máu chảy trong châu thân, là sự sống của chân không vậy. Bây giờ mình nói đến tam tài và tứ trụ trong thơ. Câu thứ nhất là tài địa: sương, quạ, trăng là những tài vật của đất. Câu thứ hai là tài nhân với sự xuất hiện của lửa (huyền thoại Promê-tê lấy lửa trao cho người), của dân vạn chài. Câu thứ ba là tài thiên nằm trong chữ thành ngoại. Có Đấng nào rất bên ngoài, nghĩa là rất siêu việt mà cũng rất bên trong cho bằng Trời. Ngôn ngữ biểu tượng Việt Nam nói ngoài-trời/ trong-nhà. Vì Thượng Đế siêu việt nên các nhà thần học còn gọi Người là Đấng-Khác. Kế đó chữ San là núi và phải hiểu là chỗ lui tới của thần. Đấy tam tài là thế.”

“Vậy câu thứ tư lại hoá ra thừa chăng?” Huỳnh Hiến hỏi tiếp.

“Không thừa mà là quan trọng nhất vì Trương Kế khi viết được ba câu đầu Thiên-Địa-Nhân thì tứ thơ bị bí, nói cách khác ông bí vì ba tài lớn ấy đứng cạnh nhau nhưng không hiệp thông với nhau được; phải đợi khi nghe tiếng chuông, Trương Kế mới viết được câu thứ tư là Thần trong tứ trụ. Tại sao nửa đêm? Bạn là người đạo Chúa bạn hiểu dễ dàng điều này hơn vì Chúa nhập thể và nhập thể nghĩa là Giáng sinh vào lúc nửa đêm. Câu thơ bốn nối kết thiên-địa-nhân bằng chính Thần và sự nối kết như thế giữa một nhân loại còn lằm than trong đêm tối tự nó đã mang ý nghĩa cứu độ. Sau tiếng chuông của câu thứ tư thấm nhập vào mọi vật, nối kết và hiệp nhất mọi vật thì vũ trụ sẽ chờ đợi gì? Mình cũng nghĩ như người đạo Chúa là chờ một bình-minh-không-có-hoàng-hôn, một ngày-mới-không-còn-đêm-tối. Và văn chương như bài thơ này của Trương Kế mới đáng là văn chương.”

“Bắt buộc văn chương phải có đủ tam tài và thêm thần như cậu vừa nói liệu có quá đáng không đối với người nặng nợ văn chương như cậu?” Huỳnh Hiến lại hỏi.

“Mình tự bắt buộc mình thế thôi. Mình tự làm nhà lý luận văn học cho chính mình và cũng không thể bắt buộc ai khác. Sở dĩ mình phải dùng tam tài để tránh những thái quá trong cách viết. Ví dụ chủ nghĩa hiện thực trong văn học xem ra chỉ có phần địa và một phần nhỏ của nhân, không có phần thiên. Còn chủ nghĩa lãng mạn chỉ có phần nhân và một phần của thiên, không có phần địa. Chủ nghĩa hiện sinh có rất nhiều nhân và một phần của

địa, không có thiên. Theo mình như thế vẫn là thiên lệch.”

“Chao ôi, cậu nói thật chí lý và thâm trầm. Cậu đúng là đã ngộ thật rồi”
Huỳnh Hiến cảm thán.

Nói xong chàng rót liền cho bạn hai chung rượu, sau đó họ im lặng một lúc lâu như sợ làm tổn hại một cái gì rất thiêng liêng.

Hai người bạn cùng tiểu khu ngồi nhâm nhi rượu Hồng đào với những đồ nhắm như mực dòn thịt chiên giòn, ruột cá xào rau cần và thơm, cá lóc nấu canh lá vang đến hơn chín giờ tối mới quay về. Thanh Phong tưởng đem lại cho Huỳnh Hiến những thông tin mới về Khánh Loan nhưng không ngờ Huỳnh Hiến đã biết cả thậm chí cả việc nàng bị Mạnh Cường lạm dụng. Dù vậy chàng vẫn yêu nàng một cách quảng đại.

Lúc đó nước sông đã dâng cao mấp mé bờ kè, mặt trăng đã lên cao và tròn vành vạnh tỏa ánh sáng mờ màng trên thành phố như thể vầng trăng vẫn luôn rộng lượng luôn thông cảm với những toan tính bận rộn, nhỏ bé, những hạnh phúc chóng qua và đau khổ không nguôi của con người. Giờ này gió đã mặc áo trắng đi dạo. Chút rượu Hồng đào trong người làm họ lâng lâng: có một lúc họ tưởng mình bay chậm dưới đường trăng trở về nơi ngủ nghỉ.

Đó là lần vào cứ cuối cùng trong năm Đinh Mùi của Ngọc Thu, trước Noen khoảng một tuần. Ở làng Rí không có bầu khí rộn ràng đón Giáng sinh như ở các tỉnh thành, nhưng khí trời trở lạnh làm nàng bồn chồn xao xuyến. Nàng nhớ đến Tuấn Nhon, rồi đến Đức Lai mà nàng yêu tha thiết, với một nỗi nhớ quay quắt, bồn chồn. Bởi lẽ có hai trong một tình yêu mà nàng dành cho Đức Lai: nàng đồng thời là người phụ nữ --mẹ và người phụ nữ --tình nhân, nói cách khác tình mẫu tử là phong mãn, tình yêu say đắm là vỡ diễn.

Lần vào cứ này, nàng không mang thuốc giảm đau cho chàng nữa vì vết thương chàng đã khỏi hẳn, chỉ một ít thuốc thông thường cùng thức ăn khô, kem đánh răng, xà bông, muối, đường phèn, cà phê, và đặc biệt là băng vệ sinh thuốc điều kinh và an thần cho hai cô Kim Đợi và Hồng Liên. Nàng cho họ những thứ ấy và không lấy lại tiền bởi một mối thương cảm những

phụ nữ có cảnh ngộ không may, những viên gạch lót đường cho một vinh quang sẽ đến. Một vinh quang giả ảo!

Tối hôm đó, sau bữa ăn với những thức ăn mà Ngọc Thu mang vào. Nàng nằm bên cạnh Đức Lai trò chuyện chờ giấc ngủ đến với họ giữa rừng sâu. Nàng bỗng thở dài và nói:

“Em buồn lắm anh Lai ơi, em chưa kịp khuyên bảo Khánh Dung và Khánh Loan thì chúng nó đã tham gia đấu tranh Phật giáo, rồi Khánh Dung đã theo một bạn trai của nó chạy vào núi, còn Khánh Loan bị bắt ở Đà Nẵng. Chú út nó phải nhờ người bảo lãnh mới được thả ra và đi học lại.”

“Nhưng khi em nói chúng đừng tranh đấu, chỉ lo học hành cho giỏi liệu chúng có nghe không. Thế hệ chúng nó có lẽ cũng không hơn thế hệ mình nghĩa là cũng bị cơn hồng thủy từ phương Bắc cuốn trôi đi cách này cách khác.”

“Có cách nào chặn đứng cơn hồng thủy ấy lại không anh?”

“Cho đến lúc này anh chưa thấy có,” rồi Đức Lai nói tiếp, “Hồi nãy em nói Chú út có phải là Tuấn Nghĩa không?”

“Đúng đấy, sao anh biết chú ấy?”

“Biết vì hồi ở làng, anh ‘cù lần cù là’ lắm. Anh không tìm được bạn đồng lứa nên phải tìm mấy đứa nhỏ hơn mình có khi đến tám chín tuổi để chơi trong đó có út Nghĩa. Anh cũng rất thích chơi với thằng Sọt Rác. Nó là một triết gia bẩm sinh nhưng rồi cái tài suy luận thiên phú của nó cũng ngày một lụi tàn trong một làng quê nghèo nàn lạc hậu. Thế đó, em biết rồi còn gì.”

Ngọc Thu quay người nằm sấp nói:

“Bây giờ anh khác rồi.”

“Nhờ anh gặp được em chịu lắng nghe anh nói. Và em giống như một bà mẹ, anh hát gì mẹ cũng khen hay...”

“Thôi đừng nói nhảm nữa...”

“Vậy anh không nói nhảm, nhưng sẽ làm nhảm được không?”

Nàng im lặng không nói, lúc đó hai giọt nước mắt nàng chảy xuống vì đột nhiên nàng nhớ đến Khánh Dung và rất lo lắng cho con nàng. Đức Lai hỏi:

“Em khóc phải không? Này nhé có những lúc anh cũng buồn như em vì anh

tự nhủ mình đang hy sinh đời mình kể cả mạng sống mình một cách vô ích cho một tập đoàn gian ác, mình phải làm gì đây nhưng anh nghĩ mãi không ra. Anh tưởng mình sắp rơi vào tuyệt vọng vì chúng sẽ giết anh nếu biết anh có ý định hồi chánh, nhất là Huy Phụng vì có lần anh ta hăm dọa: ‘Chỉ cần mày có ý định về hồi chánh để ở với con Ngọc Thu thì tao sẽ giết mày dù mày có là em vợ tao trước đây’ (Còn một câu khác của Huy Phụng mà Đức Lai không kể lại, ‘Con nhỏ đó đã bị anh Ba Phụng của mày phá trinh trong rừng Bò Cạp lửa, lúc chở gạo của Lê Bát đi xay’)

“Một tuần sau, anh chợt nhớ mình có cuốn Tân Ước giấu dưới gầm giường lâu ngày quên mất, anh lấy ra đọc ở hai chỗ là bài Phúc thật tám mối và lúc Chúa Giêsu bị hành hình. Anh chảy nước mắt vì biết chính Đấng Tối Cao đã soi sáng cho anh. Từ đó mỗi khi hành quân đánh phá, anh đều đọc thầm một câu: “Lạy Chúa nếu hôm nay con có chết thì xin Chúa hãy nhận cái chết này và sử dụng theo ý Ngài muốn.”

“Nghĩa là sao em không hiểu?”

“Nghĩa là khi dâng trước cái chết của mình cho Đấng Tối Cao, thì ma quỷ và tập đoàn gian ác sẽ không chiếm dụng được nữa. Vả lại trong tay Đấng Tối Cao cái chết của anh dù hèn mọn, sai lầm cũng có thể còn đem lại lợi ích nào đó cho những linh hồn thiện tâm trên cõi đời này... Từ đó anh không còn tuyệt vọng nữa như tác giả Phaolô có nói ‘hy vọng vượt quá mọi hy vọng’ hay ‘hy vọng ở nơi chỉ còn là tuyệt vọng’ ”

Ngọc Thu không nói, Đức Lai chồm người qua vai nàng nói thì thầm:

“Vậy Thu cũng đừng bao giờ tuyệt vọng nghe.”

“Vâng, em sẽ cùng anh rán sống chết với niềm hy vọng...”

Rồi sự thì thầm ấy làm tình yêu lại trào dâng trong họ. Đức Lai buông vai nàng, ngồi dậy kéo quần nàng xuống phơi bày đôi mông tròn to mềm mại của nàng nhô lên từ cái eo nhỏ nhắn như hai quả đồi to tròn nhô lên từ một bình nguyên hẹp trong nắng chiều. Cùng lúc nàng lòn tay dưới bụng cởi sẵn những nút áo như một bà mẹ sắp cho con bú mớm. Thêm một lúc dạo đầu, Đức Lai từ phía sau đi sâu vào giữa hai mông nàng đã rướn lên, hai tay ôm vú và miệng tì vào tẩm lưng trần của nàng. Những động tác phi ngựa của chàng làm hai người rên rỉ hòa cùng tiếng côn trùng trong đêm, trong lúc

bếp lửa để sưởi ấm chỉ còn có than hồng rực rỡ và trong suốt. Lúc này họ như hai con thú trong cái hang bằng cỏ giữa rừng sâu hoặc như hai người trên con thuyền rách lênh đênh giữa biển náu kéo những lạc thú sau cùng.

Nàng lim dim đôi mắt như một bà mẹ vừa cho con bú vừa ru con ngủ trên chiếc võng đu đưa. Hơn thế, nàng cảm nhận nhịp điệu và khoái cảm mà chàng trao ban để đáp lại cho tới giây phút cộng hưởng mãnh liệt sau cùng xảy đến làm nàng kêu lên trong một tiếng thở dài. Sau đó nàng nằm ngửa lại, rút tấm thân trắng ngà vào người chàng và họ như hai đứa trẻ vô tư, vứt bỏ mọi lo lắng dằn vặt giữa chiến khu, vùng đất có thể bị oanh kích bất cứ lúc nào, dù bên dưới cái chòi ấy là hầm trú ẩn đào sâu vào đất đá, đủ cho hai người ngồi sát vào nhau. Mười phút sau họ chìm vào giấc ngủ.

Ngày hôm sau, Đức Lai dẫn nàng đi ra những nơi bẫy thú để kiếm mồi, thỉnh thoảng cũng có một vài con đi lạc vào nơi đóng quân vì chúng sợ hơi người và tiếng súng nên từ lâu đã vào sâu trong núi. Họ như hai trẻ thơ đi hái nấm rừng sau vài cơn mưa lớn đầu mùa. Tối chiều họ thu được một con gà rừng và một hai con cá tràu trong cái hom tre đặt trong lòng suối. Ở đó họ tắm mát buổi trưa rồi làm tình và ngủ trong một thạch động. Lúc ngồi ăn bữa tối trong chòi, Ngọc Thu nói:

“Nhiều lúc em chỉ muốn trở về bụng mẹ để tìm lại hạnh phúc yên nguyên...”

Đức Lai bỏ khúc xương đùi gà xuống lá cọ dùng để thay mâm, trở mặt hỏi:

“Sao em lại có ý nghĩ quái đản và ngây ngô như thế?”

Nhận thấy vẻ mặt khó chịu của Đức Lai, Ngọc Thu thẹn thùng bối rối đáp:

“Vừa qua em đọc một bài báo của thiền sư Nhất Hạnh, ông ví cái cõi “thường lạc” của Phật giáo như lòng mẹ trong đó bào thai được thân thể mẹ giữ ấm, được nâng đỡ nhẹ nhàng, được nuôi sống và nối kết nhiệm mầu với sự sống của mẹ qua cuống nhau v.v. Không có hạnh phúc nào bằng hạnh phúc ấy, nó gắn liền với sự vô ưu, vô niệm, vô tâm, vô chấp, vô ngã của bào thai.”

“Có thể nào nói đến hạnh phúc mà không có ý thức và sự cảm nhận của ý thức được chẳng?” Đức Lai bẻ lại, “Nói như thế chẳng khác nào nhìn chim bay, cá lội mà biết rõ chúng nó cảm thấy điều gì, hạnh phúc ra sao. Vả lại

nói trở về tình trạng lòng mẹ thì phải thừa nhận cây cỏ, đất đá hạnh phúc hơn con người dĩ nhiên không phải bằng ngôn ngữ thi ca, và như thế là tiến hóa ngược về một thời điểm trong quá khứ lúc mình mới tượng hình trong tử cung của mẹ với sự sống còn ở tình trạng vô thức. Theo anh nghĩ, chân hạnh phúc phải là viễn cảnh mà con người hướng tới từ trong hiện tại với mọi hạnh phúc nhỏ bé và đau khổ mỗi ngày cùng một nỗ lực hữu thức vươn lên, thăng hoa và hoàn thiện bản thân đến một cảnh giới siêu việt nào đó thay vì hồi cố về lòng mẹ.”

“Bây giờ anh giảng giải như thế em mới hiểu, vì văn ông ấy viết hay lắm.”

“Xem ra sư ông thiền sư Nhứt Hành ấy làm văn chương nhiều hơn là giảng đúng chánh pháp qua bài khảo luận ấy. Vả lại hình thức văn chương là một chuyện, còn ý tứ nội dung lại là chuyện khác. Cái hình thức thường tạo cho người ta một cảm giác bị đánh lừa.”

“Vâng em dở quá, em xin lỗi anh.” Nói xong Ngọc Thu đi dọn dẹp.

Tối hôm đó sau khi hai người cùng dọn dẹp bữa ăn, Đức Lai cố ngồi đọc một đoạn Tân Ước trong ánh đèn hột vịt tù mù, chàng vẫn thường tự nhủ, “Tuy khó hiểu với người ngoại đạo như mình, nhưng thà biết được nửa chữ còn hơn không biết chữ nào. Bây giờ mới biết hồi còn nhỏ mình hát vu vơ, ‘Đức Chúa Giêsu đánh đu gãy căng’ là hát bậy bạ. Đọc xong chàng thấy Ngọc Thu ngồi trên cạnh giường tuồng như chờ chàng đến để âu yếm. Đức Lai rất thích sự yêu sách nhiệt thành của nàng mỗi khi họ gặp nhau. Chàng cất sách đến đứng giữa hai đầu gối nàng, chàng lấy đôi tay bưng lấy khuôn mặt đẹp của nàng và hôn lên má, lên môi liên hồi, còn nàng vuốt lưng trần của chàng. Lúc ngừng hôn chàng nói:

“Anh yêu Thu nhiều lắm và cảm ơn tình yêu của em đã đem chút ánh sáng và hơi ấm cho anh nơi rừng rú này, đồng thời cũng đem lại cho anh niềm an ủi, sự cảm thông giữa nghịch cảnh nhiều nhương của lịch sử ...”

“Anh không cần cảm ơn em bởi anh cũng đem lại cho em bấy nhiêu điều tốt đẹp... vả lại...”

“Vả lại điều gì?”

“Vả lại vì em vốn là gái làng lơ làng Rí mà, đúng không?” Ngọc Thu cười nói.

“Không, em không lẳng lơ nhưng đầy sức sống và lòng thương cảm... Cũng như anh là trai làng Rí mà anh có nát rượu đâu. Còn bây giờ Thu cho anh trở-về-lòng-mẹ của Thu nhé?”

Nàng lúng liếng đôi mắt tình tứ và khúc khích cười vì Đức Lai nói đúng về cảm nghĩ của nàng trong lúc này. Rồi nàng thôi cười, thoát y và ưỡn bộ ngực nàng cùng phần thân dưới: hai đầu vú nhô cao, hơi thông ở giữa rơi dài một lọn tóc rối như một dòng suối đen chảy giữa hai quả núi; phần thân dưới eo rất bề thế, cân đối và đỉnh đặc, rưng rức một lớp mỡ mỏng từ rốn, vững vàng và ngồn ngộn ở háng. Rồi trong tư thế sẵn sàng ấy nàng nói:

“Vâng, ‘trở-về-lòng-mẹ’ như nhà sư Nhứt Hành nói đi anh...Bây giờ ‘lòng mẹ’ này chỉ dành cho anh thôi.”

Chàng kéo nàng nằm xuống, mấy phút sau chàng xâm nhập vào nơi ấm áp và ẩm ướt của nàng rồi liên tục ấn mạnh và sâu vào cửa động đào nguyên. Sau đó hai người cùng tận hưởng lạc thú với đầy đủ ý thức và cảm xúc tăng lên phi mã mà không nghĩ mình phải ao ước cái thường lạc, thanh tịnh, vô vi, vô ngã vô thức được ví với sự quy hồi mẫu cung của sư ông Nhứt Hành nào đó.

Thế nhưng qua một đêm được thỏa mãn, nàng có cảm tưởng Đức Lai sau hai lần cần mẫn và miệt mài thao tác hần để đưa cả con người chàng vào nàng (dưới dạng nén chảnh hạn), nên sáng sớm khi thức dậy, một cách vô thức nàng lấy tay sờ ngay vào bụng mình với ý nghĩ nó phải nhô lên đỉnh đặc, đường hoàng và to bằng cái thai sáu tháng. Nhưng nàng vẫn chỉ thấy bụng mình vẫn nhỏ nhắn, gợn gàng khiến nàng phải tức cười về ý nghĩ và hành động của mình trong lúc còn ngái ngủ. Nàng chợt nhớ lại mới qua kỳ hành kinh có mấy ngày. Vậy chắc chưa có quả-trứng-vô-ưu nào kịp rụng khỏi buồng trứng. Thế nên nỗ lực tiến hóa ngược tối hôm qua theo mô-típ Nhứt Hành đã thất bại. Lo gì, sau cùng nàng nghĩ, tối nay mình với Đức Lai sẽ thực hành lại lần nữa.

Làm sao Ngọc Thu nghĩ còn có hy vọng cứu mang Đức Lai vào tử cung? Vì cô đã không đọc được một vài bài viết khác của Nhứt Hành về không tính là sự rỗng không, không sinh nở, không sáng tạo, không canh tân, không đổi mới, so với sự lặp lại đến độ nhàm chán cái mà họ gọi là Nghiệp.

Khi giấu biến cái diệu hữu, Nhứt Hành đã biến Phật giáo thành một học thuyết hư vô mà không tự biết mình là hư vô vì hư vô này cũng bị thiên sư lèo lự chối bỏ. Vô tình hay hữu ý, thiên sư này đã giộng ngược đầu ông Phật xuống đất, chống cằm lên trời: với chính pháp đi từ Chân-không đến Diệu-hữu, Nhứt Hành đã rêu rao một hành trình ngược lại đi từ Diệu-hữu đến Chân-không và đương nhiên hư vô hóa mọi sự.

Vả lại có lẽ Nhứt Hành cùng một số trí thức Phật giáo lúc này đang sử dụng không tính như một cái lưới để đánh bắt con cá Mác-xít hay như một tử cung để nuôi cấy cái mầm CS, hình thành một tổng hợp giữa Phật giáo và Mác-xít để làm nên tư-tưởng-nhà-nước sau này – một nhà nước mà họ không hổ thẹn rêu rao giống với thời đại Lý-Trần. Và không nghi ngờ rằng một sự tổng hợp lý thuyết như thế có nhiều khả năng thành một quái thai, như vẽ hình một ông Phật có đuôi, có răng nanh và chân guốc. Vừa vô tình vừa cố ý, Nhứt Hành đã tạo một bức màn khói (sắc sắc- không không) để che giấu bức màn sắt giùm cho người tình hung ác của y... Nhưng sau cùng phải chăng vì thiên kiến và lòng ganh tị, muốn tiêu diệt đạo Chúa mà một số Phật tử mang danh là trí thức đã hoá rồ?

Hai hôm sau Ngọc Thu trở về làng Rí, Đức Lai hẹn cùng nàng sau tết Mậu thân cuối tháng giêng sẽ gặp lại vì có lệnh mật phải cấm quân. Hình như sắp có một chiến dịch lớn của VC hoặc của địch mà du kích trong bưng phải chuẩn bị để hành quân hoặc nghênh chiến. Vả lại Ngọc Thu đã định đón tết tại nhà mẹ Tuấn Nhon với Khánh Loan nhằm nối lại những mối dây thân tộc đã bị đứt quãng lâu ngày.

Ngày 23 tháng 12 âm lịch, Ngọc Thu làm một mâm cơm cúng chồng, bày trước hình của Tuấn Nhon trên căn gác nhỏ. Nàng cầu xin tổ tiên cho sớm gặp lại Khánh Dung. Sau đó nàng và Khánh Loan mua sắm ít phẩm vật tại địa phương như lá chuối, dây lạt, gạo nếp, đậu xanh thịt heo và gà vịt để về Đà Nẵng ăn tết với gia đình chồng quá cố.

Không khí chuẩn bị tết ở Đà Nẵng cũng nhộn nhịp như mọi năm vì có một số người trở nên khá giả nhờ việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho bộ phận hậu cần của quân đội Mỹ. Ngọc Thu cảm thấy vui tươi trở lại chỉ ít là

bên ngoài vì canh cánh bên lòng nỗi lo lắng cho Khánh Dung và nỗi nhớ nhung thầm kín Đức Lai, trong lúc Khánh Loan phân vân giữa việc chờ đợi Mạnh Cường trở về sau ngày CS chiến thắng với việc chấp nhận hôn nhân mà Huỳnh Hiến đề nghị. Cô biết rõ tình yêu của chàng vì có lần muốn chàng thôi yêu cô, cô đã kể lại kỷ niệm thân thiết của cô với Mạnh Cường trong những ngày tá túc ở chùa Phổ Quang, tránh bị cảnh sát chống biểu tình vây bắt, nhưng chàng không coi đó là một cái cớ để hết yêu cô, và có lẽ chàng chỉ coi đó là sự bông bột nhất thời của tuổi trẻ.

Chú út Tuấn Nghĩa được đặc cách về nghỉ tết ở Đà Nẵng vì Thanh Hiên phải mỗi khi sanh con đầu lòng, trong khi các quân nhân ở Huế cũng như ở Đà Nẵng đều phải cấm trại để sẵn sàng tác chiến. Dù sao cái tết này cả nhà đoàn tụ khá đầy đủ và cũng có nhiều điều phấn khởi.

Ngày mừng hai tết khi trời vừa tối tiếng súng vang lên đây đó. Tuấn Nghĩa chạy đến trình diện tại tiểu khu và ở lại đó để chống trả cuộc nổi dậy của VC đánh vào Đà Nẵng giữa những ngày tết Mậu thân.

Chiều ngày mừng ba tết những chiếc chiến xa và quân biệt kích đi ngang qua nhà tiến về phía tây nam thành phố. Nửa giờ sau trong lúc các phụ nữ đang ngồi nghe đài phát thanh, một đạn pháo xé gió rơi vào sân sau nhà bà Trình. Nửa gian nhà bếp bị sập cùng tiếng thét của mấy phụ nữ vang lên. Khánh Loan ôm lấy cánh tay bị mảnh đạn xuyên qua, máu đỏ ướm đầm tay áo. Cô Tư chạy vội vào trong xóm kêu một bác xích lô chở Khánh Loan vào ngay bệnh viện mặc cho đạn pháo vẫn nả vào thành phố. Ở một góc trời đêm, tiếng đạn bắn lách tách vẽ lên bầu trời những đường cong của lửa. Tối mừng ba cuộc chiến ác liệt ở nhiều khu ngoại thành. Tiếng máy bay trực thăng quần trên bầu trời trong ánh sáng của trái châu, nã những loạt đạn từ trung liên nghe như tiếng bò rống.

Đám phụ nữ nhà bà Trình kể cả con dâu Thanh Hiên và đứa bé trai sơ sinh đều chui xuống bộ ván đầy tám phân chung quanh tấn những bao cát mới làm, khuôn mặt thấn thần, hoảng hốt. Cả nhà cầu xin cho cậu Út bình an trong đạn lửa. Khi biết được cuộc tổng tấn công xảy ra trên toàn quốc, tâm trí Ngọc Thu càng thêm bồn loạn. nàng tự hỏi không biết ở Huế, Khánh

Dung có cầm súng chiến đấu không. Sau cùng không biết làm gì hơn nàng chỉ còn biết thầm xin ơn trên cho Khánh Dung, cho Đức Lai tai qua nạn khỏi.

Từ ngày mừng năm qua đài phát thanh, người dân thành phố Đà Nẵng đều biết cuộc tấn công nổi dậy của CS hoàn toàn thất bại với con số người thương vong rất cao. Sự liều lĩnh trong chiến lược đã giết chết rất nhiều người lính thiện chiến của họ. Riêng tổ chức đảng cả miền Nam sau đó chỉ còn khoảng 8.000 đảng viên. CS chưa từng có tổn thất nào to lớn như thế. Và nỗ lực cứu vãn thất bại bộc lộ một cách tàn nhẫn với việc cưỡng sát người dân Huế. Hơn sáu ngàn người dân Huế bị sát hại một cách vô cớ với sự tiếp tay của một vài Phật tử trong giới đại học và sinh viên đã bị nhuộm đỏ xác hồn, trở thành một công cụ bất nhân trong tay CS.

Sau chỉ hơn một tuần cuộc nổi dậy Mậu thân ở Đà Nẵng bị đập tan, nhưng nỗi bàng hoàng của Ngọc Thu và Khánh Loan còn kéo dài nhiều ngày sau đó. Cũng may vết thương của Khánh Loan không trúng chỗ hiểm. Cánh tay chỗ vết thương bị gãy nhưng chỉ nẹp không bó bột vì phải đồng thời điều trị cho vết thương được lành. Mẹ nàng hai buổi đến chăm sóc cho nàng. Hai mẹ con không dă động gì đến chiến cuộc mà tâm tư nặng trĩu. Thức ăn chuẩn bị cho tết thành thức ăn nuôi bệnh và bà mẹ cùng cô Tư lấy chuyện tết nhất và học hành để làm cho không khí được nhẹ nhàng.

Thế là mùa xuân vốn miên viễn trong sâu kín của lòng người đã lướt thẳng cái buồn thảm nhất thời của chiến tranh. Mặc dù trong lòng Ngọc Thu vẫn tự nhủ, “Họ điên sao mà lại làm một cuộc nổi dậy tự sát trong lúc này. Cũng không phải là tự sát: họ phung phí máu-của-người-khác một cách vô tội vạ.” Phần Bà Trình và mấy chị của Tuấn Nghĩa mừng vui đến độ ngỡ ngàng: “Nếu út Nghĩa ở lại Huế thì khó tránh khỏi bị giết chế hoặc bị bắt làm tù binh.” Và niềm vui thấy con thoát chết của bà Trình có lẽ còn vui hơn Tết. Lạ Chúa tôi, hă Chúa-của-nó chở che cho thằng Út.

Bốn ngày trước khi Khánh Loan được bệnh viện cho về, Tuấn Nghĩa và Huỳnh Hiến vào bệnh viện thăm Khánh Loan. Không hiểu sao suốt buổi từ lúc nhận bịch cam và bánh mứt của Huỳnh Hiến, nàng cứ thẹn thùng như con gái mới gặp bạn trai lần đầu. Nàng tránh được sự bối rối ấy vì câu

chuyện chủ yếu là giữa hai chú cháu. Huỳnh Hiễn thỉnh thoảng chỉ góp lời một cách khiêm tốn.

Sau khi nhìn Khánh Loan đăm đũa, Huỳnh Hiễn nổi gót Tuấn Nghĩa ra về, nàng uể oải nhìn vào trong túi quà mấy cái bánh cốm, những quả cam và trong đó có một cái thiệp chúc xuân. Nàng thấy dị hợm nhưng nghĩ lại xuân của đất trời đâu chứa một ai, đâu tránh nơi nào, chiến trường hay bệnh viện... Nàng tò mò lấy thiệp ra xem, ngoài những lời chúc xuân trang trọng có kèm theo một bài thơ trên giấy hồng. (Bài thơ này Huỳnh Hiễn đã nhờ Thanh Phong làm hộ). Bài thơ có tên là Không đề:

Đừng nhìn anh kiêu kỳ bằng một mắt
Của nàng công chúa xứ mù,
Để anh còn nhìn em hiền từ
Bằng nghìn con mắt của Quán thế Âm,
Mỗi con mắt trên bàn tay không vũ khí.

@

Anh mệt mỗi giờ nghìn tay,
Trong cơn sốt quy hàng giấu mặt
Tuổi xanh non.
Và khi em cười như một trẻ thơ,
Pha trong nụ cười chút màu phạm thánh.

@

Em phạm thánh vì em là nữ thánh
Của tình yêu đã ngưng kết trong thơ.

Nàng đọc và nàng cảm động bởi tâm tình tha thiết mà Huỳnh Hiễn dành cho mình. Tuy nhiên là một người theo đạo Chúa hẳn chàng có thể không khắt khe lên án sai lầm của nàng. Sau cùng để khỏi bị tình cảm giằng xé, nàng tự nhủ, “Trái tim ta ơi, ta sẽ nghe theo những lời người truyền bảo. Nếu người không lên tiếng thì một lần nữa ta sẽ nghe theo lời bản năng ra lệnh bởi vì chưa bao giờ ta khao khát được yêu như lúc này.”

Sau tết hai mẹ con Ngọc Thu - Khánh Loan ở lại nhà bà Trình, Khánh Loan chuẩn bị học thêm mấy tháng nữa và đi thi tú tài hai. Tuy Ngọc Thu chưa về lại làng Rí nhưng qua tin tức của bạn hàng làng Rí ra Đà Nẵng lấy hàng, nàng nhận được hung tin Huy Phụng tử trận ở ngoại vi thành phố Đà Nẵng, Đức Lai bị bắn gãy chân và bị bắt làm tù binh. Chàng được quân y của lính Cộng Hoà cứu chữa trước khi xuống tàu ra Côn Đảo chờ ngày trao trả tù binh, Ngọc Thu khóc mấy đêm liền sưng cả mắt. Mẹ chồng có hỏi, nàng nói trớ mình thương nhớ và lo lắng cho sinh mệnh của Khánh Dung. Có lúc nàng thở dài thườn thượt thấy đời sống mình nhiều đau khổ quá và chỉ muốn chết.

Hai người nàng yêu nhất đời là Tuấn Nhon và Đức Lai thì một người đã tử biệt, một người hôm nay lại rơi vào cảnh sinh ly. Cuộc chiến này bao giờ mới kết thúc? Dĩ nhiên CS sẽ không buông vũ khí vì họ xác quyết mình đang “đúng” và nguy tín mình yêu nước trong khi chỉ là con cò trong tay khối CS: Họ bất chấp những phê phán nghiêm khắc của các triết gia Tây phương trong và ngoài Giáo Hội đối với chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa này đang muốn chứng minh nó đúng bằng súng đạn như ở châu Á hiện nay và khi làm thế, họ miệt thị lý trí của con người. Những lần buồn thảm như thế, hình ảnh của Châu phu nhân mà nàng được gặp trong rừng, lại hiện ra trong trí nàng với một nụ cười hiền hậu: “Em đến với chị đi, chị em mình có duyên với nhau lắm!”

Ngay sau khi tình hình Đà Nẵng đã ổn định, Tuấn Nhon theo đoàn quân hậu bị ra giải phóng Huế đã bị VC chiếm giữ. Trước khi lên đường, chàng nhờ chị dâu Ngọc Thu chăm sóc cho Thanh Hiên vợ chàng, chàng nói:

“Em nhờ chị chăm sóc Thanh Hiên vì mẹ lúc này đã già yếu. Em và các đồng đội khác sẽ lấy lại thành phố Huế. Lúc đó em sẽ báo tin để chị đưa vợ em ra Huế đồng thời chị cũng ra theo để hỏi tin tức cháu Khánh Dung.”

“Được, em cứ yên tâm, chị và cháu Khánh Loan sẽ lo bà nội và cho vợ con em. Chị cũng sẽ ra Huế một chuyến để dò hỏi về Khánh Dung.” Ngọc Thu đáp khuôn mặt vẫn trầm buồn.

Trong những ngày đầu tái chiếm thành phố Huế, lính cộng hoà gặp sự chống trả mãnh liệt của bộ đội miền Bắc. Nhưng với hoả lực của pháo binh

và máy bay, VC co vào thành nội và cố thủ những nơi xung yếu sau cùng phải tháo chạy.

Ngay từ những ngày đầu chiếm được thành phố VC đã lập toà án ngay tạo để tàn sát những thành phần chống đối theo châm ngôn “thà giết lầm hơn bỏ sót”. Đến khi tháo chạy chúng giết hết các ‘tù binh’, thật ra là những dân thường mà chúng nghi là chống cộng, như những giáo dân ở giáo xứ Phú Cam.

Rời Đà Nẵng được một tháng, Tuấn Nghĩa báo tin về nhà nhờ chị dâu Ngọc Thu đưa Thanh Hiên và cháu bé ra lại Huế vì lính cộng hoà đã chiếm lại thành phố và đang ổn định lại tình hình. Khánh Loan cùng đi vì trường sư phạm ở Huế cũng sẽ mở cửa lại.

Xe đồ qua cầu An Cựu, vượt khỏi vòng xoay trên đường Hùng Vương là đã tới gần nhà của Tuấn Nghĩa trong quận Phú Nhuận. Hai vợ chồng trẻ đã mua căn nhà này trước Tết mấy tháng. Thanh Hiên bế con mọn cùng Ngọc Thu và Khánh Loan xuống xe. Một không khí chiến tranh u ám, buồn thảm vẫn còn bao trùm thành phố. Họ đi bộ vào xóm An-nà, kiệt 1, không xa nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế, sau lưng đình Dương Phẫm, gần bờ sông An Cựu, nơi mà khi xưa thuyền rồng của vua Bảo Đại hay đi qua khi đến dinh An Định, nay là chỗ ở của bà Từ Cung, mẹ cựu hoàng Bảo Đại. Thanh Hiên vui mừng khi thấy căn nhà không trúng bom đạn cũng không bị cướp phá, trong khi có mấy căn nhà phía sau lưng bị trúng pháo kích như gia đình của Ngô Kha là người cùng xóm.

Họ dọn dẹp lại nhà cửa, buổi trưa Tuấn Nghĩa có ghé về một lúc rồi lên lại tiểu khu. Khánh Loan đi thăm hỏi mấy người bạn học cùng lớp. Ngọc Thu định chờ con vào học lại và ở chơi với em dâu ba tuần rồi sẽ trở về làng Rí tiếp tục việc buôn bán. Thời gian này nàng muốn mượn cảnh trí lạ lẫm ở Huế để khuây khoả nỗi sầu muộn canh cánh trong lòng nàng: Đức Lai mà nàng rất yêu thương đã bị bắt và đưa ra Côn đảo, Huy Phụng, và hai cô Hồng Liên, Kim Đợi đều đã ngã gục trên đường tiến vào nội thành Đà Nẵng, tội nghiệp Mỹ Xuân lại mất người chồng thứ ba là Văn Tầm chỉ còn người em út có tật và đi khắp khiếm cũng là em của Đức Lai. Cơ sở VC ở làng Rí hoàn toàn bị triệt phá. Dĩ nhiên trong ba tuần ở đây nàng sẽ dò hỏi

tin tức của Khánh Dung. Nàng cầu xin trời phạt cho nó không tham gia cuộc chiến và vẫn bình an vô sự. Thật ra con nàng vẫn bình yên dù không có tin tức gì vì trong núi, Khánh Dung và vài người bạn khác được giao cho việc canh coi và phục dịch tiến sĩ Lê Văn Hảo, Thích Đôn Hậu và mấy nhân vật trong Liên Minh bù nhìn được đưa lên núi trước ngày VC tấn công vào Huế.

Trong những ngày ở Huế, mỗi khi nhận được tin một địa điểm chôn người tập thể được khám phá, Ngọc Thu đều thuê xe tìm đến vì nàng ngờ rằng đó là nơi chôn các bộ đội bị tử trận khi đụng độ với đối phương hoặc bị trọng pháo và phi pháo của đối phương oanh tạc. Nhưng sau vài lần nàng mới vỡ lẽ đó là nơi chôn các nạn nhân bị VC tàn sát. Ngoài các viên chức của thành phố Huế không chạy kịp, phần lớn là thường dân vô tội, đặc biệt là những giáo dân công giáo (mà “họ” có thể coi là kẻ thù trực diện và truyền thống từ thời Văn thân lắm chứ). Thấy người nhà các nạn nhân khóc lóc thảm thiết khi nhận ra người thân, nàng cũng sụt sùi khóc theo trong lòng thầm nghĩ về các đồng chí CS của nàng: “Sao các anh tàn ác đến thế còn hơn cả loài thú dữ ... Các anh giết chết đồng bào đồng loại của các anh trong tay không tắc sắt... Thật là ác độc và hèn hạ.” Tiếng khóc của nàng cùng với những tang gia ngoài sự thương cảm còn có sự tức tưởi, oán giận những đồng chí mà chỉ có mình nàng hay biết. Vô hình trung Ngọc Thu đã trở thành chứng nhân của sự thảm sát ở Huế mà CS gây ra, vì dù biết chắc không thấy Khánh Dung ở đó, nàng vẫn đi xem rồi khóc, tối về nhà đôi mắt đỏ hoe, ban đêm trằn trọc và thốn thức.

Chúng bắt tất cả 5800 người, giết tại nhà độ 100, đưa ra Bắc độ 100, còn lại bị giết tập thể tại 4 địa điểm:

- 1) Khe Đá Mài thuộc quận Hương Thủy với trên 400 người bị giết chết.
- 2) Bãi Cát Xuân Ô Diên Đại quận Phú Vang.
- 3) Sau Chùa áo vàng - quận 2 đường Chi Lăng.
- 4) Bãi Dâu - quận 2 phía Bao Vinh.

Một hôm, tình cờ gặp đoàn xe của Tiểu Khu Thừa Thiên đi đào xác hai hố tập thể ở Xuân Ô Diên Đại, nàng theo những người đi tìm xác các nạn

nhân. Đoàn xe đi theo tỉnh lộ rải đá về hướng Tây Bắc thành phố Huế. Đến chợ Sam xe dừng lại vì chỉ còn cách xa một cây số, đoàn người đã ngửi thấy trong gió biển mùi hôi thối. Họ đi bộ tiến về bãi chôn người cách 500m thì một cảnh tượng hãi hùng xảy ra . Rõ ràng là một bức tranh của quỷ trong truyện viết về côi Âm tào địa phủ : Trên các giòng (lăn) của bãi cát là những người chết được giữ đứng bởi một cọc tre hoặc sắt gỗ xuyên từ đít lên tới đầu chừng 40 cụm , mỗi cụm 5 đến 10 người, phía dưới chân là những người bị chặt ngang cổ, có người bị chặt chân hay ngang bụng. Bên dưới các giòng cát thì nước mội còn rịn rịn vì trời còn mưa lai rai suốt cả tháng là những người bị chôn sống, hai tay họ bị buộc chặt sau lưng; họ còn bị đặt quay mặt lại như đang nói chuyện với nhau, có người trên đầu còn đội mũ, có người trên nón còn gắn một đoạn thuốc lá hút dở. Tất cả đều tím đen hoặc rỉ nước vàng hôi thối ghê gớm. Sau cùng là các hầm, hầm được lấp đi cả dây thừng và chân tay lòi ra ngoài lớp đất mỏng, mỗi hầm có bốn đến năm cây xam xuyên qua, lòng bàn tay bằng dây kẽm to và bị đánh bằng vật cứng ở sau đầu, cũng có người bị tan nát mặt, tất cả đều bị thối rữa rất khó nhận dạng.

- Chiều hôm đó lê thân về đến nhà Ngọc Thu mắt đỏ vì khóc, mặt tái xanh, thỉnh thoảng lại nôn ọe, nằng bỏ ăn và nằm bẹp mấy ngày. Thanh Hiên phải năn nỉ chị dâu đừng đi nữa. Ngọc Thu mếu máo đồng ý. Cho đến ngày về làng Rí nằng câm nín, thỉnh thoảng nói một vài câu rời rạc. Có lẽ nằng đã rơi vào sự trầm cảm.

- Phần Khánh Loan những lúc rảnh rỗi ở nhà nằng thích bế em bé con của chú Nghĩa và thím Hiên. Sự ngây thơ và lớn lên, thay đổi mỗi ngày của thằng bé truyền cho nằng niềm vui sống giữa đất Huế mà sự chết chóc còn lờn vờn xung quanh. Chưa bao giờ Huế buồn như lúc này, buồn nẫu gan nẫu ruột. Buổi sáng vẫn dày kín sương mù, buổi chiều vẫn mờ ảo chìm khuất trong vô định, hắt hiu khói sóng.

- Nhưng trong nỗi buồn mơ màng ấy có thêm nỗi buồn mất mát mà chết chóc đem lại và nhất là có thêm một nỗi hổ thẹn như một người con gái để bị cưỡng dâm thay vì tuân tiết khi có thể làm được. Bộ mặt gớm ghiếc của thù hận đã có dịp phơi bày. Những kẻ chỉ điểm để VC tàn sát, những kẻ

ngồi ghế pháp quan chẳng phải là những người con của Huế sao? Và chính họ đã xóa bỏ một xứ Huế vốn hiền hòa, sùng đạo Phật, biến Huế thành diễn trường của giết chóc, của thù hận và của chủ nghĩa hư vô...Có thể họ bị cường bách và dân Huế cũng sẽ tha thứ cho họ (forgive, yes; forget, no), nhưng chấn thương này quả là khủng khiếp trong tâm lý lê dân. Hạt giống bóng tối vẫn-có-đó có khi dưới những dáng vẻ hiền hòa và đã bất ngờ mọc thành cây cao. Có Đấng nào cứu chúng ta không? Và có một lúc Khánh Loan nhủ thầm, “Có lẽ anh Huỳnh Hiến nói đúng...”

· Đôi khi đang bế cháu trai, Khánh Loan thấy có những nhà sư trong bộ áo vàng hoặc nâu còn mới và bóng như lụa đi ngang nhà để đến dinh của bà Từ cung ... Nàng chợt nhớ đến lời giáo sư dạy sử nói về sự “vận động hành lang của Phật giáo”, một thứ lobby của các nhà sư bên cạnh các triều đại qua việc lui tới thăm thì cùng các bà Thái hậu, Từ Cung, hoàng hậu hoặc một bà phi nào đó. Nhờ đó họ đã ảnh hưởng gián tiếp đến các ông vua. Dĩ nhiên để bảo vệ một Phật giáo không chấp nhận canh tân và cực kỳ bảo thủ. Nàng tự hỏi tại sao một xứ Huế hiền hòa có thể nói là đất Phật bỗng nhiên trở thành một hỏa ngục. Lẽ nào Phật giáo thuần túy với lòng từ bi hỉ xả chỉ còn là một bóng mờ, một hồn ma vất vưởng trong khi Phật giáo ý thức hệ vất bỏ từ bi để giương cao thù hận đang ‘lộng giả thành chân’.

· Có những buổi chiều buồn, Khánh Loan nhớ về Đà Nẵng và khát vọng một tình yêu. Lúc đó nàng nhớ thương da diết Huỳnh Hiến, bạn của chú Nghĩa, một iễn HiếnHhhHHieHHiến asdasdasderoweiruweiorkfghlcvn,nc,vm.nxc,vm.nxcm,.zvncm,vbcxm bvohtyeopti chàng thanh niên hiền hậu và đã yêu nàng chân thật. Mặc dù sau này gia đình Mỹ Xuân không dám tiết lộ nhưng qua mẹ nàng, nàng biết Mạnh Cường và Huy Khang đều tháp tùng Gs Lê Văn Hảo, Hoà thượng Thích Đôn Hậu và vài thành viên khác của Liên Minh bù nhìn ra bắc. Trước đó Khả Thúy người yêu của Huy Khang và người bạn trai cùng vào cứ với Khánh Dung đã chết khi bị một đơn vị biệt động quân phục kích họ trong rừng. Đặc biệt Mạnh Cường từ trong núi đã gửi cho nàng một bức thư chia tay trong đó anh chàng nói sẽ tu hành mãi mãi và sẽ không hồi tục nghĩa là anh chàng sẽ không bao giờ chính thức cưới nàng như đã hứa. Sau

đó ít lâu, cô nói với chú út Nghĩa cô sẽ học đạo và sẽ nhận lời cầu hôn của Huỳnh Hiến. Tuấn Nghĩa thở phào nhẹ nhõm.

Vĩnh An

Dòng sông oan nghiệt

Chương 10

Lương tâm không thể chết

Mùa mưa năm ấy trời mưa như trút nên nước sông Nghiệt lúc nào cũng đầy. Nhiều chỗ thấp trong rừng đã bị ngập và chắc hẳn những người trong chiến khu đã di chuyển dần lên núi đóng ở những chỗ an toàn có thể tránh được sự oanh kích của máy bay. Và lại sau trận Mậu Thân số quân trong đó không còn được bao nhiêu.

Khánh Loan đã trở lại trường đại học, và vẫn nhận được thư của Huỳnh Hiến gửi ra đều đặn. Ngọc Thu mẹ nàng trở thành một thiếu phụ buồn rầu không còn vào cứ nữa. Cơ sở làng Rí bị phá tan, nàng không có việc gì để công tác, và lại nàng đã hoàn toàn thất vọng, đúng hơn là tuyệt vọng, từ sau vụ Mậu thân. Ngoài việc buôn bán, chờ tin Khánh Dung mà đến nay vẫn chưa có tăm hơi, thăm gia đình của người chồng quá cố và nhớ thương Đức Lai ngoài Côn đảo, nàng không còn làm gì khác. Thậm chí có những lúc nàng thấy tâm hồn mình trống rỗng lạ lùng, một nỗi trống rỗng xót xa đến đau đớn làm nàng không chịu nổi. Những lần như thế nàng lại nhớ đến lời mời đến nơi ở của Châu Phu nhân trong giấc mộng.

Có nhiều dấu hiệu một trận lụt lớn sẽ quét qua làng Rí vì đã hai ngày trời mưa liên tiếp.

Sáng hôm đó, một bà cụ đến chỗ Ngọc Thu bán hàng mua nửa ký cá khô rồi ngồi lại nhàn nhai nhìn mưa rơi và nói chuyện với nàng, bà cụ nói:

“Hồi đó dì tưởng chết nhưng rồi dì không chết, dì lại sống. Con biết không hồi đó dì mới ba mươi tuổi còn trẻ măng, chồng của dì đi làm ruộng thuê về úp cái nón lá trên mái chòi rồi ổng nói với dì, ‘Hôm nay tôi giết chết hai con rắn bằng cái cuốc len nhưng tôi chỉ tìm thấy có một cái đầu để đem chôn, tôi lo quá...’ Dì nói, ‘Tính ông hay lo đấy thôi.’ Sáng hôm sau dì ra

lấy cái nón cho ông ra ruộng, và cái đầu con rắn không tìm thấy cần dì rồi dì ngã xuống như một trái cây chín muồi rụng xuống. Chồng dì và ông thầy trị rắn cần tưởng dì đã chết và ông chôn dì. Nhưng dì đâu có chết vì đầu một con rắn phải ăn đất và bò bằng bụng làm sao làm dì chết được; đúng không? Dì sống lại và còn sống đến hôm nay dì mới mua cá khô của con. Bà-áo-xanh sáng láng đó đã nắm lấy tay dì kéo dì ra khỏi giấc ngủ, khi dì mở mắt ra, Bà ấy chùi sạch nước bọt dính ở khoé miệng, dì ngồi dậy thấy Bà-áo-xanh đã lấy chân đạp giập đầu con-rắn-xưa mà trước đó nó đã cắn gót chân bà.”

“Dì không sợ chết sao?” Ngọc Thu hỏi như thể nàng quên ngay bà-áo-xanh, có lẽ vì trong mưa nàng nghe không rõ.

“Không, con sâu trong kén nó đâu có sợ trở thành con bướm đẹp phải không Thu, nó còn muốn nữa?”

“Dạ phải, nhưng con thấy nhiều người chết oan ức ở Huế vừa rồi thân thể họ rửa nát hôi thối làm con rất sợ, đã sáu tháng rồi mà con vẫn còn run sợ và nôn ọe khi nghĩ đến và lòng con bối rối ân hận...”

Bà cụ như không để ý mấy chữ cuối cùng trong câu nói của Ngọc Thu, bà nói tiếp:

“Nó cũng giống như chượp làm nước mắm. Trước khi có nước mắm nhĩ thơm ngon thì cá trong chượp phải thối lên và bốc mùi. Vậy nên người Việt Nam mình mới thờ cúng người chết vì sự thờ cúng đó hướng đến cái tinh hoa của ông bà tổ tiên quá cố, đến cái thiêng liêng đến cái linh quang trong họ, đến những vị thần mà họ sẽ trở thành. Trừ những người độc ác với đồng loại và tự nguyện làm công cụ cho ma quỷ thì dì không nói, còn phần lớn người chết sau một thời gian thanh luyện và nhận ơn cứu rỗi đều sẽ thành thần và sống bên cạnh chúng ta mà chúng ta không biết và không thấy như hiện giờ con thấy dì ngồi kể bên con.”

Lúc đó Ngọc Thu mới chợt nhớ cụ già này không phải người trong làng nhưng cũng không phải là lạ. Cụ giống như bà vợ của lão Thổ khi còn sống. Nhưng một tiếng sấm gầm từ xa trong mưa làm ý tưởng nàng đứt đoạn trong lúc bà cụ nói tiếp:

“Nhưng nè Thu, chỉ có người đạo Chúa (ôi con lạy Ngài!) mới biết Thần

Tối cao, thần-của-các-thần mà thôi và chỉ có họ mới có lời cảm ơn tối hậu, trong khi người lương chỉ biết cảm ơn ông bà cha mẹ hoặc vua hiền và nguyên rủa vua ác. Và thái độ đó có cái gì đó dễ khiến người lương trở nên bạc bẽo với các thần vì quên mất Thần Tối Cao... Nhưng mà thôi, dì phải đi đây có người đang chờ dì cùng đi.”

Bà cụ nói và chỉ tay vào hướng tây trong mưa nơi có dãy nhà phố chợ nằm trên con đường trải đá sỏi dẫn ra bờ sông Nguyệt. Dù cố nhìn qua màn mưa lúc này còn thưa, Ngọc Thu cũng không trông thấy một ai.

Bà cụ đi rồi, nàng lấy gô cơm ra ăn và quyết định dọn hàng về sớm, lòng tự nhủ có nán lại cũng không bán thêm được gì trong buổi chợ chiều mưa dầm ướt át, lầy lội. Mười ngày trước, Khánh Loan đã về nghỉ hè. Sau đó ít hôm gia đình Huỳnh Hiến đã đến xin hỏi cưới Khánh Loan. Cả hai bên thống nhất hè sang năm sẽ tổ chức đám cưới cho đôi trẻ. Tình yêu kiên trì và quảng đại của Huỳnh Hiến sau cùng đã được đáp lại. Hiện tại Khánh Loan ở lại chơi với mẹ; tháng sau sẽ trở lại Đà Nẵng ở nhà bà nội để học cho xong năm cuối trường sư phạm, sau đó là theo chồng.

Thấy mẹ đang cởi nón và áo mưa ngoài hiên nhà, Khánh Loan vội bước ra phụ xách hai giỏ cói đầy hàng vào nhà rồi nói với mẹ vẻ hân hoan:

“Mẹ ơi, chị Khánh Dung đã về rồi mẹ, chị ấy cải trang và dùng căn cước giả làm con không nhận ra...”

“Có thật vậy không con. Con không gạt mẹ chứ?”

“Thật chứ, con đâu dám dối gạt mẹ. Sáng nay lúc mẹ bán hàng ở chợ, chị ấy về nhà kể chuyện với con sau đó gần đến trưa chị Dung nói qua nhà dì Mỹ Xuân tối sẽ về lại nhà mình.”

“Sao chị Dung phải vội qua nhà dì Xuân vậy?”

“Chị ấy nói để báo tin cho dì Xuân hai anh Huy Khang và Mạnh Cường vẫn còn mạnh khoẻ trong cứ.”

“Ờ cũng phải,” rồi Ngọc Thu nói tiếp, “Mẹ cảm ơn Trời Phật vì sau cùng con gái của mẹ đã về; lần này mẹ sẽ không cho nó đi đâu hết.” Trên khuôn mặt buồn của người mẹ đã hiện ra một nụ cười tươi, bà nói tiếp, “Lát nữa bớt mưa con qua kêu nó về sớm để mẹ gặp chị con nghe.”

“Vâng, bây giờ mẹ thay đồ rồi nghỉ đi để con nấu bữa cơm chiều cho.”

Ngọc Thu ừ một tiếng, thay đồ rồi đến ngã lưng vào cái võng. Cái mát lạnh trong không khí mau chóng đưa nàng vào giấc ngủ, nhưng nếp nhăn căng thẳng trên khuôn mặt nàng trở nên thư giãn. Nàng thấy lại trong mơ Châu phu nhân kêu nàng trên bờ sông Nghiệt sau lưng nàng cách xa một quãng là Khánh Dung đang khóc lóc gọi nàng trở lại.

Bên bếp đất đốt bằng những thanh củi khô, Khánh Loan ngồi nhìn ngọn lửa lay động chập chờn dưới nồi cơm bằng gang. Nàng khoanh tay trên đầu gối nhớ về Huỳnh Hiến. Nàng nghĩ mình đã làm đúng khi đính ước với Huỳnh Hiến ngay khi nhận được thư của Mạnh Cường mà ngày về không hẹn trước. Dĩ nhiên có một lúc có vẻ họ đã yêu nhau khi cùng nhau chống chính quyền Sài Gòn nhưng sự bông bột ấy không đủ để trở thành một tình yêu bền vững. Sáng nay khi kể lại chuyện trong cứ, chị Khánh Dung có nói khi gặp được Hoà Thượng Thích Vô Hậu trong cứ, Mạnh Cường quyết chí nổi nghiệp hoà thượng, sẽ không cời áo nhà tu để về với nàng sau này như đã hứa hẹn. Chị Dung còn kể lại câu nói mà Mạnh Cường nói riêng với Huy Khang, “Tại sao mình lại phải cời áo nhà tu khi mình vừa có thể tu-hành-đại-khai, vừa dan díu với phụ nữ, như một thiền sư ăn thịt cây nhưng vẫn ngang nhiên nói mình đã đạt đến chỗ phá chấp...” Rồi Khánh Loan thở dài tự nhủ, “Mình không ngờ anh ta lại thô bỉ đến thế!” sau đó nàng lại nói tiếp với mình, “Mình cũng không ngờ chị Khánh Dung vào cứ lại yêu Huy Khang và hình như chị ấy đã có thai ba tháng.”

Lúc đó Khánh Dung đang ở nhà dì Mỹ Xuân cùng với cậu út có tật chân nhưng không có dì Xuân ở nhà. Trong khi ngồi đợi, cô nghe nhạc vàng từ cái máy radiô. Sau đó chán nhạc cô lấy một cuốn truyện tình cảm có sẵn trên bàn để đọc. Cô định sẽ thưa thật với dì Xuân về chuyện cô với Huy Khang đã thành thân trong cứ. Cô đã mang thai và sẽ về đây để sinh nở, nuôi con với cái tên giả và giấy tờ giả, đồng thời đợi ngày Huy Khang về lại khi đất nước đã hoàn toàn được “giải phóng” mà theo Huy Khang nói trước khi ra Bắc là sẽ không lâu. Cô ngồi đợi hết buổi sáng mà chưa thấy dì Mỹ Xuân về. Bên ngoài mưa vẫn rơi đều như muốn làm thối đất.

Sáng nay lúc chín giờ rưỡi Mỹ Xuân đã đội mưa lên chùa đem cho vị sư trụ trì một món chay mà đích thân nàng nấu. Kể từ khi làm lễ cầu siêu cho Võ

Tấm ở chùa, nàng đã đem lòng yêu mến nhà sư ấy bởi câu an ủi của ông này:

“Thầy thấy thiện nữ không nên dính bén chuyện trần duyên nữa, vì sau ba lần xuất giá thiện nữ đều gặp cảnh tử biệt cùng chồng. Thầy nghĩ phải an ủi con trong lúc khó khăn này và những ngày sắp tới.”

“Vâng, xin cảm ơn thầy,” lúc đó Mỹ Xuân đáp lại vì ba lần chồng chết đều nhờ nhà sư này cầu siêu, hình như pháp danh của ông ta là Thích Mục Nhiên.

Thật ra Thích Mục Nhiên, đã thích Mỹ Xuân từ lần đầu làm lễ cầu siêu cho Bảy Long vì nhan sắc của nàng cả sự nóng bỏng nữa, nhưng lúc đó thấy Văn Cám theo sát nàng với tình ý lộ liễu nên thôi. Và lại lúc đó nhà chùa còn nghèo, sư chưa có nhu cầu hưởng thụ đàn bà. Năm năm sau sư có ngay một thiện nữ trẻ tuổi hơn Mỹ Xuân dù không đẹp bằng nàng. Rồi khi cô này bỏ đi lấy chồng hoặc qua xứ khác làm ăn, sư có ngay cô khác. Nhưng chỉ gần đây sư thấy cảm thương cho sự trắc trở trong hôn nhân của Mỹ Xuân. Sư quyết thực hiện câu ca dao: Dù xây chín đợt phù đồ/ Không bằng làm phước cứu cho một người. Và lại giờ đây sư có đủ tài chánh để bảo bọc cho nàng. Vì thế vừa qua sư đã thốt ra với nàng những lời an ủi đầy gợi ý yêu đương.

Trong phòng khách, sư nhận liền thức ăn giao cho nhà bếp, sau đó mời Mỹ Xuân ở lại thọ trai trong trai đường từ chánh điện đi qua một hành lang có mái che. Trong lúc chờ đợi dọn ăn, sư dẫn nàng đi xem thư phòng nơi sư nghiên cứu Phật học. Thình thoảng họ lại dừng lại nhìn nhau âu yếm.

Trong phòng thọ trai, Mỹ Xuân ngồi ăn chung với một người đàn bà có bà con với sư mà sư gọi bằng dì út. Ăn xong dì út cáo lui; các chú tiểu đã dọn dẹp nhà ăn và đã về phòng riêng nghỉ ngơi, hai người vẫn còn ở lại trai đường đóng kín cửa vì sợ mưa hắt nước. Trong lúc rót thêm nước trà ra tách, sư Mục Nhiên dùng ngón chân cái bên trái vẽ trên nền nhà một đường ruột gà gồm ba con số không xoắn lại với nhau kết thúc bằng một đường gợn sóng. Cùng lúc đó nhà sư miệng nhắm một câu thần chú cho mỗi vòng tròn mà sư dùng ngón chân khoán trên mặt đất, ám chỉ sự trống rỗng sẵn sàng của thân-khẩu-ý. Mỹ Xuân không nhận thấy điều đó vì nàng đang bận

rộn với việc lột trái cam sành cho sư ăn tráng miệng.

Chỉ khi uống xong ba ngụm nước trà nàng thấy tâm trạng trống rỗng như bị hút hẫng nhưng lâng lâng khó tả, cùng với tâm trạng ấy là sự ham muốn lạc thú trào dâng. Mục Nhiên nắm chặt tay nàng – lúc này đã hoàn toàn thụ động – kéo xuống sàn nhà lát gạch tàu trên chính nơi sư vẽ bùa bằng ngón chân; sư nói:

“Hôm nay để thầy an ủi thiện nữ lần đầu cũng để thiện nữ biết được cái tâm của thầy dành cho thiện nữ.”

Sau đó trên tấm y đầy trái lên nền gạch tàu, Mỹ Xuân nghĩ mình sắp dâng hiến cho sư thay vì bị cưỡng dâm vì nàng không biết có bùa mê trong tách nước. Nàng nói,

“Em xin thỉnh ý thầy...xin thầy ban phước...”

Rồi hai người nam nữ bắt đầu quần thảo. Để khai mào cái đầu của nhà sư như trái banh gai lăn tròn giữa hai đùi trắng mịn của Mỹ Xuân và dừng lại trước cửa hang “cắc có”. Cảm giác hưng phấn ấy khiến Mỹ Xuân có ý nghĩ, “Mình sẽ dùng tình yêu để lôi kéo sư trụ trì chùa Từ Duyên theo đảng, biến ông ta thành một cán bộ trung kiên của đảng...ôi...a” Lúc đó Mục Nhiên đã đi sâu vào đối tác và gục đầu vào bộ ngực căng tròn của nàng với động tác nhịp nhàng như sóng nước vỗ bờ. Mục Nhiên nỗ lực lấp đầy sự trống rỗng và khát ái của Mỹ Xuân bằng những dòng chảy cảm xúc mạnh mẽ tràn ngập châu thân, và trong thao tác ấy tiếng họ kêu rên hỗn hển hoà cùng tiếng mưa rả rích bên ngoài. Nhân có tiếng sét nổ sấm vang vọng lại cùng lúc với chấn động sau cùng và tột đỉnh của nhục cảm, Mỹ Xuân đã vận mình hét lên như cộp cái (giống một thiền sư hét lớn để làm đệ tử tỉnh ngộ), còn Mục Nhiên thều thào “Như thị, như thị...”. Mỹ Xuân càng thêm sướng khoái khi qua nét mặt đối tác, dường như nàng đã làm cho chàng ngộ được một điều gì đó... Cơn mưa bên ngoài vẫn còn dai dẳng như báo hiệu một cơn lũ lớn sẽ quét qua làng này. Quan hệ vụng trộm của Mỹ Xuân với Mục Nhiên đã bắt đầu từ cơn mưa báo lũ hôm đó. Ngọn lửa ái dục trong lòng nàng được nhà sư khơi dậy để gây tàn hại cho chính nhà sư.

Đến gần ba giờ rưỡi chiều, Mỹ Xuân mới về đến nhà, trong lòng vô cùng mãn nguyện tưởng chừng đã đặt một chân vào Niết bàn dù một chân vẫn

còn trong cõi tục. Mấy tháng sau Mỹ Xuân đã làm cho Mục Nhiên mê mẩn. Đó là lúc nàng bắt đầu nhuộm đỏ nhà sư. Ông này cũng đã đổi khác cách tu hành mà không hay biết. Thay vì tinh cần tu tập để đi từ chân không (của thế gian) đến diệu hữu, ông đã đảo ngược đường tu và đi từ diệu hữu (của chánh pháp) đến chân không. Những lúc khát ái với Mỹ Xuân mà nàng chưa kịp đến, ông cảm thấy xao xuyến trống rỗng. Kinh kệ chống chông cũng không làm tâm ông an định...

Về đến nhà, Mỹ Xuân gặp ngay Khánh Dung đang đọc truyện. Khánh Dung không chần chừ kể cho Mỹ Xuân nghe chuyện trong cứ. Mỹ Xuân rất mừng: con trai và cháu trai của nàng vẫn còn mạnh khỏe. Qua câu chuyện, Mỹ Xuân biết được Khánh Dung đã ăn ở với Huy Khang và trở thành dâu con của nhà này. Lúc đó Khánh Dung nói:

“Anh Khang có nhờ cháu chuyển cho dì bức thư này...”

Rồi cô lấy trong túi áo bức thư viết trên giấy tập đưa cho Mỹ Xuân. Dì Xuân vừa đọc vừa nghe dư vị của cảm giác khoái lạc còn âm vang trong người. Bức thư báo cho biết việc Mạnh Cường và Huy Khang sẽ ra Bắc một thời gian, rồi những lời quyết đoán ngày về vinh quang trong chiến thắng của CS. v.v... Cuối cùng bức thư viết:

“Sở dĩ cháu thay anh Cường viết bức thư này vì một vấn đề riêng của cháu và Khánh Dung. Chúng cháu đã ăn ở và kết nghĩa vợ chồng; hiện nay Dung đang mang trong người một giọt máu của cháu và phải về nhà chờ ngày sinh nở. Cháu nhờ dì cùng với mẹ Khánh Dung chăm sóc cô ấy thay cháu để đến ngày sinh sẽ được mẹ tròn con vuông. Cháu rất mang ơn dì ...”

Mỹ Xuân đọc xong lời chào cuối thư, mỉm cười hỏi Khánh Dung:

“Có thật cháu và thằng Huy Khang đã nên vợ chồng và cháu sắp có con không?”

“Dạ phải...” Khánh Dung bẽn lễn nói.

“Vậy thì tốt quá, dì sẽ giúp đỡ cháu trong lúc Huy Khang vắng nhà. Cần gì thì cháu cứ chạy qua đây nói với dì. Rồi dì cũng sẽ gặp mẹ cháu để trao đổi về việc này.”

Mỹ Xuân giữ Khánh Dung ở lại cùng nấu và ăn cơm chiều mãi đến tám giờ tối Khánh Dung mới về lại nhà mẹ nàng.

@@@

Vừa thấy con bước qua cửa rào, Ngọc Thu chạy ra ôm chầm lấy con nước nỡ, ba mẹ con vào nhà trò chuyện đến chín giờ thì Khánh Loan vào giường ngủ trước. Nửa giờ sau, Ngọc Thu cũng định vào giường, Khánh Dung giữ mẹ lại và nói:

“Con xin mẹ nán lại để con thưa với mẹ chuyện này...”

“Chuyện gì vậy Dung?”

“Con xin lỗi mẹ vì đã tự tiện sống chung với Huy Khang trong cứ và hiện nay con đã có thai gần ba tháng rồi mẹ.”

Ngọc Thu nghe như bị sét đánh bên tai, nàng kinh hoàng, choáng váng. Về mặt thất thần ngơ ngác, âm thanh lạc giọng, nàng cố hỏi con:

“Con muốn nói đến thằng nào? Con của dì Xuân hay con của dì Đông?”

Khánh Dung bàng hoàng lo sợ không hiểu phản ứng lạ lùng của mẹ, cô đáp nhỏ trong miệng:

“Dạ con của dì Đông...”

Chưa hết câu, mẹ cô đã kêu trời, hai tay đập xuống bàn gỗ mốc meo khóc lóc:

“Không được rồi con ơi, ông Trời trừng phạt mẹ rồi Dung ơi. Con và thằng Khang đó là hai anh em cùng cha khác mẹ. Cha con không phải là ông mà mẹ thờ trên gác mà chính là cha của thằng Khang...”

“Mẹ nói dối con...”

“Mẹ có lỗi vì đã không cho con biết sự việc này sớm hơn bởi mẹ không đủ can đảm và cũng không ngờ...có sự loạn luân này”

Lúc này khuôn mặt Khánh Dung đanh lại, một nỗi giận dữ trào lên cùng với lòng thù hận mẹ cô, cô nói :

“Thôi đủ rồi mẹ, con không dễ dàng buông bỏ hạnh phúc làm mẹ và làm vợ của con đâu. Ờ, loạn luân thì sao nào, cả hoàng tộc triều nhà Trần đều mắc tội loạn luân khi người trong họ lấy nhau để bảo vệ ngai vàng cho dòng họ. Đó chẳng phải là tấm gương loạn luân cho bá tánh lê dân hay sao. Thế mà bây giờ người ta chỉ nước nỡ khen Phật giáo Lý Trần hưng thịnh mà không

chê trách sự loạn luân ấy một lời... Cứu cánh biện minh cho phương tiện mà ... Hoá ra những gì Hàn Dũ nói về Phật giáo là đúng...”

Nghe con nói một hơi như phát cuồng, Ngọc Thu tuột xuống ghế quỳ trước mặt con, ôm lấy hai đầu gối con kêu xin:

“Mẹ van xin con một điều thôi: con hãy bỏ xứ này, hãy đi khỏi đây. Con muốn giữ lại hay bỏ đứa con trong bụng là tùy con nhưng con đừng bao giờ gặp lại Huy Khang nữa. Mẹ sẽ đưa con hết số tiền mẹ dành dụm để lo đám cưới cho em Loan, con cầm lấy và đi qua xứ khác ...”

Rồi Ngọc Thu khóc nức nở. Nước mắt ấm làm ướt hai đầu gối của Khánh Dung. Cô này gần giọng nói tiếp:

“Để giữ sĩ diện cho bà và chồng bà chứ gì. Sự tàn ác đi liền với sự dối trá chẳng phải là mặt trái của chính nghĩa mà bà và ông ta đã theo đuổi hay sao?”

“Không phải vậy đâu, mẹ và ông ấy đều lầm...” Ngọc Thu càng nức nở, “Mẹ van xin con đây: con người có thể chết, nhưng lương tâm không thể chết. Liệu con có hạnh phúc không khi phẩm giá và lương tâm trở thành bữa tiệc cho bầy quỷ dữ...”.

Sau đó là một khoảng khắc yên lặng đáng sợ giữa hai người trong lúc cơn mưa ngoài trời đêm mỗi lúc một to và hình như nước đã tràn vào nhà bếp. Sau cùng, Khánh Dung đứng phắt dậy khiến mẹ cô bật ngửa, ngồi bệt xuống sàn nhà, cô xẵng giọng nói:

“Được rồi, tôi sẽ đi khỏi làng này, tôi sẽ lấy chồng khác cho bà vui lòng, nếu không ai thèm lấy tôi, tôi sẽ đi làm đĩ cho bà vui lòng. Nhưng từ nay tôi cấm bà nhắc đến chuyện này với bất kỳ ai.”

Rồi cô vào phòng nơi Khánh Loan đang ngủ say, gài chặt cửa lại, sùi sụt khóc trong bóng đêm. Một lúc sau cô nghe thấy tiếng mẹ cô chậm chạp đi lên gác, và tất cả chìm vào im lặng ngoài tiếng mưa đêm to dần cùng gió mạnh.

Sáng hôm sau khi Khánh Loan dậy, cô thấy nước lũ đã ngập vào nhà đến nửa ống chân. Đã hẳn cả làng đang bị lũ lụt vì nhà cô ở nơi tương đối cao ráo trong làng. Cô chạy lên gác gỗ nơi có đặt bàn thờ của cha cô để tìm mẹ cô. Bà không có trên đó, vậy bà đi đâu? Cô chạy xuống kêu chị cô mà tối

hôm qua đã gặp ác mộng vì có lúc Khánh Dung đã kêu ú ớ như khóc và quơ đập vào người cô.

Khánh Dung uể oải thức dậy và tái mặt khi nghe nói mẹ cô không có trong nhà. Hai người vội bê bao gạo và ít lương thực đem lên gác để tránh lũ lụt rồi chạy ra cổng rào. Lúc đó một chiếc ca-nô nhựa cấp cứu chạy qua. Khánh Loan kêu lại và nói với bốn thanh niên mặc áo mưa trên ca-nô,

“Sáng nay mẹ tôi mất tích rồi các anh ơi...”

“Bà tên gì, bao nhiêu tuổi rồi?” một thanh niên trên ca-nô hỏi.

“Dạ tên Ngọc Thu, ngoài bốn mươi tuổi rồi.”

“Thôi được các cô vào nhà đi chờ thuyền cứu nạn đưa đến đồi Keo. Tụi tôi sẽ báo các nơi tìm mẹ cô cho,” thanh niên đó đáp lại, trong lúc một thanh niên khác nói:

“Như vậy làng này có năm trường hợp mất tích trong lũ, hai thiếu niên, hai người già và mẹ cô này.”

Chiếc ca-nô sau đó chạy về hướng bờ sông tìm người. Chiều hôm đó hai chị em Khánh Dung và Khánh Loan được thuyền cứu nạn đưa đến đồi Keo, một nửa làng đã được đưa đến đó tránh lụt. Ngay chiều hôm đó thức ăn cứu trợ cũng đã được mang đến.

Hôm sau buổi chiều trời bắt đầu ngừng mưa, Huỳnh Hiến theo phái đoàn cứu trợ của tỉnh cũng đã đến, theo một chiếc trực thăng chở lương thực. Khánh Loan mừng gặp lại chàng, mắt rưng rưng lệ, nàng nói với vị hôn phu:

“Mẹ em mất tích hai ngày rồi anh ơi, lúc nước bắt đầu ngập cả làng.”

“Mấy chiếc ca-nô cấp cứu chưa báo lại gì sao?” Huỳnh Hiến băn khoăn hỏi,

“Dạ chưa ”

“Vậy để anh nhờ bộ đàm của phi cơ trực thăng hỏi về huyện xem sao...”

Chàng rời nàng đi bộ về chỗ trực thăng đậu. Trong lòng chàng một mối thương cảm dâng lên dào dạt khi gặp lại Khánh Loan giữa cảnh thiên tai trong đồ bộ cũ nát, đầu tóc rối tung và khuôn mặt thâm sẫm, hoàn toàn khác với cô dâu điểm trang xinh đẹp trong đám hỏi vừa qua. Đây cũng là lần đầu

chàng gặp lại chị Khánh Dung kể từ ngày chàng theo gia đình về Đà Nẵng. Một lát sau chàng quay lại thở dài nói với người yêu:

“Ở huyện nói đội cấp cứu chưa có báo cáo gì về trường hợp của mẹ em, ngoài trường hợp vớt được ba thiếu niên bị nước cuốn đi, hiện nay mấy ca nô cấp cứu vẫn còn tiếp tục tìm kiếm.”

Hai chị em bàng hoàng khi nghe có ba thiếu niên đã chết trong trận lụt. Một lúc sau khi việc chuyển hàng cứu trợ khỏi máy bay trực thăng đã làm xong, Huỳnh Hiến nói cùng Khánh Loan:

“Anh phải về thị xã, sáng mai anh lại xuống nếu không có máy bay anh sẽ theo ca-nô xuống đây cùng em đi tìm mẹ.” nói xong chàng và Khánh Loan lưu luyến chia tay.

Trưa hôm sau lúc nước lũ bắt đầu giụt xuống, Huỳnh Hiến đến trên một ca-nô có hai thanh niên cùng đi. Chàng chạy lên đồi kéo Khánh loan cùng đi theo. Chiếc ca-nô chạy ra hướng bờ sông. Qua một khúc quanh sông, một thanh niên trên thuyền thấy bong bênh trên mặt nước cái áo màu xanh ngọc ở một cái cọc ngư dân dùng để đóng vó. Ca-nô chạy chậm lại ghé vào. Một thanh niên có mặc áo phao nhảy xuống bơi lại gần. Đó là xác chết một phụ nữ nằm ngửa mặt trên mặt nước đã bắt đầu chường phình. Khánh Loan nhận ra ngay mẹ cô, cô gào khóc, định nhào xuống nước nhưng Huỳnh Hiến đã kịp thời giữ lại, “Mẹ ơi, làm sao mẹ lại ra nông nổi này...” Ngọc Thu đã được vớt lên ngay chính chỗ mà Châu phu nhân ngày trước được dân làng vớt lên từ bè tre thả trôi sông. Chiếc ca-nô đưa xác về đồi Keo, tẩn liệm vào quan tài, chờ khi nước rút sẽ đưa về chôn trong vườn nhà của gia đình. Hai cô con gái của người chết khóc lóc thảm thiết, người quen biết trong làng, đặc biệt gia đình Mỹ Xuân thay phiên nhau an ủi. Mỹ Xuân nói riêng với Khánh Dung:

“Hay là sau đám tang con qua nhà dì ở cho tiện việc dì chăm sóc cho con...”

Khánh Dung ậm ừ không nói. Một vài người quen lớn tuổi trong làng nói:

“Không ngờ cơn lũ này đã cướp đi một người phụ nữ xinh đẹp và tốt bụng trong làng”. Ai cũng cho rằng đây là tai nạn thương tâm.

Hai ngày sau ngay khi nước vừa rút xuống để lộ mặt đất, quan tài được đưa

về nhà. Huyệt đã đào bên hông nhà cách nhà năm thước nhưng đã mau chóng thành một hồ nước. Hôm mai táng, đạo tì tát nước dưới huyệt lên trước khi hạ quan tài xuống, nhưng chỉ một vài phút sau nước trong huyệt lại dâng lên. Sau cùng hai anh đạo tì phải đứng hẳn trên nắp quan tài để xuống trong lúc ba anh khác lấy những bao cát chất lên để quan tài chìm xuống đẩy nước từ đáy huyệt tràn ra. Sau đó năm thanh niên vội vàng xúc đất ướm lấp lên quan tài, làm thành một nấm đất nhỏ trên cắm một bia mộ tạm bằng gỗ sơn chữ. Khánh Loan khóc lóc nức nở, còn Khánh Dung sụt sùi, dường như cô còn ngỡ không hiểu tại sao cô vừa về đến nhà có mấy ngày, tai nạn đã xảy đến với mẹ cô. Khi đã chôn cất xong người chết, những láng giềng cũng lặng lẽ rút lui. Mỹ Xuân đi cùng em trai út khắp khiêng đến dự lễ mai táng cho người bạn gái, trên đường về vừa lau nước mắt vừa tự nhủ, “Mình có nên cho Đức Lai ở Côn đảo biết tin này không, hẳn nó sẽ buồn vô hạn khi được tin Ngọc Thu bị chết trôi trong trận lụt...”. Rồi Mỹ Xuân nghĩ bụng, “Tối nay mình sẽ đến chùa Từ Duyên để sư Mục Nhiên an ủi mình trong nỗi đau buồn mất người bạn gái thân thiết từ khi còn là con gái ... Ôi thật tuyệt vời khi cùng với những lời an ủi đại loại sinh lão bệnh tử là điều không thể tránh khỏi, thầy sẽ dìu mình vào khoái lạc giữa cảnh tịch mịch của không môn ngào ngạt hương trầm...”

Huỳnh Hiến ở lại với hai chị em đến chiều rồi theo xe làm công tác về lại Đà Nẵng. Tối hôm đó khi thắp nhang và cúng cơm cho mẹ trên gác, Khánh Dung chợt thấy dưới chân bàn thờ một tờ giấy học trò với nét chữ của mẹ cô. Cô cầm lên, bàn tay run run, đọc bức thư tuyệt mệnh mà mẹ cô đã để lại cho cô trong đó có đoạn viết:

Dung ơi, mẹ có lỗi khi không cho con biết sự thật về con sớm hơn[...] Thời gian gần đây, mẹ như người mất trí nhất là sau khi nhìn thấy cảnh tàn sát dân thường dã man ở Huế. Rồi mẹ hiểu ra rằng trước đây mẹ, cha con và cha Loan đã mắc nhiều sai lầm bắt đầu từ khi mẹ và các bạn của mẹ đã “xe duyên làm tướng cướp”. Và mẹ chỉ muốn chết vì chỉ có cái chết mẹ mới bày tỏ hết lòng mẹ yêu thương các con đến mức độ nào, cả lòng yêu thương mà mẹ luôn có với các bạn cùng một thế hệ với mẹ vì xét cho cùng họ đều

là nạn nhân của một ý thức hệ tàn bạo [...] Tập đoàn thống trị ở Hà Nội đã hiến thân làm tỳ thiếp cho Nga- Tàu mà hai tên ác ôn này không phải mất tiền cưới hỏi.

[...] Bây giờ mẹ sắp đi tìm cái chết trong dòng sông Nghiệt để tự giải oan và lời sau cùng mẹ van xin con là con hãy đi thật xa khỏi mảnh đất bị nguyên rửa này, hãy quên quá khứ của con đi vì nó đã bị hoen ố bởi lòng thù hận mà mẹ thấy rất rõ qua việc “họ” tàn sát đồng bào vô tội ở Huế. Có như thế mẹ mới yên lòng ở bên kia thế giới. [...] Mẹ hôn hai con và nói lời vĩnh biệt.

Khánh Dung nằm phủ phục than khóc trên sàn gỗ căn gác trước bàn thờ, tay nắm chặt bức thư. Điều cô nghi ngờ và không dám nói ra với một ai bắt đầu từ việc cô và mẹ cô cãi nhau trong đêm thì nay đã rõ như ban ngày: mẹ cô không chết vì trận lũ mà bà đã chủ tâm đi tìm cái chết. Cô thốn thức mãi nhưng em cô ở nhà dưới đã ngủ say sau một ngày mệt nhọc. Sau cùng cô cũng vật mình ra, đôi mắt sưng, khuôn mặt lem luốc, co ro nằm ngủ thiếp trước bàn thờ với ngọn đèn dầu leo lét.

Sáng hôm sau cô giặt mình tỉnh dậy khi trời còn mờ sáng, cô đi xuống chợ huyện đến tiệm thuốc bắc và trở về đi thẳng lên gác trong lúc em cô Khánh Loan đang giặt giũ và dọn dẹp rác bẩn tràn vào nhà trong cơn lũ vừa qua. Nửa giờ sau khi nghe tiếng kêu rên, Khánh Loan chạy lên và trước mắt cô này là chị cô quần bê bết máu, đang ôm bụng quằn quại.

“Chị sao vậy, sao máu me đầy quần thế này”

Khánh Dung mà khuôn mặt đã tái nhợt, trán vã mồ hôi nhớp nháp, thều thào nói:

“Chị phá thai trong bụng chị?”

“Tại sao chị lại làm điều hung ác đó?”

“Vì mẹ nói chị và Huy Khang là hai anh em ruột. Em đọc đi...”

Khánh Dung lấy bức thư từ túi áo đưa cho em. Đọc xong cô này thở dài nói:

“Thế này là thế nào hỡi Trời... Nhưng bây giờ em phải kêu bà mụ ở trạm

xá đến để giúp chị cầm máu. Chị không được làm điều gì rồ dại nữa đây.” Nói xong cô đi ra dắt chiếc xe đạp dính đầy bùn vì lũ, may mà còn chạy được.

Nửa giờ sau Khánh Loan cùng với bà mẹ đến nhà. Bà lau rửa và trong một miếng bông to Khánh Loan trông thấy một cục thịt đỏ máu, nhầy nhớt, lộn cợn. Bà mẹ vừa làm vệ sinh vừa nói:

“Cô ăn uống và đi đứng thế nào mà cái thai bị hư như thế này?”

Hai chị em đều làm thinh không nói. Bà mẹ nhanh nhẩu nói tiếp:

“À tôi biết rồi, mẹ vừa mất nên buồn khổ mới ra nông nổi này chứ gì?”

Hai chị em lại im lặng. Khánh Dung rên khẽ vì đau đớn không đủ hơi sức để trả lời. Khánh Loan chưa hết bàng hoàng, ngơ ngác trước những tai ương dồn dập trong một tuần qua.

Trước khi ra về, bà mẹ chích cho Khánh Dung hai mũi thuốc có lẽ để cầm máu và chống nhiễm trùng. Bà hẹn hôm sau lại đến. Mười ngày sau Khánh Dung đã khoẻ lại nhưng một nỗi buồn xa vắng và khó tả vẫn cứ ở lại trên khuôn mặt cô và có lẽ sẽ lưu lại mãi cho đến cuối đời.

@@@

Sau đó đúng một tuần, hai chị em khóa cửa nhà giao chìa khóa cho dì Mỹ Xuân, đồng thời nhờ em út của Mỹ Xuân xây mộ cho mẹ bằng xi măng, với tấm bia đúc chắc chắn, rồi cả hai quay về Đà Nẵng ở nhà bà nội Khánh Loan. Cả nhà bà Trình mừng rỡ khi đưa “cháu gái” Khánh Dung đã bỏ cử về thành dù có buồn cho hai cháu bị mất mẹ bởi thiên tai. Khánh Dung còn nói sẽ về Sài gòn sống cho xa cái quá khứ làm VC của cô. Chú út Tuấn Nghĩa viết một thư tay gửi gắm cháu gái Khánh Dung cho một người bạn làm giám học của trường Sao Mai, một trường tư ở Sài gòn. Khánh Dung đã gặp may vì có nhiều cô gái từ quê lên thành phố tránh chiến tranh phải làm những công việc xấu như gái bán ba, vũ nữ, hoặc những việc bậy bạ khác.

Đến đất Sài gòn, Khánh Dung được nhận ngay vào làm cô giáo cho trường Sao Mai. Sau một năm đã ổn định công việc, cô dành buổi tối để đi học thêm Anh văn tại một trung tâm Anh ngữ, ở đây cô đã gặp John Castor,

một trung úy da màu trong ban giáo viên của trung tâm. Anh cũng là người của cơ quan USAID. Họ đã yêu nhau và lấy nhau sau đó hai năm.

Phần Khánh Loan cũng đã thành hôn với Huỳnh Hiến. Ngày cưới của họ phải dời lại bốn tháng sau giỗ đầu của Ngọc Thu, để Khánh Loan có thể giữ tang chí ít là tròn một năm. Vâng, đó là hai gia đình mới và chúng ta cầu mong họ hạnh phúc giữa một đất nước mà chiến tranh và lòng thù hận đã trở thành “di căn” từ thời Trịnh – Nguyễn. Và phải chăng một biểu hiện rõ nhất của lòng thù hận ấy là việc Gia Long cho đào mộ vua Quang Trung và làm nhục thi hài của ông vua vĩ đại này. Và phải chăng, tiếng những cái chày giã xuống xương cốt của thi hài ấy còn vang lên đâu đó trên đầu người dân Việt hôm nay.

Vĩnh An
Dòng sông oan nghiệt
Chương Kết
Sông đời vẫn chảy

Mười lăm năm sau. Một thời gian ngắn của một đời người và còn ngắn hơn nhiều so với thời gian của lịch sử. Vậy ai làm chủ thời gian người ấy sẽ làm chủ lịch sử, và Ai là đấng đã nói rằng “Thời gian là của Ta, Không gian là của Ta” và chắc chắn không phải là người nói rằng, “Thời gian và không gian đều là vô thường và ảo hóa”

Mười lăm năm sau. Buổi sáng Khánh Dung thức dậy với tâm trạng rất sáng khoái, mặc dù đêm qua nhiệt độ ở San Antonio - Texas, Mỹ xuống thấp bất thường. John Caster còn ngủ trên giường bình an và mãn nguyện. Tối hôm qua họ và hai con gái về nhà muộn vì họ đã đi ăn cơm nhà hàng và xem nhạc kịch, sau khi dự thánh lễ ở nhà thờ Cơ Đốc Phục Lâm. Cô đã theo chồng về sống tại nơi này sau cuộc di tản chiến lược 1975, trước thắng lợi chiến thuật của Bắc Việt. Điều được gọi là thắng lợi này sẽ đưa CS Việt Nam vào rọ mà Trung cộng đã làm sẵn vì nó chấm dứt vai trò mở đường mà khối CS đã giao cho tập đoàn CS ở VN.

Tiếng chuông điện thoại reo. Tiếng Khánh Loan ở đầu dây nói:

“A-lô chị Dung hả ...Chúa nhật tới ngày giỗ mẹ, em mời chị và anh Castor đến dự, tụi em đã xin lễ cho mẹ và hai linh hồn của cha chúng ta ở nhà thờ San Andrew, Houston rồi chị ạ”

“Chị cũng định hỏi em về việc này, thì em đã gọi. Được, vợ chồng chị và hai cháu sẽ cùng đến; các con chị và các con em lại được gặp nhau để tình cảm gia tộc của chúng ngày một gắn bó.”

“Tụi em cũng có mời gia đình chú Út Nghĩa đến.”

“Chú ấy đến được không em?”

“Chú nói sẽ cùng gia đình đi xe ca tốc hành từ Florida lên vì chú cũng rất muốn gặp lại anh Huỳnh Hiến mà chú thường gọi là chiến hữu.”

“Chị nghe nói lúc này chú út cũng khá lắm phải không?”

“Vâng, hiện chú là chủ của ba tàu đánh cá loại trung bình, hai đứa con trai đều làm trong bộ quốc phòng trong bộ phận phòng thủ chống tên lửa của Trung cộng và Nga xô.”

“Tốt quá, chị cũng muốn gặp lại thím Thanh Hiên; chắc thím cũng còn đẹp như xưa.”

“Chú út nói sẽ mang cá tươi cho chị em mình làm món gỏi cá. Chú nói sẽ bỏ cá vào một thùng nước đầy kín có bơm ôxy”

“Lấy đâu ra lá để ăn gỏi vậy em?”

“Chị khỏi lo, em đã trồng trong vườn nhà mấy cây lá lốt và lá mơ, lá to bằng bàn tay, còn cây xoài ở góc vườn mới ra thêm một đợt lá non đúng lúc...”

Bên này đầu dây, Khánh Dung bỗng thở dài nói:

“Mỗi lần nghĩ đến mẹ, chị cứ ân hận mãi. Có lẽ mẹ vẫn còn sống với chúng ta nếu chị không làm bậy...”

“Thôi chị ạ, hãy quên đi quá khứ để hướng tới tương lai, trong đó có tương lai của các con mình. Sau cùng em phải tin vào ý Chúa nhiệm mầu đã định cho mẹ như vậy...”

“Em nói cũng phải; khi chị kể lại trong nước mắt câu chuyện của mẹ đã đi tìm cái chết trong dòng sông Nghiệt sau khi đã chứng kiến cảnh tàn sát, chết chóc ở Huế, và hành động sai lầm của chị, anh Castor đã nói, ‘Mẹ chết không vô nghĩa đâu em, bà chết để lương tâm bà không chết. Một cái chết bảo vệ lương tâm’. Em thấy đó, anh ấy rất quảng đại.”

“Em cũng đồng ý với anh Castor về mẹ....” Rồi bên kia đầu dây giọng nói nhanh hơn, “Thôi hẹn chị Chúa nhật tới, bây giờ em phải chở bé Lan đến giáo xứ để nó học giáo lý và học chữ Việt.”

“Phải đó, hẹn gặp lại, chào em.”

Cách đó một nửa vòng trái đất trong một làng nghèo, làng Rí, chiều tối hôm đó, Đức Lai và Sọt Rác nằm lăn ra ngủ trên chiếc chõng tre bên hông nhà sau khi đã uống hết một lít rượu. Từ ngày lão Thổ qua đời và theo yêu cầu của lão trước khi chết, Đức Lai qua nhà Sọt Rác sống như một người anh

kết nghĩa.

Bị thương ở chân trong trận Mậu thân, sau đó bị đưa đi Côn đảo, tâm trạng của Đức Lai lúc nào cũng canh cánh hình ảnh của Ngọc Thu mà anh rất yêu thương. Đến năm 1973 được trao trả tù binh sau hiệp định Paris, Đức Lai được đưa ra Bắc đến năm 1976 về lại làng Rí hưởng lương bộ đội phục viên vì chân đi khắp khiêng giống như thằng em út bị sốt tê liệt của anh. Trong thâm tâm anh lại mừng vì từ nay anh đứng ngoài cái tập thể mà anh rất ghét. Anh thường bỏ hộp chi bộ và thoái thác rằng, “Các đồng chí thông cảm, cái chân tôi bị thương của tôi lúc này hay đau nhức”.

Thế nhưng anh không hề uống thuốc mà chỉ uống rượu. Những lúc nhớ Ngọc Thu, anh bắt thằng Sọt Rác phải ngồi đối ẩm với anh, bắt nó phải nghe anh kể chuyện tình đẹp và rùng rú giữa anh và Ngọc Thu những năm còn chiến tranh. Khi thấy anh khóc và kêu than, “Ngọc Thu ơi, sao em lại đi trước anh và bỏ anh bơ vơ trong biển lửa như thế này... Sao em không rón chờ ngày anh được tha về để chính thức cưới em...” thằng Sọt Rác biết ngay Đức Lai bắt đầu say xỉn và nó giật chai rượu cất đi. Một lúc sau, Đức Lai ngã xuống giường khóc thêm một lúc rồi ngủ. Thằng Sọt Rác dọn dẹp nhà cửa đến mười giờ rồi cũng đi tìm chỗ ngủ. Trong khi chờ giấc ngủ nó không quên nhăm lại kịch bản Chàng Lía mà nó là người biên soạn và sẽ cùng anh trưởng đoàn lâm khốc trong làng tập cho mấy em lễ sinh.

Một tuần sau đúng vào ngày Chúa nhật, buổi sáng lúc mặt trời lên được một con sào, các lễ sinh đã có trên sân đình để tập kịch bản mới là Chàng Lía cướp xác (vợ). Đức Lai cũng có mặt trong số năm ba khán giả vì đây chỉ là buổi diễn thử. Trong lúc ra khỏi nhà và đi khắp khiêng phía sau Sọt Rác, Đức Lai đã lén lấy chai rượu không cho Sọt Rác thấy. Anh ta bỏ chai rượu vào túi quần bộ đội, một cái quần ka-ki xanh rêu đã bạc màu mà anh đem về từ Hà Nội, còn cái nón cối anh đã vứt ở một nơi nào đó sau vườn chỗ bụi tre mạnh tông, kể từ ngày về làng. Bây giờ anh đang ngồi trên bậc tam cấp của đình làng.

Giữa sân đình Sọt Rác cho đặt một thùng giấy to loại để đựng ti-vi, giả làm quan tài có năm người mặc áo đỏ, quần đỏ giữa lưng áo có dán một chữ “binh” là lính. Đội trưởng chỉ huy toán lính của triều đình bước ra sân khấu:

ĐỘI TRƯỞNG

“Anh em binh lính nghe này, đêm nay thằng Lía có thể đến cướp xác vợ nó; anh em phải canh chừng cẩn mật, có gì phải báo động ngay để các cơ binh kịp thời đối phó.”

LÍNH 1

“Thưa thầy đội, Lần trước chúng ta đã lấy xác cha nó để làm kế “điệu hổ ly sơn”, thế mà nó cũng đã liều mạng cướp được xác, lần này nếu nó muốn thì...”

LÍNH 2 nói với LÍNH 1

“Mày đừng nói gờ..., tôi nghĩ thằng Lía không mất công liều mạng để cứu vợ đâu vì so với cha là chữ hiếu thì chữ tình với vợ nhẹ lắm.”

LÍNH 3

“Các anh không biết đấy thôi, con vợ này của nó vừa xinh đẹp vừa ngoan hiền, và tên cũng hay nữa...”

LÍNH 1

“À à, hình như là Ngọc Thổ, con thổ ngọc đấy và tôi nghĩ cái tên Lía không xứng với cái tên vợ nó; Lia lía, lía lia thô kệch quê mùa quá...”

ĐỘI TRƯỞNG

“Tụi bay không cần nghĩ này nghĩ nọ, nói càn nói xiên mà hãy làm đi, hãy vào chỗ của mình mà canh gác đi. Không được ngủ gục đó... thấy động phải cho người báo cáo cho tao biết, nhớ chưa? ”

CÁC LÍNH

“Xin tuân lệnh..”

Các binh lính triều đình tản ra, trong lúc bên ngoài các lễ sinh đóng vai nghĩa quân mặc áo đen thắt lưng đỏ đang chuẩn bị lên sân khấu. Lúc này Đức Lai đã nốc một phần ba chai rượu, gật gù tưởng tượng chàng Lía là

mình và Ngọc Thổ chính là Ngọc Thu.

Tiếng trống sang canh vang lên và có tiếng reo hò:

“Nào anh em hãy xung phong để cướp lấy xác của trại chủ phu nhân ...”

“Xung phong... xung phong...”

CHÀNG LÍA

“Ngọc Thổ ơi, hiền thê của anh ơi, chừ anh đến đưa em về với anh và đến nơi mát mẻ sáng láng...”

Hai bên giao đấu tiếng gươm giáo vang lên trong đêm, chen lẫn tiếng người bị thương kêu la rên rỉ. Một lúc sau có tiếng đội trưởng

ĐỘI TRƯỞNG

“Bình sĩ rút lui để xác lại cho thằng Lía.”

Khi ấy tiếng trống thu quân vang lên, bốn người nữ mặc áo trắng lưng giắt hai cờ đuôi nheo màu trắng giả làm đôi cánh của thiên thần cầm bốn ngọn đuốc sáng bước vào đi một vòng quanh quan tài, một cô xông hương từ một bó nhang thơm, các cô kia tung hoa, rồi các thiên thần dẫn đường cho nghĩa quân khiêng quan tài và tháp tùng quan tài đi ra khỏi sân khấu. Lúc đó nghĩa quân hô vang:

“Chúng ta cùng đưa phu nhân trại chủ về quê hưởng phước.”

Đồng thời dàn cổ nhạc với giọng song ca nam nữ hát điệu xàng xê bài “Về quê hưởng phước”. Bài này do anh Tám Bảnh trưởng nhóm soạn, còn bốn người nữ mặc áo trắng giả làm thiên thần tung hoa là do Sọt Rác chế tuồng đưa vào sau lần nó đi xem hoạt cảnh Giáng Sinh ở nhà thờ huyện. Từ đó nó nói cái lưng gù của nó là chân của đôi cánh bị cắt cụt.

Tiếng vỗ tay vang lên tán thưởng vở diễn của hơn chục khán giả đa số là thanh niên, cùng lúc với tiếng thủy tinh vỡ vang lên.

Cái chai còn đọng ít rượu của Đức Lai đã lăn xuống mấy bậc tam cấp vỡ tung tóe. Đức Lai gục đầu ngã tại chỗ hai tay buông xuôi, mắt khép lại một nửa. Tám Bảnh chạy lại rờ vào mạch máu cổ biết rằng Đức Lai đã chết do đột quy vì xúc động.

Sọt Rác chạy đến sau, ôm lấy Đức Lai khóc nức nở. Khi người ta kéo Sọt Rác ra, tay anh còn nắm chặt một cuốn sách mà Sọt Rác vừa lấy từ túi áo kaki của người anh kết nghĩa của mình. Đó là cuốn Thánh Kinh Tân Ước mà trước 1975 đạo Tin Lành hay phát không cho tín hữu và năm ngoái, Đức Lai đã mua lại của một bà mua ve chai. Sau đó người ta tìm cái võng khiêng anh ta về nhà. Vâng Đức Lai đã theo chân Ngọc Thu yêu quý của anh cùng ngày và cùng tháng dù khác năm. Anh ra khỏi cõi trần đáng chán này mà di căn lòng thù hận làm mê muội lòng người CS bao năm qua trên mảnh đất này... trước sân khấu cuộc đời.

Năm đó Đức Lai hưởng dương 55 tuổi, được Sọt Rác cùng bạn bè chôn bên cạnh phần mộ của Ngọc Thu.

HẾT

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Nguồn:

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 16 tháng 6 năm 2009